

T Á N



TRAGEDY OF Y



TRAGEDY...

ELLERY QUEEN

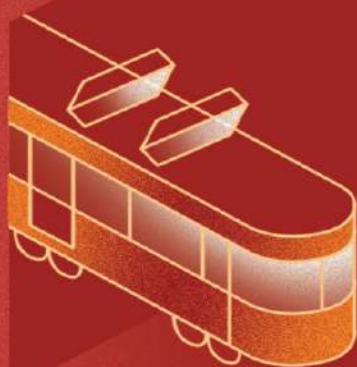
Ngô Anh Tuấn dịch



B I K I C H



X



HUYHOANG

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TẢN BỊ KỊCH Y



Nguyên tác: The Tragedy of Y (1932)

Tác giả: Barnaby Ross

Người dịch: Ngô Anh Tuấn

Nhà xuất bản Văn Học

ebook©vctvegroup

11-09-2018

NHÂN VẬT

- DRURY LANE - Nghệ sĩ kịch Shakespeare đã giải nghệ, có sở thích phá án. Một lần nữa cảnh sát New York phải nhờ ông phá một vụ án mạng bí ẩn chưa có lời giải.
- Thanh tra THUMM - Cương trực, thẳng tính, là thanh tra của đội trọng án thành phố New York.
- Công tố viên WALTER BRUNO - người đồng hành cùng thanh tra Thumm trong việc phá án.
- Bác sĩ SCHILLING - Chuyên gia pháp y của hạt New York; thấp bé, với cặp mắt kiên định chuyên phát hiện dấu vết trên xác chết.
- Gia đình HATTER:
 - YORK - người bố, nhà hóa học, có thể còn viết văn.
 - EMILY - bà vợ độc đoán của York. Cai trị gia đình bằng bàn tay sắt.
 - BARBARA - con gái cả.
 - CONRAD - con trai, nhu nhược và ăn chơi phóng đãng.
 - MARTHA - vợ Conrad, bị chồng ruồng rẫy và bị mẹ chồng chi phối.
 - JACKIE và BILLY - con trai của Conrad; ngỗ nghịch, ngang ngạnh và khôn sớm.
 - JILL - con gái út của York, sống với chữ S viết hoa.
 - LOUISA - mù, câm và điếc. Là đứa con duy nhất mà Emily thể hiện tình yêu thương.

- Bác sĩ MERRIAM - bác sĩ gia đình của nhà Hatter. Năm được mọi thông tin sức khỏe của gia đình này.
- Thuyền trưởng TRIVETT - vị thuyền trưởng nghỉ hưu có mối liên hệ kỳ lạ với một số thành viên nhất định của gia đình Hatter.

NHẬP ĐỀ

*“Những vở kịch như những bữa ăn...
Mở màn là món khai vị nhẹ.”*

CẢNH 1

Nhà Xác

Ngày 2 Tháng Hai

9:30 P.M

Vào một buổi chiều tháng Hai đáng nhớ, chiếc Lavinia D, một con tàu đánh cá xa bờ ương ngạnh xấu xí, đang cười những con sóng Đại Tây Dương trở về đất liền. Nó đã đi qua Sandy Hook, hiện ở gần cảng Hancock, và đang hướng về vịnh Lower. Những bọt sóng bao quanh mũi tàu và tạo thành một vệt dài phía đằng đuôi. Một tấm lưới cũ mềm giăng trên thành tàu, boong tàu thì như một lò mồi hổ lớn bắn thiu, những ngọn gió rét buốt Đại Tây Dương khiến thân tàu rung động, và thủy thủ đoàn đang thầm nguyện rửa tay thuyền trưởng, biển cả, lũ cá, bầu trời xám xịt, và cả bờ biển căn cõi đảo Staten bên mạn trái tàu. Một chai rượu được truyền từ tay người này sang người khác.

Đám thủy thủ đang run lên dưới những tấm áo mưa màu vàng bay phấp phật. Vẻ chán chường, một thủy thủ tựa người trên thanh vịn ngắm những con sóng cồn vẩn màu xanh lục, rồi anh chột sững người lại, cặp mắt như lồi hẳn ra khỏi khuôn mặt đỏ gay, sau đó là một tiếng thét vang trời. Thủy thủ đoàn liền nhìn theo hướng chỉ tay của anh ta. Cách họ khoảng trăm mét là thứ gì đó nho nhỏ màu đen, một thứ không thể nhầm lẫn đi đâu được, chính là một xác người chết trôi trên vịnh.

Cả toán thủy thủ nhảy dựng lên. “Rẽ trái!” người đang giữ bánh lái nghiêng người và chửi thề. Chiếc Lavinia D bắt đầu lượn thành một vòng cung nguệch ngoạc về bên trái, khiến cả đám mỗi ghép vang lên tiếng kéo

kẹt. Nó vòng quanh cái thứ chết trôi kia như một con vật đầy cảnh giác, từ từ vòng lại gần trong dáng vẻ của một kẻ săn mồi. Với vẻ hào hứng và khắp khởi, thủy thủ đoàn vung vẩy những cái móc sắt trong không trung măn mòi, sẵn sàng để tóm lấy con cá lạ lùng nhất trong mẻ đánh bắt hôm nay.

Chỉ mười lăm phút sau, yên vị trong vũng nước tanh ngòm trên phần boong tàu ướt nhoẹt là một thứ mềm oặt, tả tơi chẳng ra hình thù gì, nhưng vẫn đủ thấy đó là một con người. Từ hiện trạng đã bị phân hủy của cái xác, thì người này hẳn đã bị ngâm trong nước biển suốt nhiều tuần rồi. Thủy thủ đoàn chỉ còn biết đứng ngây ra đó trong lặng im. Tay chống hông, chân giạng ra, chẳng ai dám chạm vào cái xác cả.

Thế rồi, với mùi cá tanh và gió mặn trong hai lỗ mũi, cái xác mang tên York Hatter bắt đầu chuyển hành trình cuối cùng của mình. Quan tài của ông ta chính là con tàu bắn thiêu này, người đưa tiễn là một đám thủy thủ bặm trợn thô lỗ, quần áo thì bám đầy vảy cá, còn kinh cầu siêu là những tiếng nguyện rửa của thủy thủ và tiếng gió rít qua eo biển. Cái mũi ướt nhoẹt của con tàu lướt qua làn bọt trắng và neo lại tại một bến tàu gần Battery. Tàu cập bến với một kiện hàng chẳng báo trước từ biển cả. Mọi người nhảy vội xuống tàu, thuyền trưởng la hét đến lạc cả giọng, đám nhân viên bến tàu thì gật gù và ngó qua cái sàn trơn trượt, điện thoại reo lên trong những cơ quan hữu trách nhỏ nhỏ khu Battery. Và York Hatter thì nằm lặng yên dưới một tấm bạt. Cũng chẳng lâu lắm. Một chiếc xe cứu thương lao vội tới. Nhân viên y tế đưa cái xác sũng nước đi. Buổi tang lễ già từ biển cả, và khúc truy điệu là những tiếng còi tàu rền vang. York Hatter được đưa từ mạn dưới Broadway về nhà xác.

Số kiếp của ông ta khá kỳ lạ, và đến giờ vẫn còn là bí ẩn. Vào ngày 21 tháng Mười hai, bốn ngày trước lễ Giáng sinh năm ngoái, người vợ già Emily Hatter đã báo rằng chồng bà ta vừa biến mất khỏi căn nhà riêng tọa lạc trên đường Washington Square North của thành phố New York. Ông ta chỉ đơn thuần là bước ra khỏi cái tòa gạch đỏ nằm trong khối tài sản kếch sù của nhà Hatter mà chẳng có ai đi kèm, cũng chẳng để lại lời nào với ai, rồi cứ thế lặn mất tăm.

Người ta chẳng tìm thấy dấu vết nào về hành tung của ông ta sau đó. Bà Hatter thì không tài nào giải thích nổi sự biến mất của chồng mình, ủy ban tìm kiếm người mất tích đưa ra giả thuyết rằng ngài Hatter đây đã bị bắt cóc hòng đòi tiền chuộc. Ý kiến này bị bác bỏ trên cơ sở là chẳng có tin tức nào được gửi đến gia tộc giàu có của ông ta từ bọn bắt cóc giả định kia. Những giả thuyết khác thì chình ình trên mặt báo: *Ông ta đã bị sát hại*, dẫn nguyên văn lời của một người rằng mọi thứ đều có thể nếu chuyện dính dáng đến gia tộc Hatter. Nhưng họ đã cương quyết phủ nhận điều đó; York Hatter là một người sống chừng mực chẳng làm mất lòng ai, một người kín đáo ít bạn bè và, tính đến giờ, không có kẻ thù nào. Một tờ báo khác, có lẽ dưới sức nặng của lịch sử đầy kỳ bí và sôi sục của nhà Hatter, đã táo bạo cho rằng thực ra ông ta chỉ đơn thuần là chạy trốn - trốn khỏi bà vợ mặt sắt, những đứa con lập dị và phiền phức, rồi cả đám người nhà gây nhức đầu hại não nữa. Giả thuyết này, một lần nữa, bị bỏ qua khi cảnh sát điều tra được tài khoản ngân hàng cá nhân của ông ta vẫn còn nguyên. Một thực tế nữa là cả cái phỏng đoán viễn vông về “một tình nhân bí ẩn” cũng đã sớm chết yểu. Bà Emily Hatter, trong cơn điên tiết vì bị ám chỉ này nọ, đã xoắn luôn một tràng rằng chồng bà nay gần bảy mươi rồi - cái tuổi mà chẳng mấy ai còn bỏ nhà, gia đình, và tài sản để theo đuổi cái thứ gọi là ảo mộng tình yêu gì đó. Suốt năm tuần lễ tìm kiếm không ngừng nghỉ, cảnh sát chỉ bám vào giả thuyết duy nhất - tự tử. Lần này thì có vẻ như họ đã đúng.

Thanh tra Thumm của tổ trọng án thuộc Sở Cảnh sát New York rất hợp để làm người chủ trì cho buổi tang lễ đơn sơ của York Hatter. Nét nào của ngài thanh tra cũng vừa xấu vừa thô: khuôn mặt nhàu nhĩ khắc khổ, cái mũi gãy, đôi tai dập nát, chân tay to bè và thân hình phương phi. Người ta hẳn sẽ tưởng ngài từng có thời kỳ là võ sĩ quyền Anh hạng nặng, các đốt ngón tay ghồ ghề xương xẩu, di chứng từ những đòn đánh mãnh liệt khi phá án. Mái tóc hoa râm nửa xám nửa đỏ, đôi mắt màu xám, khuôn mặt râm hồng. Thanh tra Thumm cho ta cảm giác vững vàng đáng tin cậy. Ngài cũng là dạng có đầu óc nữa. Khi hết giờ làm, Thumm lại là một người cương trực và lương thiện. Thumm có thừa kinh nghiệm với một cuộc chiến gần như tuyệt vọng.

Nhưng chuyện này thì lại khác. Một vụ mất tích, nỗ lực tìm kiếm không thành công, một cái xác bị cá rủa được tìm thấy. Và hàng tá dấu vết cần nhận dạng nữa. Mọi thứ đều để ngỏ và chưa thể kết luận gì, nhưng người thanh tra cảm nhận được rằng đây là một vụ giết người và nhiệm vụ của ngài là làm sáng tỏ câu chuyện này.

Bác sĩ Schilling, chuyên gia pháp y của hạt New York, ra hiệu cho người trợ lý, và cái xác trần trụi được nhắc khỏi bàn mổ để chuyển về băng ca. Thân hình béo lùn gốc Đức của Schilling khẽ cúi xuống bồn rửa cẩm thạch; ông rửa tay, khử trùng rồi lau thật khô. Khi đôi tay ngắn núc ních đã thật khô, ông lấy ra một chiếc tấm băng ngà voi đã mòn kha khá và bắt đầu cẩn trọng xia răng. Viên thanh tra khẽ thở dài; công việc đã xong xuôi. Thời điểm bác sĩ Schilling xia răng cũng là lúc để bắt đầu nói chuyện.

Họ cùng nhau đẩy chiếc băng ca tới phòng chứa xác. Chẳng ai nói với ai một lời. Thi thể của York Hatter được đưa lên một tấm phản kim loại. Thumm quay ra dò hỏi, “Chưa cho xác vào ngăn sao?” bác sĩ Schilling chỉ khẽ lắc đầu.

“Kết luận thế nào, bác sĩ?”

Vị chuyên gia pháp y bỏ cái tấm khỏi miệng. “Một vụ rõ ràng, Thumm à. Ông ta gần như chết ngay tức khắc sau khi xuống nước. Các lá phổi cho thấy thế.”

“Ông bảo nạn nhân chết đuối ngay tức khắc ư?”

“Không. Ông ta không bị chết đuối. Ông ta chết vì nhiễm độc.”

Thanh tra Thumm nhìn cái xác vẻ cau có. “Vậy đây là một vụ giết người, và chúng ta đã sai. Hồ sơ sẽ chất như núi cho xem.”

Cặp mắt nhỏ của bác sĩ Schilling khẽ lóe lên sau chiếc gọng kính vàng kiểu cổ. Trên cái đỉnh đầu hói nhẵn bóng kỳ cục của ông là một chiếc mũ vải xám nhỏ nhắn. “Thumm à, ngài khờ quá. Nhiễm độc chưa hẳn là do giết người... Có nhiều dấu tích của *axit prussic* trong cơ thể. Nhưng thế thì sao? Tôi chỉ dám nói ông ta đã đứng trên thành tàu, nuốt *axit prussic*, rồi nhảy hay thả mình xuống nước. Mà nước biển thì mặn. Thế có gọi là giết người không? Tự sát, Thumm à, và ngài đã đúng.”

Vị thanh tra có vẻ bị thuyết phục. “Tuyệt! Rồi ông ta chết ngay khi chạm mặt nước - *axit prussic* giết ông ta phải không? Hay đấy.”

Bác sĩ Schilling tựa vào tấm phản, đôi mắt ông hấp háy vẻ buồn ngủ. Ông ta lúc nào cũng buồn ngủ. “Nói là giết người thì hơi khó. Chẳng có dấu vết nào có thể quy cho tác nhân hữu ý cả. Chỉ có vài chỗ xương bị thâm và xước xước trên da thịt - vì nước biển như một chất bảo quản mà, hay là ngài cũng chẳng biết, hả cái đồ ngốc kia? - Thì không nghi ngờ gì chính là do cái xác bị va đập vào đá ngầm dưới biển. Những vết va chạm rõ ràng. Một bữa tiệc cho lũ cá.”

“À ha. Mặt ông ta không thể nhận dạng, rành rành là thế. Quần áo của ông ta để trên chiếc ghế gần đó thì như một đồng giẻ rách, bị xé toạc và nhai nát. Sao chúng ta không phát hiện ra cái xác sớm hơn nhỉ? Một thi thể không thể nổi lênh phênh suốt năm tuần liền phải không?”

“Dễ hiểu mà, suy nghĩ đi. Ngài như kẻ mù ấy!” Vị chuyên gia pháp y vớ lấy tấm áo trùm ướt nhoẹt tả tơi của người chết và chỉ vào chỗ rách trên thớ vải sau lưng áo. “Cá rĩa đúng không? Không phải! Cái lỗ này bị thứ gì đó to và sắc đâm thủng. Thi thể ông ta đã bị móc vào một khúc cây dưới nước, Thumm à. Thủy triều hay một chấn động nào đó đã giải phóng nó ra, có thể là cơn bão từ hôm kia. Dễ hiểu khi ta không tìm thấy cái xác suốt năm tuần qua.”

“Rồi từ vị trí mà thi thể được tìm thấy,” viên thanh tra trầm ngâm tiếp lời, “thật dễ để ghép thành câu chuyện hoàn chỉnh. Ông ta nuốt thuốc độc, nhảy xuống biển, có thể là từ trên phà đi đảo Staten, rồi bị cuốn trôi xuống tận vùng eo biển Narrows... Thế những đồ đạc của người chết đâu? Tôi muốn xem qua chúng.”

Thumm và Schilling đi quanh bàn để đồ. Một đồng thứ linh tinh nằm trên đó: những mảnh giấy mềm nhão và bị vo viên đến không thể nhận ra, một chiếc tẩu làm từ rễ thạch nam, một hộp diêm ướt, một chùm chìa khóa, một cái ví ngâm nước có chứa tiền mặt, một vốc tiền xu đủ loại. Đầu kia chiếc bàn là một cái nhẫn khá nặng có khắc dấu được lấy ra từ một con cá, hay ngón áp út bàn tay trái người chết; cái dấu được khắc bạc những chữ cái YH.

Nhưng viên thanh tra chỉ chú ý đến một di vật duy nhất - túi thuốc lá. Nó được làm từ da cá và chống thấm nên sợi thuốc vẫn khô nguyên. Tránh được nước biển, bên trong túi là một mảnh giấy gấp. Thumm lần mò giở nó ra, một thông điệp được viết bằng mực rõ nét theo kiểu chữ in gần như hoàn hảo, gọn ghẽ và cân đối như đánh máy. Thông điệp như sau:

21 tháng Mười hai, 19—

GỬI NGƯỜI ĐỌC ĐƯỢC TIN NHẮN NÀY:

Tôi tự sát trong trạng thái minh mẫn về tinh thần. YORK

HATTER

“Ngắn gọn và đúng trọng tâm,” bác sĩ Schilling nhận xét. “Hỡi người có cùng suy nghĩ với tôi. Tôi tính tự sát. Tôi vẫn tỉnh táo. Chẳng còn gì để vãn vương. Tiểu thuyết bằng một câu văn, ngài Thumm.”

“Ày, xin thôi đi, không tôi bật khóc mất,” viên thanh tra lau bầu. “Về phần vợ nạn nhân. Tôi sẽ báo cho bà ta đến đây nhận dạng thi thể.” Ngài vợ lấy một tấm mền nằm dưới chân phản và phủ đại lên thi thể. Từ yết hầu bác sĩ Schilling khẽ bật ra mấy từ tiếng Đức, rồi ông đứng sang một bên, cặp mắt lấp lóe.

Một đoàn người lặng lẽ tiến vào nhà xác: một phụ nữ và ba người đàn ông. Đứng thắc mắc tại sao người phụ nữ lại đi trước đám đàn ông; nhìn bà ta là có thể cảm nhận được người này luôn thích lãnh đạo, chỉ huy và sai khiến người khác. Bà ta đã già, dạn dày và cứng cỏi như đá. Mũi bà ta khoằm như móc câu, tóc bạc trắng, cặp mắt xanh lạnh lùng, tinh tường như mắt cú vọ. Một con người sắt thép chưa từng biết quy lụy là gì... Đó là phu nhân Emily lừng danh thiên hạ, ai hay đọc báo mà chả biết đến con người “giàu không tưởng”, “lập dị”, “bà đầm thép” của khu Washington Square này. Bà ta sáu mươi ba tuổi, nhưng vẻ ngoài thì già hơn đến cả chục tuổi. Trang phục trên người thì đã lỗi một từ thời tổng thống Woodrow Wilson* tuyên thệ nhậm chức. Ánh mắt bà ta chỉ chú ý đến tấm phản đang phủ mền. Từ lối vào bà ta tiến đến với vẻ hiên ngang, đỉnh đạc, như của một vị thần số

mệnh. Thanh tra Thumm chú ý đến người đàn ông đi sau bà ta, tóc vàng, dáng cao, vẻ căng thẳng, mang nhiều nét giống Phu nhân Hatter. Ngài muốn ngăn người phụ nữ lại, nhưng bà ta cứ thây kệ mà lầm lữ tiến vào không dừng, bước tới chỗ cái xác, lật mền ra rồi ngấm ngấm khuôn mặt bị hủy hoại đến không thể nhận dạng mà chẳng hề chớp mắt đến một cái.

Thanh tra Thumm để mặc bà ta được thể hiện nét vô cảm mà không can dự. Ngài quan sát khuôn mặt bà ta trong giây lát, rồi quay sang đám người hộ tống bên cạnh. Người tóc vàng cao kều kia, tuổi tầm hơn ba mươi, hẳn là Conrad Hatter, con trai duy nhất của ngài York và phu nhân Emily Hatter. Cũng giống mẹ, khuôn mặt anh ta lộ vẻ đanh ác, nhưng lẫn khuất nét yếu mềm nhu nhược, thêm chút chán chường mơ hồ nữa. Anh ta dường như không được khỏe, chỉ dám liếc nhìn mặt người chết rồi cúi ngay xuống sàn nhà, chân phải bắt đầu run lẩy bẩy.

Bên cạnh anh ta là hai người đàn ông khác, mà Thumm có thể nhận ra sau quá trình điều tra vụ mất tích của York Hatter. Một người là vị bác sĩ tư, cao và xanh xao, dễ phải đến bảy mươi tuổi, với đôi vai nghiêng gầy: bác sĩ Merriam. Ông ta chẳng lộ ra vẻ khó chịu gì khi xem mặt người chết, nhưng dễ thấy ông ta không được thoải mái, phản ứng mà viên thanh tra quy cho mỗi thâm giao với người quá cố. Người cuối cùng cũng là người lạ lẫm nhất đám - với thân hình cao kều mang vẻ biến cải, rất lêu nghêu mảnh dẻ. Đó là thuyền trưởng Trivett, một chủ tàu đã nghỉ hưu và là bạn thâm giao của nhà Hatter. Thanh tra Thumm lộ vẻ kinh ngạc khi quan sát người này - ngài chưa từng nhận ra trước đó! Thế mới hay chứ lại - rằng chân phải của thuyền trưởng Trivett không còn nữa, thay vào đó là một chiếc chân giả bịt da nhô ra từ ống quần. Phản ứng của Trivett không chỉ là những tiếng khò khè trong cổ họng. Ông ta đặt bàn tay sương gió của mình lên vai bà Hatter như để tỏ lòng an ủi. Người phụ nữ liền hấy sự an ủi đó ra bằng cánh tay rắn chắc. Thuyền trưởng Trivett tái mặt và lùi lại đằng sau.

Rồi bà ta cất những lời đầu tiên phá vỡ sự im lặng. “Đây có phải...? Tôi không dám chắc, ngài thanh tra à.”

Thumm bỏ tay ra khỏi túi áo choàng, hắng giọng đáp. “Không. Tất nhiên là không thể rồi. Thi thể bị hủy hoại quá nhiều, bà Hatter ạ... Đằng kia! Bà

có thể nhận diện quần áo và đồ đạc.”

Người phụ nữ già chỉ gật đầu, khi theo Thumm tới chỗ chiếc ghế nơi để đồng quần áo ướt, bà ta cũng chỉ để lộ một cảm xúc duy nhất - bà ta khê khàng liếm môi một cái, như hành động của con mèo ăn xong bữa. Bác sĩ Merriam thế chỗ bà ta ở chỗ tắm phàn, ra hiệu cho Conrad Hatter và thuyền trưởng Trivett rời khỏi chỗ đó rồi phủ mền che trở lại. Bác sĩ Schilling quan sát ông ta với vẻ hoài nghi mang tính nghiệp vụ.

“Quần áo của York. Ông ấy vẫn mặc đồ giống cái ngày biến mất.” Giọng nói của bà ta, cũng như khuôn miệng, thật kín kẽ và gan góc.

“Và giờ, thưa bà Hatter, những đồ đạc cá nhân này.” Viên thanh tra dẫn bà ta tới chỗ chiếc bàn. Người phụ nữ chậm rãi cầm lấy chiếc nhẫn đưa lên, cặp mắt lạnh lùng lão luyện quét qua cái tẩu, chiếc ví, chùm chìa khóa...

“Cái này của ông ấy,” bà ta cất giọng khô khốc. “Chiếc nhẫn. Chính tôi tặng cho ông ấy - Cái gì đây?” Bỗng nhiên bà ta bị kích động rồi vớ lấy mảnh giấy và liếc đọc thông điệp trong đó. Rồi bà ta lại tỏ ra lạnh lùng như trước và gật đầu vẻ lãnh đạm. “Bút tích của York, không nghi ngờ gì nữa.”

Conrad Hatter khom người xuống, nhìn hết thứ này sang thứ khác như thể chúng chưa được yên nghỉ. Rồi anh ta cũng lộ vẻ kích động trước thông điệp của người quá cố, anh ta lần mò trong túi áo rồi giơ ra mấy tờ giấy và khẽ nói:

“VẬY là bố tôi đã nuôi ý định tự sát. Tôi không nghĩ ông ấy có vấn đề thần kinh. Ông già lắm cẩm...”

“Bút tích của ông ấy ư?” viên thanh tra bất ngờ ngắt lời. Chẳng rõ lý do gì khiến ngài đột ngột làm vậy.

Người con trai giao mấy tờ giấy cho Thumm. Viên Thanh tra chăm chú soi xét chúng với vẻ cau có. Sau khi liếc nhìn xác chồng và vật dụng thêm lần nữa, phu nhân Hatter chỉnh lại chiếc khăn quàng.

“Đây là bút tích của ông ấy, khớp rồi,” viên thanh tra lầm bầm. “Được rồi. Theo tôi thế là ổn.”

Miệng nói thế nhưng Thumm vẫn đút cả đồng giấy này vào túi rồi liếc về phía tấm phàn. Bác sĩ Merriam vừa thay cái mền mới. “Ông nói gì cơ bác sĩ? Ông thấy tình trạng thi thể chứ. Đó là York Hatter sao?”

“Vâng, đích thân tôi đã cắt ruột thừa cho ông ấy mười tám năm trước. Rồi một lần lấy sỏi mật nữa. Ca đó không nghiêm trọng lắm. Bác sĩ Robins của viện John Hopkins đã phẫu thuật... Đây đích xác là York Hatter.”

Phu nhân Hatter nói: “Conrad, thu xếp cho đám tang đi. Làm riêng tư thôi. Thông báo ngắn gọn cho báo chí. Không hoa hoét. Làm ngay đi.” Bà ta bắt đầu tiến về phía cửa. Thuyền trưởng Trivett dõi theo vẻ lo lắng không an tâm. Conrad Hatter thì thầm gì đó hình như là đã đồng thuận.

“Chờ chút, thưa phu nhân Hatter,” Thumm lên tiếng. Bà ta dừng bước và nhìn ông chăm chăm. “Xin đừng về vội. Tại sao chồng bà lại quyết định tự sát vậy?”

“Tôi xin nói, giờ...” Conrad khẽ cất giọng.

“Conrad!” Chỉ thế thôi là anh ta liền ngoan như cún luôn. Người phụ nữ già quay bước về phía viên thanh tra, sát gần đến mức ngài cảm nhận được làn hơi thở chanh chua từ bà ta. “Ngài còn muốn gì đây?” bà ta nói bằng một giọng cực gắt gỏng. “Ngài chưa thỏa mãn với việc chồng tôi tự sát sao?”

Thumm chỉ biết kinh ngạc. “Tại sao... à vâng. Tất nhiên rồi.”

“Thế thì chuyện này xong xuôi rồi. Tôi không muốn bị quấy rầy thêm nữa.” Rồi bà ta quay bước, gửi lại ngài thanh tra cái liếc xéo đầy ác ý. Thuyền trưởng Trivett tỏ ra nhẹ nhõm và nặng nề bước theo. Conrad thì nuốt nước bọt, mặt tái nhợt rồi cũng theo chân họ luôn. Đôi vai gầy của bác sĩ Merriam như rũ xuống thêm, sau đó ông ta cũng rời đi trong lặng lẽ.

“Chà, ngài đây,” bác sĩ Schilling lên tiếng khi cánh cửa sập lại, “đã biết vị thế của mình rồi chứ!” Ông ta cười thầm. “Trời đất, phụ nữ gì mà!” Rồi ông ta đẩy tấm phản vào trong hốc tường.

Thanh tra Thumm khẽ căn nhắc bắt lực và trút giận vào cánh cửa. Bên ngoài, một người đàn ông trẻ với đôi mắt sáng tóm lấy cánh tay ngài rồi họ cùng sánh bước. “Thanh tra! Xin chào, hân hạnh được gặp. Tôi được tin ngài đã tìm thấy xác của ngài Hatter, thế là sao nhỉ?”

“Mụ quỷ cái đó,” Thumm căn nhắc.

“Vâng,” tay phóng viên hồ hởi đáp lời. “Tôi vừa thấy bà ta bước ra. Đúng là mặt sắt! Đánh như năm đấm của Dempsey*... Nghe này, ngài

thanh tra, ngài ở đây thì hẳn là có chuyện rồi, tôi đoán là có vấn đề gì đó phải không nào?”

“Chẳng có gì đâu. Bỏ tay tôi ra, đồ khỉ gió.”

“Sao mà phải khó chịu thế, ngài thanh tra thân mến... Tôi có nên nghi rằng có mưu toan cố ý nào đó chẳng?”

Thumm ép chặt đôi tay vào trong túi áo và nhìn chăm chăm tay phóng viên. “Nếu anh làm thế, tôi sẽ bẻ từng đốt xương trên người anh. Lũ sâu bọ các người không biết điểm dừng sao? Đó là một vụ tự sát, khốn kiếp!”

“Theo tôi thì ngài thanh tra đây đang bảo vệ cho...”

“Xéo đi! Nhận dạng trùng khớp, nói cho mà biết. Giờ thì biến mau, thằng trẻ ranh, đừng để tao phải tổng tiền mày đi.”

Ngài thanh tra bước nhanh ra khỏi khu nhà xác và vẫy một chiếc taxi. Tay phóng viên vẫn dõi theo với vẻ dò xét, nhưng nụ cười đã biến mất.

Một người đàn ông chạy tới từ đại lộ Thứ Hai, thở không ra hơi. “Này, Jack!” anh ta la lên. “Có gì mới về nhà Hatter không? Thấy mục phù thủy già đó không?”

Tay phóng viên chỉ nhún vai, vẫn dõi theo chiếc taxi chở Thumm khi nó quành qua góc đường. “Có thể. Câu hỏi thứ hai - có, nhưng chỉ thế thôi. Dù sao thì đó cũng là một câu chuyện đặc sắc đáng theo dõi rồi...” Anh ta thở dài. “Chà, có phải giết người hay không đây, tôi chỉ dám nói là: Ổn trời vì cái nhà Hatter Điên loạn.”

CẢNH 2

Nhà Hatter

Chủ Nhật, Ngày 10 Tháng Tư

2:30 P.M

Nhà Hatter Điên loạn... Nhiều năm trước, trong thời kỳ đầy những tin tức bất thường về nhà Hatter, từ một nhân vật trong truyện *Alice ở xứ sở diệu kỳ*, một phóng viên với trí tưởng tượng phong phú đã gán cho họ cái biệt danh này. Có lẽ đó là mảy lời nói quá tai hại. Gia đình này đâu có điên khùng bằng một nửa cái nhân vật Hatter kia, cũng chẳng thú vị bằng một phần ti tỉ. Theo như lời mà những người hàng xóm trong khu Square khuất nẻo hay thì thầm với nhau, thì họ chẳng qua là “một gia đình ô trọc.” Và mặc dù là gia tộc lâu năm nhất nhì khu Square này, họ chưa bao giờ được coi là thuộc về nơi này; họ luôn nằm ngoài danh sách những thứ đáng trân trọng thuộc khu làng Greenwich*. Cái biệt danh đó lớn dần theo năm tháng. Tin tức thì lúc nào cũng nhắc đến một ai đó thuộc gia đình này. Nếu không phải là tay Conrad tóc vàng cổ phá quấy một quầy rượu trong cơn say mèm, thì cũng là quý cô Barbara tỏa sáng khi tổ chức một buổi khiêu vũ coticông nên thơ, hay chủ trì một buổi đàm đạo dưới con mắt đầy ngưỡng mộ của những nhà phê bình văn học. Hay đó là Jill, người trẻ nhất trong ba đứa con nhà Hatter, xinh đẹp, hư dốn, với chiếc mũi chỉ thêm đánh hơi được rắc rối. Từng có chút tin đồn về việc cô ta dính vào ma túy; thì thoảng là chuyện ngồi lê đôi mách về buổi ăn chơi trác táng cuối tuần ở Adirondacks; và cứ đều đặn hai tuần một lần, không thể thiếu được việc

tuyên bố rằng cô ta sẽ “đính hôn” với một cậu quý tử con đại gia nào đó... mà chẳng bao giờ là với một cậu trai nhà dòng dõi, ấy thế mới lạ.

Cả ba người bọn họ chẳng những là bản sao tốt, mà còn là những bản sao xấu từ cha mẹ. Tuy kỳ quặc, trác táng, lập dị, không thể đoán trước như thế nhưng chẳng người nào vượt qua được cái tiếng xấu lây lừng của bà mẹ. Với một tuổi xuân còn hoang đàng hơn cả cô con út Jill, bà ta đã bước vào tuổi trung niên như một kẻ độc đoán, chuyên quyền, không thể phản kháng, như một người mang họ Borgia*. Không có “động thái” nào qua nổi sự tinh tường của bà ta, chẳng có hoạt động thao túng thị trường nào quá rối rắm khó hiểu hay liều lĩnh với một kẻ khôn ngoan, hăng máu và thích đánh cược như bà ta. Đã nhiều lần có tin đồn rằng bà ta đã thua đậm trong đầu tư chứng khoán, rằng đồng tài sản cá nhân kịch sù được thừa kế từ bao đời thị dân người Hà Lan giàu có lợc lỏi, đã bốc hơi hết theo cái sự nghiệp đầu cơ của bà ta. Không một ai, thậm chí là đám luật sư, biết chính xác quy mô tài sản của bà ta. Khi đám báo lá cải đó chuyển sang chủ đề New York sau Thế chiến I, bà ta vẫn luôn được coi là “người đàn bà giàu nhất nước Mỹ” - một tuyên bố rõ ràng chẳng đúng, nhưng lời cáo buộc rằng bà ta đang ở bên bờ vực phá sản đến nơi rồi, cũng chỉ hoàn toàn là thêu dệt.

Sau tất cả những điều đó - gia đình, những vẻ vang cá nhân, đời tư, tiểu sử ghê gớm - thì người đàn bà mang tên Emily Hatter lại bỗng trở thành tâm điểm xì xào của cánh báo chí. Họ ghét bà ta, vì bà ta như một mụ phù thủy già chỉ biết gặt gồng; nhưng họ lại cũng thích bà ta, vì như lời chủ bút của một tờ báo lớn, “Cứ liên quan tới phu nhân Hatter, thì đều là tin tức.”

Trước khi York Hatter đắm mình xuống làn nước lạnh giá của Vịnh Lower, đã có những đồn đoán vô căn cứ rằng thế nào cũng có ngày ông ta tự sát. Họ bảo York Hatter cũng chỉ là con người bằng xương bằng thịt thôi, ông ta sao có thể chịu đựng mãi được. Người mà gần bốn thập niên qua đã bị quất roi như chó săn và bị điều khiển như ngựa. Dưới miệng lưỡi thao túng của bà vợ, ông ta chỉ còn biết thu mình lại, chịu mất đi bản lĩnh đàn ông, trở thành một cái bóng vật vờ suốt cả ngày, đầu tiên là vì sợ, sau đó là vì tuyệt vọng, và cuối cùng là trong vô vọng. Bi kịch của ông ta ở chỗ, một

con người bình thường với sự nhạy cảm và trí tuệ đã bị xiềng xích trong một môi trường đầy dục vọng, phi lý trí, cay độc, điên rồ.

Ông ta luôn bị coi là “chồng của Emily Hatter” - ít nhất là kể từ lễ cưới ba mươi bảy năm về trước, tại chính thành phố New York hoa lệ, khi những bức tượng sư tử đầu chim còn là món trang trí thời thượng và vải bọc ghế là những món phụ kiện không thể thiếu trong phòng khách. Từ ngày họ lui về căn nhà trên phố Washington Square - vốn là nhà của bà vợ, tất nhiên rồi - thì York Hatter đã biết thế nào là địa ngục. Hồi đó ông ta còn trẻ, và có lẽ từng vật lộn chống lại cái tinh thần đàn áp, những cơn thịnh nộ và quyền lực của bà vợ. Có lẽ ông ta đã khiến bà ta nhớ rằng mình từng li dị người chồng đầu tiên, Tom Campion Điềm tĩnh, trong hoàn cảnh khá là khó hiểu. Nghĩa rằng, với tất cả thiện ý, bà ta nợ ông, người chồng thứ hai, một chút ân tình và chút gia giảm của cái tư cách đạo đức loảng ngoảng từng làm cả New York phải choáng từ ngày bà ta nổi danh. Khi phản kháng, định mệnh của ông ta coi như đã an bài; về tay Emily Hatter, người không cho phép sự phản kháng nào chống lại những mệnh lệnh của mình, người không thể bị thao túng vô điều kiện. Định mệnh của ông ta được an bài và cái sự nghiệp xuất sắc đầy hứa hẹn cũng tiêu tan dần.

York Hatter là một nhà hóa học - trẻ tuổi, nghèo khó, một nhà khoa học tập sự - và là người cần mẫn phục vụ các nghiên cứu hòng tạo ra những điều thay đổi thế giới. Lúc lập gia đình, ông ta đang thử nghiệm những hợp chất keo dính, trong một hướng đi chưa từng có của nền hóa học thời kỳ cuối thế kỷ 19. Chất keo, sự nghiệp, danh tiếng đều tiêu tan dưới những đòn tấn công của bà vợ với tính cách quá ư hung hăng. Thời gian trôi đi, ông ta trở nên ngày càng ủ ê, cuối cùng là bằng lòng với việc chỉ biết lãng phí thời gian trong cái phòng thí nghiệm thay thế tầm thường mà Emily cho phép ông ta sử dụng khi ở nhà. Ông ta gần như biến thành một cái xác trống rỗng, kẻ phụ thuộc đáng thương hại vào mớ tài sản kếch sù của vợ (và bị nhắc nhở đều đặn về sự thật đó), một ông bố của đám con tính khí thất thường, nhưng chỉ dám cư xử với chúng không hơn gì một người giúp việc.

Barbara là người con lớn nhất trong nhà Hatter, và cũng là người thừa hưởng nhiều nhất dòng máu từ Emily. Một quý cô tuổi ba mươi sáu, dong dỏng, mảnh dẻ, tóc vàng nhạt, cô là đứa con duy nhất không để phí những tinh túy từ bà mẹ, người thể hiện một tâm hồn yêu mọi thứ sống động và một mối đồng cảm vô bờ bến với thiên nhiên khiến cô khác biệt với những kẻ còn lại. Trong ba đứa con nhà Hatter chỉ có mình cô là được thừa hưởng những tính tốt của người cha. Nhưng đồng thời cô cũng không thoát được cái tính dị thường di truyền từ người mẹ, như một thứ mùi hương khó chịu đeo đuổi cả cuộc đời, trừ việc tính dị thường của cô có xu hướng của một thiên tài và tự giải phóng thành thi ca. Cô đã được ví như nữ thi sĩ lỗi lạc nhất mọi thời đại - một nhà thơ vô chính phủ, người ta gọi thể trong những nhóm văn chương với thiện ý, một kẻ lãng du mang ngọn lửa của thần Prômêthê trong tâm hồn, một nhà trí thức với món quà tuyệt diệu từ nàng thơ. Một khi tác giả của vô số những vần thơ bí ẩn này tỏa sáng, cô ta hòa cùng nỗi buồn của mình, với cặp mắt xanh lịch duyệt của người dẫn đường chỉ lối cho giới trí thức New York.

Người em trai Barbara là Conrad không có chút năng khiếu nghệ thuật nào để bù đắp cho cái sự dị thường của mình. Anh ta chẳng khác nào phiên bản nam giới của bà mẹ, một gã Hatter hoang đàng điển hình. Anh ta là thành phần bất hảo của ba trường đại học, bỏ hết trường này đến trường khác sau những hành động hoang đàng liều lĩnh, ngu ngốc hết chỗ nói. Hai lần anh ta phải ra hầu tòa vì đã phá bỏ lời cam kết không tái phạm. Một lần anh ta lái xe quá tốc độ rồi đâm chết một khách bộ hành bằng chiếc xe mui trần và chỉ được trắng án nhờ những núi tiền hối lộ khẩn cấp từ đám luật sư của bà mẹ. Và còn vô số lần anh ta tìm cách trút cơn bực dọc lên những người phục vụ quầy bar hiền hòa lúc dòng máu lạ thường trong huyết quản phản ứng gay gắt với chất cồn, anh ta đã bị vỡ mũi (đã được phẫu thuật tạo hình lại cẩn thận), rạn xương cổ, rồi còn vô số vết khâu và thâm tím nữa.

Nhưng lại một lần nữa, anh ta gặp phải rào cản không gì lay chuyển nổi là ý chí của bà mẹ. Người đàn bà già này cứ thế tóm cổ anh ta lôi ra khỏi vùng bùn và sắp đặt để anh ta ngồi vào vị trí kinh doanh với một chàng trai trẻ điềm đạm, chu toàn, hết sức mẫu mực mang tên John Gormly. Điều đó

không giữ Conrad tránh khỏi cảm dỗ, anh ta vẫn thường ngựa quen đường cũ, để rồi lệ thuộc vào bàn tay kiên định của Gormly trong việc duy trì kinh doanh môi giới.

Đâu đó trong một khoảnh khắc tương đối điên rồ Conrad đã gặp và cưới một phụ nữ trẻ không may mắn. Hôn nhân, tất nhiên, không làm sự nghiệp ăn chơi của anh ta giảm sút. Người vợ tên Martha, một phụ nữ nhỏ bé nhu mì cùng tuổi với anh ta, đã sớm nhận ra mình bất hạnh đến nhường nào. Bị cưỡng bách phải sống trong ngôi nhà bị bà mẹ chồng thống trị, bị chồng xem thường và khinh miệt, khuôn mặt mang nét duyên ngầm của cô đã nhanh chóng mang vẻ hoang mang thường trực. Như York Hatter, người bố chồng, linh hồn cô ta coi như đã sa vào hỏa ngục. Martha tội nghiệp hẳn đã hy vọng kha khá khi quyết định kết hôn với người chồng phóng túng này; và chút an ủi đến từ hai đứa con, một đứa mười ba tuổi tên Jackie và một đứa bốn tuổi tên Billy... không phải là một niềm vui tuyệt đối, khi Jackie thì ương ngạnh, khó bảo, sớm tinh khôn, một đứa trẻ hung hăng với đầu óc tinh ranh và có thiên hướng hành động tàn nhẫn, là sự lo lắng liên miên của không chỉ bà mẹ mà còn của cả nhà Hatter. Đứa em, Billy, cũng bắt chước y hệt thế; điều đó đã biến cuộc sống trái ngang của Martha thành một cuộc chiến dữ dội để cứu chúng khỏi hư hỏng.

Về phần Jill Hatter... như Barbara đã nói: “Nó vĩnh viễn như một con chim non mới ra r ràng. Chỉ biết sống cho thỏa ý mình, Jill là đứa con gái hư thân mất nết nhất mà tôi từng biết - càng tệ hơn khi nó chẳng xứng đáng với sự hứa hẹn đến từ đôi môi xinh và cái dáng điệu phóng đảng đó.” Jill mới hai mươi hai tuổi. “Nó là nữ thần Calypso* thiếu đi vẻ quyến rũ mê hoặc, một sinh vật hết mực ti tiện.” Cô ta đã ngủ với nhiều đàn ông. “Sống là phải viết hoa chữ S,” phương châm sống của cô ta luôn như thế. Tóm lại, Jill là một phiên bản tươi trẻ, chịu chơi hơn của bà mẹ.

Có người sẽ cho rằng gia đình này thế là đủ độ điên lảm rồi - một bà phù thủy già sắt đá làm chủ nhà, ông bố York hốc hác nhỏ bé có khuynh hướng tự tử, thiên tài Barbara, dân chơi Conrad, kẻ vô luân Jill, người sống trong sợ hãi Martha, hai đứa trẻ bất hạnh. Nhưng vẫn chưa hết. Gia đình này còn một người nữa, một người thật khác thường, thật thống khổ bi ai, đến nỗi

những thành viên bất thường kia chỉ như người bình thường bên cạnh cô ta. Đó là Louisa.

Cô ta tự gọi mình là Louisa Champion vì cô ta là con gái của Emily nhưng cha ruột cô ta không phải là York Hatter mà là người chồng đầu tiên, Tom Champion. Cô ta đã bốn mươi tuổi, thấp người, hơi tròn trĩnh, vẻ như không hề bị tác động bởi cái trại thương điên quanh mình. Đời sống tinh thần của cô khá ổn, tính tình dễ chịu, nhẫn nại, không than phiền, một phụ nữ đức hạnh. Ấy thế mà, với những thành viên đầy tai tiếng nhà Hatter bao quanh, cô chẳng hề bị lu mờ mà lại trở thành người nổi danh nhất của gia đình này. Đến mức mà ngay từ khi chào đời tiếng tăm của cô ta đã nổi như cồn, và cái tiếng vọng đó thì cứ lảng nhảng bám theo cô ta suốt quãng đời tăm tối, lạ thường sau này.

Là con của Emily và Tom Champion, Louisa đến với thế giới trong nỗi tuyệt vọng khi vừa bị mù vừa bị câm, cộng với tình trạng điếc nhẹ mà các bác sĩ bảo rằng sẽ trở nên nặng hơn khi cô trưởng thành, và cuối cùng sẽ chuyển thành điếc đặc. Quả đúng như lời tiên đoán của các bác sĩ. Vào đúng sinh nhật thứ mười tám - với món quà từ các thần linh hắc ám, những kẻ như đang nắm giữ vận mệnh của cô - Louisa Champion đã nhận lấy sự phũ phàng cuối cùng của đời mình, thính giác của cô mất hoàn toàn.

Với một người chưa thực sự trưởng thành, việc đó hẳn đã để lại một vết thương chí tử. Trong suốt thời kỳ mà các cô gái khác tung tăng đến bên đời rực rỡ, Louisa tự cảm thấy như bị mắc kẹt trong thế giới đơn côi của chính cô, một thế giới vắng bóng âm thanh, hình ảnh, hay sắc màu; một thế giới không được và không thể biểu đạt. Thính giác, cây cầu vững chắc duy nhất nối với cuộc sống, đường cứu sinh phía sau cô, vậy mà đám thần linh hắc ám cũng thiêu trụi nốt. Không còn đường lui nữa, cô đối mặt với sự cự tuyệt, sự thiếu thốn, một cuộc đời cạn kiệt nguồn sống. Thiếu đi những giác quan chính kia, cô nào khác gì người chết đâu. Vẫn cố sống, nhút nhát, bối rối, tàn phế vô dụng, nhưng có gì đó cứng lại trong bản tính của Louisa - có lẽ đó là chút lợi lộc thừa kế từ bà mẹ dữ như quỷ - tôi luyện con người cô, để cô có thể đối mặt với cuộc đời vô vọng trong sự bình thản được sinh ra từ lòng can đảm đáng kinh ngạc. Nếu hiểu được sao mình phải chịu đau

khổ như thế, Louisa cũng không bao giờ biểu lộ ra; và chắc chắn là quan hệ của cô với người phụ nữ sản sinh ra cảnh không may kia cũng như mọi mối quan hệ giữa mẹ và con gái khác.

Dễ thấy là tai họa của Louisa có nguyên nhân từ người mẹ. Có tin đồn khi cô sinh ra rằng cha cô, Tom Campion, là người chịu trách nhiệm; rằng có thứ gì đó xấu xa trong máu ông ta đã truyền sang đứa con. Nhưng khi Campion và Emily li dị rồi Emily đã tái giá chỉ để sinh ra những đứa trẻ nhà Hatter điên của riêng mình, mọi người đều tin chắc rằng lỗi lầm thuộc về bà mẹ. Điều này được củng cố bởi sự thật mà sau đó người ta mới nhận ra là Campion từng có một đứa con trai hoàn toàn bình thường trong cuộc hôn nhân trước đó. Cánh báo chí quên luôn Campion, ông ta chết vài năm sau khi li dị Emily trong hoàn cảnh bất thường; người con trai biến mất; và Emily, giữ được York Hatter bất hạnh cho trái tim mình, đưa đứa con gái tật nguyền của cuộc hôn nhân đầu đến ngôi nhà thừa kế từ tổ tiên ở khu Washington Square... ngôi nhà mà, sau một thế hệ đầy tai tiếng, được định sẵn sẽ bị nhấn chìm trong bi kịch, thứ bi kịch nhức nhối và đốn đau đến nỗi những gì đã xảy ra trước đó chỉ như một khúc dạo đầu nhạt nhẽo.

Vở kịch cay đắng bắt đầu khoảng hơn hai tháng sau khi xác chết của York Hatter được vớt trên vịnh. Nó bắt đầu một cách hết sức bình thường. Theo thông lệ, bà Arbuckle, người giúp việc và bếp núc của nhà Hatter, đang chuẩn bị món cocktail trứng sữa hằng ngày cho Louisa Campion sau bữa trưa. Đây là món được chuẩn bị theo yêu cầu của bà Emily; Louisa, ngoài chuyện có một trái tim khá yếu ớt, thì thể trạng khá tốt, và có thể nói là ở cái tuổi bốn mươi, phúng phình và mềm mại, cô không cần nhiều chất đạm khi ăn kiêng. Nhưng đâu thể chối từ sự nài nỉ của phu nhân Hatter; bà Arbuckle chỉ là người hầu, và luôn được nhắc nhở về sự thật đó; còn Louisa, người đủ mềm mỏng để bàn tay sắt của bà mẹ uốn nắn, chỉ còn biết hằng ngày cứ sau bữa trưa thì tự giác tới phòng ăn tầng dưới cùng để uống thứ đồ tinh túy của tình mẫu tử kia. Một thói quen lâu ngày, đủ quan trọng để sau này nó sẽ còn được nhắc lại. Bà Arbuckle, người không dám mơ về việc trái lời bà chủ dù chỉ một li, thì luôn đặt một cái ly cao ở góc tây nam bàn ăn, cách rìa bàn tầm năm phân - nơi mà Louisa luôn có thể sờ thấy, cầm

lên, và uống cạn mỗi buổi chiều một cách không do dự, như thể cô có thể nhìn rõ.

Trong cái ngày xảy ra bi kịch, hay thật ra là gần như bi kịch, một Chủ nhật đẹp trời tháng Tư, mọi thứ đều diễn ra bình thường... cho đến khi có chuyện. Lúc 2 giờ 20, thanh tra Thumm sau đó đã cẩn thận xác định mốc thời gian - bà Arbuckle đang chuẩn bị pha đồ uống trong bếp ở đằng sau nhà (từ những thành phần mà bà ta miễn cưỡng trình ra trong cuộc điều tra của cảnh sát), tự mình mang nó trên chiếc khay quen thuộc tới phòng ăn, đặt nó xuống bàn ở góc tây nam, năm phần từ mép bàn, và - công việc thế là xong - rời khỏi phòng ăn để trở về bếp. Chẳng có ai khác, bà ta xác nhận, ở trong phòng khi bà bước vào, hay có ai đi vào khi bà đặt món cocktail xuống. Có vậy thôi, rõ như ban ngày.

Có chút khó khăn để xác định chính xác chuyện diễn ra sau đó; lời khai không hoàn toàn rõ ràng. Lúc đó quá náo động và chẳng ai nhận thức được một cách đủ khách quan để nắm bắt và chỉ rõ cái ấn tượng chính xác về vị trí, từ ngữ và những sự kiện. Lúc đó khoảng tầm 2 giờ 30, thanh tra Thumm cũng chưa hoàn toàn chắc chắn lắm, khi Louisa đi xuống lầu từ phòng ngủ cùng bà mẹ, hướng về phía phòng ăn và món cocktail trứng. Họ dừng lại ở ngưỡng cửa. Nữ sĩ Barbara Hatter, người theo họ xuống lầu, đi ngay đằng sau họ và quan sát; tại sao, thì sau đó cô ta cũng không thể giải thích, chỉ biết là cô ta có một cảm nhận mơ hồ rằng có gì đó sai sai ở đây. Cũng tại thời điểm đó, Martha, cô vợ nhỏ bé nhu mì của Conrad, mệt mỏi lê bước xuống sảnh, tiến ra từ đâu đó phía sau. Giọng nói thiếu sinh khí của cô ta cất lên: “Jackie đâu rồi? Thằng bé lại giẫm nát hết hoa trong vườn rồi.” Cô ta cũng dừng lại và lưỡng lự trong giây lát trước ngưỡng cửa. Trùng hợp thay, cả người thứ năm cũng nhìn vào phòng ăn, cặp mắt dán vào con người ở giữa. Đó là một thủy thủ già cụt một chân, thuyền trưởng Trivett, hàng xóm của nhà Hatter, người đồng hành cùng mẹ con Conrad trong hành trình buồn đến nhà xác để nhận dạng hai tháng trước đó. Trivett xuất hiện sau cánh cửa thứ hai dẫn vào phòng ăn - cánh cửa không dẫn ra hành lang chính mà nối với căn buồng cạnh phòng ăn, một thư viện.

Thứ mà mắt họ trông thấy chẳng lấy gì làm đặc biệt. Họ thấy, một mình trong căn phòng, là hình dáng nhỏ con của Jackie Hatter mười ba tuổi, con trai lớn của Martha. thằng bé đang cầm ly cocktail trứng trong tay và quan sát nó. Cặp mắt sắc lẹm của Emily càng trở nên sắc hơn, bà ta mở miệng định nói gì đó. Chợt nhận ra mọi người quanh nó, Jackie cúi đầu về có lỗi; khuôn mặt như của người lùn nhẵn lại, cặp mắt ngổ nghịch ánh lên vẻ tinh quái, rồi thằng bé đưa cái cốc lên miệng, nhanh chóng làm một ngụm đầy thứ chất lỏng mịn như kem đó.

Sự việc sau đó không rõ ràng. Ngay lập tức - lúc mà bà nội thằng bé lao về phía trước và tát đen đét vào tay nó, miệng thì la: “Mày biết đó là của bác Louisa, thằng nhãi láo toét! Đã bao lần bà bảo mày không được thó đồ của bác hả!” - Jackie buông rơi cái cốc, vẻ kinh ngạc cùng cực hiện lên trên khuôn mặt láu lỉnh hơi bất cần đời của nó. Cái cốc thủy tinh rơi xuống sàn vỡ tan, phần bên trong bắn tung tóe khắp sàn phòng ăn. Thế rồi, vừa vỗ đôi tay nhỏ như của người lùn vào miệng, thằng bé bắt đầu hét lên mà chẳng thành tiếng. Tất cả mọi người chỉ biết đứng ngây ra đó, rồi thì cũng nhận ra đây chẳng phải trò ăn vạ, mà là hậu quả của cơn đau đớn thật sự khủng khiếp. Thân thể gầy nhẳng của Jackie bắt đầu giật mạnh, đôi tay co quắp lại, cậu bé gập người lại quằn quại, hơi thở khò khè, và khuôn mặt tái đi một cách dị thường. Cậu ta gục xuống sàn, trong khi vẫn rít lên. Một tiếng hét khác vang lên từ phía lối vào, Martha lao tới, mặt cắt không còn hạt máu, quỳ sụp xuống, kịp thấy được vẻ hãi hùng trên thân thể vẹo vọ của người con, trước khi lẫn ra bất tỉnh.

Những tiếng hét khuấy động cả căn nhà: bà Arbuckle chạy bổ vào, và ông chồng George Arbuckle - người gia đình kiêm tài xế; Virginia, cô hầu phòng già cao gầy xương xẩu; Conrad Hatter, trong bộ dạng lôi thôi và mặt vẫn đỏ gay từ những cuộc nhậu sớm Chủ nhật. Louisa, đứa con khiếm khuyết, bị bỏ quên; cô đứng bất lực trước cửa, nép sang một bên, lộ vẻ hoang mang. Dường như bằng giác quan thứ sáu, cô nhận ra rằng có gì đó bất thường, nên cô ngần ngại không tiến lên, chỉ đưa mũi người để tìm bà mẹ, và bắt đầu giật lấy cánh tay bà ta một cách tuyệt vọng.

Không hổ danh là Emily Hatter, bà ta là người đầu tiên bình tĩnh lại trước sự cố cháu nội bị co giật và con dâu ngất lịm. Bà ta lao tới chỗ Jackie, xô thân thể bất tỉnh của Martha sang một bên, tóm lấy cổ đứa cháu - khuôn mặt cậu bé giờ đã chuyển sang tím tái - rồi ép cho cặp hàm cứng mở ra và nhét ngón tay xương xẩu xuống cuống họng. Cậu bé ọe một cái và nôn ra ngay tức thì.

Cặp mắt màu mã não sáng lên. “Arbuckle! Gọi cho bác sĩ Merriam ngay!” bà ta hét lên. George Arbuckle chạy vội ra khỏi phòng. Ánh mắt bà Hatter trở nên dữ dằn, không hề có động thái nào thừa khi bà ta lặp lại động tác cấp cứu, và cậu bé lại phản ứng lần nữa. Những người còn lại, trừ thuyền trưởng Trivett, dường như đều không dám cử động. Họ chỉ biết chưng hửng nhìn bà già và cậu bé đang quẫn quai.

Nhưng thuyền trưởng Trivett, gật đầu tán đồng với cách xử trí lanh lẹ của bà Hatter, đã lê chân quanh phòng để tìm cái người mù câm điếc kia. Louisa cảm nhận được tay ông ta khẽ chạm vai mình, dường như nhận ra đó là ai, liền đưa tay nắm và bám chặt lấy.

Phần quan trọng nhất của câu chuyện đang tiếp diễn mà chẳng được quan sát thấy. Khi không ai để ý, chú chó nhỏ tai đốm của Billy đã lần mò vào phòng ăn. Trông thấy chỗ cocktail trứng rơi rớt trên sàn, nó ăng lên vui mừng và nhào tới, vục mũi xuống chỗ chất lỏng. Đột nhiên cô hầu Virginia bắt đầu hét lên. Cô ta chỉ tay vào con chó. Nó đang giẫy giụa một cách yếu ớt trên sàn. Con chó rùng mình, co giật một chút. Rồi bốn cái chân lộ bạch bắt đầu cứng lại. Phần bụng nó bỗng phồng lên dữ dội, và nó nằm im bất động. Rõ là con chó sẽ không thể liếm món đồ uống kia lần nữa.

Bác sĩ Merriam sống ngay gần đó, đã đến nơi chỉ sau năm phút. Mặc kệ đám người nhà Hatter đang chết đứng, ông ta chẳng thèm để mắt đến họ. Vị bác sĩ có thâm niên hẳn đã biết bệnh nhân của mình là ai. Ông ta quan sát con vật đã chết và cậu bé đang nôn ọe, cả người run rẩy, cặp môi mím chặt. “Lên gác ngay. Conrad, anh giúp tôi đưa thằng bé lên.” Khi bế Jackie lên và đưa cậu bé lên phòng, một ánh nhìn hải hùng hiện lên trong cặp mắt giờ đã tỉnh rượu của Conrad. Theo ngay sau là bác sĩ Merriam, với túi thuốc đã mở sẵn.

Một cách máy móc, Barbara Hatter quỳ sụp xuống và bắt đầu xoa xoa đôi tay ẻo lả của Martha. Bà Hatter chẳng nói năng gì, những nếp nhăn trên khuôn mặt bà ta vẫn trơ như đá. Jill Hatter, với cặp mắt mang vẻ ngái ngủ, bước hồi hải vào phòng trong bộ đồ kimono. “Có chuyện quái gì thế?” cô ta ngáp. “Ông bác sĩ lên gác cùng Connie và thằng quý...” Cặp mắt cô ta mở to ra và đột ngột ngừng lời: cô ta đã thấy xác con chó trên sàn, chỗ cocktail tung tóe và Martha đang bất tỉnh. “Sao lại...?” Chẳng ai để ý tới cô ta, chẳng ai thềm trả lời. Cô ta ngồi phịch xuống ghế, nhìn chòng chọc vào khuôn mặt tái nhợt của bà chị dâu.

Một phụ nữ trung tuổi cao lớn, to béo trong chiếc áo sơmi trắng bước vào - đó là bà Smith, Y tá của Louisa, sau này bà ta kể với thanh tra Thumm rằng khi đó bà ta đang đọc sách trong phòng mình trên gác. Bà ta nhìn qua là nắm được tình hình, và một nỗi sợ nào đó xâm chiếm toàn cơ thể. Người y tá nhìn từ Emily Hatter, người vẫn trơ như đá, đến Louisa, đang run lên bên cạnh thuyền trưởng Trivett. Rồi bà ta thở dài gạt Barbara sang một bên, quỳ xuống và chẳng hề câu nệ gì và bắt đầu chăm sóc cho người đang nằm ngất.

Chẳng ai nói được lời nào. Cùng với nhau, như thể bị tác động bởi cùng một lực đẩy, họ quay đầu và chú tâm đến bà y tá một cách đầy lo lắng. Nhưng khuôn mặt của bà Hatter có gì đó bí hiểm, bà ta quàng cánh tay quanh đôi vai đang run rẩy của Louisa và bắt đầu quan sát những động tác khéo léo của bà Smith với Martha mà không bộc lộ thái độ gì. Một lúc lâu sau họ mới chịu động dậy. Họ nghe được tiếng bước chân nặng nề của bác sĩ Merriam đang đi xuống lầu.

Ông ta chậm rãi bước vào, đặt túi xuống, nhìn qua Martha, giờ đang bắt đầu hồi tỉnh nhờ được bà Smith chăm sóc, khẽ gật đầu và quay sang bà Hatter. “Jackie đã qua cơn nguy hiểm rồi, thưa bà Hatter,” ông ta nói bằng giọng trầm tĩnh. “Nhờ bà cả đấy, xử trí thật tuyệt vời. Cậu bé đã không nuốt một lượng quá nhiều để gây tử vong, nhưng rõ ràng việc gây nôn tức thời đã giúp tránh được tác động trầm trọng. Cậu bé sẽ ổn thôi.”

Phu nhân Hatter gật đầu kiểu gia chủ, rồi bà ta giật mạnh đầu lại và nhìn thẳng vào vị bác sĩ bằng vẻ lạnh lùng như băng. Bà ta thấy được điều gì đó

chẳng lành trong giọng nói của ông ta. Nhưng bác sĩ Merriam đã quay người đi và xem xét xác con chó, rồi ngửi thử thứ chất lỏng trên sàn, cuối cùng là lấy một ít bỏ vào lọ nhỏ trong túi, vặn chặt nút lại rồi cất nó đi. Ông ta đứng dậy và thì thầm gì đó với bà Smith. Bà ta gật đầu rồi rời khỏi phòng, họ có thể nghe thấy tiếng bước chân nặng nề đi lên gác tới phòng bọn trẻ, nơi Jackie đang nằm rên rỉ trên giường.

Rồi bác sĩ Merriam cúi xuống chỗ Martha, xem xét một lượt, điềm tĩnh trấn an cô ta - trong khi những người quanh đó vẫn lặng im như tờ - rồi người phụ nữ nhỏ bé hiền thực đó, với một biểu cảm lạ lùng rõ là chẳng hiền thực gì trên mặt, lão đảo bước ra khỏi phòng ăn và theo chân bà y tá Smith lên gác. Cô ta băng qua người chồng trên đường đi lên, chẳng nói lấy một lời. Conrad chệnh choáng bước vào phòng và ngồi xuống. Như thể đang chờ sẵn hành động ấy, như thể sự đi vào của Conrad là một dấu hiệu, phu nhân Hatter đập cái ầm xuống bàn. Mọi người đều giật nảy mình, tất cả ngoại trừ Louisa, người dính chặt hơn vào khuỷu tay của bà mẹ. “Giờ thì!” bà ta bật khóc.

“Lạy trời, giờ chúng ta có thể tìm hiểu ngọn nguồn chuyện này. Bác sĩ Merriam, thứ gì trong ly cocktail đã làm con chó thành ra như thế?”

Bác sĩ Merriam lầm bầm: “Chất *Strychnine*.”

“Chất độc à? Tôi cũng nghĩ thế, nhìn con chó là biết.” Phu nhân Hatter dường như rướn cao hơn đến vài phân, bà ta gườm gườm nhìn toàn thể gia đình. “Ta sẽ tìm cho ra chuyện này, lũ quỷ vô ơn!” Barbara khẽ thở dài, cô ta đặt những ngón tay dài thanh tú lên phần lưng chiếc ghế và ngả người ra sau.

Bà mẹ gay gắt nói tiếp bằng giọng lạnh lùng. “Đó là thức uống của Louisa. Nó uống một ly như thế mỗi ngày, vào cùng một thời gian tại cùng một chỗ. Tất cả đều biết thế. Kẽ bỏ chất độc vào đồ uống giữa thời điểm Arbuckle đặt nó xuống chiếc bàn ăn và thời điểm thằng quỷ sứ kia bước vào và vỗ lấy cái ly, hẳn đã biết rằng Louisa sẽ uống nó!”

“Mẹ,” Barbara lên tiếng, “thôi đi.”

“Yên nào! Thói háu ăn của Jackie đã cứu mạng Louisa và khiến nó suýt chết. Louisa tội nghiệp đã an toàn, nhưng sự thật vẫn còn đó là có người

định đầu độc nó.” Phu nhân Hatter ôm chặt đứa con mù cầm điếu vào lòng, Louisa chỉ biết khóc thút thít bằng những âm thanh chẳng rõ lời. “Mẹ đây, mẹ đây, con yêu,” bà mẹ già dỗ dành, như thể Louisa có thể nghe được, và khẽ vuốt mái tóc cô ta. Rồi giọng bà ta lại rít lên the thé. “Ai đã bỏ độc vào đồ uống?”

Jill khịt mũi. “Đừng làm quá như thế, mẹ.”

Conrad khẽ đáp lại: “Mẹ nói chẳng có lý gì cả. Làm gì có ai trong bọn con dám nghĩ tới...?”

“Ai? Tất cả bọn mày! Bọn mày ghét nó không để đâu cho hết! Lou khiếm khuyết tội nghiệp của mẹ...” Đôi tay bà ta siết chặt Louisa. “Sao đây?” bà ta gầm gừ, cả cơ thể già nua rung lên vì giận dữ. “Lên tiếng đi! Ai đã làm vậy?”

Bác sĩ Merriam lên tiếng: “Bà Hatter.”

Cơ thịnh nộ của bà ta liền tan biến ngay, thay bằng sự ngờ vực trong đáy mắt. “Khi tôi muốn ý kiến của ông, Merriam, tôi sẽ hỏi. Đừng xía vào chuyện này!”

“Chuyện đó,” bác sĩ Merriam lạnh nhạt đáp, “tôi e là không thể.”

Cặp mắt bà ta nheo lại. “Ý ông là sao cơ?”

“Nghĩa là,” bác sĩ trả lời, “bốn phận của tôi phải được ưu tiên. Đây là một hành vi tội ác, thưa bà Hatter, và tôi không có lựa chọn nào khác.” Ông ta chậm rãi bước tới góc phòng nơi có chiếc điện thoại nối dài đặt trong hộc.

Người phụ nữ già chừng hừng, khuôn mặt bà ta tái đi như Jackie vừa xong. Buông Louisa ra, bà ta lao tới và tóm lấy vai bác sĩ, bắt đầu lay ông ta dữ dội. “Không, ông không được phép!” bà ta la lớn. “Ôi, không, đồ trời đánh thánh vật kia! Ông định công khai ra sao? Thêm chuyện thiên hạ, thêm... Đừng đụng vào nó, Merriam! Tôi sẽ...”

Mặc kệ cho bà ta điên cuồng níu chặt lấy cánh tay mình, miệng thì không ngừng trút lên đầu ông những tiếng chửi rủa, bác sĩ Merriam vẫn bình tĩnh cầm lấy điện thoại. Và báo cho trụ sở cảnh sát.

MÀN I

*“Một vụ giết người, dù không có lưỡi,
sẽ lên tiếng với chất giọng điệu kỳ nhất.”*

CẢNH 1

Lâu Đài Hamlet
Chủ Nhật, Ngày 17 Tháng Tư
12:30 A.M

Khởi thủy, thanh tra Thumm mơ màng, Chúa tạo ra thiên đường và trần thế, Con người đã làm một việc thật vĩ đại nữa, đặc biệt khi con người tới sông Hudson, cách trung tâm thành phố vài cây, ở quận Westchester.

Viên thanh tra cừ khôi này hiếm khi có tâm trạng đức hạnh hay duy mỹ, từ lúc ngài thấy cần thiết phải mang lên đôi vai rộng của mình sức nặng đặc biệt của trách nhiệm người cảnh sát, nhưng ngay cả với một ngài thanh tra đầy những ý nghĩ trần tục, vẫn không thể nào duy trì sự vô tình thêm nữa trước vẻ đẹp xung quanh.

Chiếc xe của viên thanh tra đang lê qua một con đường hẹp hút gió, thẳng tắp, như đường lên thiên đàng, với cảnh tượng huyền ảo rồi rằm hơn cả những bức tường có lỗ thành lũy, tháp nhọn bao quanh bằng cỏ cây hoa lá, được che phủ bên trên bằng mây trắng xanh, và để tương phản là một tia nước nhỏ của sông Hudson, với những gợn sóng xanh biếc trộn lẫn với các đốm trắng của thuyền bè bé tí ở xa đằng dưới. Không khí mà viên thanh tra hít sâu vào hai lá phổi được rắc thêm mùi gỗ và thông lá kim, hoa và bụi thơm, mặt trời buổi trưa đang chiếu rực rỡ, bỗng làn gió nhẹ tháng Tư mang hơi lạnh luồn qua mái tóc hoa râm của ngài. Thật vui mừng khi vẫn còn sống, viên thanh tra phản ứng đầy dứt khoát khi ngài ta điều khiển xe trước một khúc quanh bất ngờ trên đường, có tội hay vô tội. Đây không phải chuyến viếng thăm lần đầu tới lâu đài Hamlet, nơi trú ngụ lạ thường

của Drury Lane, viên thanh tra nghĩ, và cứ mỗi lần tới đó thì cái nơi chết tiệt ấy lại càng trở nên thân thiết hơn.

Ngài thanh tra cho xe dừng lại trước cây cầu nhỏ quen thuộc, tiền đồn án ngữ vùng đất của Drury Lane, và vẫy tay như trẻ con với người đứng gác, một ông già nhỏ thó hồng hào cười tươi rói đang làm động tác vuốt tóc chào lịch sự. “Chào bác! Thumm kêu to. “Hôm nay ngài Lane có nhà không nhỉ?”

“Dạ có, thưa ngài,” người gác cầu đáp lời. “Có, thưa ngài. Cứ rẽ phải rồi đi tiếp, ngài thanh tra. Ngài Drury bảo ngài luôn được tiếp đón. Chính lối đó ạ!” Ông ta chạy tới chỗ cây cầu, kéo mạnh cánh cửa kéo kẹt ra đằng sau và ra hiệu cho chiếc xe của viên thanh tra băng qua mặt cầu bằng ván gỗ vừa cổ vừa lạ.

Viên thanh tra thở phào nhẹ nhõm và nhấn chân ga. Một ngày đẹp trời chết tiệt, ờn trời! Khung cảnh thật thân quen - con đường rải sỏi tuyệt mỹ, bụi cây hoang xanh mướt, và đột nhiên, như trong một giấc mơ lạ thường, một khoảng rừng trống hiện lên trước tòa lâu đài. Không chỉ nằm cao chót vót trên vách đá dốc cheo leo cách sông Hudson cả trăm mét, tòa lâu đài còn là đỉnh cao ước nguyện của ngài Drury Lane.

Ý tưởng về nó đã bị các nhà phê bình hiện đại chỉ trích, kiến trúc của nó bị đám chim non em chĩa từ Viện công nghệ Massachusetts chê bai, những kẻ có hàng đồng bản vẽ với cấu trúc tháp nhọn bằng thép cao vút và những thành trì bằng bê tông vững chắc. Người tạo ra nó bị chế giễu là “Khốt ta bít,” “Đi sau thời đại,” “Gã hề nửa mùa,” -cái biệt danh cuối là do một thanh niên nghiêm túc từ một ngôi trường mới về phê bình kịch nghệ đặt cho, người mà bất kỳ nhà soạn kịch nào sống trước thời Eugene O'Neill và bất kỳ diễn viên nào sinh trước Leslie Howard đều chỉ là hạng “vớ vẩn,” “tầm phào,” “cổ lỗ,” và “không đáng nói.”

Nào đã hết, với những khu vườn nhiều cây trồng, những cây thủy tùng được lựa cẩn thận, một ngôi làng thời nữ hoàng Elizabeth với nhà có mái hiên, đường sỏi, vỉa hè, cầu kéo có hào bao quanh, và trên tất cả là sự kỳ vĩ của kiến trúc đá tảng tạo nên chính tòa lâu đài. Nó là một miếng thịt mỡ của kiến trúc thế kỷ 16, một miếng bánh thời phong kiến Anh, và chút gia

vị từ Shakespeare... sự bài trí quen thuộc cho một quý ông già ẩn cư giữa những kỷ vật thời trai trẻ. Cái thời mà ngay cả những tay phê bình khó tính nhất cũng không thể phủ nhận, cái thời đã được hào phóng hiến dâng cho sự bất diệt của kịch nghệ, hiến dâng thứ như tài năng thiên phú cho sự nghiệp trong cái nhà hát đã mang đến cho ông một gia tài lớn, danh tiếng lớn, và một niềm hạnh phúc cá nhân vô bờ.

Và đây là nơi cư ngụ của ngài Drury Lane, ông hoàng đã thoái vị của sân khấu. Kệ cho đám đông xô bồ thành thị kia đánh giá thế nào, thanh tra Thumm tự rút ra quan điểm riêng. Một ông già khác mở cánh cửa sắt nặng nề trên bức tường đá cao bao quanh lâu đài, đây chính là sự yên bình và nó thật đẹp, nó là sự giải thoát cho bầu không khí quay cuồng của New York.

Thumm nhấn phanh đột ngột, và chiếc xe kít lên dừng lại. Cách bên trái viên thanh tra sáu mét là một cảnh tượng đáng kinh ngạc. Một vườn hoa tulip với bồn nước bằng đá có hình nàng tiên cá Ariel đang mỉm cười... nhưng chính con người với bàn tay xương xẩu rám nắng đang té nước trong bồn mới thu hút ông. Suốt quãng thời gian quen biết Drury Lane và người hầu của ông ta, viên thanh tra chưa từng mất đi cái cảm giác huyền ảo lạ kỳ khi trông thấy vị thần lùn già này. Ông ta nhỏ thó, da rám nắng, nhăn nheo, hói đầu, râu mọc rậm, và trên lưng của người lùn là một cái bướu gù lên - con người đáng kinh ngạc này mang tạp dề da, một hình ảnh thợ rèn hài hước. Con người gù lưng cổ lổ đó nhìn lên, cặp mắt nhỏ tinh tường sáng lên. “Xin chào, Quacey!” viên thanh tra la lớn. “Ông đang làm gì thế?”

Quacey, người gắn bó mật thiết với quá khứ của Drury Lane - người làm tóc và trang điểm suốt bốn chục năm - đặt đôi bàn tay nhỏ bé lên cặp môi cong mỏng. “Tôi đang quan sát con cá vàng,” ông ta đĩnh đạc nói, bằng chất giọng khò khè cụt lùn của người cao tuổi. “Ngài là người lạ ở đây, thanh tra Thumm!”

Thumm bước ra khỏi xe và vươn hai cánh tay ra. “Tôi cũng đoán thế. Tình hình ông già thế nào?”

Bàn tay của Quacey phóng ra như một con rắn và rút ra khỏi mặt nước với một thứ nhỏ bé giãy giụa. “Màu sắc đẹp thật,” ông ta nhận xét, khẽ chép đôi môi mỏng. “Ông bảo ngài Drury ư? Khỏe, rất khỏe.”

Ông ta đột nhiên mở lời, và tỏ ra buồn phiền. “Ông già ư? Ngài ấy còn trẻ hơn cả anh, thanh tra Thumm à, và anh biết điều đó. Ngài ấy mới sáu mươi, ngài Drury, nhưng có thể bỏ xa anh như... như một con thỏ, và ngài ấy bơi sáu kilômét trong hồ nước lạnh đằng sau kia mỗi sáng. Anh có làm vậy được không?”

“Chà, chắc là không,” viên thanh tra trả lời với một nụ cười, cẩn thận bước men theo luống hoa tulip. “Ông ấy đâu?”

Con cá vàng mất đi dũng khí, và đột nhiên nó ngừng không quẫy nữa. Với vẻ gần như tiếc nuối, người lưng gù ném nó trở lại dòng nước. “Đằng sau đám cây thủy lạp. Họ đang cắt tỉa chúng. Một người duy mỹ tuyệt vời, ý tôi là ngài Drury. Những người làm vườn yêu thích...”

Nhưng viên thanh tra, cười khoái chí, đã bước vượt lên trên ông già - không quên tiện tay chạm vào cái bấu kỳ cục kia, với Thumm đó là một người thợ xuất chúng. Quacey cười ha hả và nhúng cả hai bàn tay như vuốt chim săn mồi vào làn nước.

Thumm đến chỗ một cây thủy lạp bị cắt cụt có tính toán, đằng sau nó là một đồng vụn và vết khía do công việc, cùng với giọng nói thâm trầm dễ chịu của Lane, một chất giọng không thường thấy. Thumm bước tới và cười tươi với một người cao gầy mặc quần nhung bao quanh với một đám thợ làm vườn. “Ngài Drury Lane đây rồi, bằng da bằng thịt,” viên thanh tra thốt lên, chìa bàn tay hộ pháp ra. “Chà chà! Ngài không thể già đi chút nào sao?”

“Thanh tra!” Lane reo lên bằng giọng vui mừng. “Một bất ngờ thú vị. Trời ạ, tôi rất mừng được gặp ngài!” Ông buông cái kéo nặng xuống và bắt chặt tay Thumm. “Sao ngài tìm được tôi? Mọi người thường tha thân quanh lâu đài Hamlet hàng giờ trước khi tìm thấy gia chủ là tôi.”

“Quacey,” viên thanh tra đáp, ngồi vội xuống thảm cỏ rực rỡ. “A... a.. a! Cảm giác thật tuyệt! Ông ta đang ở chỗ vùi phun.”

“Tra tấn con cá vàng, tôi biết thừa,” Lane cười khẩy.

Ông gập người lại như một cái lò xo và ngồi xuống bên cạnh viên thanh tra, “Thanh tra, ngài đang nặng nề hơn đấy,” ông phê bình, khi nhìn vào

chỗ bụng phê của Thumm. “Ngài nên tập luyện thêm. Từ lần trước ta gặp nhau ngài phải tăng thêm dăm ký rồi đây.”

“Ngài nói chuẩn không cần chỉnh,” Thumm làu bàu. “Xin lỗi vì tôi không thể khen trả như thế. Ngài trông phong độ tuyệt vời luôn.”

Ngài thanh tra quan sát người bạn đồng hành với vẻ dường như là thiện ý. Lane là người cao và gầy, còn tràn đầy sinh lực nữa. Dù bộ râu bạc trắng đã mọc rậm quanh cổ, ông ấy dường như chỉ mới tứ tuần chứ không phải đã sáu mươi: nét mặt cổ điển nghiêm nghị của ông không hề có chút nếp nhăn và vẫn tươi trẻ. Trong cặp mắt xanh xám, vừa sắc vừa sâu, dĩ nhiên là chẳng có chút tuổi già nào. Sau chiếc áo trắng với cổ áo mềm là một cần cổ cứng cáp, vạm vỡ và cường tráng. Khuôn mặt ông, với vẻ trầm tĩnh bất động mà vẫn đủ khả năng bất ngờ chuyển trạng thái, là khuôn mặt của một người đang ở đỉnh cao phong độ. Ngay cả giọng nói của ông, mạnh mẽ, đầy uy lực, lại vừa sắc nhọn như mũi kiếm cho những biểu đạt cần thiết - chất giọng như rót mật vào tai đám đông thính giả - cũng khiến ta nhầm tưởng về những năm tháng hơi phiêu lãng. Nhìn chung thì ông để lại ấn tượng về một nhân vật lạ thường.

“Có gì đó,” Drury Lane nháy mắt nhận xét, “gì đó không hoàn toàn là chuyện xã giao khiến ngài phải đi xa từ tận thành phố đến đây, thanh tra à. Suy luận cơ bản thôi, từ khi ngài chẳng thèm thăm hỏi tôi suốt mùa đông - thực ra thì, từ lúc đỉnh điểm của cái vụ Longstreet*. Có chuyện gì khiến đầu óc các ngài phải vương bận à?” Cặp mắt xuyên thấu của ông dán vào đôi môi của viên thanh tra. Người nghệ sĩ này bị điếc nặng, đó chính là nguyên nhân buộc ông phải giải nghệ sân khấu. Với khả năng lạ thường trong việc thích ứng với hoàn cảnh mới, ông đã nhanh chóng tự học được kỹ năng đọc môi, ông thành thạo nó tới mức hầu như ai giao tiếp với ông đều không nghĩ ông bị điếc.

Thumm tỏ vẻ ngập ngừng. “Tôi không nên nói ra. Tôi không nên xác nhận gì cả, ngài Lane... Nhưng đúng là có chút chuyện đang diễn ra ở New York khiến chúng tôi mệt đầu. Tôi nghĩ ngài sẽ muốn thử xem qua, đại loại thế.”

“Một tội ác,” người nghệ sĩ trầm tư. “Không phải vụ nhà Hatter đấy chứ?”

Viên thanh tra tươi tỉnh. “Vậy là ngài đã đọc vụ đó trên báo! Vâng, chính là cái nhà Hatter Điên loạn ấy. Âm mưu hạ độc người con gái cả của bà già đó - Louisa Campion.”

“Cô ta bị câm, điên và mù.” Lane nghiêm nghị. “Cô ta khiến tôi quan tâm đặc biệt đấy, ngài thanh tra. Một ví dụ điển hình cho khả năng của con người trong việc vượt qua những bất lợi về thể chất... Và, tất nhiên, các ngài đã không thành công.”

“Vâng,” viên thanh tra tỏ vẻ bức dọc, tiện tay vặt một nắm cỏ trên mặt đất. Khung cảnh tươi đẹp này dường như đột nhiên không còn được Thumm để mắt tới. “Bỏ tay hoàn toàn. Chẳng biết mò mẫm ra sao nữa.”

Lane sắc sảo nhìn viên thanh tra. “Tôi đã đọc mọi thông tin trên các báo,” ông nói, “dù có thể những chi tiết bị cắt xén và toàn bộ câu chuyện chưa được kể. Dù sao thì tôi biết chút ít về gia đình này, vụ hạ độc món cocktail, đứa cháu suýt chết vì tham ăn - tất cả bề nổi của sự thật.” Ông đứng phắt dậy. “Ngài đã dùng bữa trưa chưa, thanh tra?”

Thumm cào cào cặp hàm xanh. “Chà... tôi cũng chưa đói lắm...”

“Vớ vẩn!” Lane chộp lấy cánh tay lực lưỡng của Thumm và lôi dậy. Viên thanh tra ngạc nhiên khi thấy mình gần như bị nhấc lên khỏi thảm cỏ. “Theo tôi và đừng làm bộ thể. Chúng ta sẽ ăn gì đó và thảo luận vấn đề của ngài khi cùng uống cạn bia lạnh. Ngài vẫn thích uống bia mà, nhỉ?”

Thumm lê chân đi và trông có vẻ khát. “Tôi chẳng nói mình thích, nhưng tôi cũng chẳng nói không...”

“Tôi nghĩ vậy. Các ngài đều giống nhau. Thận trọng nhưng thích thì nhích. Nhiều khả năng cũng sẽ thuyết phục được Falstaff, người quản gia nhỏ của tôi, để phục vụ chút rượu, xem nào, Martel Ba sao...”

“Không!” viên thanh tra phẫn khởi đáp lời. “Giờ ư, trời ạ, chúng ta đang bàn chuyện mà, ngài Lane!”

Ngài Drury Lane tản bộ dọc theo vỉa hè cong cong và nở nụ cười thầm khi thấy cặp mắt bắt đầu trở nên ngờ ngàng của vị khách. Sau khi đi qua đám cây cối, họ tiến tới ngôi làng cổ bao quanh lâu đài. Những mái ngói

thấp đỏ và con đường rải sỏi, những lối đi hẹp, mái nhọn và hiên đầu hồi, tất cả đều hết sức quyến rũ. Viên thanh tra ngờ ngàng đến ngây người. Chỉ khi trông thấy một đám đàn ông, phụ nữ mặc quần áo của thế kỷ XX thì ngài mới bắt đầu bình thường trở lại. Dù đã ghé lâu đài Hamlet không ít lần, nhưng đây là lần đầu tiên Thumm tới ngôi làng này. Họ dừng chân trước một kiến trúc thấp màu nâu với cửa sổ có chấn song và có biển gỗ treo bên ngoài. “Ngài đã nghe về quán Mermaid Tavern, nơi gặp gỡ của Shakespeare, Ben Jonson, Raleigh, Francis Beaumont và những người khác chưa?”

“Hình như tôi biết đấy,” viên thanh tra tỏ vẻ kinh ngạc, “ở London, quán rượu này là nơi lũ choai choai rủ rê tới ăn nhậu đập phá.”

“Chính xác. Ở phố Bread, Cheapside - gần phố Friday. Và còn hàng tá tên tuổi kỳ lạ ngài có thể nhận ra khi đến đó vào các Chủ nhật. Đây,” Drury Lane tiếp tục, với một động tác khom người lịch sự, “là bản sao hoàn chỉnh nhất của quán rượu bất diệt đó, thừa thanh tra. Cùng vào thôi.”

Thanh tra Thumm cười tươi. Căn phòng với trần bằng xà dầm đầy những khói thuốc, tiếng huyền não và mùi rượu bia nồng nặc. Viên thanh tra gật gù tán thưởng. “Nếu đây là kiểu giải trí của các chàng trai từ vài trăm năm trước, thì ngài Lane ạ, tôi tới luôn. Được đấy!”

Một người dáng thấp bụng phệ với nước da đỏ au, với tạp dề trắng tinh quần chặt quanh eo, hối hả lao đến chào mừng họ.

“Ngài còn nhớ Falstaff, nhà vô địch Falstaff không?” Lane hỏi, vỗ vào mái đầu hói của mình.

“Nhớ chứ!”

Falstaff khom người và cười tươi. “Vại đây chứ, ngài Drury?”

“Đây, và thêm một vại cho thanh tra Thumm, cùng một chai brandy, và thêm đồ nhắm ngon. Tới đây nào, thanh tra.” Ông dẫn lối qua căn phòng đông đúc, gật đầu và mỉm cười với đám thực khách ồn ã. Họ tìm thấy một góc bàn trống và tự ngồi xuống một băng ghế dài. Falstaff, với tư cách chủ quán hơn bao giờ hết, đôn đốc việc chuẩn bị món khai vị bữa trưa và tự mình đưa lên phục vụ. Viên thanh tra thở dài một hơi và vục cả chiếc mũi to vào vại bia đầy bọt.

“Giờ thì, thanh tra,” người nghệ sĩ nói, khi Thumm đang mãi nhai miếng ngon cuối và cạn nốt chỗ rượu trong chai, “kể cho tôi chút gì đó về vấn đề của các ngài đi.”

“Có một sự rắc rối,” viên thanh tra phàn nàn. “Chẳng có gì nhiều để kể đâu. Nếu ngài đã đọc báo thì cũng biết gần bằng tôi rồi. Ngài cũng biết chuyện ông chồng bà già đó tự tử vài tháng trước rồi phải không?”

“Biết. Tất nhiên là đầy tin về vụ mất tích của York Hatter trên các mặt báo rồi. Kể tôi nghe tình hình khi ngài tới hiện trường vụ kia xem nào.”

“Được thôi,” Thumm đáp lời, ngả người ra sau tựa vào lưng ghế cao, “điều đầu tiên tôi làm là muốn xác định thời điểm khi chất *Strychnine* được đưa vào món cocktail. Đầu bếp và quản gia, bà Arbuckle, đã đặt chiếc ly trên bàn phòng ăn lúc 2 giờ 25 chiều, và tầm năm đến mười phút sau, tôi ước chừng như thế, thì bà Hatter cùng cô con gái mù cầm điếu bước vào và thấy Jackie, đứa cháu tinh nghịch đang uống trộm thứ cocktail làm riêng kia. Chẳng có thông tin gì nhiều phải không?”

“Không,” Lane đáp lời. “Từ hoàn cảnh có liên quan, mà tôi tin là các ngài đã thông tin cho cánh báo chí, những ai đã có cơ hội hạ độc vào đồ uống. Ngài đã thẩm vấn cậu nhóc để xác định thời điểm nó lên vào phòng ăn chưa?”

“Rồi, nhưng trẻ con mà. Biết trông đợi gì đây? Nó nói nó lên vào phòng ngay trước khi bà nội và bác Louisa bước vào. Và chúng tôi không thể xác định được ai có thể lên vào đó trước thằng nhóc.”

“Tôi hiểu. Đứa trẻ đã hồi phục rồi nhỉ?”

Thanh tra Thumm khịt mũi. “Ồn rồi. cần thêm chút độc nữa để giết nó. Đúng là trẻ con! Hạng trẻ ranh làm người ta muốn tức chết. Tất nhiên là nó không muốn uống trộm chỗ cocktail - không, tất nhiên rồi! Nó chẳng biết sao lại muốn uống nó. Nó bảo: ‘Bà nội Emily dọa cháu sợ, thế là cháu nuốt luôn.’ Kiểu như thế. Tiếc là nó không nuốt thêm tí nữa.”

“Tôi cực kỳ là ngài không phải cậu ấm cô chiêu gì khi còn nhỏ, thanh tra à,” Lane khẽ cười. “Vậy suốt quãng thời gian mà nhiều khả năng món cocktail bị hạ độc, mọi người đang làm gì ở đâu? Thông tin báo chí không rõ ràng.”

“À, vâng, lộn xộn lắm, ngài biết đấy. Viên thuyền trưởng, Trivett - ông ta ở ngay phòng bên cạnh, là thư viện, để đọc báo. Nhưng ông ta bảo chẳng nghe thấy gì hết. Còn Jill Hatter, cô ta ở trong phòng trên gác, sắp thức dậy, trên giường. Lúc hai rưỡi chiều, xin nhắc lại!”

“Hẳn là cô gái trẻ đã đi chơi đêm,” Lane nhận xét cộc lốc, “trong một cuộc vẫn được gọi là cuộc rượu triền miên, tôi đoán thế. Như một kẻ vô luân. Thế còn những người khác?”

Thumm đưa ly rượu brandy lên nhìn với vẻ buồn rầu. “Còn cái cô Louisa - người lạ lùng - vẫn thường ngủ trưa một chút. Cô ta và mẹ nằm cùng một giường trên gác. Đại khái là bà Hatter, người vừa ra vườn để chuốc phiền cho ai đó, đã lên phòng đánh thức Louisa, và gần tới hai rưỡi thì họ xuống lầu cùng nhau, đi tới chỗ món cocktail. Còn tay hám gái, Conrad - cha của đứa trẻ - thì cứ quanh quẩn khắp hành lang khu phía đông tòa nhà và hút thuốc. Anh ta khai rằng bị đau đầu - phần nhiều do say rượu - và muốn được hít thở. Còn cô con gái chuyên viết thơ, Barbara Hatter - một nhân vật quan trọng, tôi hiểu, và mang về con người nhất trong đám người kia, ngài Lane ạ, chỉ là một cô gái đẹp có đầu óc - cô ta đang viết lách trong phòng trên gác. Bà Smith, y tá của Louisa, thì có phòng ngủ ngay cạnh buồng của Louisa, trông được xuống hành lang phía đông - cô ta khai đang ở trong phòng mình và đọc báo Chủ nhật.”

“Còn những người khác?”

“Linh tinh cả. Bà quản gia Arbuckle thì ở sau bếp, dọn rửa sau bữa trưa với cô hầu Virginia. Ông chồng George Arbuckle thì ở trong gara đằng sau và lau chùi xe. Chỉ thế thôi. Khá là vô vọng, phải không?”

Lane gật đầu, cặp mắt ông dán chặt vào đôi môi của viên thanh tra. “Vi thuyền trưởng một chân Trivett,” ông nói. “Một nhân vật thú vị. Ông ta khớp vào chỗ nào của câu đố đây, hả thanh tra? Ông ta làm gì trong tòa nhà đó lúc hai rưỡi Chủ nhật?”

“Ô, ông ta,” Thumm lẩm bẩm. “Ông ta là một cựu thuyền trưởng, sống cạnh gia đình Hatter khá nhiều năm rồi - mua chỗ đó khi ông ta nghỉ hưu. Chúng tôi đã điều tra ông ta, đừng lo. Giàu sụ ra - ông ta đã đi biển với con tàu chở hàng của mình suốt ba chục năm. Bị buộc phải nghỉ hưu sau một

trận bão tồi tệ trên biển Nam Đại Tây Dương. Biển cả nổi sóng và đánh văng ông ta xuống nước - một chân bị va đập vào nhiều chỗ. Viên thuyền phó khiến cái chân ấy bị nhiễm trùng, và khi cập cảng thì họ buộc phải cắt bỏ. Đó quả là một ông già biển cả.”

“Nhưng ngài chưa trả lời câu hỏi của tôi, thanh tra,” Lane nhẹ nhàng nói. “Sao ông ta lại hiện diện trong nhà họ?”

“Tha cho tôi đi được không?” Thumm lầu bầu.

“Vậy mạn phép. Tôi đang cảm thấy thư thái thì ngài nhắc tôi về vụ việc này... Trivett luôn lui tới nhà Hatter. Họ bảo ông ta là người bạn thực sự duy nhất của York Hatter - hai ông già đơn độc kết thân với nhau, tôi đoán là, bởi họ có chung nỗi cô đơn. Trivett cũng bị sốc vì vụ mất tích và tự tử của York Hatter, tôi hiểu. Nhưng ông ta không hề ngừng viếng thăm. Ngài thấy đấy, ông ta như ánh nắng chiếu vào Louisa Campion - có lẽ bởi cô ta là một người dịu dàng bị khuyết tật nặng chẳng biết phàn nàn, còn ông ta thì bị mất một chân. Nhiều khả năng. Những khiếm khuyết thân thể mang người ta lại gần nhau. Vậy là vị thuyền trưởng tốt bụng chỉ đơn thuần là đến để thăm hỏi Louisa Campion?”

“Đó là tấm vé vào cửa. Tìm đến cô ta mỗi ngày. Họ đã đủ thân thiết, và ngay cả bà mẹ cũng tán thành - thậm chí là quá mừng vì có người chịu để ý tới một người câm điếc - Chúa mới biết sao những người khác không làm thế. Ông ta tới vào tầm hai giờ chiều, bà Arbuckle bảo rằng Louisa đang ngủ trên gác, và ông ta vào thư viện ngồi chờ. Làm thế nào họ giao tiếp được, thanh tra? Rốt cục thì đó vẫn là một phụ nữ tội nghiệp không thể nghe, nhìn hay nói chuyện.”

“À, họ hẳn đã tìm ra cách nào đó,” viên thanh tra đáp. “Cô ta không bị điếc cho đến khi mười tám tuổi, và trước thời điểm đó cô ta đã được học nhiều thứ. Dù sao thì chủ yếu vẫn là thuyền trưởng Trivett ngồi và nắm tay cô ta. Cô ta cũng khá thích ông ta.”

“Khổ thân họ! Giờ thì thanh tra, về phần chất độc *Strychnine*. Ngài đã thử xác minh nguồn gốc của nó chưa?”

Thumm cười chua chát. “Thật không may. Chúng tôi tóm lấy đầu mỗi này ngay từ đầu. Tất nhiên rồi. Nhưng đó là đường cụt. Ông thấy đấy, York

Hatter chưa bao giờ quên đi niềm yêu thích hóa học - đam mê cháy bỏng từ khi còn là một chuyên viên nghiên cứu hóa chất thời trai trẻ, tôi hiểu là như thế. Ông ta có bố trí một phòng thí nghiệm trong buồng ngủ. Thường dành ra cả ngày trong đó.”

“Lối thoát cá nhân khỏi cuộc sống đáng ghét. Hẳn là vậy. Và chất *Strychnine* đến từ phòng thí nghiệm đó?”

Thumm nhún vai. “Tôi đoán thế. Ngay cả ở đó, chúng tôi cũng gặp rắc rối. Kể từ khi ông chồng qua đời, bà ta đã cho khóa chặt phòng thí nghiệm đó lại. Nghiêm cấm lui tới, không ai được phép đi vào. Một kiểu lãng mộ tưởng nhớ, đại loại thế. Bà ta muốn giữ nó y nguyên như lúc York Hatter bỏ đi - đặc biệt là hai tháng trước đây khi cái xác được tìm thấy và ông ta được xác định là đã chết. Thấy không? Chỉ có một chìa khóa, và bà ta lúc nào cũng mang theo nó. Không còn lối vào nào khác - mọi cửa sổ đều có song sắt. Ngay khi biết về căn phòng thí nghiệm đó, tôi đã chạy lên đó xem xét, và...”

“Ngài có chìa khóa từ bà Hatter ư?”

“Vâng.”

“Bà ta luôn giữ nó suốt thời gian qua, ngài chắc chứ?”

“Đấy là bà ta bảo thế. Dù sao, chúng tôi cũng tìm thấy những viên thuốc chứa *Strychnine* trong một cái lọ trên đồng giá để đồ mà Hatter đã dựng lên. Nên chúng tôi đoán chất độc đến từ cái lọ đó - thật dễ để cho một viên vào món cocktail so với việc mang theo một nhúm bột hay chất lỏng. Nhưng làm cách nào mà có kẻ vào được trong đó?”

Lane chưa vội trả lời ngay. Ông ngoắc ngón tay dài, rắn chắc, màu xám về phía Falstaff. “Rót thêm bia... Một câu hỏi hoa mỹ, thanh tra à. Cửa sổ có song sắt - Hatter hẳn đã quá muốn bảo vệ con đường trốn thoát của mình - cửa thì khóa, và chiếc chìa duy nhất luôn nằm trong tay bà Hatter. Hừm... Không cần thiết phải có một sự giải thích cầu kỳ. Có những thứ như là sắp in hình mà.”

“Hẳn rồi,” Thumm lầm bầm, “và chúng tôi lại không nghĩ đến thứ đó sao. Tôi có chỉ ra ba khả năng khả thi, ngài Lane à. Khả năng đầu tiên: kẻ hạ độc đã đánh cắp chất *Strychnine* từ phòng thí nghiệm trước khi York

Hatter biến mất, khi căn phòng để mở và ai cũng vào được, hẳn cất giữ chất độc cho đến hôm Chủ nhật rồi...”

“Mưu trí đấy,” Lane nhận xét. “Tiếp đi thanh tra.”

“Thứ hai, ai đó đã dùng sáp để sao chìa khóa, như ngài gợi ý, làm một chiếc chìa tự chế, và tiếp cận được phòng thí nghiệm để lấy chất độc ngay trước vụ mưu sát.”

“Hoặc là trước từ lâu rồi, phải không thanh tra?”

“Còn khả năng thứ ba, chất độc được đưa vào từ một nguồn bên ngoài.” Thumm nhận lấy vại bia đầy ắp bọt từ tay Falstaff, và uống cạn nó cho thỏa cơn khát. “Ngon lắm,” Thumm nói bằng giọng lú lú. “Ý tôi là bia. Chúng tôi đã làm mọi việc có thể làm. Giả thuyết về chiếc chìa khóa - có vẻ khả thi - công cuộc tổng rà soát mọi thợ khóa và cửa hàng ngũ kim... không phát hiện ra gì cả. Nguồn chất độc bên ngoài - chúng tôi đang tiến hành điều tra, tới nay vẫn chưa có tiến triển nào. Và tình hình tới hôm nay là thế.”

Lane trầm ngâm gõ tay lên mặt bàn. Quán đang vắng khách dần, họ gần như chỉ còn lại một mình. “Và ngài đã nảy ra ý nghĩ,” ông nói sau một hồi im lặng, “là món cocktail có thể bị hạ độc trước khi bà Arbuckle mang nó vào phòng ăn?”

“Trời đất ạ, ngài Lane,” Thumm lẩm bẩm, “ngài nghĩ tôi là ai chứ? Tất nhiên tôi nghĩ đến chuyện đó. Khám xét căn bếp, nhưng chẳng có dấu vết gì của chất *Strychnine* hay kẻ hạ độc. Tuy nhiên, quả là bà Arbuckle đã để thức uống trên bàn bếp trong vài phút và đi đến chỗ kho đồ ăn lấy gì đó. Cô hầu Virginia đã vào phòng khách một phút trước để dọn dẹp. Nên ai đó có thể lên vào bếp và hạ độc vào đồ uống trong khi bà Arbuckle không để ý.”

“Tôi bắt đầu đánh giá cao sự rắc rối của ngài rồi đấy,” Lane nói với một nụ cười rầu rĩ. “Và để bổ sung thêm, thanh tra à. Không còn ai khác trong tòa nhà vào chiều Chủ nhật đó ư?”

“Tôi chẳng phát hiện ra thêm ai nữa cả. Nhưng cửa trước không hề khóa, và bất kỳ ai cũng có thể lên vào mà không bị phát hiện. Việc chuẩn bị món cocktail hằng ngày trong gian bếp lúc hai rưỡi chiều thì nhà Hatter ai cũng biết hết.”

“Tôi hiểu là có người trong đám gia nhân đã không ở trong nhà khi vụ việc xảy ra - Edgar Perry, gia sư riêng cho hai đứa con của Conrad Hatter. Ngài đã kiểm tra anh ta chưa?”

“Chắc chắn rồi. Perry được nghỉ Chủ nhật đó, và sáng hôm ấy anh ta khai mình bận đi dạo, qua công viên Central - dành cả ngày cho bản thân. Không về nhà tới khi chiều muộn, khi tôi ghé qua đó trước.”

“Vậy anh ta phản ứng thế nào khi biết tin về vụ hạ độc?”

“Có vẻ kinh ngạc và, tôi nghĩ, khá là lo lắng khi biết tin đó. Không thể đưa ra lời giải thích nào.”

“Dường như chúng ta,” Drury Lane nhận xét, nụ cười biến mất khỏi khuôn mặt như tượng, một cái cau mày hiện ra giữa cặp mắt, “đang bị đẩy sâu vào một màn sương mù. Và động cơ? Mấu chốt của sự việc có thể nằm ở đó.”

Thanh tra Thumm cứ thế rên lên, như một người tráng kiện rỗng lên thể hiện sức mạnh. “Bất kỳ người nào trong số họ cũng có động cơ hết. Gia đình Hatter là một đám người dở hơi - điên có tổ chức, sung sức có đào tạo, ngoại trừ cái nàng thơ Barbara, mà ngay cô ta cũng gàn dở theo cách riêng, gàn dở bằng thơ ca. Ngài thấy đấy, bà Hatter dành cả đời để bao bọc cho đứa con gái mù câm điếc. Trông nom cô ta như một bà mẹ hổ. Ngủ chung phòng, tự tay cho ăn, giúp mặc đồ - dành cả đời để khiến Louisa thoải mái nhất có thể. Việc làm duy nhất khiến mẹ hồ ly tinh đó trông như con người.”

“Và, tất nhiên, những đứa con khác sẽ ghen tị,” Lane lầm bầm với đôi mắt sáng chột lóe lên. “Họ sẽ ghen tị. Sự mãnh liệt, hoang dại cộng với bản năng bạo lực không bị chi phối bởi bất kỳ sự suy xét đạo đức nào... Đúng thế. Tôi bắt đầu nhìn ra những khả năng rồi.”

“Tôi đã theo dõi họ suốt cả tuần,” viên thanh tra chen vào. “Sự chú tâm của bà mẹ dành cho Louisa kiên định đến mức những đứa con khác phát phiền và tị nạnh. Không phải chuyện hiền hòa thân thiện và con yêu mẹ, mẹ thân mến đâu!” Viên thanh tra mỉm cười tinh quái. “Tôi không nghĩ đó là tình yêu thương. Chỉ là sự kiêu căng và có phần ngang ngạnh. Hơn thế,

xin nhắc là còn liên quan đến chuyện Louisa không phải chị ruột của họ, thừa ngài Lane, mà chỉ là chị em cùng mẹ khác cha.”

“Có sự khác biệt đáng kể ở đây,” Lane đồng tình.

“Nó làm mọi chuyện thay đổi hẳn. Như Jill, đứa con út chẳng hạn, chẳng có ân oán gì với Louisa, tuyên bố sự có mặt của cô chị khiến ngôi nhà như có tang và không có người bạn nào của cô ta thích đến đó, vì Louisa khiến mọi người không thoải mái với những biểu hiện kỳ dị. Biểu hiện kỳ dị! Cô chị biết làm sao đây, nhưng Jill chẳng buồn bận tâm chút nào. Không phải cô ta. Giá mà cô ta là con gái tôi.”

Bàn tay Thumm vỗ bốp xuống bắp đùi mình. “Conrad cũng có suy nghĩ tương tự - luôn cãi nhau với bà mẹ nhằm đưa Louisa tới một tổ chức nào đó cho khuất mắt. Bảo rằng cô chị khiến họ không thể có cuộc sống bình thường được. Bình thường cơ đấy!” viên thanh tra cười nhạo. “Kiểu sống bình thường của hẳn là có rượu để sẵn dưới bàn và có gái vây quanh.”

“Còn Barbara Hatter?”

“Đó lại là một câu chuyện khác nữa.” Dường như Thumm có cảm tình với cô thi sĩ này, nên viên thanh tra nhăm nháp vại bia, liếm mép, rồi trả lời bằng giọng trầm ấm sau cái nhìn tò mò của Lane: “Điều tôi muốn nói - cô ta là một cô gái tốt, ngài Lane ạ. Tinh tế. Tôi không bảo cô ta yêu quý người chị, nhưng từ những gì tôi thấy thì Barbara xót thương cho người chị, cố giúp cô ta có chút niềm vui sống - điều mà ta mong một phụ nữ chân chính có trái tim sẽ thực hiện.”

“Cô Hatter này rõ là đã chinh phục được ngài.” Lane đứng dậy. “Theo tôi nào, thanh tra, ra hít chút khí trời.”

Thumm cố đứng dậy, tháo lỏng thắt lưng, và từ quán rượu bước ra con đường nhỏ lạ kỳ. Họ quay trở lại chỗ khu vườn. Lane đắm chìm trong suy tư, cặp mắt ông u uất và miệng ông mím lại.

Thumm bước theo sau với vẻ buồn bã. “Conrad và vợ anh ta không hòa hợp lắm, tôi nhận ra...” Lane cuối cùng cũng lên tiếng, thả mình xuống một băng ghế đẽo thô. “Ngồi xuống đi, thanh tra.”

Thumm nghe theo, vẻ yếu ớt, như một người đã chán việc suy nghĩ. “Họ không hợp. Như chó với mèo ấy. Cô vợ bảo rằng cô ta sẽ đem hai đứa nhỏ

đi khỏi ‘căn nhà đáng sợ này’ ngay khi cô ta có thể - bất ngờ ở chỗ cô ta nói thật luôn... Tôi biết thêm chút thông tin thú vị về cô ta từ bà Smith, Y tá của Louisa. Vài tuần trước Martha và bà mẹ chồng đã có ẩu đả. Hình như bà ta đã đánh lũ trẻ và thế là Martha tức điên lên. Gọi bà mẹ chồng là ‘đồ quỷ cái’ nguyên rủa bà ta là người chuyên chọc gậy bánh xe, và bảo rằng giá mà bà ta chết đi cho rồi - ngài biết phụ nữ phản ứng thế nào khi họ bị kích động rồi đấy. Đại loại là, nó biến thành một cuộc đấu bứt tóc. Bà Smith đưa lũ trẻ ra khỏi phòng - ai cũng sợ cứng người... Martha thì hiền như cừu, ngài hiểu chứ, nhưng khi điên lên thì ghê gớm lắm. Tôi thấy tội nghiệp cô ta, phải sống với một hội điên. Tôi sẽ không để con cái mình lớn lên trong một môi trường như thế, thực lòng mà nói.”

“Còn bà Hatter là một phụ nữ giàu có,” Lane trầm ngâm, như thể ông chưa hiểu hết ý câu chuyện của Thumm. “Có thể tiền là động cơ đằng sau...” Với mỗi khoảnh khắc trôi qua, ông lại trở nên âu sầu hơn.

Họ ngồi trong yên lặng. Không gian trở lạnh, từ ngôi làng nhỏ vang lên tiếng cười to. Viên thanh tra khoanh tay trước ngực, quan sát khuôn mặt Lane. Thứ mà ngài thấy rõ ràng không thỏa mãn, nên ngài cất tiếng: “Vậy, kết luận thế nào đây, ngài Lane? Có manh mối gì không?”

Drury Lane thở dài, khẽ cười, rồi lắc đầu. “Tiếc là tôi đâu phải siêu nhân, thanh tra à.”

“Ý ngài là?”

“Là tôi chưa có ý niệm mơ hồ nào cho câu trả lời. Ai đã bỏ độc vào đồ uống? Không có giả thuyết nào khả dĩ cả. Sự thật, sự thật - không đủ cho một giả thuyết xác đáng.”

Thumm lộ vẻ buồn bã. Ngài đã vừa mong vừa lo cái cảnh này. “Có gợi ý gì chẳng?”

Lane nhún vai. “Chỉ có một cảnh báo. Một kẻ hạ độc sẽ luôn là kẻ hạ độc. Không nghi ngờ gì, chắc chắn sẽ có lần mưu sát khác nhắm vào Louisa Champion. Tất nhiên là chưa diễn ra ngay đâu. Nhưng một ngày nào đó, khi kẻ hạ độc nghĩ rằng hãn an toàn...”

“Chúng tôi sẽ làm tất cả có thể để ngăn ngừa điều đó,” viên thanh tra đáp bằng giọng không quá tự tin.

Người nghệ sĩ già đột nhiên vươn thân hình gầy guộc đứng dậy, và Thumm ngẩng nhìn với vẻ kinh ngạc. Khuôn mặt Lane vẫn trơ trơ - dấu hiệu không thể sai của việc ông đang mãi suy nghĩ. “Thanh tra. Tôi hiểu là bác sĩ Merriam đã lấy mẫu chất độc từ chỗ cocktail bị đổ trên sàn phòng ăn đúng không?” Thumm gật đầu, tò mò dõi theo. “Và bên pháp y đã phân tích mẫu đó phải không?”

Viên thanh tra nhẹ người. “À,” ngài trả lời. “Vâng, chính bác sĩ Schilling đã xét nghiệm trong phòng thí nghiệm thành phố.”

“Đích thân bác sĩ Schilling đã thông báo kết quả phân tích ư?”

“Này, này!” viên thanh tra đáp. “Ngài nghĩ sao vậy? Chẳng có gì kỳ bí ở đây cả, ngài Lane. Chính ông ấy đã báo cáo kết quả.”

“Thế ông ấy có bảo lượng thuốc độc trong cocktail là đủ liều gây chết người không?”

Viên thanh tra khịt mũi. “Gây chết? Dám cá rằng là đủ. Bác sĩ bảo chỗ thuốc độc trong đồ uống đủ để giết cả tá người luôn.”

Một khoảnh khắc trôi qua, khuôn mặt Lane lấy lại nét dễ chịu thường ngày, và khẽ thêm nét thất vọng, còn viên thanh tra đọc được vẻ hụt hẫng trong cặp mắt xanh xám. “Và tôi chỉ có thể quyên chút phần thưởng nhỏ nhoi cho chuyến hành trình dài nóng nực của ngài, thanh tra ạ!” Drury Lane lên tiếng, “là các anh phải theo dõi nhà Hatter Điên loạn thật sát sao.”

CẢNH 2

Giường Ngủ Của Louisa.
Chủ Nhật, Ngày 5 Tháng Sáu
10:00 A.M

Có thể thấy rằng ngay từ đầu vụ việc nhà Hatter đã diễn ra theo cách nhẹ nhàng. Chẳng hề liên quan đến chuyện án mạng cứ nối tiếp án mạng, một mớ những sự kiện, những tin tức gây chấn động. Nó diễn ra thật chậm rãi, với nhịp điệu gần như khoan thai và bởi sự việc quá chậm nên người ta không thấy xót thương gì cả, như cuộc diễu hành của *Jagannath*.

Theo đó, việc tiến triển chậm chạp của sự kiện này dường như đặc biệt có ý nghĩa, dù tại thời điểm ấy chẳng ai, gồm cả Drury Lane, có thể đoán được khoảng cách đến sự thật. Vụ mất tích của York Hatter vào tháng Mười hai, việc phát hiện ra thi thể vào tháng Hai, chuyện mưu sát cô con gái mù câm điếc vào tháng Tư, và thêm nữa, chỉ chưa đầy hai tháng sau, vào một sáng Chủ nhật nắng đẹp tháng Sáu...

Lane, ẩn mình lánh đời trong tòa lâu đài bên sông Hudson, đã quên mất vụ việc của nhà Hatter và chuyến viếng thăm của Thumm. Những bài báo cứ mất dần hứng thú với vụ hạ độc kia, cho đến khi cuối cùng toàn bộ vụ việc biến khỏi mục tin tức. Dù thanh tra Thumm đã nỗ lực hết sức, chẳng có thêm điều gì được hé lộ, chẳng thể quy kết ai là kẻ đầu độc dù chỉ là chút đỉnh. Cơn háo hức lắng xuống, cảnh sát cũng chìm theo. Cho đến ngày mồng năm tháng Sáu.

Drury Lane biết chuyện qua điện thoại. Ông đang nằm giãn mình trên bức tường lỗ rỗng của lâu đài, sưởi nắng cho cơ thể, thì ông già Quacey

chạy bổ lên cầu thang xoắn của tòa tháp, khuôn mặt của người lùn tái đi vì cố sức. “Thanh tra Thumm!” ông ta thở khò khè. “Đang chờ điện thoại, ngài Drury! Ngài... ngài...”

Lane bật dậy ngay. “Có chuyện gì, Quacey?”

“Ngài ấy bảo là...” Quacey tiếp tục hỗn hển, “vừa có chuyện tại nhà Hatter!”

Lane trườn mình ra phía trước và ngồi xổm trên mái vòm dốc. “Vậy là cuối cùng cũng có chuyện,” ông ta chậm rãi nói. “Khi nào? Là ai? Thumm bảo thế nào?”

Quacey lắc cái trán nhể nhại. “Ngài ấy chẳng bảo gì. Ngài ấy đang rất kích động, viên thanh tra ấy. Ngài ấy gào lên với tôi. Tôi chưa từng học tốc đến thế suốt...”

“Quacey!” Lane đứng dậy. “Nói nhanh đi.”

“Vâng, ngài Drury. Nếu ngài muốn biết tường tận, ngài ấy bảo, hãy tới nhà Hatter ngay lập tức. Phố Washington Square North. Mọi thứ đang chờ ngài đến. Nhưng nhanh lên, ngài ấy nói!”

Lane liền lập tức lao xuống cầu thang xoắn.

Hai tiếng sau, được dẫn đường bởi một thanh niên trẻ miệng không ngớt cười mà Lane gọi là Dromio - ông thường gọi vui bạn hữu bằng tên nhân vật của Shakespeare - thì chiếc limousine Lincoln đen bóng của Lane đã lách qua dòng xe đông đúc phía dưới đại lộ Thứ Năm. Khi họ lướt qua dòng xe ở phố Thứ Tám, Lane có thể trông thấy một đám đông từ đằng xa đang bu quanh công viên Washington Square, bị cảnh sát hò hét và làm tắc lối vào bên dưới cổng vòm chính. Hai xe mô tô cảnh sát dừng Dromio lại. “Không được qua!” một người hét lên. “Quay đầu đi vòng!”

Một sĩ quan mập ú, mặt đỏ chạy tới. “Xe của ngài Lane phải không? Thanh tra Thumm bảo cho họ qua. Nào, các cậu. Lệnh đấy.” Dromio cho xe bò quanh góc đường dẫn vào khu Waverly Place, bỏ lại toàn bộ khu phía bắc phần công viên giữa đại lộ Thứ Năm và phố Macdougall. Những lối đi bộ của công viên cắt qua con phố đang kẹt cứng người xem, phóng viên và dân quay phim đang chạy như kiến vỡ tổ. Cảnh sát và đám mật vụ nặng nề ở khắp nơi.

Khi thấy nơi xuất phát của cảnh nhốn nháo xáo động, Dromio liền dừng xe lại trước chỗ đó. Một kiến trúc như khối hộp cao ba tầng xây bằng gạch đỏ tươi, một ngôi nhà cũ với phong cách cổ xưa - di tích từ thời còn đường xe ngựa, với những ô cửa sổ rộng che màn kín, một đường viền trang trí trên gờ mái, và bậc tam cấp bằng đá trắng với tay vịn sắt hai bên, và ở đầu mỗi bên, chỗ chân thềm, là hai con sư tử bằng gang đã chuyển xanh theo thời gian. Đám thanh tra đứng chen nhau trên bậc tam cấp. Án ngữ lối vào là cánh cửa ô trắng to tướng mở toang, để lộ ra một khu tiền sảnh nhỏ.

Lane xuống khỏi chiếc xe với vẻ u sầu. Ông mặc bộ complet bằng vải lanh mát, đội mũ vành, đi giày trắng, và cầm theo một cây gậy mây. Ông quan sát thềm nhà, thở dài, và bắt đầu bước lên những bậc đá. Một người ló ra khỏi tiền sảnh. “Ngài Lane đứng không ạ? Mời đi lối này. Thanh tra Thumm đang đợi ngài.”

Viên thanh tra - với khuôn mặt hiện rõ sắc đỏ cáu gắt - gặp Lane trong nhà. Một nơi tĩnh lặng: một đại sảnh dài lạnh ngắt, rộng và sâu, các cửa bên đều đóng cả. Ở trung tâm hành lang là một cầu thang kiểu cũ bằng gỗ dẫn lên lầu trên. Và, đối lập với con phố ồn ã, bên trong căn nhà im ắng như một lăng mộ. Chẳng có ai hết - ngay cả cảnh sát cũng không, như tới giờ Lane nhận thấy.

“Chà,” Thumm cất giọng bi kịch, “đã có chuyện.” Viên thanh tra có vẻ ngập ngừng chẳng nói nên lời trong giây lát, “đã có chuyện” như đại diện cho giới hạn tột đỉnh của ngôn từ.

“Louisa Campion ư?” Lane hỏi. Một câu hỏi dường như vô nghĩa. Còn có thể là ai khác ngoài Louisa Campion đây, khi hai tháng trước đó cô ta bị mưu sát?

Thanh tra Thumm thốt lên: “Không.”

Vẻ ngạc nhiên của Lane suýt biến thành lối bịch. “Không phải Louisa Campion!” ông thốt lên. “Vậy là ai...?”

“Bà mẹ già. Bị sát hại!”

Người nọ nhìn người kia trong hành lang lạnh ngắt, mắt giao nhau, và chẳng tìm được niềm an ủi nào trên khuôn mặt người kia. “Phu nhân

Hatter,” Lane nhắc lại lần thứ ba. “Lạ thật, thanh tra à. Như thế có người cố ý muốn sát hại cả nhà Hatter, chứ không chỉ một người cụ thể.”

Thumm đi chuyển vội vã về phía cầu thang. “Ngài nghĩ vậy sao?”

“Tôi chỉ vừa bật ra ý nghĩ đó thôi,” Lane đáp lời khô khốc. “Rõ là ngài không đồng tình với tôi.”

Họ bắt đầu sóng đôi leo lên cầu thang. Viên thanh tra bước đi nặng nhọc, như thể đang bị đau. “Tôi cũng chẳng phản đối ý kiến đó. Chỉ là tôi vẫn chưa hiểu đầu cua tai nheo vụ việc ra sao.”

“Là chất độc à?”

“Không. Chí ít cũng không có vẻ như thế. Nhưng ngài có thể tự xem.”

Họ dừng lại tại đầu cầu thang. Lane quét ánh mắt sắc bén. Họ đang đứng trên một hành lang dài. Cửa ở mỗi bên đều đóng kín, và trước mỗi ô cửa đều có một cảnh sát đứng canh.

“Đây là các phòng ngủ, phải không thanh tra?”

Thumm xác nhận và bắt đầu đi men theo hàng tay vịn gỗ đầu cầu thang. Viên thanh tra dừng lại ngay sau đó, tỏ vẻ căng thẳng, đụng nhau với Lane đi đằng sau. Một viên cảnh sát béo lùn đứng tựa vào cửa ở góc phía tây bắc hành lang đột nhiên hô to: “Ôi!” và lao đảo ngả người ra sau khi cánh cửa sau lưng anh ta bị mở mạnh.

Viên thanh tra thở phào. “Lại là đám nhãi ranh đó nữa,” ngài càu nhàu. “Hogan, trời ạ, anh không thấy là lũ chuột đó đang ở trong phòng sao?”

“Có, thưa ngài,” Hogan thở hỗn hển, cảm thấy bối rối. Một cậu nhóc nhỏ thó, đang la hét ầm ĩ, lao mình qua giữa đôi chân mập ú của anh ta và trườn xuống sảnh với một quyết tâm ra trò.

Hogan vừa lấy lại thăng bằng thì lại bị quấy rầy bởi một cậu nhóc còn nhỏ hơn nữa, chỉ vừa chập chững biết đi, chạy lon ton giữa cặp chân đầy mời gọi, cũng hân hoan bắt chước la hét như cậu anh trai. Viên cảnh sát chồm người ra trước, theo sau là một phụ nữ mang vẻ ưu phiền đang gất lên: “Jackie! Billy! Cái bọn này, các con biết là không được phép thế!”

“Martha Hatter?” Lane thì thầm. Cô ta là một phụ nữ khá đẹp, nhưng đã có nếp nhăn quanh mắt và không còn vẻ khỏe khoắn tươi vui. Thumm gật đầu, mãi dõi theo màn đuổi bắt.

Hogan đã tóm gọn được Jackie, cậu nhóc mười ba tuổi, từ tiếng la của Jackie, thì có vẻ cậu ta đang muốn xem xem có chuyện gì xảy ra, cậu nhóc hét lên và đá vào chân viên cảnh sát, khiến anh ta lúng túng trong đau đớn. Martha Hatter đã bắt kịp cậu con thứ đang bắt chước người anh, đá liên hồi vu vơ nhưng đầy uy lực vào mắt cá chân của Hogan. Trong cảnh hỗn loạn của tay, chân, mặt mũi và tóc tai rối bù, cả bốn người họ đều biến vào trong căn phòng. Từ tiếng la vang lên sau cánh cửa, có thể thấy cục diện cuộc chiến đã hoàn toàn đổi hướng.

“Và đây,” Thumm cất giọng cay đắng, “chính là minh họa cho tổ hợp gia đình quái đản này. Lũ quỷ nhỏ khiến cho mọi người lộn cả ruột lên... Chỗ này đây, ngài Lane.”

Đối diện đầu cầu thang là một cánh cửa, cách góc hành lang về phía đông chưa đầy hai mét. Cánh cửa đang khép hờ. Thumm mở nó đủ rộng để đi vào và đứng qua một bên. Lane dừng lại trước ngưỡng cửa, đôi mắt ánh lên vẻ tìm kiếm bóng người. Căn phòng hầu như trống trải: chỉ có một chiếc giường. Có hai cửa sổ lồi ra đối diện cánh cửa trước, trông ra ngoài khu vườn nằm hướng bắc, hay đằng sau của tòa nhà. Cánh cửa ở bức tường phía đông gần cửa sổ dẫn đến một buồng tắm riêng biệt, Thumm giải thích. Ô cửa hành lang mà Lane và Thumm đang đứng nằm bên trái của bức tường phòng ngủ, còn ở bên phải, Lane để ý thấy có một buồng để đồ dài và sâu, điều đó giải thích tại sao hành lang lại hẹp lại ở phía ngoài đầu cầu thang, vì buồng để đồ đã chiếm thêm diện tích dọc theo phần còn lại của hành lang về hướng đông, nơi có một căn phòng khác.

Từ nơi đang đứng, Lane có thể thấy hai chiếc giường - một cặp giường giống nhau - được đặt đầu quay về phía bức tường phải, và phân cách với nhau bằng một cái bàn đầu giường lớn đặt cách mỗi bên khoảng nửa mét. Chiếc giường gần cửa hơn có một cây đèn ngủ nhỏ, được gắn vào thành giường, còn chiếc giường kia không gắn đèn. Ở bức tường bên trái, phía trung tâm và đối diện với hai chiếc giường là một lò sưởi lớn bằng đá kiểu cũ, dường như đã lâu không dùng dù bộ đồ lò vẫn được xếp trên cái giá bên cạnh. Những quan sát trên là theo bản năng và tức thời. Sau khi quan sát

nhanh để biết đồ đạc cơ bản được bố trí thế nào, Lane dời mắt về phía hai chiếc giường.

“Lò sưởi lạnh như cá chết,” Thumm lầm bầm, dựa người vào mặt bên lò. “Nhìn được mọi thứ. Trông bà ta đẹp chưa kìa!”

Trên chiếc giường gần cửa - chiếc giường có gắn đèn - là phu nhân Hatter đang nằm. Bình luận chua cay của Thumm là thừa thãi, đang nằm vẹo giữa tấm ga trải giường sọc màu, cặp mắt vô hồn vẫn mở to, khuôn mặt đờ đẫn, gân nổi lên và tái đi, người đàn bà già nua đó là sinh thể thiếu sức sống nhất có thể mừng tượng ra được. Có vài dấu vết đặc biệt dị thường trên trán bà ta - những vết máu dính vào mái tóc rối hoa râm.

Lane quan sát chúng, lộ vẻ bối rối, rồi chuyển sự chú ý sang chiếc giường còn lại. Nó trống không, có một chồng ga giường sạch để ở trên. “Giường của Louisa Champion?”

Thumm gật đầu. “Giường của cô gái mù câm điếc đó, nhưng cô ta đã được chuyển ra chỗ khác. Cô ta được tìm thấy trên sàn sáng sớm nay, bất tỉnh.”

Đôi mày bạc óng của Lane nhướng lên. “Bị tấn công ư?”

“Tôi không nghĩ thế. Tôi sẽ kể đầu đuôi sau. Cô ta đang ở phòng bên - phòng của bà y tá Smith. Cô ta đang được chăm sóc.”

“Nhưng cô Champion ổn cả đúng không?”

Thumm nhếch mép cười chua chát. “Hay thật nhỉ? Ngài đoán là thảo nào cũng có kẻ trong ngôi nhà ngày tìm đến cô ta, dựa trên sự việc mấy lần trước. Nhưng cô ta lại ổn, còn bà mẹ lại thành nạn nhân.”

Có tiếng bước chân ở hành lang phía sau, và cả hai người đều quay phắt lại. Khuôn mặt Lane sáng bừng lên.

“Ngài Bruno! Thật hân hạnh.”

Họ bắt tay nồng ấm. Walter Bruno, công tố viên của hạt New York, là một người tráng kiện với khuôn mặt khổ hạnh, cao tầm thước và đeo kính không vành. Ngài ấy có vẻ mỏi mệt. “Rất vui được gặp, ngài Lane. Đường như chúng ta chỉ được gặp nhau khi có ai đó xuống địa ngục.”

“Lỗi tại ngài hết. Như thanh tra Thumm, cả mùa đông mà ngài chẳng thăm hỏi gì tôi. Ngài tới đây lâu chưa?”

“Nửa tiếng rồi. Ngài nghĩ sao về vụ này?”

“Chưa có gì cả.” Cặp mắt người nghệ sĩ tiếp tục lang thang trong căn phòng chết. “Chính xác thì chuyện gì đã xảy ra?”

Vị công tố viên dựa người vào lò sưởi. “Tôi vừa thấy cô Champion. Thật đáng thương. Cái xác được tìm thấy lúc sáu giờ sáng bởi bà Smith - bà ta ở ngay phòng bên, trông được cả ra khu vườn đằng sau và lối đi hướng đông...”

“Vị trí đặc địa, phải không, ngài Bruno?” Lane khẽ nói.

Bruno nhún vai. “Có thể sẽ quan trọng. Dù sao thì Louisa cũng là người dậy khá sớm, và bà Smith thường dậy lúc sáu giờ để đến đây và xem xem Louisa có cần gì không. Bà ta phát hiện ra bà Hatter chính xác như lúc bây giờ ngài thấy, trên giường, nhưng Louisa thì nằm trên sàn, đại thể là giữa chỗ giường và lò sưởi, đầu hướng về phía cái lò và đôi chân nằm giữa chỗ trống của hai giường. Đây, để tôi chỉ cho ngài.” Ngài ấy định bước vào phòng, nhưng Lane đã đưa tay ra ngăn lại.

“Tôi nghĩ tôi hình dung được,” ông nói. “Tôi còn nghĩ là, chúng ta càng hạn chế bước chân lên sàn càng tốt. Mời tiếp tục.”

Bruno nhìn ông vẻ hiếu kỳ. “Ô, Ý ngài là những vết chân! Bà Smith đã ngay lập tức nhận ra bà chủ đã chết, nên nghĩ là Louisa cũng chết theo rồi. Thế là bà ta la lên, phụ nữ ấy mà, và đánh thức Barbara cùng Conrad Hatter. Họ chạy xộc vào, biết ngay tình hình, và chưa chạm vào thứ gì hết...”

“Ngài chắc chắn vậy chứ?”

“Vâng, họ đều khai như thế, nên chúng tôi phải tin họ thôi. Không chạm vào thứ gì nhưng họ vẫn biết bà mẹ đã chết. Còn cô ta vẫn nằm trơ đó, Louisa ấy, tuy nhiên họ đã nhận ra cô ta chỉ bị bất tỉnh thôi, liền đem cô ta qua phòng bà Smith. Conrad gọi điện cho Merriam, bác sĩ của gia đình, và cảnh sát, chẳng có ai nữa được phép vào đây.”

“Merriam tuyên bố bà Hatter đã chết, rồi họ vào phòng bà y tá,” Thumm tiếp lời, “để chăm sóc con người câm điếc ấy. Ông ta vẫn ở đó. Chúng tôi vẫn chưa thể trò chuyện với cô ta được.”

Lane gật đầu trầm tư. “Vậy chính xác thì cô Champion được tìm thấy trong tình trạng thế nào? Có thể kể chi tiết hơn nữa được không, ngài Bruno?”

“Lúc đó cô ta đang nằm sõng sượt, mặt úp xuống. Bác sĩ bảo cô ta bị ngất. Có vết va chạm trên trán, nên giả thuyết của bác sĩ Merriam là khi ngất trán cô ta đã bị đập thẳng xuống sàn. Cô ta giờ đã tỉnh, nhưng vẫn còn hơi choáng váng, vấn đề là liệu cô ta có biết chuyện xảy ra với bà mẹ không, vì Merriam chưa cho phép chúng ta thông báo gì hết.”

“Cái xác đã được khám nghiệm chưa?”

“Ngoại trừ lần xem xét qua loa của bác sĩ Merriam, tôi hiểu là,” Bruno nói và Thumm gật đầu, “vẫn chưa. Chúng tôi đang đợi bên pháp y. Schilling vốn có tiếng là lè mề.”

Lane thở dài. Rồi ông quyết định xem xét căn phòng lần nữa, lần này là nhìn xuống. Cặp mắt ông dán vào tấm thảm xanh xù xì phủ toàn bộ sàn phòng. Từ vị trí đứng ông thấy có nhiều vết bột lốm đốm màu trắng của gót và mũi giày, nằm cách xa nhau. Có vẻ chúng xuất phát từ một chỗ nằm giữa hai chiếc giường, dù đứng ở đây thì Lane không nhìn thấy. Những dấu mũi giày hướng về phía cửa chính, và được in dấu rõ nét trên nền thảm một màu xanh của tấm thảm, ở ngay đằng sau chân giường người chết, khuất khỏi tầm nhìn từ phía cửa.

Lane bước vào phòng, đi quanh chỗ có dấu chân. Ông dừng lại ngay trước khu vực giữa hai giường để quan sát thật kỹ. Những vết giày, giờ ông đã thấy, bắt nguồn từ một đám bột trắng bị vung vãi ra giữa hai chiếc giường. Nguồn gốc của chỗ bột đó ngay lập tức bị phát hiện. Có một chiếc hộp các tông lớn hình tròn chứa bột phấn trắng, giờ đã trống không, nằm cạnh chân giường của Louisa Champion - bột phấn rôm, theo như nhãn ghi trên hộp. Toàn bộ phần thảm nằm giữa hai chiếc giường bị phủ bởi thứ bột này.

Cẩn thận tránh chạm vào dấu chân và bột phấn, Lane len vào giữa hai chiếc giường để tìm vị trí quan sát tốt hơn cái bàn đầu giường và sàn nhà. Có thể thấy ngay là hộp phấn từng được đặt ngay rìa bàn đầu giường, bởi có những vết trắng và màng bụi trên mặt bàn, và một vòng tròn của bột

phần cho biết vị trí chiếc hộp trước khi nó rơi xuống sàn. Cách vòng tròn đó vài phân là một vết lõm còn mới toanh trên phần mặt bàn gỗ, như thể có một vật sắc đã chạm mạnh vào đó.

“Theo tôi thì,” Lane nhận xét, “chiếc hộp đã không được đậy kín, và phần nắp bị rơi ra khi hộp bị đổ.” Ông cúi xuống chỗ mặt sàn dưới chân bàn và nhặt nắp hộp lên. “Các ngài thấy cả chứ?” Thumm và Bruno khẽ gật đầu. Trên phần đầu gần phía rãnh xoắn có vài vết mảnh song song. Những vết màu đỏ. Lane tò mò quan sát chúng.

“Là máu,” viên thanh tra thốt lên.

Nơi xuất hiện những vết máu là phần phía trên nắp đã bị biến dạng, như thể thứ để lại những vết máu kia đã bị tác động mạnh rồi bị va vào rìa của nắp hộp. Lane gật đầu đồng tình. “Không nghi ngờ gì nữa, thưa các ngài,” ông nói. “Hiển nhiên là chiếc hộp đã bay khỏi bàn sau một cú va chạm mạnh, mà hãy còn lưu lại vết tích trên mặt bàn và cái nắp, rồi rơi xuống chỗ thảm gần chân giường của cô Champion, khiến cho chỗ bột vung vãi ra sau mất nắp.” Ông đặt cái nắp hộp về vị trí cũ, mắt không ngừng quan sát. Có quá nhiều thứ để nhìn nhận.

Ông chọn việc xem xét chỗ dấu chân trước. Ở chỗ mà bột rơi dày nhất, có một đồng vết cách nhau chừng mười phân, theo hướng bàn chân thì dẫn từ đầu giường người chết đi song song với thành giường về phía bức tường lò sưởi. Ở ngay cạnh rìa khu vực bột rơi vãi là hai vết mũi giày rõ nét in đậm bột phấn, từ vị trí quan sát này thì chúng xoay dần về phía phía chân giường và hướng về phía cửa, các vết ở phần gót và mũi giày sau đó hiện lên rõ ràng, còn độ rộng của bước chân, tính từ khoảng cách giữa dấu chân, có thể thấy là được kéo dài ra đáng kể. “Về cơ bản chứng tỏ rằng,” Lane lầm bầm, “kẻ để lại dấu chân kia đã bắt đầu chạy lúc đi vòng quanh giường. Vết bước chạy chỉ xuất hiện trên phần thảm không rắc bột - do phần đế giày của kẻ bỏ chạy bị dính bột. Khá mờ nhạt, thanh tra à,” Lane vừa nhận xét vừa nhìn lên, “tôi dám bảo rằng các ngài đã gặp may đấy. Đó chính là dấu chân của hung thủ.”

”Có thể chúng ta ăn may, và cũng có thể là không,” Thumm lầm bầm. “Sao mà tôi chẳng thích những dấu vết này nhé. Thật quá dễ dàng! Dù sao

thì chúng ta cũng có thể đo được kích thước từ những dấu chân rõ ràng, cỡ giày 40 đến 42 mũi nhọn, đế mòn cả đôi. Người của tôi sẽ lục tung cả ngôi nhà để tìm ra một đôi giày như thế.”

“Rốt cục thì sự việc có vẻ khá dễ dàng,” Lane bình luận. Ông quay lưng về phía phần khoảng không giữa chân giường. “Tôi hiểu là cô Champion được tìm thấy khi đang nằm cạnh chân giường mình, ở rìa chỗ bột rơi vãi, gần như đúng chỗ mà dấu chân hung thủ chuyển hướng?”

“Đúng vậy. Cô ta cũng để lại vài dấu vết trên chỗ bột nữa, ngài sẽ nhận ra.”

Lane gật đầu, trên chỗ bột dẫn đến vị trí mà Louisa Champion đã ngất đi là những vết chân trần của phụ nữ. Những dấu vết này ngang theo thành giường của cô ta, nơi cái nắp rơi xuống, rồi men theo thành giường tới chỗ chân giường.

“Không nghi ngờ gì nữa, tôi đoán đúng không nhỉ?”

“Chắc chắn trăm phần trăm,” Bruno đáp. “Có thể khẳng định chúng là vết chân của cô ta. Quá dễ để hình dung ra sự việc lúc đó. Dễ thấy cô ta đã bò ra khỏi giường và men theo thành giường đến chỗ chân giường. Thế rồi có chuyện xảy ra khiến cô ta bất tỉnh.”

Lông mày của Drury Lane nhíu lại, có gì đó khiến ông băn khoăn. Ông cẩn trọng bước tới đầu giường bà Hatter và nghiêng mình để nhìn rõ người chết. Những dấu vết dị thường trên trán bà ta mà ông nhận ra trước đó khiến ông chú tâm một hồi lâu. Chúng gồm những vết thẳng mảnh và sâu, dài ngắn khác nhau, song song và hơi lệch sang một bên - về phía cái bàn đầu giường. Chúng không kéo dài hết phần trán lộ ra, chúng bắt đầu từ chỗ giữa lông mày và chân tóc, kéo về phía phần tóc xám cứng. Máu rỉ ra từ chỗ những vết cắt lạ lùng. Cặp mắt Lane như thể đang mãi tìm sự xác minh nào đó trên tấm thảm bên dưới cái bàn, và ông gật đầu. Và đây, nằm trên sàn nhà bên dưới cái bàn, là một cây đàn mandolin cũ méo mó với mặt có dây hướng lên.

Ông cúi xuống để quan sát gần hơn, và quay sang hai người đồng sự. Công tố viên Bruno đang mỉm cười chua chát. “Ông đã tìm ra nó,” ngài nói. “Hung khí.”

“Vâng,” Lane hạ giọng. “Chính là nó đây. Các ngài có thể thấy vết máu trên phần dưới của đám dây thép.” Một dây đàn đã đứt và tất cả đều gỉ sét, như thể đã lâu rồi đàn không được chơi, nhưng thật dễ nhận ra một sắc máu đỏ tươi trên đó. Lane cầm cây đàn lên quan sát, nhận ra nó nằm trên một lớp bột phấn: có những dấu ấn rõ ràng trên lớp bột chỗ cây đàn đã nằm. Khi xem xét ông còn nhận ra có một chỗ trầy mới ở rìa phần bên dưới nhạc cụ, dấu vết đáng nghi như chỗ lõm trên mặt bàn.

“Thật là một thứ vũ khí giết người kỳ lạ, phải không ngài Lane?” Thanh tra Thumm thốt lên. “Một cây đàn mandolin, trời đất!” Ngài lắc đầu như thể tự hỏi tội ác còn sử dụng phương thức gì nữa đây. “Lần tới chúng sẽ dùng hoa loa kèn mất.”

“Kỳ lạ, rất lạ,” Lane nhận xét khô khốc. “VẬY là quý phu nhân Hatter toàn năng đã hứng trọn mặt cây đàn mandolin đập vào trán... Dấu mốc đáng nhớ của vụ việc này, thưa các ngài, không phải là sự lựa chọn vũ khí mà chính là sự thật rằng như thế không thể đủ để gây nên cái chết, tôi xin cam đoan vậy sau khi đã đánh giá độ sâu của vết thương. Vâng, quả thực là lạ... Lúc này chúng ta cần nhờ cậy bác sĩ Schilling giải đáp.”

Ông đặt lại cây đàn về vị trí chính xác như khi tìm thấy nó, và quay sự chú ý sang chiếc bàn lần nữa. Ông chẳng phát hiện ra gì liên quan đến án mạng: một bát trái cây (ở chỗ gần giường của cô con gái), một chiếc đồng hồ, những dấu vết của hộp phấn, hai thanh giá chặn một cuốn Kinh thánh cũ, và một lọ hoa đã héo. Trong cái bát có một quả táo, một quả chuối, một chùm nho non, một quả cam, và ba quả lê.

Bác sĩ Leo Schilling, pháp y trưởng của hạt New York, hiếm khi là một người dễ xúc động. Hằng hà sa số xác chết đã để lại dấu ấn trong sự nghiệp chính thức của ông - xác người tự tử, xác người bị sát hại, xác chết vô danh, tiêu bản thí nghiệm, xác người nghiện, và còn biết bao những trường hợp chết bất thường khác nữa - đã khiến ông trở nên chai lỳ một cách hết sức tự nhiên. “Buồn nôn” không có trong từ điển của ông và thần kinh ông cũng chẳng kém những ngón tay cầm dao mổ. Cộng sự của ông thường bắn khoản liệu bên dưới lớp vỏ lạnh lùng vì công việc kia, có một trái tim con người đang đập không, tuy nhiên vẫn chưa ai giải đáp được.

Ông ta đã tới chốn yên nghỉ cuối cùng của phu nhân Emily Hatter, khẽ gật đầu chào Bruno, làu bàu với Thumm, nói gì đó không rõ với Drury Lane, rồi liếc nhanh bao quát căn phòng, lưu ý đến những dấu chân trắng trên thảm, và quăng chiếc túi lên giường - Drury Lane rùng mình khi nó hạ cánh đánh ục lên đôi chân chết cứng của bà ta.

“Tôi bước qua những dấu chân nhé?” Schilling hỏi tình bơ.

“Vâng,” viên thanh tra trả lời, ”mọi thứ đã được chụp lại. Mà bác sĩ này, lần sau ông nên cố gắng đến đúng giờ hơn chút nhé. Tốt nhất là hai tiếng rưỡi sau khi tôi...”

“*Es ist eine alte Geschichte, doch bleibt sie immer neu,*”^{*} vị bác sĩ béo bụng cười xòa. “Chuyện cũ mà lúc nào cũng như mới... Phải kiên nhẫn chờ chứ, thanh tra. Những người chết này còn biết kiên nhẫn mà.” Ông ta kéo phần mũ vải xuống - cái trán hói láng bóng khiến ông khá nhạy cảm - rồi đi quanh giường, cứ dầm thẳng lên những dấu chân rồi bắt tay vào việc.

Nụ cười nhạt đi trên khuôn mặt béo tròn, và cặp mắt ông ta trở nên chăm chú đằng sau cặp kính gọng vàng cũ. Lane dõi theo cử động mấp máy của cặp môi trẻ khi thấy những vết xước thẳng trên đỉnh đầu người chết, và gật đầu đồng tình khi thấy ánh mắt bác sĩ chuyển sang cây đàn mandolin. Rồi ông ta cẩn trọng giữ phần đầu người chết giữa đôi tay nhỏ cơ bắp và bắt đầu bới mái tóc, nhanh chóng kiểm tra phần sọ. Có gì đó sai sai ở đây, sai rõ luôn, nhưng mặt ông ta vẫn trơ như bê tông và, bỏ qua mái tóc rối bù, ông ta bắt đầu khám nghiệm tử thi. Họ quan sát ông trong im lặng. Viên bác sĩ pháp Y cử khôi đang ngày càng trở nên bối rối, đến độ ai cũng thấy, ông ta lẩm bẩm: “*Der Teufel!*”^{*} vài lần, đầu lắc lắc, đôi môi hóp hóp, ậm ừ một khúc từ ca ngắn... Đột nhiên ông ta quay sang phía họ. “Bác sĩ riêng của bà ta đâu?”

Thanh tra Thumm rời khỏi phòng và sau hai phút quay lại cùng bác sĩ Merriam. Hai vị bác sĩ chào nhau lịch sự, như những đấu thủ. Bác sĩ Merriam trịnh trọng đi quanh giường, và cùng nhau họ gập người chết lại, vén cái váy ngủ cao lên, nhỏ tiếng trao đổi khi cùng khám nghiệm xác chết. Trong khi đó bà y tá mập mạp Smith của Louisa Champion lại hối hả lao vào phòng, vớ lấy bát trái cây trên bàn, và lại vội vàng lao ra. Thumm, Bruno,

và Lane chỉ biết im lặng dõi theo. Cuối cùng hai vị bác sĩ cũng đứng dậy, và khuôn mặt già nua thanh thoát của Merriam đã tiết lộ một nét lo lắng đầy xúc cảm. Vị bác sĩ pháp y thì lại giật mạnh cái mũ vải xuống thấp hơn nữa trên cái trán lấm tấm mồ hôi. “Kết luận thế nào, bác sĩ?” Bruno hỏi.

Schilling nhăn mặt. “Bà ấy không chết do chấn động từ cú đánh.” Drury Lane khẽ gật đầu hài lòng. “Bác sĩ Merriam và tôi đồng ý rằng bản thân cú đánh chỉ đủ để khiến bà ấy choáng váng.”

“Thì sao,” Thumm lăm bằm, “vậy cái quái gì đã giết chết bà ta?”

“Tuy nhiên, thanh tra à, ngài luôn nói trước,” bác sĩ Schilling gặt gồng. “Ngài đang lo gì thế? Cây đàn mandolin khiến bà ta chết, dù không trực tiếp. Và bằng cách nào? Đó là khiến bà ta bị sốc nặng. Tại sao? Vì bà ta đã sáu mươi ba tuổi - và bác sĩ Merriam bảo bà ta bị bệnh tim. Phải không, thưa bác sĩ?”

“Ra vậy,” viên thanh tra lộ vẻ nhẹ nhõm. “Tôi hiểu rồi. Có người đánh vào đầu bà ta, chấn động từ cú đánh khiến bà ta lên cơn đau tim, và chết. Thế thì, thực tế là bà ta chết trong khi ngủ!”

“Tôi không nghĩ vậy,” Drury Lane lên tiếng. “Ngược lại, thanh tra à, bà ta không hề ngủ mà thực ra lại rất tỉnh táo.” Hai vị bác sĩ cùng gật đầu đồng tình. “Dựa trên ba căn cứ. Trước hết: xin hãy để ý là cặp mắt bà ta mở to, nhìn trừng trừng, vẻ khiếp hãi. Có ý thức, thanh tra à... Thứ hai: các ngài sẽ nhận thấy có một nét biểu cảm thật lạ trên khuôn mặt bà ta. Nói thế là chưa đủ, Emily Hatter chết với khuôn mặt vắn vẹo vì cơn đau khủng khiếp và sự kinh ngạc tột cùng. Ngay cả đôi tay cũng hơi nắm lại, như muốn cào... Căn cứ thứ ba thì có hơi khó thấy.” Lane tới bên giường và chỉ vào những vết máu do dây đàn gây ra trên trán người chết. “Vị trí của chúng chứng tỏ rõ rằng bà Hatter đã ngồi dậy trên giường khi bị đánh!”

“Làm sao ngài luận ra được?” Thumm thắc mắc.

“Tại sao, rất đơn giản. Nếu bà ta đang ngủ khi bị đánh - tức là đang nằm, ngoài ra từ tư thế tổng thể có thể thấy bà ta nằm ngửa người thẳng lưng - thì dấu vết do những sợi dây đàn sắt sẽ không chỉ xuất hiện ở phần đỉnh trán mà còn cả ở phần dưới, và trên cả mũi, thậm chí còn trên cả môi nữa. Còn

từ thực tế, bà ta hẳn đã ngồi dậy hay ở tư thế nửa ngồi nửa nằm. Dựa trên căn cứ đó, có thể kết luận ngay là bà ta đang thức.”

“Rất thông minh, thưa ngài,” bác sĩ Merriam nói, người đứng cứng đờ, và những ngón tay trắng dài thì đan vào nhau vẽ bồn chồn.

“Rất có cơ sở. Bác sĩ Schilling, theo ông ước đoán thì bà Hatter chết vào mấy giờ?”

Bác sĩ Schilling lôi cái tấm ngà từ túi áo gilê và bắt đầu xia răng. “Chết sáu giờ trước. Tức là, bà ta chết vào tầm bốn giờ sáng.”

Lane gật đầu. “Có một chi tiết quan trọng đây, bác sĩ, đó là biết chính xác nơi kẻ sát nhân đã đứng khi hấn đánh bà Hatter. Ông có thể xác định rõ vị trí đó không?”

Bác sĩ Schilling trầm ngâm liếc nhìn cái giường. “Tôi tin là có thể. Tên sát nhân đứng giữa hai cái giường, không xa cái giường người chết lắm. Từ vị trí của thi thể và góc chéo của những vệt máu trên trán. Ông nghĩ sao bác sĩ Merriam?”

Viên bác sĩ già bắt đầu. “À, thì tôi khá đồng tình,” ông ta vội đáp lời.

Thanh tra Thumm cau có mở cặp hàm nặng nề. “Chi tiết cây đàn mandolin chết tiệt... Làm tôi rối trí, chẳng biết sao nữa. vấn đề là, đau tim hay không đau tim, thì có khả năng nào là cú đánh đó đã giết chết bà ta không? Ý tôi là, sau rốt, nếu một kẻ muốn giết người, ngay cả khi hấn chọn một thứ vũ khí buồn cười thì hấn sẽ chọn thứ có thể đánh lừa người ta.”

“Vâng, không thể loại trừ các khả năng, Thumm à,” Schilling cất tiếng. “Một cú đánh với lực mạnh từ một thứ vũ khí tương đối nhẹ như đàn mandolin có thể giết chết một phụ nữ mang bệnh và đã già như bà Hatter. Nhưng cú đánh này thì lại khá nhẹ.”

“Vậy là không có dấu vết nào khác trên thân thể của hành vi bạo lực?” Lane hỏi.

“Không.”

“Thế còn chất độc?” Bruno thắc mắc. “Có dấu vết nào không?”

“Không dấu vết gì,” bác sĩ Schilling cẩn trọng đáp lời. “Ngoài ra - vâng, tôi sẽ tiến hành mổ tử thi. Ngay tức thì.”

“Dám cá là ông sẽ làm thế,” Thumm trả miếng. “Chỉ để chắc rằng không có chút chất độc nào hết. Tôi không nắm bắt nổi vụ án này nữa rồi. Đầu tiên có người cố đầu độc cô con gái câm điếc, và giờ có người đánh chết bà mẹ già quý quái. Tôi sẽ thử ngó xem quanh đây có dấu vết chất độc nào không.”

Cặp mắt sắc bén của Bruno sáng lên. “Đây là một vụ án mạng, dĩ nhiên, ngay cả khi cú đánh đó không gây chết người trực tiếp - mà chỉ đơn thuần là dư chấn sau đó. Có một điều chắc chắn: ý đồ giết người.”

“Vậy sao lại đánh nhẹ như thế hả ngài Bruno?” Lane hỏi cụt lủn. Vị công tố viên nhún vai. “Và tại sao,” người nghệ sĩ già tiếp tục, “lại chọn thứ vũ khí quá ư là ngớ ngẩn như thế? - một cây đàn mandolin! Nếu mục đích là giết bà Hatter bằng một cú đánh vào đầu, tại sao hung thủ lại chọn cây đàn khi có hàng tá thứ vũ khí nặng nề hơn trong chính căn phòng này?”

“Trời ạ, tôi chẳng nghĩ được đến thế,” Thumm lẩm bẩm, khi Lane chỉ vào cái giá treo bộ đồ đun lò bằng sắt bên lò sưởi, và chỉ vào hai thanh chặn sách nặng nề trên cái bàn đầu giường.

Lane quay nhanh một vòng quanh phòng, đôi tay đàn hờ hững sau lưng. Bác sĩ Schilling đang bắt đầu tỏ ra thiếu kiên nhẫn, bác sĩ Merriam vẫn đứng yên, như một binh sĩ đứng gác, Bruno và Thumm thì càng lúc càng thêm bối rối. “Và nhân đây,” cuối cùng Lane cũng mở lời, “có phải cây đàn được đặt sẵn trong phòng không?”

“Không,” viên thanh tra trả lời. “Được lấy từ một tủ kính trong thư viện dưới lầu. Bà Hatter bảo quản nó như thế sau khi York Hatter tự tử - như một sự tưởng nhớ. Nó thuộc về ông chồng... Có thể nghĩ đến việc...”

Drury Lane đưa tay ra dấu hãy im lặng, cặp mắt ông ta nheo lại. Bác sĩ Schilling đang kéo tấm ga giường che người chết lại. Và, khi kéo căng tấm ga ra, một vật nhỏ, óng ánh như tia nắng chiếu qua cửa sổ, rơi từ một chỗ nếp gấp xuống lớp bột trên thảm. Lane tiến tới và nhặt nó lên. Đó là một ống tiêm trống rỗng.

Những người còn lại bu vào quanh ông, vẻ hoạt bát hẳn lên khi thấy phát hiện mới đáng chú ý. Cẩn thận cầm phần pitton của ống tiêm, Lane nghĩ

ngửi cái kim đã dây bẩn, rồi đưa nó lên chỗ sáng. Bác sĩ Schilling tóm lấy cái ống tiêm từ tay Lane và đi ra chỗ cửa sổ cùng bác sĩ Merriam.

“Ống rỗng không,” vị bác sĩ pháp y lẩm bẩm. “Số 6 trên ống có nghĩa gì? Phần cặn còn lại có thể... có thể...”

“Là gì?” Lane thúc giục.

Bác sĩ Schilling nhún vai. “Tôi sẽ phải phân tích.”

“Không có dấu vết tiêm trên người nạn nhân sao?” Lane hỏi tiếp.

“Không.”

Rồi đột nhiên, như thể bị bắn, Lane đờ người ra, cặp mắt xanh xám lấp lánh... Còn Thumm kinh ngạc há hốc mồm. Khuôn mặt Drury Lane chuyển sang vẻ kích động cực độ, ông lao về phía cửa, la lên: “Bà y tá - căn phòng...” Những người còn lại lao theo.

Phòng của bà Smith nằm ngay cạnh phòng người chết. Họ gặp một ánh mắt khá điềm tĩnh khi lao vào. Trên chiếc giường, với cặp mắt mù vẫn mở, là Louisa Champion đang nằm nghỉ ngơi. Và ngồi trên chiếc ghế bên cạnh, đang khẽ bóp trán cho cô ta, là bà Y tá mập mạp. Tay Louisa đang vật nho như một cái máy và trệu trạo nhai cho có. Trên cái bàn gần giường là cái bát trái cây mà bà Smith đã lấy từ phòng bên kia trước đó ít lâu.

Drury Lane phản ứng như chớp. Ông băng nhanh tới và giật lấy chùm nho khỏi tay Louisa - một hành động thô thiển khiến bà Smith nhảy dựng người và kêu lên vẻ hốt hoảng, còn cô gái mù cảm thấy thì giật nảy người, đôi môi nhăn nhó, một biểu hiện của nỗi sợ bị dồn nén trên khuôn mặt vẫn như vô hồn. Cô ta bắt đầu khóc thút thít như một đứa trẻ, bàn tay dò dẫm bà y tá, và nắm chặt lấy. Làn da còn đang run rẩy vì sợ hãi, đôi tay cô ta ngay lập tức nổi hết gai ốc. “Cô ta ăn nhiều chưa?” Lane hỏi gấp.

Bà y tá tái mặt. “Ông làm tôi giật cả mình! Một... một nhúm.”

“Bác sĩ Merriam! Bác sĩ Schilling! Cô ấy ổn chứ?” Lane giật giọng.

Bác sĩ Merriam hồi hả lại gần, khoảnh khắc Louisa cảm nhận được tay ông ta chạm lên trán, cô ta liền ngừng thút thít. Ông ta chậm rãi nói: “Dường như vẫn hoàn toàn bình thường.”

Drury Lane lấy khăn tay thấm mồ hôi trán, những ngón tay ông vẫn còn đang run lên. “Tôi sợ rằng chúng ta đã tới quá trễ,” ông khẽ thốt lên.

Thanh tra Thumm nắm chặt tay lại và tiến tới, nhìn xuống bát trái cây. “Chất độc đúng không?” Họ cùng nhìn về phía cái bát. Trước mặt họ là một quả táo, một quả chuối, một quả cam và ba quả lê đang nằm vờ vờ vô hại.

“Đúng thế,” Lane đáp lời. Giọng trầm xuống. “Tôi dám chắc luôn. Và sự thật sẽ chứng tỏ, thưa các ngài, cục diện của toàn bộ vụ này đã... thay đổi.”

“Sao lại...” Bruno tỏ vẻ bối rối. Lane phẩy tay lơ đãng, như thể ông không muốn giải thích gì thêm tại thời điểm này, ông chỉ chú tâm vào Louisa Champion. Cô ta đang yên vị dưới đôi tay vỗ về của bác sĩ Merriam và nằm đó yếu ớt. Bốn chục năm sống trong cảnh tật nguyền đã để lại nét dấu ấn ít ỏi trên khuôn mặt bình thản của cô ta. Theo cách nào đó cô ta vẫn khá đẹp: mũi thanh thoát và cao, đôi môi cong thanh tú.

“Tội nghiệp cô ấy,” Lane lẩm bẩm. “Tôi tự hỏi cô ấy đang nghĩ gì...” Cặp mắt ông sắc lên khi quay sang bà y tá. “Vừa lúc trước bà lấy cái bát trái cây từ cái bàn phòng bên,” ông nói. “Thường thì chúng vẫn được để trong phòng à?”

“Vâng, thưa ngài,” bà Smith trả lời vẻ lo lắng. “Louisa rất thích ăn trái cây. Lúc nào cũng có một bát trái cây để sẵn ở đó.”

“Vậy cô Champion có đặc biệt thích loại trái cây nào không?”

“À, không. Cô ấy thích ăn đủ loại.”

“Tôi rõ rồi.” Dường như Lane đang bối rối bởi điều gì đó, ông muốn phát biểu, rồi lại đổi ý, thôi mở miệng, và chìm vào trầm tư suy tính. “Thế còn bà Hatter?” cuối cùng ông cũng hỏi. “Bà ta có bao giờ ăn trái cây trong bát không?”

“Rất hiếm khi.”

“Không thường xuyên ư?”

“Không, thưa ngài.”

“Nhưng bà ta cũng thích ăn đủ loại, đúng không bà Smith?” Ông hỏi một cách nhẹ nhàng, nhưng cả Bruno và Thumm vẫn thấy vẻ quan trọng trong giọng nói.

Bà Smith cũng nhận ra, bà ta đáp chậm rãi: “Chà, câu hỏi lạ đây. Không, thưa ngài, bà Hatter không thích một loại trái cây, bà ấy ghét cay ghét đắng lê - không ăn chúng suốt nhiều năm.”

“À há,” Drury Lane reo lên. “Tuyệt vời. Có ai trong đám gia nhân biết điều này không, bà Smith?”

“Có chứ. Đó là chuyện đùa gia đình nhiều năm qua mà.”

Drury Lane có vẻ hài lòng. Ông gật đầu vài lần, nhìn bà Smith đầy thân thiện, và rồi, tới chỗ cái bàn gần giường bà y tá, xem xét bát trái cây mang từ phòng Louisa Campion sang.

“Bà ta ghét lê,” ông lẩm bẩm. “Nhìn này, thanh tra. Tôi dám nói quan sát kĩ mấy trái lê này sẽ phát hiện ra.”

Hai trong ba quả lê trong bát không có gì khác thường - chín vàng, giòn chắc. Quả thứ ba... Lane hiểu kỳ xoay nó trên những ngón tay. Nó đã hỏng, vỏ có đốm chuyển nâu, và đốm nào cũng mềm và xộp. Lane khẽ thốt lên và đưa quả lê đó lên sát mắt phải. “Đúng như tôi nghĩ,” ông lẩm bẩm. Ông quay sang bác sĩ Schilling với một điệu bộ hân hoan. “Tìm ra rồi, bác sĩ,” ông nói, đưa cho Schilling cả ba quả lê. “Ông sẽ tìm thấy vết tiêm trên vỏ quả lê bị hỏng, trừ phi tôi hoàn toàn nhầm lẫn.”

“Chất độc!” cả Thuram và Bruno đều la lên.

“Chưa thể nói trước đâu, nhưng tôi nghĩ thế. Vâng... Để cho chắc, bác sĩ, ông hãy xem xét cả ba quả. Báo cho tôi, khi ông xác định được loại của chất độc, có thể quả lê bị hỏng do chất độc, cũng có thể hỏng trước khi chất độc được tiêm vào.”

“Đã rõ,” bác sĩ Schilling đáp, rồi ông đem ba quả lê ra khỏi phòng như mang báu vật.

Thanh tra Thumm dài giọng: “Có gì đó uẩn khúc... Ý tôi là, nếu có chất độc trong lê, và bà mẹ không thích ăn lê...”

“Thì vụ giết bà Hatter hẳn chỉ là tai nạn, hoàn toàn không được dự tính, và quả lê có độc là dành cho cô con gái tội nghiệp!” Bruno kết luận.

“Chuẩn rồi!” viên thanh tra kêu lên. “Chuẩn xác, Bruno! Hung thủ lén vào phòng, tiêm chất độc vào lê, rồi bất chợt bà mẹ thức dậy - thấy không? Thậm chí có thể nhận ra kẻ hạ độc nữa - nhớ nét mặt bà ta không. Thì sao? Rầm! Bà ta bị đánh vào đầu bằng cây đàn mandolin, và chết sau đó.”

“Đúng, và giờ chúng ta đã có chút tiến triển. Quả lê độc chắc chắn là tác phẩm của chính kẻ đã hạ độc vào món cocktail hai tháng trước đây.”

Drury Lane chẳng nói gì. Có một nét lúng túng mờ nhạt giữa đôi mày ông. Bà Smith dường như cũng bối rối. Về phần Louisa Campion, mặc kệ thực tế là cảnh sát vừa kết luận rằng đây là lần thứ hai cô bị mưu sát - cô vẫn bám lấy bàn tay bác sĩ Merriam bằng sự dai dẳng sinh ra từ bóng tối và nỗi tuyệt vọng.

CẢNH 3

Thư Viện

Chủ Nhật, Ngày 5 Tháng Sáu

11:10 A.M

Đây là cảnh chuyển màn. Những con người đi vãn vơ, có ai đó với thái độ lo lắng thông báo cho thanh tra Thumm về việc không có dấu tay được tìm thấy trên ống tiêm và cây đàn mandolin, còn bác sĩ Schilling thì cứ làm ầm lên khi giám sát việc di dời tử thi.

Trước sự hồi hã của những nhân viên nhà xác, Drury Lane vẫn đứng lặng im trầm tư, gần như luôn nhìn vào khuôn mặt trống rỗng của Louisa Champion như thể đó là lời gợi ý cho đáp án. Ông nghe rõ công tố viên Bruno nhận xét rằng, không tìm thấy dấu vân tay nào chứng tỏ hung thủ có đeo găng.

Cuối cùng trật tự cũng được văn hồi, bác sĩ Schilling rời đi cùng cái xác, và thanh tra Thumm đóng cánh cửa phòng bà Smith. Drury Lane chợt nói: “Cô Champion đã biết chuyện chưa?”

Bà Smith lắc đầu, còn bác sĩ Merriam bảo: “Tôi nghĩ tốt nhất nên đợi đến khi...”

“Khi sức khỏe của cô ấy không còn bị đe dọa?”

Bác sĩ Merriam mím cặp môi mỏng. “Đó sẽ là một cú sốc. Tim cô ấy không được tốt. Nhưng giờ phần lớn cơn kích động đã lắng xuống rồi, và trước sau gì cô ấy cũng phải biết...”

“Làm sao để giao tiếp với cô ấy?”

Bà Smith lặng lẽ đến bên giường, lục lọi dưới một cái ghế, rồi đứng thẳng lên tay cầm một thiết bị lạ lùng. Gồm một cái bảng phẳng có rãnh, hơi giống một cái bàn tính, và một chiếc hộp lớn. Bà ta bỏ nắp hộp ra, nó gồm những miếng kim loại nhỏ, như quân cờ domino, mỗi miếng có một đầu nhô ra có thể trượt vào rãnh trên tấm bảng. Mặt những miếng kim loại được tán những chấm lồi, khá lớn, sắp xếp theo một kiểu riêng và không miếng nào giống miếng nào. “Chữ nổi Braille?” Lane hỏi.

“Vâng,” bà Smith thở dài. “Mỗi miếng đại diện cho một chữ cái khác nhau của bảng chữ Braille. Bộ dụng cụ này được thiết kế đặc biệt cho Louisa... Vật bất ly thân của cô ấy.”

Để hỗ trợ cho những người không quen đọc thứ ngôn ngữ “viết” dành cho người mù, cạnh những chấm nổi còn có thêm cả chữ cái tiếng Anh màu trắng in phẳng trên bề mặt - tương ứng với từng chữ cái của bảng chữ Braille.

“Thật tài tình,” Lane trầm trồ. “Nếu bà không phiền, bà Smith...” Ông nhẹ nhàng đẩy bà y tá sang một bên, vớ lấy bộ chữ, và nhìn xuống chỗ Louisa Campion.

Đó gọi là khoảnh khắc định mệnh, họ đều cảm thấy thế. Cái sinh thể dị thường, héo úa đó đã hé lộ điều gì? Rằng cô ta đã cảm nhận được không khí căng thẳng đang hiện diện khắp nơi. Những ngón tay trắng thon thả chỉ có một cử động duy nhất - cô ta đã rời tay khỏi bác sĩ Merriam trước đó - và Lane khẽ rùng mình khi nhận ra những ngón tay kia đang ve vẩy như râu của một con bọ, dao động có ý thức, khát khao sự khai sáng. Đầu cô ta quay từ bên nọ sang bên kia vẻ lo lắng, dồn dập, khiến cô càng giống một con côn trùng. Đồng tử cô mở to, nhưng mờ đục và đờ đẫn - một cặp mắt mù. Trong khoảnh khắc đó, khi mọi sự chú ý đổ dồn vào Louisa, người ta quên mất dáng điệu bên ngoài nhạt nhòa của cô - cô hơi phúng phính, cao chưa đến mét sáu, với mái tóc nâu mọc dày và nước da hồng hào. Những đường nét đặc biệt khiến họ ấn tượng - cặp mắt trơ trơ, nét mặt cứng đờ, trống rỗng, gần như vô hồn, các ngón tay run rẩy...

“Có vẻ cô ấy bị kích động,” Thumm lẩm bẩm. “Xem những ngón tay cô ta kìa. Tôi thấy sợ rồi đây.”

Bà Smith lắc đầu. “Đó... đó không phải là do căng thẳng. Cô ấy muốn nói, đặt câu hỏi.”

“Nói ư!” vị công tố viên thốt lên.

“Dĩ nhiên rồi,” Lane lên tiếng. “Ngôn ngữ bằng tay của người câm điếc, Bruno à. Cô ta đang điên cuồng muốn nói gì vậy, bà Smith?”

Bà y tá mập đột nhiên ngồi sụp xuống ghế. “Tôi... tôi bắt đầu hiểu được rồi,” bà nói bằng giọng khàn khàn. “Cô ấy đang lặp đi lặp lại thế này: ‘Có chuyện gì vậy? Có chuyện gì vậy? Mẹ đâu? Sao mẹ không trả lời? Có chuyện gì vậy? Mẹ đâu?’”

Drury Lane thở dài đánh thượt rồi lặng im, rồi nắm lấy đôi bàn tay cô ta bằng đôi tay rắn chắc của mình. Chúng vùng vẫy điên cuồng, rồi mềm đi và lỗ mũi cô gái run lên, như thể cô ta đang cố ngửi mùi ông. Thật kỳ lạ. Sự đụng chạm của Lane hẳn đã trấn an cô ta, hay có lẽ chính do cái hơi phảng phất quen thuộc với mọi loài vật mà hầu hết con người không cảm nhận được, đã khiến cô ta dịu đi, trượt những ngón tay ra khỏi...

Có chuyện gì vậy. Mẹ đâu. Ông là ai.

Ngay lập tức chọn ra những miếng chữ cái từ chiếc hộp, Lane xếp chúng thành các từ, đặt tấm bảng vào lòng Louisa và đôi tay cô ta hăm hở vồ lấy chúng. Các ngón tay lướt qua những miếng kim loại. “Tôi là bạn,” thông điệp của Lane. “Tôi muốn giúp cô. Tôi có tin xấu cho cô. Cô phải vững tâm.”

Cô ta phát ra một tiếng gừ trong cổ họng, đáng thương, bị bóp méo, thanh tra Thumm co người lại và gần như quay đi. Bác sĩ Merriam như hóa đá đằng sau cô ta. Rồi Louisa Champion thở dài một tiếng và đôi tay cô ta lại bắt đầu hoa lên. Bà Smith lại mất công giải thích. *Vâng. Vâng. Tôi vững tâm đây. Có chuyện gì.*

Những ngón tay của Lane thò vào trong hộp, xếp lại các chữ cái thành từ mới... Một sự im lặng hữu hình trong phòng. “Cuộc sống của cô là một bản anh hùng ca về lòng can đảm. Hãy tiếp tục vững vàng. Đã có một thảm kịch. Mẹ cô bị sát hại đêm qua.”

Đôi tay Champion lỏng ngóng giật ra khỏi cái bảng. Nó rơi khỏi lòng cô, những miếng kim loại nhỏ rơi khắp sàn. Cô ngắt đi.

“Ra ngoài, tất cả ra ngoài!” bác sĩ Merriam hét lên khi mọi người lao đến với cặp mắt thương xót. “Bà Smith và tôi sẽ lo liệu.”

Họ dừng lại và theo dõi ông ta nâng thân thể mềm oặt của Louisa lên cái ghế bằng nỗ lực từ những cơ bắp già nua. Dù không đành lòng họ vẫn kéo nhau ra khỏi phòng. “Tôi giao cô Champion cho ông đấy,” Thumm thì thầm với vị bác sĩ. “Đừng rời cô ấy dù chỉ một giây.”

“Tôi sẽ không chịu trách nhiệm gì nếu các ngài chưa chịu ra ngoài!”

Họ nghe theo, Lane là người ra cuối cùng. Ông khẽ đóng cánh cửa và đứng trầm ngâm một lúc lâu. Rồi ông mệt mỏi đặt ngón tay lên thái dương trong một điệu bộ lạ kỳ, sau đó lắc đầu, thả tay xuống, rồi theo chân Bruno và Thumm xuống lầu.

Thư viện nhà Hatter nối liền với phòng ăn. Nó đã cũ và thơm mùi da thuộc. Thư viện chủ yếu gồm sách khoa học và thi ca. Một không gian ghi nhiều dấu vết sử dụng với đồ đạc đã cũ kha khá. Đây là căn phòng dễ chịu nhất trong nhà, và Lane ngồi xuống cái ghế bành với một cái thở dài nhẹ nhõm. Thumm và Bruno cũng ngồi xuống theo, cả ba người cứ nhìn nhau mà chẳng nói năng gì. Ngôi nhà im ắng, chỉ có hơi thở to của viên thanh tra là nghe rõ. “Thế đấy, các ngài,” cuối cùng Lane cũng lên tiếng, “đây là một câu đố.”

“Dù sao đi nữa vẫn là một câu đố thú vị, thanh tra à,” Lane nói tiếp. Ông ngả sâu người vào ghế và duỗi thẳng đôi chân dài. “Mà nhân đây,” ông hỏi nhỏ, “Louisa Champion có biết rằng hai tháng trước có người đã cố giết mình không?”

“Không. Chẳng cần phải nói cho cô ấy. Cô ấy đã có đủ chuyện khó khăn rồi.”

“Tất nhiên rồi.” Lane mơ màng trong khoảnh khắc. “Làm thế thì thật ác nghiệt,” ông đồng tình. Rồi đột nhiên Lane đứng dậy và băng qua phòng để xem xét một vật trông giống cái đôn đang dùng để đặt một cái tủ kính. Trong đó trống không. “Tôi đoán đây chính là chỗ để cất cây đàn mandolin.”

Thumm gật đầu. “Và,” viên thanh tra khẳng định, “không có dấu vân tay.”

“Theo tôi,” Bruno nói, “chuyện quả lê có độc - nếu thực sự thế - đã đơn giản hóa vấn đề đi rất nhiều.”

“Chuyện quả lê ư? Ít ra chúng ta biết hung thủ muốn giết Louisa,” Thumm gật. “Thôi, đi xem tình hình thế nào đi.” Ngài đứng dậy và đi đến chỗ cánh cửa dẫn tới hành lang. “Này, Mosher,” ngài gọi. “Kêu cô Barbara Hatter xuống đây nói chuyện đi.” Lane lại tiến về phía cái ghế bành.

Ngoài đời trông Barbara Hatter còn dễ chịu hơn nhiều so với trên những bức ảnh đại chúng. Những đường nét tự nhiên như tạc trên ảnh làm nổi bật lên khuôn mặt thanh thoát của cô, trong đời thực, không chỉ thanh thoát, chúng còn mềm mại nữ tính, với vẻ đẹp thuần nhất đã khiến Kurt, một nhiếp ảnh gia nổi tiếng, trong quá trình chụp ảnh cho cô phải rung động tâm can. Cô rất cao và vương giả, lộ rõ ở tuổi ba mươi. Cô di chuyển thật yêu kiều, gần như là nhip nhàng. Và cô gây ấn tượng về sự bừng sáng từ bên trong, một ngọn lửa khê tỏa ra bên ngoài và sưởi ấm cho từng điệu bộ. Barbara Hatter, nữ thi sĩ, khiến người ta cảm nhận, về không chỉ một phụ nữ thông minh mà còn là một tạo vật đặc biệt với bao cảm xúc tinh tế.

Cô gật đầu chào thanh tra Thumm và cúi mình trước vị công tố viên. Cặp mắt cô mở to khi thấy Lane. “Ngài Lane!” cô cất giọng trầm tĩnh. “Ngài cũng đang điều tra cái mớ đờn tư hồ lộn của chúng tôi hay sao?”

Lane e dè. “Tôi bị cô Hatter đây trách cứ rồi. Không may, tôi là một kẻ tò mò.” Ông nhún vai. “Sao cô không ngồi xuống? Có vài câu hỏi đây.” Đường như ông không bất ngờ khi cô ta biết mặt ông và gọi tên ông ngay lần gặp đầu tiên, mọi người vẫn thường làm thế với ông.

Barbara ngồi xuống, cặp lông mày dày cong vút lên, và sẵn sàng để được thẩm vấn. “Vâng,” cô khẽ thở dài, “tôi đã sẵn sàng rồi. Hỏi đi.”

“Cô Hatter,” viên thanh tra bắt đầu luôn, “xin hỏi cô biết gì về chuyện tối qua.”

“Rất ít, thưa thanh tra. Tôi về nhà lúc hai giờ sáng - tôi đi dự một buổi tiệc thông thường ở nhà người bạn làm chủ báo. Những quý ông ở đó quên mất cư xử cho phải phép, hay là họ đã uống quá chén, dù sao đi nữa, tôi đã về nhà một mình. Mọi thứ yên ắng. Các ông cũng biết là phòng tôi ở mặt trước, trông ra công viên, đi qua hành lang chỗ phòng mẹ tôi. Tôi xin cam

đoan rằng mọi cửa phòng ngủ trên gác đều đóng... Lúc đó tôi mệt nên lên giường ngay. Tôi ngủ tới sáu giờ sáng, rồi bị đánh thức bởi tiếng hét của bà Smith. Tất cả có vậy thôi.”

“Chà,” viên thanh tra nhíu mày.

“Tôi đồng ý,” Barbara nói với một nụ cười mỗi một, “rằng câu chuyện của tôi không thật sự cuốn hút lắm.”

Cô ta quay đầu nhìn Drury Lane, như thể chờ đợi câu hỏi từ ông. Nhưng dường như cô ta khá ngạc nhiên với câu hỏi, cặp mắt nheo lại và cô ta nhìn trừng trừng vào Lane. Ông hỏi: “Cô Hatter, khi cô và em trai Conrad chạy vào phòng ban sáng thì có người nào bước vào giữa chỗ hai chiếc giường không?”

“Không, thưa ngài Lane,” cô ta đáp tỉnh bơ. “Chúng tôi thấy ngay là bà đã chết. Khi nâng Louisa khỏi sàn chúng tôi đi men theo những dấu chân dẫn ra cửa và tránh bước vào vị trí giữa hai giường.”

“Cô có chắc anh cô cũng thế không?”

“Chắc.”

Công tố viên Bruno đứng dậy, gập cơ bắp đùi và bắt đầu bước tới bước lui trước mặt Barbara. Cô ta kiên nhẫn chờ đợi. “Cô Hatter, tôi sẽ nói thẳng. Cô là người phụ nữ thông minh hơn bình thường rất nhiều, và chắc chắn cô nhận thức được về... ờ... sự bất bình thường của những thành viên trong gia đình. Nhận thức được vậy, cô hẳn phải đau xót... Tôi muốn yêu cầu cô tạm thời dẹp sang một bên chuyện cân nhắc về sự trung thành với gia đình.” Ngài dừng lại với nét mặt điềm tĩnh chẳng biểu lộ gì. Ngài công tố viên hẳn cảm thấy câu hỏi chưa thích đáng, nên lại nhanh chóng nói tiếp: “Tất nhiên, cô không buộc phải trả lời nếu không muốn. Nhưng nếu cô có bất kỳ lời giải thích nào về âm mưu đầu độc hai tháng trước và vụ án mạng đêm qua, thì chúng tôi rất nóng lòng muốn nghe.”

”Thưa ngài Bruno thân mến,” Barbara đáp, “ý ngài là sao? Phải chăng các ngài muốn ám chỉ rằng tôi biết kẻ nào đã giết mẹ mình?”

“Không, không... chỉ là một giả thuyết thôi, tôi chỉ muốn nói cho rõ...”

“Tôi chẳng có giả thuyết gì sắt.” Barbara nhìn thẳng xuống những ngón tay trắng dài. “Ai cũng biết, thưa ngài Bruno, rằng mẹ tôi luôn thể hiện

mình là một bạo chúa ngang ngược. Tôi tin là nhiều người đã từng hay vẫn đang có động cơ để chống lại bà. Nhưng giết người thì..." Cô ta rùng mình. "Tôi không biết. Không thể tin được. Việc lấy đi mạng sống ai đó..."

"Ô," Thumm khẽ đáp, "vậy là cô tin rằng có người muốn giết mẹ mình?"

Cô ta giật mình, và liếc nhìn Thumm nhanh như chớp. "Ngài đang cố lái câu chuyện đi đâu vậy, thưa thanh tra? Tất nhiên tôi giả định rằng bà bị sát hại nếu có người mang ý định... Ô!" Cô ta chợt khựng lại và bám chặt lấy ghế ngồi. "Ý ngài đó là... đó là một vụ giết nhằm tai hại ư?"

"Đó chính là điều ngài thanh tra đây muốn nói, thưa cô Hatter," Bruno lên tiếng. "Chúng tôi tin rằng mẹ cô bị giết trong một tai nạn - do cơn bốc đồng trong giây lát. Chúng tôi khá chắc mục tiêu giết người của hung thủ khi lén vào phòng không phải mẹ cô, mà chính là người chị cùng mẹ khác cha Louisa!"

"Vậy thì tại sao," Drury Lane chen ngang bằng giọng từ tốn trước khi Barbara kịp trấn tĩnh, "tại sao lại có người muốn hãm hại con người tạt nguyên tội nghiệp trên gác kia, thưa cô Hatter?"

Barbara đột nhiên đưa tay lên mắt và che chúng lại. Cô vẫn ngồi im đó. Khi bỏ tay xuống, họ thấy một khuôn mặt thất thần. "Tội nghiệp Louisa," cô lầm bầm. "Tội nghiệp Louisa." Cô nhìn đăm đăm vô định vào cái đôn đặt bên kia phòng. "Cuộc đời vô nghĩa, tàn nhẫn với chị ấy. Lúc nào cũng là nạn nhân." Đôi môi cô mím lại và cô nhìn họ với một cảm xúc mãnh liệt. "Như ngài nói, ngài Bruno, những mối ràng buộc gia đình - gia đình tôi - cần được gạt sang một bên. Bất kỳ ai dám cả gan đụng đến con người tàn phế ấy đều không đáng được tôn trọng dù chỉ một li. Tôi sẽ kể mọi chuyện, ngài Lane," cô tiếp tục, cặp mắt tha thiết nhìn ông, "ngoại trừ mẹ và tôi, thì cả nhà này ai cũng ghét Louisa. Căm ghét chị ấy." Giọng cô trở nên dữ dội. "Bản chất ác nghiệt của loài người. Thôi thúc muốn dẫm lên một thứ côn trùng hạ cấp... Ôi, thật tởm lợm."

"Ra vậy," vị công tố viên đáp lời, mắt không ngừng dõi theo Barbara. "Có đúng là mọi thứ thuộc về York Hatter trong ngôi nhà này đều không được đụng vào không?"

Cô ta gật đầu xác nhận. “Vâng,” cô khẽ nói. “Mẹ tôi tôn trọng ký ức về cha tôi hơn rất nhiều so với việc tôn trọng ông ấy.” Rồi cô im lặng, có lẽ mãi ngẫm lại những ký ức không dễ chịu, bằng một thái độ buồn và có phần chua xót. “Sau cái chết của cha, mẹ tôi đã cố bù đắp bao năm tháng bạo ngược bằng việc bắt chúng tôi phải nghiêng mình tưởng nhớ cha. Tôn thờ mọi thứ thuộc về ông. Tôi nghĩ rằng vài tháng qua bà đã nhận ra...” Cô ta không nói hết mà ủ rũ trông xuống sàn nhà.

Thanh tra Thumm đứng ngồi không yên. “Chúng ta chưa đi đến đâu cả. Tại sao cha cô lại tự tử?”

Một nỗi đau hiện lên trên mặt Barbara. “Tại sao ư?” cô thần thờ nhắc lại. “Tại sao có người lại tự tử khi mà thú vui duy nhất trong đời bị tước mất, bóp nghẹt, khiến người đó sống như một nô lệ?” Có gì đó phản uất, thăng hoa và cùng lúc đó nỗi đau len vào giọng nói của cô. “Người cha đáng thương của tôi đã bị thao túng suốt cuộc đời. Ông không thể tự quyết, không dám phát ngôn gì trong chính ngôi nhà mình. Con cái thì chẳng thêm vâng lời, coi thường ông. Thật tàn nhẫn... tuy nhiên - con người thật kỳ lạ - trái tim mẹ tôi vẫn có chút thương cảm dành cho ông. Tôi hiểu rằng ông khá đẹp trai khi họ gặp nhau. Tôi nghĩ mẹ tôi thao túng cha vì bà cho rằng ông cần cứng rắn hơn. Theo bà thì ai quá yếu mềm trước bản thân đều cần trở nên cứng rắn hơn.” Barbara thở dài. “Thay vì khiến cha tôi mạnh mẽ thêm, nó lại khiến ông suy sụp. Ông trở nên xa lánh, sống gần như vờ vập. Ngoại trừ ông bạn già lạ lùng hàng xóm, là thuyền trưởng Trivett, cha tôi chẳng có bạn. Và ngay cả ông ta cũng không thể khiến cha tôi thoát khỏi sự ơ hờ đó. Tôi đang nói nhăng nói cuội rồi...”

“Ngược lại đây, cô Hatter,” Lane nhẹ nhàng nói, “cô đang sáng suốt kể những chuyện rất quan trọng đây. Lệnh cấm của mẹ cô đối với cây đàn mandolin và phòng thí nghiệm có được tôn trọng không?”

“Mọi người luôn tôn trọng mệnh lệnh của bà, ngài Lane ạ,” Barbara khẽ đáp. “Tôi có thể thề rằng chẳng ai dám mơ đến chuyện chạm vào cây đàn mandolin hay là đi vào phòng thí nghiệm... Không, thật ngớ ngẩn. Có người đã làm chuyện đó.”

“Lần cuối cô trông thấy cây đàn còn ở trong tủ kính đằng kia là lúc nào?” viên thanh tra thắc mắc.

“Chiều hôm qua.”

“Nó có phải,” Bruno hỏi với một chút phấn khích, như thể ông ta vừa nảy ra ý nghĩ gì đó, “là nhạc cụ duy nhất trong nhà không?”

Lane liếc nhìn ông ta sắc bén, còn Barbara tỏ ra ngạc nhiên. “Vâng, đúng thế,” cô đáp. “Dù có ý nghĩa gì... Tôi cho rằng nó không liên quan đến tôi. Gia đình tôi không có năng khiếu âm nhạc. Nhà soạn nhạc ưa thích của mẹ tôi là Sousa, và cây đàn của cha tôi là kỉ vật từ thời sinh viên. Từng có một cây đàn piano cánh - một trong những món đồ hoa mỹ nhất nhà, đầy họa tiết và sơn son thếp vàng, phong cách rococo những năm 1890 - nhưng mẹ tôi đã ném nó đi vài năm trước. Bà tỏ ra bực bội...”

“Bực bội?” Bruno thắc mắc.

“Vấn đề là Louisa không thể cảm nhận được nó.”

Bruno cau mày. Bàn tay to bản của Thumm thò vào túi áo lục lọi và giơ ra một chiếc chìa khóa. “Cô nhận ra nó chứ?”

Barbara chăm chú quan sát nó. “Đó là chìa khóa của hăng Yale phải không? Tôi không biết nữa. Chúng trông khá giống nhau mà...”

“Chà,” Thumm thốt lên, “đó là chìa khóa phòng thí nghiệm của cha cô. Tôi tìm thấy nó trong đồng đồ đạc của mẹ cô.”

“Ra thế.”

“Đây là chiếc chìa khóa duy nhất của căn phòng đó đúng không?”

“Tôi tin như vậy. Tôi đoán mẹ tôi đã giữ nó kể từ lúc có tin cha tôi tự tử.”

Thumm cất chìa khóa vào túi. “Đúng như điều tôi đã được nghe. Chúng ta phải ghé qua phòng thí nghiệm đó.”

“Cô có hay ghé vào phòng thí nghiệm của cha mình không, cô Hatter?” Bruno tò mò hỏi.

Khuôn mặt Barbara hoạt bát hẳn lên. “Có chứ, ngài Bruno. Tôi là một trong những kẻ tồi tệ trong ngôi đền khoa học thần thánh của cha. Những thí nghiệm của ông đã cuốn hút tôi, dù tôi chẳng hiểu chúng. Tôi thường dành cả tiếng với ông trên gác. Đó là những lúc mà ông hạnh phúc nhất -

ông như sống vì khoảnh khắc ấy.” Cô chìm vào trầm tư. “Martha - người chị dâu - cũng đồng cảm với ông, thi thoảng chị ấy cũng xem ông làm việc. Và tất nhiên còn cả thuyền trưởng Trivett nữa. Những người khác...”

“Vậy là cô không biết gì về hóa học,” Thumm xác nhận lại với giọng không đồng tình.

Barbara mỉm cười. “Ngài thanh tra ời. Chất độc ư? Ai cũng đọc được tên ghi trên nhãn chai mà. Không, tôi không có khiếu về hóa học.”

“Từ những điều được nghe,” Drury Lane bình luận, với thứ mà viên thanh tra đánh giá là không phù hợp, “việc không có khiếu khoa học khiến cô thăng hoa thành thiên tài thi ca, cô Hatter à. Cô phô bày một bức tranh thú vị, cô và người cha: Nàng thơ ngồi dưới chân Khoa học gia.”

“Vớ vẩn,” thanh tra Thumm nói rõ ràng.

“Ồ, hẳn là thế rồi,” Lane đáp lời và mỉm cười. “Lúc này đây tôi không bình luận vậy chỉ vì muốn phô bày mở kiến thức cũ rích đâu, thanh tra à... Điều tôi muốn biết là. Thưa cô Hatter: liệu Khoa học gia có bao giờ ngồi dưới chân Nàng thơ không?”

“Làm ơn giải thích rõ ràng cái,” viên thanh tra gắt. “Tôi cũng muốn biết câu trả lời mà.”

“Ngài Lane đây muốn hỏi,” Barbara trả lời với nét ửng hồng trên đôi má, “liệu cha tôi có hứng thú với việc tôi làm thơ như thế không. Câu trả lời, thưa ngài Lane, là có. Cha tôi luôn có niềm đam mê mãnh liệt dành cho thơ ca của tôi - nhưng tôi e là không bằng dành cho thành quả hóa học của ông. Ông thường không hiểu nổi những vần thơ của tôi...”

“Tôi cũng thế, thưa cô Hatter,” Lane nói và hơi chúi người. “Cha cô đã bao giờ thử làm thơ chưa?”

Barbara tỏ vẻ nghi hoặc. “Hiếm lắm. Ông đã thử sức với việc viết sách một lần, nhưng tôi không tin ông đã có thành quả gì. Cha tôi không thể làm gì đó thật lâu dài - tất nhiên là ngoại trừ những thí nghiệm không ngừng với bình cong, đèn cồn và hóa chất.”

“Chà,” Thumm nói xen vào, “nếu chỉ có vậy, tôi xin phép quay lại chuyện chính. Chúng ta không có cả ngày đâu, ngài Lane... Cô là người về nhà cuối cùng đêm qua, phải không cô Hatter?”

“Tôi chịu thôi. Tôi quên mang chìa khóa - chúng tôi đều có chìa khóa riêng - nên tôi đã bấm chuông tiền sảnh. Cái chuông nối trực tiếp với phòng của nhà Arbuckle trên tầng áp mái, và ông George Arbuckle xuống lầu sau tầm năm phút để mở cửa cho tôi vào. Tôi liền đi lên gác luôn. Arbuckle lên sau... Vì vậy, tôi không thể nói tôi có phải là người cuối cùng hay không. Có lẽ ông Arbuckle biết.”

“Sao cô lại không mang chìa khóa? Thất lạc? Đánh mất?”

“Ngài thật dễ đoán, thanh tra à,” Barbara thở dài đáp. “Không, nó không bị thất lạc, không bị mất, cũng không bị đánh cắp. Chỉ là tôi quên mang, như tôi đã nói. Nó nằm ở một cái ví khác trong phòng tôi, tôi đã kiểm tra lại trước khi đi ngủ.”

“Ngài có nghĩ đến khả năng nào khác không?” viên thanh tra hỏi Bruno sau một hồi im lặng.

Vị công tố viên lắc đầu.

“Còn ngài thì sao?”

“Sau cái cách ngài ngắt lời tôi, thanh tra à,” Lane đáp bằng một nụ cười rầu rĩ, “không.”

Thumm tỏ vẻ hối lỗi rồi nói: “Xong rồi, thưa cô Hatter. Xin cô đừng rời khỏi nhà.”

“Không,” Barbara Hatter mệt mỏi đáp. “Tất nhiên là không rồi.”

Cô đứng lên và rời khỏi phòng.

Thumm giữ cửa mở và dõi theo bước chân cô. “Chà,” ngài lẩm bẩm, “dù tôi vẫn vẫn như thế, đó vẫn là một phụ nữ thật đẹp. Được rồi,” Thumm nói tiếp, đôi vai gồng lên, “có thể chúng ta sẽ xử lý được những kẻ điên này. Mosher, cho gọi nhà Arbuckle xuống đây để thẩm vấn.”

Viên thám tử vội lên gác. Thumm đóng cửa, móc ngón tay cái vào đĩa quần rồi ngồi xuống.

“Những kẻ điên?” Bruno nhắc lại. “Tôi tưởng nhà Arbuckle thì bình thường.”

“Không đâu,” viên thanh tra gắt. “Trông thì bình thường thế thôi. Họ điên bên trong đấy. Họ điên chắc luôn.” Ông nghiêng hàm răng lại. “Bất cứ

ai sống trong ngôi nhà này đều điên hết. Tôi bắt đầu cảm thấy mình cũng bị điên rồi.”

Vợ chồng Arbuckle đều cao ráo, vẻ khỏe mạnh của tuổi trung niên; họ trông giống anh trai và em gái hơn vợ chồng, cả hai đều có nét mặt thô và da mặt sần sùi, với lỗ chân lông to và nhờn: những người nông dân, cả hai bọn họ, được thừa hưởng gien to béo và óc lãnh đạm - cả hai đều nghiêm túc và không cười, như thể cái không khí đang trấn áp ngôi nhà này đã nghiền nát họ.

Bà Arbuckle tỏ ra lo lắng. “Tối qua tôi đi ngủ lúc mười một giờ,” bà nói. “Với George - chồng tôi. Chúng tôi là những người hiền hòa; chúng tôi không biết gì về chuyện này hết.”

Viên thanh tra gắt. “Ngủ cho đến sáng sao, cả hai người?”

“Không,” người phụ nữ nói. “Khoảng hai giờ sáng thì có tiếng chuông reo. George bật dậy, mặc vội quần áo và đi xuống nhà.” Thumm gật đầu ừ ừ; có lẽ ngài chờ đợi một lời nói dối. “Khoảng mười phút sau ông ấy trở lên và bảo: ‘Barbara, cô chủ để quên chìa khóa.’” Bà Arbuckle hít một hơi. “Sau đó chúng tôi ngủ tiếp và không biết chuyện gì khác cho đến tận sáng.”

Mái đầu bờm xờm của George Arbuckle khẽ gật. “Đúng vậy,” ông nói. “Có Chúa chứng giám. Chúng tôi chẳng hề biết gì sất.”

“Ông chưa được phép lên tiếng,” Thumm nói. “Giờ thì...”

“Bà Arbuckle,” Lane bất ngờ xen vào. Bà ta nhìn ông bằng vẻ tò mò của phụ nữ - một phụ nữ trông như đàn ông. “Bà có thể cho chúng tôi biết là trái cây được đặt trong phòng của bà Hatter mỗi ngày phải không?”

“Đúng thế. Cô Louisa Champion thích ăn trái cây.” bà Arbuckle xác nhận.

“Hiện trên gác đang có một bát trái cây. Nó được để đấy từ bao giờ?”

“Hôm qua. Tôi luôn giữ cho bát đầy trái cây tươi. Bà Hatter muốn vậy.”

“Cô Champion thích tất cả các loại trái cây à?”

“Vâng. Cô ấy...”

“Vâng, thưa ngài,” thanh tra Thumm xãng giọng.

“Vâng thưa ngài.”

“Còn bà Hatter thì sao?”

“Vâng... cũng thích thế. Bà ấy chỉ ghét lê thôi. Không bao giờ ăn lê cả. Những người trong nhà hay lấy đó làm chuyện vui về bà ấy.”

Drury Lane liếc mắt với thanh tra Thumm và công tố viên Bruno đầy dụng ý. “Giờ thì, bà Arbuckle,” ông ân cần nói tiếp, “bà đã mua trái cây ở đâu?”

“Tại tiệm Sutton khu University Place. Cung cấp đồ tươi mỗi ngày.”

“Thế có ai ngoại trừ cô Champion ăn chỗ trái cây này nữa không?”

Bà Arbuckle nâng cằm lên và nhìn ông chăm chăm. “Sao ông lại hỏi lạ thế? Chắc chắn những người khác cũng cùng ăn chứ. Tôi luôn lấy cho cả nhà cùng ăn mà.”

“Hừm. Có ai đã ăn lê từ đợt hàng hôm qua không?”

Gương mặt người quản gia tối sầm lại với sự nghi ngờ; có vẻ vấn đề trái cây này đã khiến bà ta căng thẳng. “Có!” bà ta ồ lên. “Có! Có...”

“Có, thưa ngài,” viên thanh tra nhắc.

“Có... thưa ngài. Tôi đã ăn một quả, chính tôi, nhưng thế thì sao ạ?”

“Không có gì, bà Arbuckle, yên tâm đi,” Lane nhẹ nhàng đáp. “Bà đã ăn một quả lê. Mỗi mình bà thôi sao?”

“Bọn trẻ, Jackie và Billy, mỗi đứa một quả nữa,” bà lẩm bẩm, sự căng thẳng dịu xuống. “Và một quả chuối nữa, chúng ăn như hạm ấy.”

“Và không bị sao cả,” Bruno nhận xét. “Dù sao vẫn cần thông tin này.”

“Trái cây được đem đến phòng cô Champion thời điểm nào hôm qua?” Lane vẫn nhẹ nhàng hỏi tiếp.

“Vào buổi chiều. Sau khi ăn trưa, thưa ông.”

“Tất cả trái cây đều tươi mới?”

“Vâng... Vâng, thưa ngài. Một vài quả nằm trong bát từ ngày hôm kia, nhưng tôi đã bỏ chúng ra,” bà Arbuckle nói, “và đặt quả mới vào. Louisa rất kén chọn đồ ăn thức uống. Đặc biệt là trái cây. Cô ấy sẽ không ăn trái cây chín quá hay dập nát.”

Drury Lane bắt đầu; ông định nói điều gì đó, nhưng lại thôi, rồi cứ thế nín thinh luôn. Người quản gia chỉ biết chăm chăm nhìn ông vẻ thần thờ; còn ông chồng thì sáp tới đứng cạnh, gãi cằm và tỏ ra không thoải mái.

Viên thanh tra và Bruno dường như bối rối bởi phản ứng của Lane; họ dõi theo ông từng chút một.

“Bà có chắc chắn về chuyện đó?”

“Chắc như bắp luôn.”

Lane thở dài. “Có bao nhiêu quả lê được bỏ vào bát buổi chiều hôm qua, bà Arbuckle?”

“Hai quả.”

“Cái gì!” viên thanh tra thốt lên. “Tại sao, chúng ta tìm thấy...!” Thumm nhìn Bruno, và Bruno nhìn Lane.

“Thế đấy,” vị công tố viên lẩm bẩm, “thật lạ lùng đấy, ngài Lane ạ.”

Lane tiếp tục không hề nao núng. “Bà có dám thề không, bà Arbuckle?”

“Xin thề? Để làm gì? Có hai quả thôi, tôi bảo rồi. Tôi phải biết chứ.”

“Chắc chắn là bà biết. Bà có tự tay mang cái bát lên gác không?”

“Tôi luôn làm thế.”

Lane mỉm cười, vẻ trầm tư, rồi ngồi xuống với một cái phẩy tay khe khẽ.

“Tối lượt ông, ông Arbuckle,” viên thanh tra gắt. “Barbara Hatter có phải là người cuối cùng về nhà đêm qua?”

Viên tài xế kiêm gia đình run lên thấy rõ khi tên mình được xướng lên. Ông ta liếm môi. “Dạ... dạ... tôi không biết nữa, thưa ngài. Sau khi mở cửa cho cô Hatter, tôi chỉ đứng dưới nhà một lúc đủ để thấy rằng tất cả cửa ra vào và cửa sổ đều khóa. Tôi đã tự tay khóa cửa trước, sau đó lên gác đi ngủ. Vì vậy, tôi không thể nói còn ai vào nhà nữa không.”

“Còn tầng hầm?”

“Nó không được sử dụng,” Arbuckle trả lời chắc chắn hơn. “Nó được khép lại và đóng ván gỗ cả trước cả sau nhiều năm rồi.”

“Thế à,” Thumm nói. Viên thanh tra đi ra cửa, ló đầu ra ngoài và hét lên: “Pinkussohn”

Một thám tử cất giọng khàn khàn: “Vâng, thưa sếp?”

”Đi xuống tầng hầm. Kiểm tra một vòng đi.”

Viên thanh tra đóng cửa lại và về chỗ ngồi. Công tố viên Bruno đang hỏi ông Arbuckle: “Tại sao ông lại cẩn thận kiểm tra cửa ra vào và cửa sổ lúc hai giờ sáng?”

Arbuckle cười bối rối. “Thói quen của tôi, thưa ngài. Bà Hatter luôn bảo tôi phải kiểm tra cẩn thận, vì cô Champion - cô ấy sợ có kẻ trộm. Tôi đã kiểm tra trước khi đi ngủ, nhưng tôi nghĩ để chắc chắn thì nên kiểm tra lần nữa.”

“Cửa đều được đóng và khóa lúc hai giờ sáng?” Thumm hỏi.

“Vâng thưa ngài. Nội bất xuất ngoại bất nhập.”

“Vợ chồng ông làm việc ở đây bao lâu rồi?”

“Tám năm,” bà Arbuckle nói, “mốc là tháng ba vừa rồi.”

“Được rồi,” Thumm nói, “tôi nghĩ thế là xong. Còn câu hỏi nào không, ngài Lane?”

Người nghệ sĩ đang ngồi ườn trên ghế, mắt dán chặt vào vợ chồng người quản gia. “Ông bà Arbuckle,” ông nói. “Ông bà có cảm thấy khó khăn khi làm việc cho nhà Hatter không?”

George Arbuckle trở nên hoạt bát hẳn lên. “Khó khăn, ngài bảo thế ư?” Ông ta khịt mũi. “Tôi sẽ nói thật, thưa ngài. Điên rồ, họ ấy, tất cả bọn họ luôn.”

“Thật khó mà làm vừa lòng họ,” bà Arbuckle ủ ê nói.

“Vậy tại sao,” Lane hỏi bằng giọng dễ chịu, “hai người vẫn tiếp tục làm việc cho họ suốt tám năm qua?”

“À, cái đấy thì!” bà Arbuckle đáp trong bằng giọng điệu của một người không xem câu hỏi này là thích hợp. “Chẳng có gì là uẩn khúc đâu. Tiền công hậu hĩnh - rất hậu hĩnh, thế nên chúng tôi mới ở lại. Ai cũng thế thôi.”

Lane tỏ vẻ thất vọng. “Có ai nhớ là hôm qua còn trông thấy cây đàn mandolin trong tủ kính đằng kia không?”

Ông bà Arbuckle nhìn nhau, và cả hai đều lắc đầu. “Chúng tôi không rõ,” họ nói.

“Cảm ơn hai người,” Drury Lane nói, và nhà Arbuckle được viên thanh tra cho phép ra ngoài.

Người hầu gái, Virginia - không ai nghĩ đến việc hỏi họ của cô ta - là một phụ nữ độc thân cao ráo to xương với khuôn mặt lưỡi cày. Cô ta cứ mãi vịn tay và chỉ chực khóc. Cô đã làm việc cho nhà Hatter được năm năm. Cô thích công việc của mình. Cô yêu công việc của mình. Tiền công... Không,

thưa ngài, tôi đi ngủ sớm tối qua... Cô không nghe thấy gì, không nhìn thấy gì, và không biết gì. Nên cô được phép ra ngoài.

Pinkussohn, viên thám tử, vào phòng với sự ghê tởm hiện rõ trên khuôn mặt lớn. “Chẳng có gì trong hầm cả, sếp ạ. Trông như thể nó đã không được mở ra nhiều năm rồi, bụi thì dày cả tắc...”

“Cả tắc?” viên thanh tra đáp lại vẻ khó chịu.

“Vâng... có lẽ ít hơn. Cửa ra vào và cửa sổ chưa ai đụng vào. Không có dấu chân nào trên sàn.”

“Bỏ cái thói hư cấu đi,” Thumm gắt. “Có ngày cậu sẽ biến con chuột thành con voi mất, và thế là lớn chuyện đấy. Được rồi, Pink.” Khi thám tử biến mất qua cánh cửa một cảnh sát bước vào chào. “Này,” Thumm hỏi, “có chuyện gì vậy?”

”Có hai người bên ngoài,” viên cảnh sát cho biết. “Họ muốn vào đây. Họ nhận là luật sư của gia đình và một trong số họ là đối tác hay đại loại thế với Conrad Hatter. Cho họ vào nhé, thanh tra?”

“Cho vào đi,” Thumm gắt. “Tôi đã chờ họ cả buổi sáng nay. Thật đấy!”

Hai người mới đến bước vào thư viện, mang theo nét kịch tính và thứ gì đó hài hước. Độc lập với nhau, dù là những mẫu người hoàn toàn tương phản, họ vẫn có thể là bạn bè, tuy nhiên, mọi khả năng của sự thân tình đã bay biến hết, cùng với sự hiện diện của Jill Hatter. Jill, xinh đẹp, sắc sảo, khuôn mặt cô gợi nét đau buồn dưới cặp mắt và trong các đường nét quanh mũi và miệng mang biểu trưng cho đời sống vương giả, rõ ràng đã biết những người đàn ông trong hội trường từ trước. Cô ta đến chỗ họ, chen vào giữa, bám riết vào một cánh tay nam tính, buồn bã nhìn họ, chuyển từ người nọ sang người kia, chấp nhận những lời chia buồn vội vã bằng bộ ngực đầy và đôi môi ử rũ...

Lane, Thumm, Bruno âm thầm dõi theo họ. Người phụ nữ trẻ này thật biết làm dáng, chỉ nhìn qua là có thể thấy ngay. Trong mỗi cử động khôn khéo của cơ thể đều ẩn chứa lời mời gọi dục vọng, và phảng phất nét nhục cảm. Cô ta coi hai người đàn ông kia như vật làm nền, chồng người nọ lên người kia, gây mâu thuẫn, khiến họ đứng độ một cách vô thức, lợi dụng sự ra đi đầy bi kịch của bà mẹ với quyết tâm lạnh lùng là để thu hút họ đến

gần hơn với cô ta và chống đối lẫn nhau. Nhìn chung, Drury Lane đã thấy rõ cần phải cảnh giác với người phụ nữ này.

Đồng thời, Jill Hatter tỏ ra sợ hãi. Trò sai khiến bậc thầy của cô ta đã trở thành thói quen, chứ không chỉ là một ý định nhất thời nữa. Cao ráo, đường nét căng đầy, gần như hoàn mỹ - lại đang sợ hãi. Cặp mắt cô ta đỏ hoe vì mất ngủ và sợ hãi... Đột nhiên, như thể lần đầu tiên ý thức được có người đang quan sát, cô ta thả vòng tay người đàn ông ra với một cái bĩu môi và đi về phía nhà vệ sinh. Lần đầu tiên... Đôi mắt cô ta đã nhìn thấy tất cả mọi thứ ngay từ giây phút bước qua ngưỡng cửa. Sợ hãi...

Những người còn lại giáp mặt nhau, với khuôn mặt chào hỏi theo nghi thức. Hai người này cũng không có khác biệt gì nhiều lắm. Chester Bigelow, luật sư của gia đình, là một người có chiều cao tốt, nhưng đứng bên cạnh John Gormly, đối tác kinh doanh của Conrad Hatter, ông ta dường như thật nhỏ bé. Tóc Bigelow đen, với một bộ ria mép đen nhỏ và râu hàm xanh đen; tóc Gormly thì sáng, với mái tóc vàng nhạt và bộ râu cứng hơi đỏ dưới làn da mặt cạo vôi. Bigelow tỏ ra lạnh lợi, hoạt bát và nhanh nhẹn trong mỗi cử động; Gormly thì chậm chạp và thận trọng. Có nét gì đó khôn ngoan, gần như ranh mãnh trên khuôn mặt sáng sủa của vị luật sư; trong khi Gormly lại tỏ ra nghiêm túc và điềm tĩnh. Và người đàn ông tóc vàng cao lớn trẻ hơn so với đối thủ của mình ít nhất là mười tuổi.

“Các ông muốn nói chuyện với tôi, thanh tra Thumm?” Jill khẽ cất giọng yếu ớt hỏi.

“Giờ thì tôi chưa cần ngay,” Thumm đáp, “nhưng cô đã ở đây rồi thì... Mời ngồi, các vị.” Ngài giới thiệu Jill, Bigelow và Gormly với Bruno và Drury Lane. Jill đẩy người vào một chiếc ghế và cố tỏ ra mình thật nhỏ bé và bất lực, như giọng nói của cô ta. Vị luật sư và nhà môi giới chưa chịu ngồi xuống, tỏ ra hơi lo lắng. “Giờ thì, cô Hatter, cô đã ở đâu đêm qua?”

Cô ta quay lại nhìn John Gormly, thật từ tốn. “Tôi đã ra ngoài cùng John... ông Gormly.”

“Kể chi tiết đi.”

“Chúng tôi đã đến nhà hát, rồi đến một bữa tiệc nửa đêm ở đâu đó.”

“Cô về nhà lúc mấy giờ?”

“Rất sớm, thưa thanh tra... năm giờ sáng.”

John Gormly đỏ mặt, và Chester Bigelow tức khắc làm một động tác thiếu kiên nhẫn với chân phải. Hàm răng nhỏ đều đặn của anh ta nở một nụ cười.

“Ông Gormly đây đưa cô về nhà? Đúng không ông Gormly?”

Nhà môi giới định mở miệng, nhưng Jill đã cắt lời về rầu rĩ: “Ồ, không, thưa thanh tra. Chuyện đó... chà, khá xấu hổ.” Cô ta e dè nhìn xuống tấm thảm. “Các ngài thấy đấy, tôi đã say rượu vào khoảng một giờ sáng. Tôi đã cãi nhau với ông Gormly đây - ông ấy nghĩ mình nên tỏ ra dễ tiện một chút, các ngài thấy...”

“Jill...” Gormly xen vào. Mặt ông ta đỏ như cái cavát đang đeo.

“Vậy nên ông Gormly đã bỏ tôi lại một mình. Thật ra! Tôi muốn nói rằng ông ta đã nổi cơn hung bạo như dã thú,” Jill tiếp tục bằng giọng ngọt ngào, “và sau đó... chà, tôi không nhớ gì hết ngoại trừ việc uống rượu gin rẻ tiền và say sưa với ai đó béo núc, đầy mồ hôi. Tôi nhớ chuyện lê bước trên phố suốt đêm, ca hát đến lạc cả giọng.”

“Tiếp đi,” viên thanh tra nói dứt khoát.

“Một cảnh sát chặn tôi lại và đưa tôi vào một chiếc taxi. Một anh chàng quá ư tử tế! Cao to, khỏe mạnh với mái tóc nâu xoăn...”

“Tôi biết họ mà,” Thumm nói. “Tiếp đi!”

“Tôi đã tỉnh táo khi về tới nhà; lúc đó đã gần sáng. Cảnh công viên thật đẹp và trong lành, thanh tra à - tôi thích bình minh...”

“Hắn là cô thấy chúng nhiều rồi. Tiếp đi, cô Hatter. Chúng ta không thể lãng phí cả ngày.”

Khuôn mặt John Gormly dường như sắp sửa nổ tung. Anh ta găm gờ trong họng, nắm chặt bàn tay, và bắt đầu đi ngang qua tấm thảm. Biểu hiện của Bigelow thì thật bí ẩn.

“Và đó là tất cả, thanh tra à,” Jill nói, mắt cụp xuống.

“Thế thôi sao?” cơ bắp của Thumm phồng lên dưới tay áo khoác; ngài chẳng thêm che giấu sức mạnh. “Được rồi, cô Hatter. Trả lời một số câu hỏi đây. Cửa trước có khóa khi cô về nhà không?”

“Để tôi xem nào... Tôi nghĩ là có khóa. Vâng! Tôi phải mất ít phút loay hoay mở cửa.”

“Cô có nghe hay trông thấy gì đó khác thường khi đi lên gác không?”

“Khác thường ư? Thanh tra à, tôi thấy sốc đấy.”

“Cô biết tôi muốn nói gì mà,” Thumm gắt. “Khang khác. Kỳ lạ. Thứ gì đó thu hút sự chú ý của cô.”

“Ồ! Không, thưa thanh tra.”

“Cô có để ý cửa phòng ngủ của mẹ cô mở hay đóng không?”

“Nó đóng chặt. Tôi đi vào phòng mình, bỏ hết đồ ra, rồi quẳng mình lên giường. Tôi ngủ như chết cho đến tận lúc ồn ào ban sáng.”

“Thế là đủ rồi. Được rồi, ông Gormly. Ông đã đi đâu sau khi bỏ cô Hatter lại một mình lúc đó?”

Tránh ánh mắt ngây thơ dò xét của Jill, Gormly lẩm bẩm: “Tôi đi bộ vào thành phố. Có một buổi tiệc ở Đường Thứ Sáu Mười Sáu. Tôi đi bộ hàng tiếng đồng hồ. Tôi sống ở góc đại lộ Thứ Bảy và Đường Thứ Mười Lăm, rồi tôi về nhà - tôi không nhớ nữa. Trời mới tờ mờ sáng.”

“Hừm. Ông và cô Hatter thân nhau lâu chưa?”

“Ba năm.”

“Ông biết nhà Hatter từ bao giờ?”

“Kể từ ngày còn học đại học. Conrad và tôi là bạn cùng phòng, và tôi quen gia đình anh ta từ đó.”

“Tôi nhớ lần đầu tiên tôi nhìn thấy anh, John,” Jill nhẹ nhàng nói. “Tôi hằng còn là một cô bé. Là bạn tốt đẹp, hoặc là bạn tốt đẹp?”

“Đừng có giọng giọng ve vãn,” Thumm xẵng giọng. “Tránh qua một bên, ông Gormly. Bigelow, tôi hiểu rằng công ty luật của ông lo liệu mọi vấn đề pháp lý liên quan đến việc kinh doanh của bà Hatter. Bà ta có địch thủ nào trong việc kinh doanh nào không?”

Viên luật sư lịch thiệp đáp: “Cũng như tôi, thanh tra à, các vị biết rằng bà Hatter là một người! - Một phụ nữ khá đặc biệt. Nói chung chẳng giống ai cả. Địch thủ ư? Có chứ. Tài phiệt phố Wall nào mà chẳng có địch thủ. Nhưng tôi không dám nói xa xôi đến - không, chắc chắn là không - chuyện có người ghét bà ấy đến mức muốn sát hại.”

“Thông tin hữu ích. Thế ông nghĩ sao về vụ giết người này?”

“Đáng tiếc, thật buồn,” Bigelow nói, mím môi lại. “Rất buồn. Và nói thật là tôi chẳng dám có ý kiến gì về vụ này cả. Một chút cũng không.” Anh ta dừng lại, rồi nói tiếp. “Hay về người có thể đã cố gắng đầu độc cô Champion hai tháng trước đây, như tôi từng khai lúc trước.”

Công tố viên Bruno tỏ vẻ sốt ruột. “Thế đấy, thanh tra à, chúng ta chẳng đi đến đâu cả. Ông Bigelow, bà Hatter có để lại di chúc không?”

“Có chứ.”

“Có gì bất thường trong di chúc không?”

“Có và không. Tôi...”

Mọi người nhất loạt quay người lại khi có tiếng gõ cửa. Thumm nặng nề sải bước qua phòng và khẽ hé cửa. “Ồ, Mosher,” ngài nói. “Có chuyện gì?”

Giọng Mosher cất lên trầm đục. Viên thanh tra nói: “Không!” bằng giọng dứt khoát. Ngài đột ngột cười khẩy và đóng sầm cửa trước mặt Mosher. Rồi Thumm đi đến chỗ vị công tố viên thì thầm điều gì đó, và nét mặt Bruno trở nên hí hửng.

“Chà, ông Bigelow,” Bruno hỏi, “khi nào ông định chính thức đọc di chúc cho những người thừa kế của bà Hatter?”

“Thứ Ba lúc hai giờ chiều, sau buổi tang lễ.”

“Tốt. Khi đó chúng ta sẽ nghe được nghe chi tiết. Tôi nghĩ thế là xong...”

“Chờ chút, ngài Bruno,” Drury Lane ôn tồn nói.

“Mời ngài.”

Lane quay sang Jill Hatter. “Lần cuối cùng cô trông thấy cây đàn mandolin bình thường vẫn để trong phòng này là khi nào, thưa cô Hatter?”

“Đàn mandolin? Tối qua sau khi ăn xong, ngay trước khi tôi rời khỏi nhà với John.”

“Và lần cuối cùng mà cô ghé vào phòng thí nghiệm của cha cô?”

“Căn phòng bốc mùi của York?” Jill nhún cặp vai xinh. “Khoảng vài tháng trước. Vâng, cũng nhiều tháng rồi. Tôi chẳng thích chỗ đó, và York cũng không muốn tôi ở đó. Cha và con gái tôn trọng sự riêng tư của nhau, nói chung là chuyện ăn ở.”

“Cũng đúng,” Lane nói mà chẳng cười. “VẬY tức là cô có tới phòng thí nghiệm trên gác sau khi ông Hatter biến mất?”

“Không.”

Ông khẽ khom người lại cúi chào. “Cảm ơn cô.”

“Xong rồi,” thanh tra Thumm ngắt lời.

Hai người đàn ông và cô gái sốt sắng rời khỏi phòng. Bên ngoài hành lang Chester Bigelow tóm lấy khuỷu tay của Jill đẩy níu kéo, và cô ta mỉm cười đáp lại. John Gormly, vẻ cau có, nhìn họ sòng bước đi vào phòng khách. Anh ta đứng do dự một lát, rồi tỏ ra hơi lưỡng lự giữa việc đi về phía hành lang nào, trong khi mấy viên thám tử quanh đó đang ơ hờ dõi theo. Ba nhân vật chính trong thư viện nhìn nhau. Dường như ngôn từ trở nên thừa thãi. Thanh tra Thumm ra chỗ cửa và bảo một thám tử đi gọi y tá của Louisa Champion.

Năm ngoài mọi dự đoán, cuộc thẩm vấn bà Smith đã mở ra vô số điểm thú vị. Bà y tá đầy đà đã làm dịu cơn hoang mang bằng tinh thần nghề nghiệp, và đã rất nhanh, rất chắc chắn trong những câu trả lời. Hôm trước bà có thấy cây đàn mandolin trong tủ không? Bà ta không nhớ. Ngoài bà Hatter, bà là người thường xuyên nhất ghé qua phòng ngủ của Louisa Champion? vâng. Bà từng thấy cây đàn mandolin trong phòng Louisa vì lý do nào đó không? - Đây là câu hỏi của Drury Lane. Không, nó được đặt trong tủ kính kể từ khi York Hatter biến mất và theo tôi biết thì nó chưa hề được lấy ra vì lý do nào cả.

Lane: “Có ai ngoài bà Hatter từng ăn bất trái cây của cô Champion không?”

Bà Smith: “Ồ, không. Phòng của Louisa bị xa lánh bởi phần còn lại của gia đình, thưa ông, và chẳng ai dám, sau khi bà Hatter cấm đoán, lấy bất cứ thứ gì thuộc về Louisa... con người tội nghiệp. Tất nhiên, thỉnh thoảng lũ trẻ sẽ lén vào và ăn cắp một quả táo hay đại loại thế, nhưng điều này không xảy ra thường xuyên, vì bà Hatter rất nghiêm khắc với chúng, và lần cuối cùng chuyện đó xảy ra là khoảng ba tuần trước, bà chủ đánh Jackie và mắng Billy. Nhặng xị cả lên, và như thường lệ Jackie kêu la oai oái, và mẹ thẳng bẻ lại bắt đầu ca cẩm về chuyện bà Hatter đánh lũ trẻ; hậu quả khá là

tôi tệ. Đó không phải là lần đầu tiên; bà Hatter - ý tôi là Martha - thường thì Martha hiền như đất, nhưng cô ta sẽ điên lên khi bản năng người mẹ được đánh thức, rồi cô ta và bà Hatter - bà mẹ chồng ấy - nhảy vào cãi nhau liên hồi về quyền bảo ban bọn trẻ... Ôi, tôi xin lỗi, thưa ông. Tôi nói nhiều quá.”

“Không, không, bà Smith, chúng tôi thích nghe hết.”

Công tố viên Bruno: “Chuyện trái cây, ngài Lane, trái cây. Bà Smith, bà có để ý thấy bát trái cây được đặt trên bàn tối qua không?”

Bà Smith: “Có, thưa ngài.”

“Thế chỗ trái cây trong bát có giống với hôm nay không?”

“Tôi nghĩ có, thưa ngài.”

Thanh tra Thumm: “Lần cuối cùng bà trông thấy bà Hatter là khi nào?”

Bà Smith (bắt đầu tỏ ra lo lắng): “Tối qua khoảng mười một rưỡi.”

“Kể chi tiết đi.”

“Như thường lệ, bà Hatter tự mình kiểm tra giường chiếu cho Louisa, nhưng tôi vẫn vào xem lại lần cuối thì thấy cô chủ đã lên giường rồi. Tôi vỗ nhẹ vào má cô chủ và sử dụng bảng để hỏi cô ấy xem có cần gì trước khi tôi về phòng không. Cô ấy bảo là không - ý tôi là, cô ấy thông báo cho tôi bằng ngôn ngữ ký hiệu.”

“Chúng tôi hiểu mà. Mời tiếp tục.”

“Sau đó, tôi hỏi xem cô ấy có muốn ăn chút trái cây không, rồi tôi quay sang chỗ cái bát. Cô ấy nói không.”

Lane (vẻ chậm rãi): “Thế bà có xem xét chỗ trái cây?”

“Ồ, có chứ.”

“Có bao nhiêu quả lê ở đó?”

Bà Smith (cặp mắt to đầy cảnh giác): “Ô! Tối qua chỉ có hai quả thôi, và sáng nay thì lại thành ba! Giờ tôi mới nhớ ra...”

“Chắc chắn chứ, bà Smith? Chuyện này tối quan trọng đấy.”

Bà Smith (vẻ hăm hở): “Vâng, thưa ngài. Có hai quả. Tôi xin thề.”

“Có quả nào bị hỏng không?”

“Hỏng ư? Không, thưa ngài. Cả hai đều chín và tươi ngon.”

“Vậy đấy! Cảm ơn, bà Smith.”

Thanh tra Thumm (gàu gợn): “Thế thì sao chứ - được rồi, bà Smith. Vậy bà Hatter đã làm gì suốt thời gian đó?”

“Bà chủ mặc váy ngủ và chuẩn bị lên giường. Bà ấy... chà, các vị biết phụ nữ làm gì trước khi ngủ rồi đấy.”

“Tôi biết thừa. Tôi là người đã có gia đình. Bà ta đã làm gì?”

“Cầu nhàu, gắt gỏng, nhưng không có gì bất thường. Bà ta vừa tắm xong, và thực ra có vẻ tâm trạng cũng tốt hơn - về phần bà ấy ý tôi là - so với bình thường.”

“Vậy nên cái hộp phấn rôm mới được đặt trên bàn!”

“Không, thưa ngài. Hộp phấn luôn ở trên bàn. Cô Louisa tội nghiệp thích những mùi dễ chịu, và cô ấy thích mùi của bột talc - cô ấy luôn tự mình thoa phấn rôm.”

“Bà có trông thấy cái hộp trên bàn không?”

“Có, thưa ngài.”

“Nó có mở không?”

“Không, thưa ngài, vẫn đậy nắp.”

“Đậy chặt?”

“À, không, tôi nhớ ra rồi; nó có vẻ đậy hờ thôi.”

Drury Lane gật đầu và mỉm cười rất vừa ý, còn thanh tra Thumm công nhận chiến thắng nhỏ này bằng một cái gật đầu miễn cưỡng.

Công tố viên Bruno: “Bà Smith, bà có chứng chỉ y tá chứ?”

“Có, thưa ngài.”

“Bà đã làm việc cho bà Hatter bao lâu rồi?”

“Bốn năm.Ồ, tôi biết mức thời gian dài thế này là ngoại lệ, nhưng tôi thì già rồi, mà thù lao lại hấp dẫn, và tôi không thích phải lo tìm việc - đây là một công việc dễ dàng, thưa ngài. Bên cạnh đó tôi dần thương mến Louisa tội nghiệp - cuộc đời cô ấy chả được mấy. Thực ra, kỹ năng điều dưỡng của tôi không được áp dụng nhiều ở đây. Tôi như người đồng hành cùng Louisa hơn là một y tá. Tôi thường ở cùng với cô ấy vào ban ngày, trong khi bà Hatter chăm sóc cô ấy vào ban đêm.”

“Xin đừng kể dông dài, bà Smith. Sau khi rời phòng ngủ tối qua, bà đã làm gì?”

“Tôi qua phòng riêng của tôi bên cạnh và nghỉ ngơi.”

“Bà có nghe thấy gì trong đêm không?”

Bà Smith (đỏ mặt): “Không, thưa ngài. Tôi ngủ say lắm.”

Thanh tra Thumm (mắt nhìn bà Smith không rời): “Tôi hiểu mà, không sao. Bà có nghĩ ra ai muốn đầu độc người bệnh tâm điên của mình không, bà Smith?”

Bà Smith (mắt nhấp nháy): “Không, ồ, không!”

“Bà có biết rõ về ông York Hatter không?”

Bà Smith (vẻ nhẹ nhõm): “Có, thưa ngài. Ông ấy là một người nhỏ bé trầm tĩnh, bị bà vợ chèn ép.”

“Bà có quen thuộc với công việc nghiên cứu hóa học của ông ta?”

“Một chút. Có lẽ vì tôi là y tá nên ông ta thấy chúng tôi được kết nối theo cách nào đó.”

“Đã bao giờ bà vào trong phòng thí nghiệm của ông ta?”

“Một vài lần. Có một lần ông ấy đã mời tôi đến xem thử nghiệm với một loại huyết thanh trên lũ chuột lang - ông ấy tiêm vào chúng. Rất thú vị và bổ ích. Tôi nhớ tới một vị bác sĩ tài năng tôi từng...”

Lane: “Tôi cho rằng dụng cụ y tá của bà có một ống tiêm dưới da?”

“Vâng, thưa ngài, hai ống cơ. Một ống tiêm lớn và một ống tiêm nhỏ.”

“Bà vẫn giữ cả hai chứ? Không có chiếc nào bị đánh cắp khỏi hộp?”

“Không, thưa ngài! Mới vài phút trước thôi tôi còn ngó qua chúng, vì tôi thấy cái ống tiêm tìm thấy trong phòng Louisa - bác sĩ Schilling đúng không nhỉ? - ông ấy mang nó theo khi vào phòng tôi, và tôi nghĩ có thể ống tiêm của tôi đã bị người khác đánh cắp. Nhưng cả hai đều còn trong hộp.”

“Bà có nảy ra ý nào về xuất xứ của cái ống tiêm được tìm thấy không?”

“Vâng, tôi biết có vài chiếc trong phòng thí nghiệm trên gác...”

Thanh tra Thumm và công tố viên Bruno (đồng loạt): “À há!”

“... vì ông Hatter sử dụng chúng trong thí nghiệm của mình.”

“Ông ta có bao nhiêu ống tiêm?”

“Tôi thực sự không rõ. Nhưng ông ấy giữ danh sách thống kê của tất cả mọi thứ trong phòng thí nghiệm của mình trong một tủ thép, các ngài có thể tìm thấy thông tin về số lượng ống tiêm trong đó.”

“Vào đi, anh Perry,” thanh tra Thumm nói, với giọng phỉnh phờ của một con nhện đỏi. “Mời vào. Chúng tôi muốn nói chuyện với anh.”

Edgar Perry ngấp ngừng ở ngưỡng cửa. Có thể biết ngay anh ta là loại người sẽ luôn ngần ngại trước khi hành động. Cao và gầy, một người ở độ tuổi giữa bốn mươi, nhưng anh ta lại rất giống một sinh viên. Khuôn mặt gần như cạo nhẵn và hơi xanh, trông thật khổ hạnh, nhạy cảm và ưa nhìn. Anh ta trông khá trẻ so với tuổi của mình; rất dễ bị nhầm tưởng, Drury Lane lưu ý, chủ yếu bởi đôi mắt sáng và có chiều sâu. Anh ta từ từ đi đến và ngồi xuống chiếc ghế viên thanh tra chỉ tay.

“Anh là gia sư của bọn trẻ, đúng không nhỉ?” Lane hỏi, cười thân mật với Perry.

“Vâng. Vâng,” Perry nói bằng giọng khàn khàn. “Các ngài muốn gì ở tôi, thưa thanh tra Thumm?”

“Chỉ nói chuyện chút thôi,” ngài thanh tra đáp. “Chẳng có gì đặc biệt đâu.”

Bọn họ ngồi hết xuống và nhìn chăm chăm vào nhau. Perry tỏ ra căng thẳng, gần như anh ta liếm môi liên hồi, rồi lại ngẩng ngó tăm tăm dưới chân khi nhận ra sự nghi ngờ trong những ánh mắt đang hướng thẳng về phía mình... Vâng, anh ta biết cây đàn mandolin chưa được chạm vào. Không, anh ta chưa từng vào phòng thí nghiệm của York Hatter. Anh ta không đặc biệt hứng thú với khoa học, bên cạnh đó lệnh cấm của bà Hatter rất ngặt. Anh ta bắt đầu làm gia sư của gia đình Hatter ngay sau dịp năm mới vừa rồi; gia sư cũ của bọn trẻ đã nghỉ việc sau khi cãi nhau với Martha, bởi lý do là bà mẹ đã kịch liệt phản ứng khi bắt gặp người gia sư đánh cậu con Jackie lúc thằng bé cố gắng nhấn chìm một con mèo trong bồn tắm.

“Vậy là anh xử lý được lũ trẻ ranh đó?” viên thanh tra lạnh lùng hỏi.

“Ồ, cũng tạm. Vâng. Tôi xử lý đâu vào đấy,” Perry lẩm bẩm. “Dù ban đầu chúng không chịu khi tôi áp dụng quy trình,” anh ta mỉm cười vẻ hối lỗi, “đó là thưởng và phạt, và nó đã khá thành công.”

“Anh thấy làm việc ở đây khá khó khăn đúng không nào,” Thumm nói, không thêm giấu giếm.

“Đôi khi,” Perry thú nhận với vẻ cao hứng. “Bọn trẻ có xu hướng thích chạy nhảy, và tôi sợ là - đây không phải là phê phán gì đâu nhé, xin hiểu cho! - tôi sợ là cha mẹ chúng không phải là những người biết nề nếp kỷ luật.”

“Đặc biệt là cha chúng,” Thumm nhận xét.

“Vâng, có lẽ anh ta không phải là ví dụ gương mẫu cho con cái,” Perry nói. “Tôi đã muốn bỏ việc vài lần, nhưng tôi cần tiền, và mức thù lao thì tuyệt vời. Đã nhiều lần,” anh ta bỗng muốn giải bày tâm sự, “tôi xin thú nhận tôi từng muốn nghỉ việc, nhưng...”

Anh dừng lại trong cơn bối rối, dường như giật mình trước sự táo bạo của mình.

“Nhưng gì, anh Perry?” Lane khích lệ hỏi.

“Gia đình này, dù không bình thường, nhưng vẫn có sự bù đắp,” anh ta trả lời, hăng giọng. “Ý tôi là, có cô Hatter, cô Barbara Hatter ấy. Là người mà tôi, với những vần thơ quá ư xuất chúng mà tôi xin bày tỏ lòng ngưỡng mộ sâu sắc nhất.”

“À,” Lane đáp. “Một sự tôn kính hàn lâm. Anh nghĩ sao, hả Perry, về những vụ việc bất thường đang xảy ra trong ngôi nhà này?”

Perry đỏ mặt, nhưng giọng anh ta trở nên chắc hơn. “Tôi không có lời giải thích, thưa ngài. Nhưng có một người tôi dám chắc về mặt đạo đức: cô Barbara Hatter, dù những người khác liên quan thế nào, cô ấy sẽ không bao giờ hạ mình trước tội ác xấu xa. Cô ấy quá tốt, quá lộng lẫy, quá tinh táo, quá ngọt...”

“Anh thật tốt khi nói vậy,” Bruno từ tốn nói, “tôi chắc chắn cô ấy sẽ hài lòng. Giờ thì, anh Perry, anh có hay ra khỏi ngôi nhà này không - mà phòng anh ở đâu nhỉ?”

“Vâng. Trong một căn phòng trên tầng ba - tầng áp mái thứ ba. Tôi hiếm khi xin nghỉ việc dài ngày; thực ra tôi đã có một kỳ nghỉ ngắn, một lần duy nhất - năm ngày vào tháng Tư. Tôi được nghỉ các Chủ nhật, và thường thì tôi dành riêng cho việc ra khỏi ngôi nhà đó.”

“Anh toàn đi một mình?”

Perry căn môi. “Có lẽ cũng không hẳn thế. Cô Hatter có vài lần đã đồng ý đi chơi với tôi.”

“Tôi hiểu. Anh đã ở đâu tối qua?”

“Tôi về phòng riêng đi nghỉ sớm và đọc sách tầm một tiếng. Sau đó, tôi đi ngủ. Tôi xin nói,” anh ta nói thêm, “tôi hoàn toàn không biết gì về việc xảy ra cho đến tận sáng nay.”

“Cũng phải.”

Một sự im lặng bao trùm. Perry vặn mình trong chiếc ghế. Vẻ dứt khoát bùng lên trong mắt của viên thanh tra... Anh ta có biết rằng Louisa Campion thích ăn trái cây và luôn luôn có một bát để sẵn trên sàn? Anh ta có vẻ hoang mang - đúng vậy, nhưng vì cái gì? Anh ta có biết sở thích trái cây của bà Hatter không - vẻ lúng túng kìa - một cái nhún vai. Một lần nữa lại im lặng.

Drury Lane cất giọng thân thiện. “Anh nói lần đầu tiên anh đến ngôi nhà này là đầu tháng Giêng, anh Perry. Tức là anh chưa từng gặp York Hatter, tôi hiểu đúng không nhỉ?”

“Đúng vậy. Tôi chỉ biết rất ít về ông ta, chủ yếu là được nghe từ Bar... từ cô Hatter.”

“Anh có nhớ vụ đầu độc cô Campion hai tháng trước đây?”

“Vâng có nhớ. Thật kinh khủng. Cả nhà náo động khi tôi quay trở lại vào buổi chiều. Dĩ nhiên là tôi bị sốc.”

“Anh biết rõ về cô Campion không?”

Perry trầm giọng xuống, và cặp mắt anh ta sáng lên. “Khá rõ, thưa ngài. Khá rõ! Nói chung là một người phi thường. Tất nhiên, mối quan tâm của tôi dành cho cô ấy là hoàn toàn khách quan - cô ấy là trường hợp đặc thù trong chuyện giáo dục. Cô ấy đã học cách nhận ra tôi, và tin tưởng tôi, tôi chắc chắn.”

Lane trầm tư. “Vừa nãy anh bảo là không quan tâm đến khoa học, anh Perry. Tôi cho là anh không biết nhiều về chuyện giáo dục theo phương pháp. Anh lạ lẫm với bệnh lý chẳng hạn?”

Thumm và Bruno liếc nhìn nhau bối rối. Nhưng Perry gật đầu một cách lạnh lùng. “Tôi hiểu rõ vấn đề mà ngài muốn hướng tới. Giả thuyết của

ngài, tôi đoán nhé, là có một hiện trạng bệnh lý chủ yếu nào đó trong tiền sử của gia đình Hatter có thể giải thích cho sự khác thường của họ?”

“Hoan hô, anh Perry!” Lane mỉm cười. “Vậy anh có đồng ý với tôi không?”

Người gia sư nói dứt khoát: “Tôi không phải là bác sĩ hay nhà tâm lý học. Họ không bình thường, tôi thừa nhận, nhưng tôi không dám nói gì xa hơn thế.”

Thumm nhắc mình dậy. “Hãy kết thúc câu chuyện thôi. Tại sao anh biết họ cần tuyển gia sư?”

“Ông Conrad Hatter đã đăng quảng cáo tìm gia sư. Tôi đến trình bày là mình có một số kinh nghiệm làm gia sư, và may mắn được chọn.”

“Ồ, tức là anh có người giới thiệu?”

“Vâng,” Perry nói. “Vâng. Có chứ.”

“Vẫn còn đầy đủ thông tin chứ?”

“Vâng... vâng.”

“Tôi muốn thấy chúng.”

Perry chớp mắt, rồi đứng dậy và nhanh chóng rời khỏi thư viện.

“Có chuyện đây,” viên thanh tra ngay lập tức đóng cửa lại sau lưng Perry. “Phát hiện to tát đấy. Bình thường thì chẳng phát hiện được đâu, Bruno!”

“Các ngài đang bàn chuyện quái gì thế, thanh tra?” Lane mỉm cười hỏi. “Ý các ngài là Perry? Tôi thú nhận rằng ngoài những dấu hiệu lảng mạn không thể nhầm lẫn, tôi không thể...”

“Không, tôi không bảo Perry. Hãy chờ xem.”

Perry đã trở lại với một cái phong bì dài. Thanh tra lấy ra một tờ giấy dày từ phong bì và nhìn lướt qua. Đó là một bức thư giới thiệu ngắn, nói rằng Edgar Perry đã làm tròn nhiệm vụ của mình là gia sư riêng cho con của người viết thư, và không hề tỏ ra thiếu năng lực. Bức thư ký tên James Liggett và ghi một địa chỉ ở đại lộ Park.

“Được rồi,” Thumm lơ đãng nói, trả lại lá thư. “Anh đi được rồi, anh Perry. Xong xuôi hết rồi.” Perry thở dài nhẹ nhõm, nhét lá thư vào túi, và vội vã ra khỏi thư viện. “Giờ thì,” thanh tra nói, xoa xoa lòng bàn tay

khổng lồ của mình vào nhau, “đến lúc phải bắn tay rồi.” Ông ta đi ra cửa. “Pink! Cho gọi Conrad Hatter vào đây.”

Tất cả các cuộc hội thoại dài, tất cả các câu hỏi tế nhị, tất cả mớ bong bong của sự nghi hoặc và mập mờ này dường như đều hướng về phía đó. Trên thực tế, sự việc không phải vậy; mà lại có vẻ như vậy, và ngay cả Drury Lane cũng cảm thấy sự rộn ràng sôi nổi của niềm hân hoan trong giọng nói của Thumm.

Cuộc thẩm vấn Hatter, tuy nhiên, lại không mở đầu phô trương như của những người khác. Conrad Hatter đến trong lặng lẽ, một người đàn ông cao lớn, tỏ vẻ bồn chồn với nét mặt góc cạnh thật đặc trưng. Dường như anh ta cố gắng không bộc lộ cảm xúc; anh ta đi đứng cẩn thận, giống như một người mù lọ mọ dò đường, và anh ta giữ cho cái đầu cứng đờ như bị liệt, vàng trán anh ta ướt đầm. Anh ta vừa kịp ngồi xuống thì bối cảnh yên bình đã bị xé tan. Cánh cửa thư viện mở toang, có một cuộc ẩu đả trong hành lang, và Jackie Hatter lao vào phòng, bắt chước tiếng la hét theo kiểu người da đỏ, và rượt theo thân hình bé nhỏ của cậu em Billy mới biết đi chập chững phía trước. Bàn tay phải bắn thiêu của Jackie cầm một cái rìu chiến đồ chơi, còn sau cái lưng thẳng đờ vẻ kiêu hãnh của Billy là đôi tay như đang bị trói một cách vụng về. Thumm chỉ biết há hốc mồm.

Một cơn lốc đuổi theo chân chúng. Đó là Martha Hatter, khuôn mặt mệt mỏi của cô ta cau có và phiền não, đang lao vào thư viện sau hai đứa trẻ. Không ai trong số ba người họ chú ý đến những người đang ở trong phòng. Cô ta bắt gặp Jackie trốn đằng sau ghế của Lane và tát mạnh vào mặt nó. Cái rìu đang vung vẩy một cách nguy hiểm ngay sát đầu cậu em Billy và giả làm động tác chém thì bị rơi xuống, và thằng bé bắt đầu tru lên. “Jackie! Đồ hư đốn!” người mẹ la lên the thé. “Mẹ bảo mày chơi với Billy thế à!”

Billy bật khóc ngay lập tức.

“Này, trời ạ,” viên thanh tra gắt, “cô không thể trông chừng lũ trẻ à, cô Hatter? Đưa chúng ra khỏi đây!”

Bà Arbuckle, người quản gia, hỗn hển lao vào phòng sau đó. Hogan, viên cảnh sát không may, ì ạch theo sau bà ta. Họ nhìn Jackie như thể muốn

ăn tươi nuốt sống trước khi ra chỗ thẳng nhóc. Nó đá vào chân Hogan ra vẻ thích thú. Trong một khoảnh khắc, toàn bộ sự việc chỉ còn là những bàn tay múa may và những khuôn mặt đỏ gay. Conrad Hatter nhấp nhồm trên ghế, không còn giữ được sự bình tĩnh. Cặp mắt xám của anh ta cháy lên. “Đưa hết lũ nhãi khốn kiếp này ra khỏi đây, đồ ngốc!” giọng anh ta run run khi gào lên với vợ mình. Cô vợ buông tay Billy ra, vuốt lại tóc tai, rồi nhìn quanh bằng đôi mắt sợ hãi đầy ý thức. Bà Arbuckle và Hogan xoay xở đưa lũ trẻ ra khỏi phòng.

“Xong rồi!” Công tố viên Bruno nói, châm một điếu thuốc với những ngón tay run. “Tôi thành thực mong rằng sẽ không tái diễn... Nên bảo bà Hatter đây ở lại, thanh tra à.”

Thumm do dự. Lane đột nhiên đứng dậy với đôi mắt đầy thương hại. “Nào, cô Hatter,” ông nhẹ nhàng nói. “Ngồi xuống, và bình tĩnh đi. Không cần hoảng sợ đâu. Chúng tôi chẳng có ý gì đâu, cô gái ạ.”

Cô ta ngồi thụp xuống ghế, chẳng tỏ thái độ gì mà chỉ nhìn chăm chăm vào khuôn mặt lạnh tanh của người chồng. Conrad dường như đã hồi hận về cơn giận bột phát; anh ta cúi đầu xuống và tự lẩm bầm với chính mình. Lane lặng lẽ chui vào một góc.

Một thông tin có giá trị xuất hiện ngay sau đó. Cả hai vợ chồng đã nhìn thấy cây đàn mandolin trong tủ kính vào buổi tối trước đó. Nhưng Conrad đã xác minh được một sự thật quan trọng: anh ta đã về nhà trước nửa đêm, lúc một giờ rưỡi sáng, điều đó là chính xác. Anh ta đã dừng lại ở tầng dưới thư viện để uống một ly rượu. “Có một cái tủ đựng rượu trong căn phòng này,” anh ta bình tĩnh giải thích, chỉ vào chiếc tủ rượu tròn gần đó. Đó cũng là khi anh ta nhận ra cây đàn mandolin trong tủ, vẫn y nguyên sau nhiều tháng.

Thanh tra Thumm gật đầu hài lòng: “Rất tốt,” ngài lưu ý với Bruno. “Điều đó sẽ giúp chúng tôi củng cố bằng chứng. Nhiều khả năng hung thủ đã đem cây đàn mandolin ra khỏi tủ ngay trước khi gây án. Ông đã ở đâu đêm qua, ông Hatter?”

“Ồ,” anh ta trả lời, “tôi ra ngoài. Chuyện làm ăn.”

Đôi môi nhợt nhạt của Martha Hatter mím chặt; cô căng mắt dõi theo khuôn mặt của chồng. Anh ta chẳng thèm nhìn cô.

”Ra ngoài làm ăn vào lúc một giờ đêm,” viên thanh tra trầm ngâm đáp. “Được rồi, tôi không trách anh. Anh đã làm gì sau khi rời khỏi thư viện?”

“Nhìn tôi này!” Conrad đột nhiên hét lên khiến cặp mắt viên thanh tra nheo lại và hàm răng ông lộ ra với một nụ cười khiêu chiến, cần cổ của anh ta gân lên đầy cảm xúc. “Các người đang muốn ám chỉ gì vậy? Tôi đã bảo ‘ra ngoài làm ăn’, khốn kiếp, thì nghĩa là tôi đi vì công việc!”

Thumm không phản ứng gì; rồi ngài thả lỏng người và ân cần nói: “Chắc chắn là vậy rồi. Chà, từ thư viện ông đã đi đâu, ông Hatter?”

“Lên gác đi ngủ,” Conrad lầm bầm, cơn giận dữ của anh ta qua nhanh như khi nó đến. “Lúc ấy vợ tôi đang ngủ. Suốt đêm tôi không nghe thấy gì cả. Uống say nên tôi lăn ra ngủ như chết.”

Thumm tỏ ra ân cần: sử dụng mấy câu “Vâng, ông Hatter,” và “Cảm ơn ông Hatter,” bằng chất giọng ngọt ngào nhất. Bruno phải nén cười còn Lane nhìn viên thanh tra với sự tò mò thích thú. Lại chuyện giảng tư chờ mồi, ông nghĩ - một cái mạng nhện rõ ràng, và Thumm quay sang Martha. Câu chuyện của cô ta rất ngắn: Cô ta đã cho lũ trẻ về phòng đi ngủ lúc mười giờ tối, rồi ra ngoài đi dạo trong công viên. Cô ta về nhà trước lúc mười một giờ một chút, và ngay sau đó đã đi ngủ. Không, cô ta không nghe thấy chồng mình đi vào; họ ngủ giường riêng, và cô ta đã ngủ say, việc loay hoay với bọn trẻ cả ngày khiến cô mệt nhoài.

Viên thanh tra đang tỏ một thái độ bình thản; sự thiếu kiên nhẫn về cuộc thẩm vấn trước đó đã hoàn toàn biến mất. Giờ có vẻ ngài hài lòng với việc đặt những câu hỏi thông thường và tỏ ra rất thoải mái khi nhận được những câu trả lời thiếu thông tin. Dường như không người nào từng vào phòng thí nghiệm kể từ khi nó bị bà Hatter khóa lại. Cả hai đều biết thói quen sinh hoạt trong gia đình, cái bát đựng hoa quả hằng ngày để trên bàn của Louisa, cũng như mỗi ác cảm của bà Hatter dành cho lê.

Những loại virus đang chảy trong máu Conrad Hatter thì vẫn còn đó. Viên thanh tra hỏi một số câu hỏi vụn vặt liên quan đến York Hatter.

Conrad tỏ vẻ bần khoản, nhưng chỉ nhún vai. “Ông bố của tôi? Ông già hèn nhát kỳ lạ. Hơi điên điên. Chẳng có gì nhiều để kể.”

Martha hít một hơi đầy và ném một ánh nhìn gay gắt về phía người chồng. “Linh hồn tội nghiệp của ông ấy bị bám đuổi cho đến chết, Conrad Hatter, và anh không nhắc nổi một ngón tay để cứu ông ấy!”

Và cơn giận vô cớ lại chiếm hữu anh ta; nó ngay lập tức thể hiện ra ngoài, anh ta gân cổ lên như rắn hổ mang. “Chớ có xen vào chuyện này! Đây là việc của tôi, đồ phò phạch!”

Một sự im lặng đến sững người. Ngay cả viên thanh tra cũng bị sốc, và chỉ biết gàu gợn trong cổ họng. Công tố viên Bruno gắt lên đầy lạnh lùng: “Anh nên ăn nói cho cẩn thận, Hatter. Đây đúng hơn là việc của tôi, và của thanh tra Thumm. Ngồi xuống!” Ngài nói gay gắt, và Conrad chỉ chớp mắt, rồi ngồi xuống. “Giờ thì,” Bruno tiếp tục, “nói với chúng tôi, Hatter. Anh có bất kỳ lời giải thích cho những lần mưu sát nhằm vào người chị của mình, Louisa Champion không?”

“Mưu sát? Ý các ông là sao?”

“Vâng, mưu sát. Vụ sát hại mẹ anh chỉ là một tai nạn, chúng tôi tin như thế. Mục đích thực sự của chuyến viếng thăm đêm qua là để tiêm chất độc vào quả lê dành cho cô Champion!”

Conrad há hốc miệng ngây ngô. Martha dụi đôi mắt mệt mỏi của mình, như thể đây là một bi kịch tột đỉnh. Khi bỏ tay xuống, cặp mắt trừng trừng trên khuôn mặt với sự ghê tởm và kinh hãi. “Louisa...” Conrad lẩm bẩm. “Một tai nạn... Tôi... tôi không biết gì... Tôi thực sự không biết.”

Drury Lane thở dài.

Thời điểm đã đến. Thanh tra Thumm đột ngột đi ra chỗ cửa thư viện khiến Martha Hatter ôm chặt ngực mình. Ngài dừng lại ở ngưỡng cửa và quay sang nói: “Anh là một trong những người đầu tiên trông thấy mẹ nằm trong phòng buổi sáng nay - anh, Barbara chị anh, và bà Smith.”

“Vâng,” Conrad nói chậm rãi.

“Anh có nhận thấy những dấu chân bằng bột phấn rôm trên tấm thảm màu xanh lá cây?”

“Lờ mờ. Lúc ấy tôi đang hoảng.”

“Hoảng sao?” Thanh tra Thumm nhún nhún mũi chân. “Vây là anh nhận thấy những dấu chân. Chà chà. Chờ đấy.” Ông kéo mạnh cánh cửa ra và gọi to: “Mosher!”

Viên thám tử to béo đã thì thầm với Thumm lúc thăm vấn Jill Hatter, Bigelow, và Gormly vội đi vào phòng. Anh ta thở phì phò và giữ tay trái sau lưng.

“Anh nói,” Thumm lưu ý, cẩn thận đóng cửa lại, “rằng anh lơ mờ nhận thấy những dấu chân?”

Sự nghi ngờ, sợ hãi, và cơn giận tức thời tràn ngập khuôn mặt của Conrad. Anh ta nhảy dựng lên, hét to: “Vâng, đúng thế!”

“Tốt,” Thumm đáp, cười toe toét. “Mosher, anh bạn, đưa quý ông đây xem những gì các anh tìm thấy.”

Thám tử Mosher đưa tay trái ra đằng trước một cách khéo léo như một ảo thuật gia. Lane gật đầu buồn bã - đúng như ông đã dự đoán. Trong tay Mosher là một đôi giày... một đôi giày thấp vải trắng, rõ ràng là của đàn ông dù có mũi nhọn. Đôi giày đã cáu bẩn, ố vàng, mòn đi theo thời gian. Conrad vẫn nhìn chăm chăm; Martha nhồm dậ, nắm chặt lấy tay ghế, mặt tái nhợt và người run run. “Anh đã bao giờ trông thấy nó chưa?” Thumm hân hoan hỏi.

“Tôi! Rồi. Đó là một đôi giày cũ của tôi,” Conrad lắp bắp.

“Anh để chúng ở đâu, anh Hatter?”

“Tại sao? Trong tủ quần áo trong phòng ngủ của tôi trên gác.”

“Lần cuối cùng anh đi chúng?”

“Mùa hè năm ngoái.” Conrad từ từ quay sang người vợ. “Tôi nghĩ,” anh ta nhe răng nói như bị bóp cổ, “tôi đã bảo cô ném chúng đi mà, Martha.”

Martha liếm đôi môi trắng bệch. “Tôi quên mất.”

“Giờ thì, anh Hatter,” viên thanh tra nói, “đừng có sắp sửa nổi cơn lôi đình lần nữa đấy. Chú ý đây... Anh có biết tại sao tôi cho anh xem đôi giày này không?”

“Tôi... Không.”

“Không ư? Để tôi nói cho nhé.” Thumm bước về phía trước và tất cả nét thân thiện giả vờ biến khỏi khuôn mặt. “Có thể anh sẽ muốn biết, Hatter,

rằng đế và gót đôi giày này của anh khớp hoàn toàn với dấu chân mà kẻ sát hại mẹ anh để lại trên tấm thảm trên gác!”

Martha thốt một tiếng kêu yếu ớt và ngay lập tức đưa mu bàn tay lên che miệng, như thể cô vừa tỏ ra hớ hênh. Conrad chớp mắt - một thói quen của anh ta, Lane nghĩ; anh ta đang mù mẫm; dù từng thông minh thế nào thì trí óc đó cũng đã chết vì rượu... “Thế thì sao?” Conrad khẽ nói. “Đó không phải là đôi giày duy nhất trên thế giới có kích thước và hình dáng...”

“Đúng,” Thumm gật, “nhưng đó là đôi giày duy nhất trong nhà này, Hatter, không chỉ khớp hoàn toàn với dấu chân của kẻ giết người, mà còn có các hạt bột giống như loại bị đổ trên gác dính vào đế và gót giày!”

CẢNH 4

Phòng Ngủ Của Louisa.
Chủ Nhật, Ngày 5 Tháng Sáu
12:50 P.M

“Ngài có thực sự nghĩ rằng...?” Công tố viên Bruno tỏ ra nghi ngại khi thanh tra Thumm cho dẫn giải Conrad Hatter, người đang bước đi như trong mơ, ra khỏi phòng dưới sự giám sát.

“Tôi sẽ không suy nghĩ gì nữa,” Thumm ngắt lời, “mà bắt tay vào hành động. Đôi giày này là bằng chứng khá thuyết phục, tôi thấy vậy!”

“À, thanh tra,” Drury Lane nói. Ông đi về phía trước và cầm lấy đôi giày vải trắng ố bẩn từ tay Thumm. “Cho tôi mượn.” Ông kiểm tra chúng. Đôi giày đã hỏng cả gót, cũ và mòn. Có một lỗ nhỏ ở đế giày bên trái. “Chiếc giày này có khớp với những dấu chân để lại trên tấm thảm?”

“Có chứ,” viên thanh tra cười tươi. “Khi Mosher nói với tôi những gì họ tìm thấy trong tủ quần áo của Hatter, tôi đã bảo họ kiểm tra rồi.”

“Nhưng rõ là,” Lane nói tiếp, “ngài không định coi thế là xong chuyện chứ?”

“Ý ngài là sao?” Thumm thắc mắc.

“À thì, thanh tra,” Lane đáp, trầm ngâm nhắc chiếc giày phải, “có lẽ theo tôi thì các ngài phải đưa chiếc giày này đi giám định.”

“Sao cơ? Giám định ư?”

“Nhìn đây.” Lane giơ chiếc giày phải lên. ở phía trước, trên mũi giày, có những vết bẩn lấm tẩm, như bị dính một loại chất lỏng vậy.

“Hừm,” viên thanh tra lẩm bẩm. “Ngài nghĩ...?”

Lane cười đại lượng. “Tôi không nghĩ gì cả, thanh tra à, trong trường hợp này, tôi cũng chỉ đề nghị hành động thôi. Nếu là anh tôi sẽ gửi chiếc giày này cho bác sĩ Schilling ngay để giám định các vết bẩn. Nhiều khả năng đó là cùng một loại chất lỏng được đưa vào ống tiêm. Nếu như vậy...” Ông nhún vai. “Việc xác nhận rằng kẻ hạ độc đã mang đôi giày này, tôi e rằng trong trường hợp này sẽ gây bất lợi cho ông Hatter.”

Dường như có chút gì đó chế nhạo trong giọng nói của Lane, và Thumm nhìn ông vẻ gay gắt. Nhưng khuôn mặt Lane vẫn tĩnh lặng.

“Ngài Lane nói đúng,” Bruno đồng tình.

Viên thanh tra do dự, sau đó lấy đôi giày từ tay Lane, đi ra cửa, vẫy tay ra hiệu với một thám tử.

“Đưa cho bác sĩ Schilling. Pronto,” anh nói.

Viên thám tử gật đầu và mang đôi giày đi.

Vừa lúc đó thân hình mập mạp của bà Smith xuất hiện ở ngưỡng cửa. “Louisa giờ đã cảm thấy ổn hơn nhiều rồi, ngài thanh tra,” bà nói như rít lên. “Bác sĩ Merriam bảo các vị có thể thăm cô ấy. Cô ấy có điều muốn nói.”

Trên đường lên gác dẫn vào phòng ngủ của Louisa Campion, Bruno lẩm bẩm: “Cô ấy muốn kể chuyện quái gì với chúng ta đây?”

Thumm càu nhàu. “Chút suy nghĩ đáng nghi, tôi đoán thế. Sau rốt, cô ấy là một nhân chứng tệ hại. Vụ án trời ơi đất hỡi! Một vụ giết người với một nhân chứng sống, ơn trời, và cô ta vừa mù vừa câm vừa điếc. Cô ấy còn suýt chết đêm qua thì lời khai giúp ích được gì đây.”

“Tôi sẽ không quá chắc chắn về điều đó đâu, thanh tra,” Lane lẩm bẩm, nhanh chân bước lên cầu thang. “Cô Campion đâu có tàn phế hoàn toàn. Con người có tới năm giác quan mà.”

“Vâng, nhưng...” đôi môi Thumm khẽ rung động và Lane, người có thể đọc chúng, thấy buồn cười khi viên thanh tra liệt kê năm giác quan ra và bị lúng túng trong giây lát.

Bruno trầm ngâm: “Tất nhiên, có thể có manh mối gì đó. Nếu cô ấy có thể chỉ ra gã Conrad... Rốt cục, chỉ ít cô ấy cũng tỉnh táo trong khoảng thời gian gần khớp với thời điểm vụ án diễn ra - những dấu chân trần dính bột

của cô ấy cho thấy như vậy - thậm chí từ vị trí cô ấy ngất đi và hướng quay của dấu chân hung thủ, thì có thể cô ấy đã chẳng...”

“Ý kiến tuyệt vời, ngài Bruno,” Lane đáp cụt lủn.

Trên hành lang từ đầu cầu thang, cánh cửa phòng ngủ giờ đã mở. Ba người bọn họ liền bước vào. Việc xác chết được đưa đi đã khiến căn phòng thay đổi, dù thực tế là những dấu chân trắng vẫn còn trên thảm và mớ ga giường vẫn nằm rúm rỏ. Không gian trở nên sáng sủa hơn; ánh mặt trời chiếu vào phòng, và các hạt bụi nhảy múa trong tia nắng. Louisa Campion ngồi trong một chiếc ghế bập bênh ở phía xa chiếc giường của mình, khuôn mặt cô trống rỗng như thường lệ, đầu nghiêng đi, tuy nhiên, theo một góc đặc biệt, như thể đang căng tai ra để nghe. Cô ta đứng đưa chiếc ghế chậm chậm. Bác sĩ Merriam ở bên, bàn tay siết chặt sau lưng, nhìn ra ngoài cửa sổ xuống khu vườn bên dưới. Bà Smith đứng bên ô cửa sổ khác với một thái độ cẩn trọng. Và, chống người lên ghế của Louisa và khẽ vỗ má cô, là thuyền trưởng Trivett, người thủy thủ lảng giềng, khuôn mặt đỏ râu ria nghiêm nghị đầy lo âu.

Họ đã nhận ra sự xuất hiện của ba người đàn ông; ngoại trừ Louisa, cô cũng dừng không đứng đưa ghế ngay khi bàn tay nhả gậy của Trivett thôi vỗ nhẹ khuôn mặt mình. Đầu Louisa theo bản năng ngoái về phía cửa ra vào; đôi mắt mù mở toang của cô vẫn vô cảm, nhưng một nét thông minh, gần như là háo hức, hiện lên trên khuôn mặt quá ư êm đềm, và các ngón tay của cô bắt đầu ngoe nguẩy.

“Xin chào, thuyền trưởng,” viên thanh tra nói. “Thật tiếc khi gặp lại ông trong hoàn cảnh này. Thuyền trưởng Trivett - công tố viên Bruno, ngài Lane.”

“Rất hân hạnh được gặp,” thuyền trưởng nói bằng chất giọng khàn của biển sâu. “Đây là điều khủng khiếp nhất tôi từng... tôi vừa được báo tin, và tôi qua để xem Louisa có ổn không.”

“Vâng, cô ấy ổn mà,” Thumm nói chân thành. “Cô ấy là một phụ nữ nhỏ bé can đảm.” Ngài vỗ nhẹ vào má cô. Cô co rúm người lại bằng phản xạ nhanh như chớp của một con côn trùng. Những ngón tay cô xoắn lại điên cuồng.

Người nào. Ai đấy?

Bà Smith thở dài và cúi xuống bên cái bảng với những miếng như domino trong lòng của Louisa, xếp thành chữ: “Cảnh sát.”

Louisa từ từ gật đầu, và thân thể mềm mại của cô vững vàng hơn. Đã có những quầng thâm quanh mắt cô. Những ngón tay cô lại bắt đầu cử động.

Ý là tôi có chuyện muốn nói, có thể quan trọng đấy.

“Cô ấy tỏ vẻ nghiêm trọng,” Thumm thì thầm. Ngài xếp thành chữ trên tấm bảng: “Cô kể đi. Kể hết mọi chuyện. Dù ít dù nhiều cứ kể đi.”

Louisa Campion lại gật đầu khi những ngón tay lướt các dấu chấm kim loại, và một biểu hiện đáng ngạc nhiên của sự dứt khoát hiện trên môi cô. Cô giơ tay lên và bắt đầu.

Câu chuyện Louisa kể thông qua người trung gian là bà Smith như sau: Cô và bà Hatter đã lui về phòng ngủ của họ lúc mười rưỡi đêm hôm trước. Louisa thay đồ xong thì được mẹ đưa lên giường. Lưng cô đặt xuống giường lúc mười một giờ kém mười lăm; cô biết chính xác thời gian vì trước đó đã dùng tay hỏi mẹ mấy giờ rồi. Khi đó Louisa đang tựa người trên gối, đầu gối co lên để đỡ bộ chữ Braille bên trên, bà Hatter bảo với cô rằng muốn đi tắm. Louisa không giao tiếp gì với mẹ mình trong tầm bốn lăm đến sáu mươi phút sau đó, cô ước tính như vậy; cho tới lúc bà Hatter từ phòng tắm trở ra (cô đoán thế) và bắt đầu chuyện trò đôi chút với cô bằng bộ chữ Braille. Dù chỉ chuyện trò linh tinh - hai mẹ con bàn về quần áo mùa hè mới cho Louisa - cô đã cảm thấy không thoải mái...

(Lúc này Drury Lane nhẹ nhàng làm gián đoạn dòng chảy của câu chuyện bằng dòng chữ trên bảng: “Tại sao cô cảm thấy không thoải mái?”)

Cô ta lắc đầu không yên vẻ thăm thương, và những ngón tay thì run rẩy.

Tôi không biết. Tôi chỉ cảm thấy vậy thôi.

Lane bóp nhẹ cánh tay Louisa để đáp lời.)

Suốt cuộc chuyện phiếm ngắn về tủ quần áo mùa hè dường như bà Hatter đã đi thoa phấn rôm, một hành động sau khi tắm xong. Louisa biết như vậy vì cô đã ngửi thấy mùi bột, thứ mà hai mẹ con cô đều sử dụng và luôn được đặt sẵn trên cái bàn đặt giữa hai chiếc giường. Rồi đến lượt bà Smith bước

vào phòng ngủ. Cô biết, vì cô cảm thấy tay bà Smith trên trán mình, và vì bà Smith đã hỏi cô có muốn ăn trái cây không. Cô ra hiệu rằng không.

(Lane dừng câu chuyện của Louisa lại bằng cách nắm lấy bàn tay cô. “Bà Smith, khi bà bước vào phòng ngủ, bà Hatter vẫn đang thoa phấn ư?”)

Bà Smith: “Không, thưa ngài, bà ấy vừa kết thúc, tôi nghĩ thế, vì bà chủ đã mặc áo ngủ rồi, còn hộp phấn thì đặt nắp hờ trên bàn, như tôi từng kể trước đây. Tôi có thấy những vệt phấn trên người bà ấy.”

Lane: “Bà có để ý thấy bột phấn rơi trên tấm thảm chỗ giữa phòng không?”

Bà Smith: “Tấm thảm sạch sẽ.”)

Louisa tiếp tục câu chuyện. Sau khi bà Smith rời đi được ít phút - Louisa không biết mốc thời gian chính xác - thì bà Hatter cũng đi ngủ, sau khi hôn và chúc cô con gái ngủ ngon theo lệ thường. Louisa chắc chắn rằng mẹ cô đã thực sự lên giường. Một lát sau, bằng một động cơ không thể giải thích, cô đã bò ra khỏi giường và hôn mẹ mình một lần nữa, bà mẹ vỗ nhẹ lên má cô trù mẩn để cô yên lòng. Sau đó, Louisa trở lại giường mình và ngủ thiếp đi.

(Thanh tra Thumm ngắt lời: “Có phải tối qua mẹ cô đã nhăn nhu rằng bà ấy đang sợ hãi điều gì đó không?”)

Không. Mẹ tôi vẫn nhẹ nhàng và điềm tĩnh, như mọi khi vậy.

“Chuyện gì xảy ra sau đó?” Thumm hỏi tiếp.

Louisa rùng mình và tay cô bắt đầu run rẩy. Bác sĩ Merriam nhìn cô lo lắng. “Có lẽ ngài nên chờ một chút, thanh tra à. Cô ấy hơi khó chịu.”

Thuyền trưởng Trivett vỗ nhẹ vào đầu Louisa, và cô nhanh chóng vươn tay lên nắm lấy tay ông ta và siết chặt lấy. Người đàn ông già đỏ mặt, rồi một lúc sau thì rút tay lại. Louisa có vẻ lại khuây khỏa, và vẫn đưa câu chuyện trở lại với những động tác tay mau lẹ và một cái miệng ú ớ ám chỉ sự căng thẳng cô phải chịu và quyết tâm sắt đá để tiếp tục.)

Giấc ngủ của cô chập chờn, cô vẫn thường ngủ kém, cả ngày lẫn đêm đều vậy. Cô không biết thời gian đã trôi qua bao lâu. Nhưng đột nhiên - hàng giờ sau đó, tất nhiên rồi - cô cảm thấy mình hoàn toàn tỉnh táo, sự tĩnh lặng như một tấm mềm bao trùm lên cô, nhưng các giác quan của cô thì

căng ra hết cỡ. Điều gì đã đánh thức cô, chẳng biết nữa, nhưng cô biết rằng có gì đó sai sai ở đây, cô cảm thấy có gì đó là lạ trong phòng, rất gần, gần giường của cô...

(“Cụ thể hơn được không?” Công tố viên Bruno hỏi.

Những ngón tay Louisa khoa lên. *Tôi không biết. Tôi không thể giải thích.*

Bác sĩ Merriam vươn thân hình cao lớn dậy và thở dài. “Có lẽ tôi nên giải thích rằng thần kinh của Louisa hơi yếu, một sự phát triển tự nhiên từ tình trạng mất giác quan. Khả năng trực giác của cô ấy, một kiểu giác quan thứ sáu, luôn hoạt động một cách khác thường. Tôi tin đó là kết quả của việc các thị giác và thính giác hoàn toàn bị ngăn trở.”

“Tôi nghĩ chúng tôi hiểu,” Drury Lane nhẹ nhàng nói.

Bác sĩ Merriam gật đầu. “Chỉ cần một rung động, hay dư âm của một vật chuyển động, cảm giác tiếng bước chân là đủ để đánh động giác quan thứ sáu luôn cảnh giác của người phụ nữ bất hạnh này.”)

Con người mù cảm điếc này vội phản ứng... Cô tỉnh hẳn người. Có người ở gần giường cô, mà đáng ra không được phép ở đó. Một lần nữa cô trải qua cảm xúc mơ hồ lạ lùng rất hiếm khi khuấy động cô - rằng cô khao khát được nói, được hét lên...

(Cô mở chiếc miệng xinh đẹp và phát ra một âm thanh ú ớ nghẹn ngào, hoàn toàn xa lạ với âm thanh thông thường mà con người phát ra, khiến tất cả họ đều đột nhiên cảm thấy ớn lạnh. Cảnh tượng một phụ nữ thấp bầu bĩnh, đang chìm trong trầm lặng, lại cất tiếng kêu gào méo mó như khi thú hoang sợ hãi, cảnh tượng ấy thật kinh khủng. Cô ngậm miệng lại và tiếp tục câu chuyện như thể không có chuyện gì xảy ra.)

Đương nhiên, cô nói tiếp, cô không thể nghe được gì, từ lúc sống trong thế giới không tiếng động suốt từ năm mười tám tuổi tới giờ; nhưng trực giác của cô thì không sai được. Và rồi, một cú đòn hữu hình đập vào những giác quan còn lại của cô, cô ngửi thấy mùi phấn rôm một lần nữa. Điều này rất lạ, bất ngờ, dường như thật vô lý, khiến cô cảm thấy hoảng sợ hơn nhiều lúc trước. Phấn rôm! Có thể là mẹ cô chăng? Chờ đã - không phải, cô biết

đó không phải là mẹ mình; bản năng sợ hãi trời dậy bão cô như thế. Đó là một ai khác - một người nguy hiểm.

Trong thời khắc quay cuồng ấy, cô đủ tỉnh táo để leo ra khỏi giường, để tránh càng xa mối đe dọa càng tốt. Bản năng chạy trốn bùng cháy trong cô...

(Lane nhẹ nhàng nắm những ngón tay Louisa. Cô dừng lại. Ông đến bên giường, giường của Louisa, và dễ dàng xác minh lại lời kể. *Lò xo kêu lên cọt két*, ông gật đầu. “Có tiếng ồn,” ông nói. “Chắc chắn kẻ lạ mặt nghe thấy tiếng cô Champion ra khỏi giường.” Ông ấn vào tay Louisa để cô tiếp tục.)

Cô đã trườn mình về phía gần với giường mẹ cô. Đi chân trần trên thảm, cô len lỏi dọc theo thành giường về phía cuối giường. Gần đến nơi cô vươn thẳng người lên và duỗi tay ra.

Đột nhiên cô nhồm khỏi ghế, khuôn mặt nhăn nhó, và đi những bước đi chắc chắn quanh giường cô. Hiển nhiên cô đã nhận thấy rằng việc diễn tả bằng lời là chưa đủ, nên làm thêm động tác minh họa sẽ khiến câu chuyện trở nên rõ ràng hơn. Với vẻ thật trang nghiêm - giống như một đứa trẻ hăng say trong trò chơi - mặc nguyên quần áo, Louisa nằm xuống giường y như đêm hôm trước, rồi bắt đầu diễn lại những động tác không lời của mình vào đêm đó. Cô ngồi dậy lặng lẽ, một ánh nhìn rất tập trung trên khuôn mặt, đầu nghiêng hẳn sang một bên như muốn tập trung lắng nghe cho rõ. Rồi cô đưa đôi chân xuống sàn nhà, chiếc giường lò xo kéo kẹt, trượt khỏi đó, và bắt đầu cong người xuống men dọc theo thành giường, một tay cảm nhận đường đi dọc theo chiếc đệm. Đến gần chỗ cuối giường thì cô đứng thẳng người lên, xoay lưng về phía giường mình và hướng mặt về phía giường bà mẹ, rồi chìa bàn tay phải ra...

(Tất cả họ dõi theo Louisa trong sự im lặng đến sững sờ. Cô đang sống lại thời điểm khủng khiếp ấy, sự căng thẳng và nỗi sợ hãi nào đó đang len lỏi vào họ thông qua hành động miệt mài không lời kia. Lane thấy khó thở; đôi mắt ông gần như khép lại, nhưng vẫn lấp lánh thấy rõ; chúng đang dán chặt vào Louisa...

Cánh tay phải của cô duỗi thẳng ra trước mặt, một động tác quen thuộc của người mù, thẳng đơ như một thanh thép và nằm song song chuẩn xác với sàn nhà. Ánh nhìn sắc bén của Lane dõi về một vị trí trên tấm thảm, ngay chỗ đầu ngón tay Louisa chỉ xuống.)

Louisa thở dài, thả lỏng, và thả phịch cánh tay xuống bên hông. Sau đó, cô bắt đầu nói chuyện tiếp bằng tay, bà Smith phiên dịch không ngừng nghỉ.

Khoảnh khắc Louisa giơ cánh tay phải ra, có gì đó lướt qua đầu ngón tay cô. Lướt qua - cô cảm thấy đó là một chiếc mũi và sau đó là một khuôn mặt... một bờ má, thực vậy, khi khuôn mặt đó chạy qua những ngón tay cứng đơ của cô.

(“Mũi và má!” viên thanh tra la lên. “Chúa ơi, thật may mắn! Đây, để tôi nói chuyện với cô ấy...”

Lane nói: “Này, thanh tra, chớ nên hớn hờ vậy chứ. Nếu ngài cho phép, tôi muốn cô Champion đây lặp lại những gì cô ấy vừa minh họa cho chúng ta.”

Ông cầm bộ chữ và cho Louisa biết ông muốn gì. Cô khẽ đưa cánh tay qua trán, nhưng vẫn gật đầu và quay trở lại giường. Họ xem với vẻ chăm chú hơn lần trước.

Kết quả thật kỳ lạ. Trong mỗi cử động, mỗi góc nghiêng của đầu và cơ thể, mỗi cử chỉ của tay, lần minh họa thứ hai của cô là một sự lặp lại chính xác của lần đầu tiên!

”Ồ, tuyệt vời!” Lane lẩm bẩm. “Thật may mắn, các ngài ạ. Cũng như những người mù khác, cô Champion đây có một trí nhớ thấu niệm cho những chuyển động cơ thể. Nó sẽ giúp ích đáng kể đấy. Rất đáng kể.”

Họ chưa hiểu gì hết - cái gì giúp ích đáng kể cơ? Ông chẳng giải thích gì thêm, nhưng từ biểu hiện bất thường trên khuôn mặt mình, có thể thấy rõ rằng ông gần như đang chìm hẳn vào suy tư - điều gì đó đáng chú ý đến độ ngay cả người như ông, người được đào tạo suốt cuộc đời trong nhà hát để điều khiển cảm xúc khuôn mặt, cũng không thể che giấu phản ứng của mình trước khám phá trí tuệ này.

“Tôi chưa hiểu...” Công tố viên Bruno mở lời một cách khó khăn.

Nét mặt của Lane duỗi ra một cách kỳ diệu, và ông nói trơn tuột: “Chỉ e là tôi đã nói hơi quá. Làm ơn quan sát vị trí đứng của cô Champion kia. Cô ấy đứng chính xác chỗ đã đứng đêm qua - đôi giày của cô ấy gần như khớp hẳn với dấu chân trần chỗ chân giường cô ấy. Chúng ta thấy gì ở vị trí ngược lại, đối diện với cô ấy? Các dấu giày khựng lại của hung thủ. Hiển nhiên, tên hung thủ đã đứng ở khu vực phủ đầy phấn rôm ngay lúc chạm vào ngón tay của cô Champion - nên chỗ này mới có hai dấu chân rõ ràng nhất, như thể hẳn ta bị khựng lại ở đó khi cảm nhận được những ngón tay ma quái thò ra từ bóng tối.”

Thanh tra Thumm gãi gãi cái cằm rậm rạp. “Được rồi, nhưng thế thì có gì là tuyệt vời? Chẳng phải này giờ chúng ta vẫn hình dung như thế sao. Tôi chưa hiểu... Một giây trước dường như ông...”

“Tôi đề nghị,” Drury Lane nhanh chóng cắt lời, “để cô Champion tiếp tục.”

“Nào, nào, chờ một chút,” viên thanh tra đáp. “Đừng vội vã thế, ngài Lane. Tôi nghĩ tôi hiểu điều ông suy tính rồi.” Thumm quay sang Bruno. “Thấy không, Bruno, từ vị trí cánh tay của người phụ nữ khi cô ấy chạm vào má của hung thủ, chúng ta có thể xác định được chiều cao của kẻ giết người.” Viên thanh tra nhìn Lane vẻ đắc thắng.

Khuôn mặt của vị công tố viên tối lại. “Cũng hay đấy,” ngài sắc sảo đáp, “nếu làm được như thế. Nhưng chẳng được đâu.”

“Tại sao không?”

“Nào, nào, thưa các ngài,” Lane sốt ruột chen vào, “hãy tiếp...”

“Chờ chút thôi, ngài Lane,” Bruno lạnh lùng đáp. “Nhìn đây, Thumm. Ngài bảo rằng chúng ta có thể tái tạo lại chiều cao của hung thủ từ thực tế là cánh tay cô Champion đã dang ra và chạm vào má kẻ giết người. Vâng, chắc chắn rồi - nếu mà hẳn ta đang đứng thẳng khi cô ấy chạm vào!”

“Chà, nhưng...”

“Nhưng vấn đề ở đây là,” Bruno nhanh chóng nói tiếp, “chúng ta có lý do để cho rằng hung thủ khó có khả năng đứng thẳng, mà đang cúi mình khi cô Champion chạm vào. Từ các dấu chân để lại, có thể thấy rõ là hẳn ta vừa mới từ chỗ đầu giường của bà Hatter rời đi sau khi giết bà ấy và đang

lần mò ra khỏi phòng. Hẳn là hẳn ta đã nghe thấy, như ngài Lane đã chỉ ra, những tiếng ọp ẹp từ giường cô Campion. Do đó, hẳn ta sẽ khẩn trương hành động theo bản năng là ngay lập tức cúi xuống, co mình lại.” Ngài khẽ cười. “Vậy nên thế chưa ổn đâu, Thumm. Sao ngài có thể xác định được tên hung thủ đã co người lại chừng nào? Ngài phải biết chính xác điều đó trước khi luận ra chiều cao của hẳn ta.”

“Được rồi, được rồi,” Thumm nói, mặt đỏ bừng. “Đừng gây khó khăn nữa.” Viên thanh tra chưa chát nhìn về phía Lane. “Nhưng như tôi thấy thì ngài Lane đây đã bị ý tưởng nào đó nặng như cả tấn gạch rơi trúng. Nếu không phải chuyện chiều cao hung thủ thì là chuyện quái gì đây?”

“Ái chà, ngài thanh tra,” Lane khẽ nói, “ngài tâng bốc tôi quá thể đấy. Thực sự tôi đã khiến ngài cảm thấy vậy sao?” Ông siết chặt cánh tay Louisa, và cô liền tiếp tục với câu chuyện của mình.)

Nhiều điều đã xảy ra trong một khoảng khắc chớp nhoáng. Cú sốc, một cơ thể trần trụi hiện ra từ bóng tối vĩnh cửu, hiện thực sờ thấy được của những nỗi sợ hãi vô hình, làm cô ngất đi. Cô khiếp hãi nhận ra rằng các giác quan đã bỏ rơi cô, và cô cảm thấy đầu gối mình khuỵu mạnh xuống. Cô vẫn còn một chút ý thức khi gục xuống; nhưng lực rơi dường như mạnh hơn cô hình dung, đầu cô đập vào sàn cứng và cô chẳng nhớ gì nữa cho đến khi được cấp cứu vào sáng sớm...

Những ngón tay cô bất động, hai tay rũ xuống, và với đôi vai chùng xuống, cô quay trở lại chiếc ghế bập bênh. Thuyền trưởng Trivett một lần nữa vỗ nhẹ lên má cô. Cô tựa má vào bàn tay ấy, về một mối.

Drury Lane quan sát hai người bạn đồng hành bằng vẻ dò hỏi. Cả hai đều tỏ ra bối rối. Ông thở dài và đi đến chỗ Louisa. “Cô đã bỏ sót điều gì đó. Cái má mà ngón tay cô chạm vào như thế nào?”

Hình như có một sự ngạc nhiên làm tan biến vẻ mệt mỏi của Louisa trong khoảnh khắc. Họ đọc được trên nét mặt cô, rõ ràng như thể cô ta nói được: “Tại sao, tôi đã kể rồi mà, phải không?” Rồi những ngón tay Louisa khua lên, và bà Smith dịch ra bằng giọng run run: *Đó là một cái má mềm mịn.*

Nếu có một quả bom phát nổ phía sau, thanh tra Thumm cũng không thể kinh ngạc hơn được nữa. Cặp hàm lớn của ngài há hốc ra, còn đôi mắt thì dán vào những ngón tay bất động của Louisa Campion như thể ngài không tin nổi vào mắt mình, hay đôi tai mình. Công tố viên Bruno vẫn nhìn chăm chăm vào bà y tá vẻ đầy hoài nghi.

“Bà có chắc chắn không, bà Smith, rằng đã dịch chính xác?” Bruno khó khăn mở lời.

”Đó đúng là những gì cô ấy nói, thưa ngài,” bà Smith bồn chồn đáp.

Thanh tra Thumm lắc đầu như một võ sĩ quyền Anh rũ bỏ dư chấn của một cú đòn mạnh - phản ứng quen thuộc của ngài khi ngạc nhiên - và nhìn chăm chăm vào Louisa. “Mềm và mịn,” ngài kêu lên. “Không thể nào. Tại sao, má của Conrad Hatter...”

“Tức là đó không phải má của Conrad Hatter,” Drury Lane nhẹ nhàng nói. “Sao cứ phải khư khư giữ thành kiến như vậy? Rốt cục, nếu lời khai của cô Campion là đáng tin cậy, chúng ta phải sắp xếp lại dữ kiện. Chúng ta biết rằng hung thủ đi đôi giày của Conrad tối qua, nhưng chỉ như thế thôi mà đi đến kết luận, như ngài và Bruno đã làm, rằng đó là giày của Hatter tức là Hatter đã đeo chúng, thì là sai lầm rồi.”

“Ông nói hoàn toàn đúng, như thường lệ,” Bruno lẩm bẩm. “Thumm...”

Nhưng Thumm, với bản tính kiên cường của mình, từ chối loại bỏ cái giả thuyết quá ư dễ dàng kia. Ngài nghiêng răng và gắt lên với bà Smith: “Lấy bộ chữ và hỏi lại cô ấy cho chắc, và chi tiết về sự mềm mịn. Làm đi!”

Bà Smith tỏ vẻ sợ hãi, liền vâng lời ngay. Louisa hăm hở lướt những ngón tay lên tấm bảng. Cô gật đầu ngay tức khắc, và đôi tay cô lại khua lên lần nữa. *Một bờ má rất mềm mịn. Tôi không nhầm đâu.*

“Chà, cô ta có vẻ chắc chắn,” viên thanh tra lẩm bẩm. “Hãy hỏi cô ấy, bà y tá, xem đó có thể là bờ má của người em Conrad không.”

Không. Không thể. Đó không phải là má đàn ông, tôi chắc chắn.

“Được rồi,” Thumm nói. “Mọi việc an bài. Rốt cục, chúng ta phải tin lời cô ấy thôi. Vậy hung thủ không phải là Conrad, cũng chẳng phải là đàn ông. Thế thì là một phụ nữ, ơn trời. Ít ra chúng ta cũng hiểu được điều đó!”

“Cô ta hẳn phải đi đôi giày của Conrad Hatter nhằm để lại dấu vết giả,” Bruno nhận xét. “Có nghĩa việc lọ bột bị đánh đổ ra thảm là có chủ ý. Dù là ai, kẻ đó cũng biết đôi giày sẽ để lại dấu vết, cũng như việc chúng ta sẽ tìm kiếm đôi giày nào khớp với chúng.”

“Ngài có nghĩ vậy không, Bruno?” Lane hỏi. Vị công tố viên cau mày. “Không, tôi không phải người khôi hài hay thông minh,” Lane nói tiếp bằng giọng lo lắng. “Có điều gì đó hết sức phi lý về tất cả chuyện này.”

“Phi lý thế nào cơ?” Thumm thắc mắc. Bài toán dễ hiểu mà, như Bruno đã giải thích nó, với tôi thì là thế.”

“Không dễ hiểu đâu, thanh tra à, tôi mạn phép được nói vậy, và còn lâu mới có đáp án.” Lane thao tác với bộ chữ kim loại Braille, xếp thành một thông điệp: “Có thể nào cô đã sờ thấy chính má của mẹ cô không?”

Câu trả lời phủ định hiện lên: *Không. Không. Không. Mặt mẹ tôi có nếp nhăn cơ. Nếp nhăn. Đắng này lại mịn màng. Mịn màng.*

Lane cười rầu rĩ. Có cảm giác rằng mọi điều mà con người đáng kinh ngạc này truyền đạt đều là sự thật không thể chối cãi. Thumm sai những bước dài đi qua đi lại trên sàn, còn Bruno thì chìm vào trầm tư. Thuyền trưởng Trivett, bác sĩ Merriam, bà Smith chỉ biết lặng thinh đứng đó. Khuôn mặt Lane lộ vẻ cương quyết, ông sắp xếp lại bộ chữ một lần nữa. “Nghĩ kĩ đi. Cô còn nhớ bất cứ điều gì, điều gì khác ấy?”

Louisa ngập ngừng khi đọc được dòng chữ, rồi ngả đầu tựa vào lưng ghế. Đầu cô lúc lắc từ bên này sang bên kia - một sự phủ định chậm chạp và miễn cưỡng, như thể có điều gì đó sắp nhớ ra mà mãi không nhớ được.

“Có điều gì đó,” Lane lẩm bẩm với vẻ phấn khích, khi ông quan sát khuôn mặt trống rỗng. “Nó cần được gọi lại!”

“Nhưng để làm gì hờ trời?” Thumm kêu lên. “Chúng đã biết đủ để có thể hi vọng rằng...”

“Không,” Lane nói. “Chưa đủ đâu.” Ông dừng lại, rồi chậm rãi tiếp tục: “Chúng ta đang làm việc với một nhân chứng sống có hai trong số ba giác quan bị khiếm khuyết. Cách duy nhất để cô ấy giao tiếp với thế giới bên ngoài là vị giác, xúc giác, và khứu giác. Bất kỳ phản ứng nào của cô ấy thể

hiện qua ba giác quan còn lại này đều là những manh mối khả dĩ nhất của chúng ta.”

“Tôi chưa từng nghĩ về nó theo cách đó,” Bruno trầm ngâm nói. “Và đúng là cô ấy đã cung cấp một đầu mối thông qua xúc giác. Có lẽ...”

“Chính xác, ngài Bruno. Việc hi vọng về một đầu mối từ vị giác của cô ấy thì tất nhiên là vô ích. Nhưng khứu giác! Chúng ta có mọi lý do để tin tưởng... Nếu cô ấy là một loài vật, như chó chẳng hạn, với khả năng truyền đạt lại cảm giác, thì việc này sẽ đơn giản làm sao! Tuy nhiên trường hợp lạ lùng như vậy vẫn tồn tại chứ. Dây thần kinh khứu giác của cô ấy chắc rất nhạy cảm...”

“Đúng thế,” bác sĩ Merriam hạ giọng nói, “hoàn toàn chính xác, thưa ngài Lane. Đã có rất nhiều tranh luận trong ngành y tế về chuyện bù đắp giác quan. Nhưng Louisa Champion là một trường hợp đáng để tranh luận. Các dây thần kinh ở đầu ngón tay của cô ấy, cơ quan khứu giác trong mũi cô ấy rất phát triển.”

“Tuyệt vời,” viên thanh tra nói, “nhưng tôi...”

“Kiên nhẫn đi,” Lane đáp. “Chúng ta có thể sắp gặp điều gì đó phi thường đây. Chúng ta đang bàn về khứu giác. Louisa đã ngửi được mùi phấn rôm khi nó bị đổ - chắc chắn đó không phải là một sự nhạy cảm thông thường. Đó gần như có thể...” Ông cúi nhanh xuống và sắp xếp lại các miếng kim loại trên bảng chữ nổi Braille. “Mùi hương. Cô có ngửi thấy gì khác ngoài mùi bột phấn? Hãy nghĩ đi. Mùi hương.”

Chậm rãi, khi những ngón tay Louisa lướt qua các dấu chấm trên bảng, điều gì đó vừa hân hoan vừa bối rối hiện lên trên khuôn mặt cô, và hai lỗ mũi cô mở to ra. Cô đang vật lộn với một ký ức đã rõ ràng; ký ức đó đang hiện dần lên... Rồi ánh sáng bùng lên trong cô, và cô lại thốt ra một tiếng kêu rộn ràng theo bản năng, nó dường như được vỡ òa khi cô thức tỉnh. Những ngón tay cô khẽ cử động.

Bà Smith chỉ biết há mồm miệng khi nhìn vào ngón tay ra ký hiệu ấy. “Thật khó để tin cô ấy nhận thức được mình đang nói điều gì...”

“Gì cơ?” Bruno há hức thốt lên đến chói tai.

“Tại sao, các ông có biết,” người y tá tiếp tục với vẻ sững sờ trong lời nói, “cô ấy nói rằng ngay khi chạm vào khuôn mặt ấy, và khi ngã ngất đi, cô ấy ngửi thấy mùi...”

“Tiếp đi!” Drury Lane la lên, đôi mắt ông lấp lánh, dán vào cặp môi dày của bà Smith khi bà ta ngừng lại. “Cô ấy đã ngửi thấy mùi gì?”

Bà Smith cười một cách lo lắng. “Vâng, mùi gì đó giống như mùi kem, hay bánh!”

Trong một khoảnh khắc họ nhìn chăm chăm vào người y tá, và bà ta cũng nhìn lại. Ngay cả bác sĩ Merriam và thuyền trưởng Trivett cũng tỏ vẻ kinh ngạc. Thì thầm không thành tiếng, Bruno lặp lại những từ đó như thể ngài không tin vào tai mình. Còn khuôn mặt Thumm thì cau có đến kinh khủng.

Nụ cười trong căng thẳng biến khỏi khuôn mặt của Lane. Rõ là ông đang bối rối. “Mùi kem hay bánh,” ông chậm rãi nhắc lại. “Lạ thật, rất kỳ lạ.”

Viên thanh tra đột ngột cười như điên. “Thế đấy,” ngài nói. “Không chỉ mùi cam quýt, ơn trời, mà cô ta còn thừa hưởng sự điên rồ của gia đình này nữa. Mùi kem hay bánh! Địa ngục và sự nguyên rủa. Đây là một trò hề.”

“Từ từ đã... Có thể nó không điên rồ như ta tưởng đâu. Tại sao cô ta lại nghĩ về mùi kem hay bánh? Hầu như không có điều gì chung giữa hai thứ này ngoại trừ một mùi thơm thật dễ chịu. Có thể - vâng, tôi tin là nó không điên rồ như ngài nghĩ đâu.”

Ông di chuyển những miếng chữ kim loại. “Cô nói mùi kem hay bánh. Khó tin thật. Có lẽ là phấn trang điểm hay kem dưỡng da.”

Một sự ngập ngừng, khi những ngón tay Louisa sờ tấm bảng. *Không. Không phải phấn trang điểm của phụ nữ, hay kem dưỡng da. Nó giống... chà, giống mùi bánh hay kem, chỉ có điều là mạnh hơn.*

“Không xác định rõ. Đó là một mùi hương ngọt ngào phải không?”

Vâng. Ngọt ngào. Ngọt sắc.

“Mùi ngọt sắc,” Lane lẩm bẩm. “Ngọt sắc.” Ông lúc lắc đầu và xếp một câu hỏi khác. “Có lẽ từ một bông hoa?”

Có lẽ... Louisa ngập ngừng, và mũi cô nhăn lại khi cô dồn sức để quyết tâm nhớ lại mùi hương ấy. Vâng. Một loại hoa. Mùi phong lan, một loại rất

hiếm. Thuyền trưởng Trivett từng tặng nó cho tôi. Nhưng tôi không chắc lắm...

Cặp mắt già nua của thuyền trưởng Trivett hấp háy; chúng có màu xanh sắc nét, nhưng giờ đang lộ vẻ hoang mang. Khuôn mặt dạn dày sương gió của ông ta chuyển sang màu giống da yên ngựa cũ khi cặp mắt mọi người đổ dồn về phía ông ta.

“Chà, thuyền trưởng à?” Thumm thắc mắc. “Ông có thể giải thích giúp không?”

Giọng nói khàn đục của thuyền trưởng Trivett vỡ ra. “Cô ấy vẫn nhớ, trời ạ! Để xem nào... Đó là một tối của bảy năm về trước. Một người bạn của tôi - thuyền trưởng Corcoran của tàu Trinidad - đã mang nó theo từ vùng Nam Mỹ...”

“Bảy năm trước!” vị công tố viên thốt lên. “Một quãng thời gian dài để nhớ về một mùi hương.”

“Louisa là một phụ nữ phi thường,” viên thuyền trưởng nói tiếp, chớp mắt một lần nữa.

“Phong lan,” Lane trầm ngâm. “Được trồng ở nước ngoài. Giống phong lan nào vậy, thuyền trưởng, ông còn nhớ không?”

Đôi vai to bè xương xẩu của người thủy thủ già giật bắn. “Xin chịu thôi,” ông ta nói, với chất giọng như tiếng một cái tời cũ gỉ. “Một giống quý hiếm.”

“Hừm.” Lane xếp bộ chữ nổi một lần nữa. “Chỉ có đúng mùi loại phong lan đó thôi, không có gì khác à?”

Vâng. Tôi yêu hoa và không bao giờ quên mùi của chúng. Đó là lần duy nhất tôi từng ngửi mùi hoa phong lan.

“Bí ẩn vĩ đại của nghề làm vườn,” Lane nhận xét, cố tỏ ra tươi vui. Nhưng đôi mắt ông thì chẳng vui chút nào và một chân ông thì mãi gõ xuống sàn. Họ dõi theo ông với vẻ mệt mỏi vô vọng. Rồi đột nhiên Lane bừng tỉnh, và vỗ đánh bốp vào trán. “Phải rồi! Tôi đã bỏ qua câu hỏi hiển nhiên nhất!” và thêm một lần nữa trở nên bận rộn với những miếng chữ kim loại nhỏ. Thông điệp như sau: “Cô bảo là ‘kem.’ Loại kem nào? Chocolate? Dâu? Chuối? Ốc chó?”

Việc vấn đề đặt ra cuối cùng đã đi trúng đích rõ ràng đến nỗi ngay cả thanh tra Thumm, người mà tâm trạng chẳng hề thân thiện, cũng nhìn Lane với vẻ ngưỡng mộ. Khoảnh khắc mà Louisa khám phá ra điều Lane hỏi thông qua những đầu ngón tay, khuôn mặt cô sáng lên, cô gật đầu tươi rói như một con chim, gật liên hồi, rồi ngay lập tức đáp lại bằng ngôn ngữ ký hiệu: *Tôi biết rồi. Không phải dâu, không phải chocolate, không phải chuối, không phải óc chó. Là mùi vani! Vani! Vani!*

Louisa đang ngồi vắt vẻo trên rìa chiếc ghế, đôi mắt mù chẳng thể hiện gì, nhưng khuôn mặt cô đang tha thiết mong được ngợi khen. Thuyền trưởng Trivett lén vuốt tóc cô.

“Vani!” họ đồng thời kêu lên.

Những ngón tay khua lên. *Vani. Không nhất thiết phải là kem hay bánh hay phong lan hay mùi gì đó xác định. Chỉ là hương vani thôi. Tôi chắc chắn đấy. Chắc chắn.*

Lane thở dài, và nếp nhăn giữa hai mắt ông sâu thêm. Những ngón tay của Louisa giờ di chuyển rất nhanh chóng, khiến cho bà Smith mất thời gian hơn để dịch ra; bà ta phải bảo Louisa lặp lại ký hiệu. Có gì đó dịu dàng hiện lên trong đôi mắt bà y tá khi bà ta quay sang những người khác.

Làm ơn đi. Như vậy có giúp được gì không? Tôi muốn giúp đỡ. Tôi phải giúp đỡ. Liệu nó có giúp ích gì không?

“Thưa cô,” viên thanh tra nói dứt khoát và sải bước đến cửa phòng ngủ, “dám cá là nó rất hữu ích.”

Bác sĩ Merriam cúi xuống chỗ Louisa, người cô đang run rẩy, và đặt tay lên cổ tay cô. Ông gật đầu, vỗ nhẹ vào má cô, và lùi lại. Thuyền trưởng Trivett trông có vẻ tự hào, dù không rõ vì lý do gì.

Thumm mở cửa và hét lên: “Pink! Mosher! Đâu hết rồi! Gọi bà quản gia lên đây ngay lập tức!”

Thái độ mở màn của bà Arbuckle là sự hùng hổ. Cú sốc ban đầu lúc cảnh sát điều tra ngôi nhà này đã qua đi. Túm vạt váy bằng cả hai tay, bà ta hỗn hển leo lên gác, dừng chân chỗ đầu cầu thang, miệng lẩm bẩm gì đó về chống đối, rồi bà ta bước vào căn phòng chết chóc và nhìn thẳng vào viên thanh tra. “Tôi đây! Các ngài muốn gì ở tôi nào?” bà thắc mắc.

Viên thanh tra không bỏ phí thời gian. “Bà đã nướng món gì hôm qua?”

“Nướng? Trời ạ!” Họ đối mặt nhau như hai võ sĩ. “Ngài đang muốn biết gì vậy?”

“Chà!” Thumm gay gắt nói. “Trốn tránh câu hỏi à? Thế hôm qua bà có nướng gì không đây?”

Bà Arbuckle khịt mũi. “Tôi không nhớ... Không, tôi không nướng gì cả.”

“Không ư? Hừm.” Hai cằm ngài được đẩy lên gần nhau hơn. “Thế bà có dùng vani trong nấu ăn không?”

Bà Arbuckle nhìn chăm chăm vào viên thanh tra như thể ngài bị điên. “Vani? Ngạc nhiên ghê! Chắc chắn tôi có dùng vani rồi. Ngài nghĩ kho thức ăn để làm gì chứ?”

“Bà có dùng vani,” Thumm nói một cách thận trọng. Ngài thanh tra quay sang vị công tố viên và nháy mắt. “Bà ấy có dùng vani, Bruno à... Được rồi, bà Arbuckle. Bà có dùng chút vani nào để làm gì đó vào hôm qua không?” Ngài xoa đôi bàn tay.

Bà Arbuckle đi về phía cửa. “Tôi sẽ không đứng đây như một kẻ ngốc đâu, nói cho biết luôn,” bà ta ngắt lời. “Tôi sẽ xuống gác nơi mà tôi không phải trả lời những câu hỏi điên rồ.”

“Bà Arbuckle!” viên thanh tra la lớn.

Bà ta dừng lại ngập ngừng và nhìn quanh. Họ đều nhìn chăm chăm về phía bà ta vẻ cực kỳ nghiêm túc. “Tôi không dùng.” Bà ta nói trong vẻ hoang mang giống khi trước: “Nói đi, có phải các ngài đang muốn dạy tôi cách đảm đương việc nhà không?”

“Xin bình tĩnh,” Thumm nhẹ nhàng nói. “Đừng tỏ ra khó chịu thế. Bà có để vani trong kho thức ăn hay nhà bếp không?”

“Có. Một chai vani mới toanh. Tôi hết sạch vani từ ba ngày trước, vì vậy tôi đã đặt mua một chai mới từ hiệu Sutton. Tôi còn chưa mở nó ra cơ.”

“Nhưng sao có thể như vậy được, bà Arbuckle?” Lane hỏi nhẹ nhàng. “Theo tôi biết thì mỗi ngày bà đều chuẩn bị món cocktail trứng cho cô Champion mà.”

“Vậy thì liên quan gì chứ?”

“Khi tôi còn là một cậu bé, bà Arbuckle à, món cocktail phải chứa vani.”

Thumm tiến về phía trước, tỏ vẻ ngạc nhiên. Bà Arbuckle lúc lắc đầu. “Thế thì chứng minh được gì đây? Các ngài sẽ tìm thấy bột nghiền hạt nhục đậu khấu trong bếp của tôi. Đó cũng là một tội ác sao?”

Thumm ló đầu vào sảnh. “Pink!”

“Vâng.”

“Đi xuống tầng dưới với người quản gia. Mang lên tất cả mọi thứ có mùi vani.” Thumm chỉ ngón tay cái về phía cửa. “Đi lấy đi, bà Arbuckle, nhanh chân lên.”

Không ai nói bất cứ điều gì trong lúc chờ đợi. Thumm huýt sáo vắn vớ và đi tới đi lui, hai tay chấp sau lưng. Bruno thì chìm trong suy nghĩ xa xăm; ngài có vẻ buồn chán. Louisa ngồi lặng lẽ, và sau lưng cô là những thân hình bất động của bà Smith, bác sĩ Merriam, và thuyền trưởng Trivett. Lane thì mãi ngắm khu vườn vắng bên ngoài cửa sổ.

Mười phút sau, bà Arbuckle và viên thám tử nặng nề bước lên cầu thang. Pinkussohn mang theo một chai nhỏ hình dẹt được bọc trong giấy. “Có rất nhiều thứ mùi dưới đó, lạ lùng và đủ loại,” viên thám tử cười toe toét, “nhưng chẳng có gì mang mùi vani trừ cái chai này. Nó còn chưa mở, thưa sếp.”

Thumm nhận lấy cái chai từ Pinkussohn. Nó được dán nhãn *Tinh chất Vani*, dấu niêm phong và bọc ngoài của nó còn nguyên vẹn. Ngài đưa nó cho Bruno kiểm tra, bằng vẻ thờ ơ, Bruno trả lại nó. Lane vẫn đứng nguyên chỗ cửa sổ.

“Bà đã làm gì với cái chai cũ, bà Arbuckle?” Thumm hỏi.

“Ném nó ra ngoài thùng rác ba ngày trước,” người quản gia nhanh nhẩu đáp.

“Cái chai rỗng không à?”

“Vâng.”

“Bà có thấy cái chai vơi đi chút gì trong khi vẫn còn vani trong đó không?”

“Làm thế quái nào tôi biết được chứ? Ngài nghĩ tôi đo đếm từng giọt chắc?”

“Chả biết được đâu,” viên thanh tra đáp. Ngài xé bao bọc và dấu niêm phong, tháo nút chai, và giơ nó lên mũi mình. Một mùi vani mạnh từ từ thấm vào không khí trong phòng ngủ; chắc chắn đây là một chai vani thật. Nó còn đầy nguyên và chưa bị đụng vào.

Louisa Campion lúc lắc người, hai lỗ mũi mở ra. Cô khịt mạnh mũi, và xoay đầu về phía cái chai, giống như một con ong mật đánh hơi từ xa. Những ngón tay cô cứ khua lên.

“Cô ấy nói chính nó - chính mùi này.” Bà Smith xúc động kêu lên.

“Thật à?” Drury Lane khẽ hỏi, giờ đã quay người lại và đang nhìn đôi môi của bà y tá. Ông sải bước về phía trước và xếp một thông điệp trên tấm bảng. “Mùi có mạnh như cô đang nghĩ thấy không?”

Không hẳn. Tối qua mùi nhẹ hơn.

Lane gật đầu có phần vô vọng. “Trong bếp có kem không, bà Arbuckle?”

“Không, thưa ngài.”

“Hôm qua có không?”

“Không, thưa ngài. Cả tuần chẳng có gì.”

“Không thể hiểu nổi nữa,” Lane nói. Đôi mắt ông như rực lên vẻ suy tư hơn bao giờ hết, khuôn mặt ông trẻ trung và tươi tắn, nhưng có điều gì đó mệt mỏi trong đó, như thể ông đã kiệt sức vì suy tư. “Thanh tra, có thể sẽ tốt nếu tập hợp tất cả mọi người trong nhà lại đây ngay lập tức. Còn bà Arbuckle, nếu có lòng, xin mời bà thu thập và mang vào đây tất cả các loại bánh kẹo trong nhà.”

“Pink,” thanh tra Thumm gật, “anh hãy đi theo hộ tống cho chắc.”

Căn phòng giờ đã đầy người. Mọi người đều có mặt: Barbara, Jill, Conrad, Martha, George Arbuckle, Virginia người hầu gái, Edgar Perry, thậm chí Chester Bigelow và John Gormly, hai người bọn họ vẫn kiên trì bám lại trong ngôi nhà. Conrad dường như choáng váng, và cứ mãi ngẩn người nhìn viên cảnh sát ở bên cạnh mình. Những người khác đều có vẻ trông ngóng... Thanh tra Thumm ngập ngừng, sau đó lùi lại. Ngài và Bruno đều

có vẻ ủ rũ. Lane vẫn đứng đó, chờ đợi. Những đứa trẻ, như thường lệ, bị người lớn tóm lấy đưa vào phòng. Chúng tỏ ra ồn ào và vừa chạy vừa la khắp phòng. Lần này chẳng ai chú ý đến trò nghịch ngợm của chúng nữa.

Bà Arbuckle và Pinkussohn lệ khệ bệ vào một núi bánh kẹo. Mọi người nhìn họ vẻ kinh ngạc. Bà Arbuckle đặt chúng lên giường của Louisa và lấy khăn tay lau cái cổ gầy gò. Pinkussohn, với biểu hiện của sự phẫn nộ sâu sắc, đổ ụp đồng bánh kẹo lên chiếc ghế và bước ra ngoài.

“Có người nào ở đây còn giữ bánh kẹo trong phòng không?” Lane nghiêm nghị hỏi.

Jill Hatter nói: “Tôi. Tôi luôn để trong phòng.”

“Phiền cô mang hết ra đây, cô Hatter.”

Jill yếu điệu ra khỏi phòng và quay lại ngay với một hộp hình chữ nhật lớn, trên đó có ghi rõ dòng chữ: *Năm pound*. Khi nhìn thấy đồng kẹo to đùng này làn da trắng của John Gormly ửng hồng. Anh ta cười yếu ớt và ngo nguẩy đôi chân.

Dưới những ánh mắt ngạc nhiên, Drury Lane tiến hành một công đoạn kỳ lạ. Ông thu thập tất cả các hộp kẹo chất đồng trên ghế, và mở từng hộp một. Có năm hộp - một đậu phông giòn, một chocolate nhân trái cây, một kẹo cứng, một chocolate nhân cứng, và hộp kẹo của Jill, đã mở sẵn, với một dây quả hạch và trái cây mọng nước đặt tiền nhìn là muốn ăn. Lane chọn những mẫu ngẫu nhiên từ tất cả năm hộp, bẻ thành miếng nhỏ, rồi đưa chúng cho Louisa Champion. Cậu nhóc hiếu động, Billy, nhìn cảnh đó với cặp mắt thèm thuồng; và Jackie, bị hớp hồn bởi hành động bí ẩn này, đứng trên một chân và nhìn chăm chăm như bị thôi miên.

Louisa Champion lắc đầu. *Không. Tất cả đều không phải. Không phải kẹo, tôi đã sai. Vani!*

“Vậy là chẳng loại nào có vani,” Lane nhận xét, “hoặc có quá ít vani nên vị giác không phân biệt được.” Ông nói với bà Arbuckle: “Còn chỗ bánh này, bà Arbuckle. Toàn là bà tự làm à?”

Bà ta chỉ vào ba chiếc bánh vẽ tự hào.

“Bà có cho vani vào trong không?”

“Không.”

“Những chiếc khác là được mua ư?”

“Vâng, thưa ngài.”

Lane đưa từng mẫu bánh nhỏ của mỗi loại cho cô gái mù cảm điếc. Cô lại lắc đầu lần nữa một cách dứt khoát. Bà Smith thở dài và nhìn những ngón tay Louisa.

Không, tôi không ngửi thấy mùi vani.

Lane đặt chỗ bánh trở lại giường và đứng đăm chiêu trong tuyệt vọng.

“Ồ... tất cả những chuyện linh tinh này là sao?” luật sư Bigelow thắc mắc với vẻ thích thú.

“Tôi xin lỗi.” Lane lơ đãng quay lại. “Cô Champion đã mặt đối mặt với kẻ đã giết bà Hatter tối qua. Cô ấy khẳng định rằng tại thời điểm tiếp xúc, cô ấy đã nhận ra mùi vani rõ ràng, có lẽ bắt nguồn từ người hoặc trên đồ của hung thủ. Đương nhiên, chúng tôi đang cố gắng để giải quyết bí ẩn nhỏ này, nó có thể dẫn đến một khám phá quan trọng và thắng lợi cuối cùng.”

“Vani!” Barbara Hatter nhắc lại đầy kinh ngạc. “Khó mà tin nổi, thưa ngài Lane. Ký ức về cảm giác của Louisa cũng thật kỳ lạ. Tôi chắc chắn...”

“Cô ta điên rồi,” Jill đồng ý nói. “Cô ta toàn bịa chuyện nọ chuyện kia. Trí tưởng tượng phong phú quá.”

“Jill,” Barbara nói.

Jill hất đầu đi, nhưng vẫn im lặng.

Một diễn biến dễ đoán tiếp theo. Có âm thanh lộn xộn của những bước chân nhộn nhạo, và họ thấy Jackie Hatter, cơ thể nhỏ nhanh nhẹn như một con khỉ, lao vào giường của Louisa, hai tay vơ lấy đồng kẹo. Cậu nhóc Billy ré lên với niềm vui rồi lẫn mất. Bọn trẻ bắt đầu vội vàng điên cuồng nhét đầy kẹo vào miệng.

Martha tóm lấy chúng, la oai oái: “Jackie! Trời đất, con sẽ bị đau bụng đấy... Billy! Dừng lại ngay lập tức, hoặc mẹ sẽ hét đấy!” Cô lắc người chúng và vỗ mạnh vào những ngón tay đang nắm chặt kẹo.

Billy tỏ ra thách thức, dù đã buông kẹo ra. “Con muốn ăn kẹo như chú John đã cho hôm qua!” thằng bé kêu gào.

“Cái gì cơ?” Thanh tra Thumm la lên, lao về phía trước. Ngài cúi xuống chỗ cái cầm nhỏ ươm ngạnh của Billy, và gắt lên: “Hôm qua chú John đã

cho cháu kẹo gì?”

Thumm, ngay cả trong những khoảnh khắc hiền hòa, cũng hiếm khi là người có thể truyền sự tự tin cho những cậu nhóc; và khi cau mày, như ngài đang làm bây giờ, ngài tỏ ra thực sự đáng sợ. Billy nhìn chăm chăm vào cái mũi gãy trong một khoảnh khắc như bị thôi miên, rồi vùng ra khỏi bàn tay của Thumm, cậu nhóc vùi cái đầu nhỏ vào váy mẹ và rú lên.

“Bài bản thật đấy, thanh tra à,” Lane nhận xét, đẩy Thumm sang một bên. “Ngài sẽ khiến cả một sĩ quan thủy quân lục chiến hoảng sợ với những chiến thuật này... Nào, con trai,” ông nói, ngồi xổm xuống bên cạnh Billy và bóp vai cậu bé trấn an, “đừng sợ nữa. Không ai làm đau cháu đâu.”

Thumm khịt mũi. Nhưng chỉ chưa đầy hai phút ở trong vòng tay của Lane, Billy đã mỉm cười sau đôi mắt ướt, và Lane đã trò chuyện với cậu nhóc về sở thích liên quan đến bánh kẹo, đồ chơi, sâu bọ, những chàng cao bồi và người da đỏ. Billy thấy tự tin hơn hẳn; đây là một người đàn ông tốt. Chú John đã đưa kẹo cho Billy. Khi nào? Hôm qua.

“Cho cháu nữa!” Jackie la lên, giật giật áo của Lane.

“Thật à. Là loại kẹo gì vậy hả Billy?”

“Cam thảo!” Jackie la lên.

“Cam chào,” Billy nói ngọng. “Những túi lớn.”

Lane đặt cậu bé xuống và nhìn John Gormly. Ngài bức bối xoa xoa sau gáy. “Có thật thế không, ông Gormly?”

“Tất nhiên, đó là sự thật!” Gormly nói vẻ cáu kỉnh. “Tôi hy vọng ngài sẽ không ám chỉ kẹo đã bị đầu độc? Tôi đến thăm cô Hatter - tôi mang cho cô ấy hộp kẹo năm pound kia - và biết rằng lũ trẻ thích cam thảo, tôi đã mang cho chúng một ít. Thế thôi.”

“Tôi chẳng ám chỉ gì cả, ông Gormly,” Lane nhẹ nhàng đáp. “Và chuyện cũng chỉ thế thôi, vì cam thảo không có mùi vani. Dù sao người ta cũng đừng nên quá cẩn trọng. Tại sao chưa gì đã phải dè chừng trước những câu hỏi đơn giản nhất?” Ông cúi xuống chỗ Billy một lần nữa. “Hôm qua còn ai khác cho cháu kẹo không hả Billy?”

Billy nhìn chăm chú; câu hỏi này đã vượt tầm hiểu biết của cậu nhóc. Jackie cầm thẳng đôi chân gầy lên tấm thảm và rít lên: “Tại sao ông không

hỏi cháu? Cháu có thể trả lời.”

“Rất tốt, Jackie, xin được hỏi cháu vậy.”

“Không. Không ai nữa cả. Chỉ có chú John thôi.”

“Tốt.” Lane ấn vào bàn tay cầu bắn của mỗi đứa trẻ một nắm kẹo chocolate và đưa chúng về chỗ mẹ. “Xong rồi, thanh tra,” ông nói.

Thumm ra hiệu cho mọi người ra khỏi phòng.

Lane để ý thấy Edgar Perry, người gia sư, xoay xở để được chen bước bên cạnh Barbara: hai người họ bắt đầu thấp giọng trò chuyện trong khi bước xuống cầu thang.

Thumm tỏ ra bồn chồn, do dự, và tại thời điểm cuối cùng, khi Conrad Hatter được cảnh sát thả ra, Thumm nói: “Hatter! Đợi chút đã.”

Conrad lại bắt đầu lo lắng. “Có chuyện gì - chuyện gì nữa đây?” Anh ta đang sợ hãi, sự hùng hổ trước đây đã không còn nữa, anh ta tỏ ra muốn hợp tác.

“Hãy để cô Champion sờ vào mặt anh.”

“Sờ mặt tôi...?”

“Ồ, tôi xin nói,” Bruno phản đối, “Thumm này, cô ấy...”

“Tôi không quan tâm gì nữa đâu,” Thumm cố nói. “Tôi chỉ muốn chắc chắn thôi. Bà Smith, hãy bảo cô ấy sờ mặt ông Hatter.”

Bà y tá âm thầm vâng lời. Louisa tỏ vẻ ngóng chờ. Conrad, nhột nhát và căng thẳng, cúi xuống chỗ cái ghế bập bênh và bà Smith đặt tay Louisa lên khuôn mặt nhăn nhui, gần như không có râu của anh ta. Louisa đưa tay sờ nhanh xuống, lên, xuống lần nữa; và lắc đầu.

Những ngón tay cô lại khua lên. Bà Smith dịch ra: “Cô ấy bảo khuôn mặt kia mềm hơn nhiều. Của phụ nữ cơ. Không phải ông Hatter.”

Conrad đứng thẳng người lên, hoang mang cực độ. Thumm lắc đầu. “Được rồi,” ngài nói trong sự bức tức sâu sắc. “Anh có thể thoải mái đi lại trong nhà, Hatter, nhưng không được rời đi. Cậu kia, sĩ quan, trông chừng anh ta.” Conrad lê bước ra ngoài, theo sau là viên cảnh sát. Thumm nói: “Chà, ngài Lane, thật là một mớ hỗn độn, phải không nào?” và đưa mắt tìm người nghệ sĩ. Lane đã biến mất từ bao giờ.

Màn ảo thuật này, tuy nhiên, lại nằm trong tính toán. Lane đã lên ra khỏi phòng ngủ với mục đích dự tính trước; một công chuyện đơn giản, như là việc đơn thuần đuổi theo một mùi hương. Ông lang thang từ phòng này sang phòng khác, từ tầng nọ đến tầng kia, đi qua các phòng ngủ, phòng tắm, phòng trống, nhà kho - ông chẳng bỏ qua thứ gì. Chiếc mũi đẹp như tạc của ông luôn cảnh giác. Ông ngửi tất cả mọi thứ có thể đặt tay lên; nước hoa, mỹ phẩm, lọ hoa, thậm chí quần áo trong của phụ nữ có mùi thơm. Cuối cùng, ông đi xuống cầu thang và vào khu vườn, nơi mà ông đã trải qua mười lăm phút chiêm niệm những bông hoa bằng khứu giác. Toàn bộ sự việc, như bằng cách nào đó ông đã biết kết quả của nó, đã tỏ ra vô ích hoàn toàn. Ông không thể đánh hơi thấy thứ mùi tương tự như hương vani “ngọt sắc” mà Louisa Campion đã ngửi thấy ở bất kỳ đâu. Khi quay trở lại với Thumm và Bruno ở trên gác, bác sĩ Merriam đã đi, và thuyền trưởng Trivett đang chuyện trò với Louisa thông qua bộ chữ nổi Braille. Hai nhà điều tra tỏ ra thất vọng.

“Ngài đã đi đâu vậy?” Thumm thắc mắc.

“Theo đuổi cái đuôi của một mùi hương.”

“Mùi hương có đuôi cơ đấy. Hừm!” Không ai cười, và Thumm gãi cằm ngưỡng ngùng, “Tôi đoán không phát hiện ra gì cả?”

Lane lắc đầu.

“Vâng, tôi cũng chả ngạc nhiên. Chẳng có manh mối gì sất. Ngôi nhà đã được lục soát kỹ càng sáng nay, và chúng tôi không tìm thấy bất kỳ dấu vết gì quan trọng.”

“Bắt đầu có hơi hướng,” vị công tố viên nhận xét, “như thể chúng ta đang hành động trong vô vọng.”

“Có thể, có thể,” Thumm nói. “Nhưng tôi sẽ nhìn qua căn phòng thí nghiệm bên cạnh sau khi ăn trưa. Tôi đã ở đó hai tháng trước, và có thể là...”

“À vâng, căn phòng thí nghiệm,” Drury Lane rầu rĩ nói.

CẢNH 5

Phòng Thí Nghiệm
Chủ Nhật, Ngày 5 Tháng Sáu
2:30 P.M

Bà Arbuckle, vẫn còn trong tâm trạng hung hăng, đã phục vụ thanh tra Thumm, công tố viên Bruno và Drury Lane một bữa trưa chẳng ra sao trong phòng ăn dưới gác. Bữa ăn trôi qua phần lớn trong sự im lặng và thấm đầy mùi u ám. Tâm trạng hiện giờ càng được nhấn mạnh khi đôi giày của bà Arbuckle lê bước nặng nề đi ra đi vào phòng ăn, và tiếng va chạm vung về của các đĩa thức ăn trên bàn, được cô hầu gái gây guộc Virginia bưng lên. Cuộc đối thoại diễn ra rời rạc. Có lúc bà Arbuckle là người dẫn chuyện, khi bà ta cay đắng phàn nàn lớn tiếng chẳng với ai cả, về sự lộn xộn trong nhà bếp... Có vẻ như nhiều quý ngài cảnh sát ở đằng sau ngôi nhà tỏ ra khó chịu cực độ. Nhưng thanh tra Thumm vẫn kiềm chế không phản ứng gì; ngài còn đang miệt mài nhai một miếng sườn dai nhách và một suy nghĩ còn khó nhằn hơn.

“Được rồi,” Bruno nói sau năm phút im lặng, và chẳng có mục đích cụ thể nào, “vậy hung thủ muốn sát hại Louisa là một phụ nữ - chúng ta coi đó là phụ nữ vì chuyện cái má khó mà thuyết phục hơn được nữa. Vụ giết bà mẹ là nằm ngoài dự tính. Sau khi thức giấc lúc hung thủ vào hạ độc, bà ta bị đập vào đầu trong cơn hoảng loạn của kẻ giết người. Nhưng là ai mới được? Tôi không thấy tia sáng le lói nào theo hướng đó cả.”

“Và cái vụ vani quái quỷ kia nghĩa là gì nữa?” Thumm gắt, buông bộ dao nĩa xuống trong sự phẫn nộ.

“Rồi... Kỳ lạ nhưng tôi có cảm giác rằng một khi chúng ta giải quyết được vấn đề đó, chúng ta có thể tiếp cận với sự thật.”

“Hừm,” Drury Lane nhai ngấu nghiến.

“Conrad Hatter.” Viên thanh tra lẩm bẩm. “Nếu không phải vì chuyện cái má...”

“Bỏ đi,” Bruno nói. “Ai đó đang cố gắng để gài anh ta.”

Một thám tử bước vào mang theo một phong bì dán kín. “Bác sĩ Schilling chỉ gửi mỗi cái này thôi, sếp.”

“À!” Lane thả dao nĩa xuống. “Bản báo cáo. Đọc to lên đi, thanh tra.”

Thumm xé mở phong bì. “Xem nào. Báo cáo về chất độc. Ông ấy viết:

Gửi Thumm: Quả lê hỏng chứa lượng thủy ngân clorua lỏng HgCl₂ nhiều hơn đáng kể mức có thể gây chết người. Chỉ cần cắn một miếng lê sẽ gây tử vong ngay.

Câu trả lời cho câu hỏi của ngài Lane: Không, chất độc không làm cho quả lê bị hỏng; quả lê đã ở trong tình trạng thối khi chất độc được tiêm. Hai quả lê còn lại không có độc.

Ống tiêm rỗng được tìm thấy trên giường chứa cùng loại chất độc. Tôi cho rằng, từ lượng chất độc được tìm thấy trong quả lê và từ lượng thể tích chất độc ước tính trong ống tiêm, quả lê đã bị đầu độc từ chính ống tiêm đó.

Có một sự khác biệt nhỏ; tôi nghĩ có thể tuyên bố rằng những dấu vết trên đôi giày trắng được gửi đến cũng là do chất độc. Những chỗ ố chính là thủy ngân clorua. Có lẽ vài giọt đã bị rớt và bắn lên mũi giày trong quá trình tiêm chất độc. Các vết bẩn còn mới.

Báo cáo khám nghiệm tử thi sẽ được đưa tới vào cuối đêm nay hoặc sáng mai. Nhưng từ việc kiểm tra sơ bộ, tôi chắc chắn kết quả khám nghiệm tử thi sẽ không có dấu hiệu nhiễm độc nào và sẽ xác nhận ý kiến ban đầu về nguyên nhân cái chết.

SCHILLING

“Tất cả đều được kiểm tra,” Thumm lẩm bẩm. “Thế đấy, chuyện đôi giày đã sáng tỏ và giả thuyết quả lê độc đã sáng tỏ. *Thủy ngân clorua* hả? Theo tôi thì... Chúng ta hãy qua phòng thí nghiệm thôi.”

Drury Lane bằng lòng với việc không phản ứng gì và giữ im lặng. Ba người họ bỏ lại chỗ cafe uống dở, kéo ghế về chỗ cũ, rồi rời phòng ăn. Khi ra ngoài họ gặp bà Arbuckle, mặt lạnh và nghiêm nghị, đang bê một cái khay, trên đó có một ly chất lỏng màu vàng kem. Lane nhìn đồng hồ đeo tay; lúc đó chính xác là hai rưỡi chiều.

Trên đường lên gác, Lane cầm lấy lá thư từ tay viên thanh tra và cẩn thận đọc nó. Ông đưa trả nó mà không bình luận gì.

Khu phòng ngủ thật yên tĩnh. Trong chốc lát họ đã đứng ở đầu cầu thang. Rồi cửa phòng bà Smith mở ra, người y tá đang dẫn đường cho Louisa - bất chấp bi kịch, bất chấp sự đổ vỡ của gia đình, người phụ nữ mù điếc câm này vẫn giữ thói quen cũ, hai người họ len qua ba người đàn ông để xuống cầu thang, hướng tới phòng ăn có món cocktail trứng hăng ngày. Không ai trong số ba người kia nói gì cả. Họ đã bố trí để Louisa ở lại và ngủ trong phòng bà Smith cho đến khi có thông báo mới... Thuyền trưởng Trivett và bác sĩ Merriam đã rời ngôi nhà từ lâu. Thân hình vạm vỡ của Mosher, cấp dưới của Thumm, đang đứng dựa vào bức tường của căn phòng chết. Lặng lẽ hút thuốc, nhưng Mosher vẫn đầy cảnh giác, có thể quan sát rõ những cánh cửa dẫn vào tất cả các phòng trên gác.

Thanh tra gọi với xuống dưới: “Pink!” Thám tử Pinkussohn liền chạy lên cầu thang. “Cậu và Mosher có nhiệm vụ canh trên này, rõ chưa? Thay phiên nhau. Không ai được phép đi vào căn phòng án mạng. Cũng không được làm phiền bất kỳ ai, mắt lúc nào cũng mở to ra.” Pinkussohn gật đầu và lại đi xuống cầu thang.

Viên thanh tra lôi từ trong túi áo ra một chiếc chìa khóa hiệu Yale. Đó là chiếc chìa khóa để mở phòng thí nghiệm của York Hatter mà ngài đã tìm thấy trong đồng hồ của người đã chết. Thumm nâng nâng nó trong tay vẻ tự lự, rồi đi quanh cầu thang tới chỗ cánh cửa phòng thí nghiệm, theo sau là Bruno và Lane.

Thumm chưa mở khóa cửa ngay. Thay vào đó, ngài ngồi xổm và nheo mắt nhìn qua lỗ khóa nhỏ. Ngài càu nhàu, lấy một đoạn dây sắt nhỏ từ một trong những cái túi vô tận của mình, và đưa vào lỗ khóa. Luồn qua luồn lại, rồi bắt đầu xoay nó. Cuối cùng, vể hài lòng, ngài rút đoạn dây ra và kiểm tra: Nó sạch bong. Thumm đứng lên, cắt đoạn dây đi, và tỏ ra bối rối. “Lạ thật,” ngài nói. “Tôi đã nghĩ thế nào chúng ta cũng tìm thấy vết sáp trong ổ khóa này cơ. Điều đó sẽ xác nhận giả thuyết là có người đã nhồi sáp vào trong lỗ khóa và đánh một cái chìa khác. Nhưng chẳng có tí sáp nào.”

“Cũng chẳng quan trọng lắm,” Bruno nói. “Có thể sáp đã được nhồi và ổ khóa thì sạch bong, hoặc có thể chiếc chìa khóa của bà Hatter đã bị hung thủ ‘mượn tạm’ để sao lại, rồi được đem trả lại mà bà ta chẳng hay biết. Dù là trường hợp nào, chúng ta sẽ không bao giờ biết, khi mà bà ta đã chết.”

“Thôi nào, thanh tra,” Lane sốt ruột nói. “Việc này chẳng dẫn chúng ta đến đâu cả. Mở cửa đi.”

Thumm nhét chìa khóa vào ổ. Nó vừa khít, nhưng ngài gặp khó khăn khi xoay nó; ổ khóa đã han gỉ, như thể không được sử dụng trong một thời gian dài. Ngài quệt một giọt mồ hôi trên chóp mũi và vặn mạnh. Cái ổ khóa đầu hàng bằng một tiếng két; có tiếng lách cách gì đó; rồi Thumm nắm lấy tay cầm của cánh cửa và đẩy. Có một tiếng rít phản đối, giống như ổ khóa - khớp bản lề cửa cũng gỉ sét hết rồi.

Khi cánh cửa bật mở, và Thumm chuẩn bị bước qua ngưỡng cửa, Lane giữ cánh tay viên thanh tra lại.

“Sao vậy?” Thumm thắc mắc.

Lane chỉ vào sàn nhà bên trong phòng. Mặt sàn là một lớp gỗ cứng không thấm, và được phủ chặt bằng một lớp bụi. Ông khom người và đưa ngón tay chạm dọc theo sàn nhà tạo thành một vệt mờ. “Không có dấu hiệu nào cho thấy lối vào này đã được hung thủ sử dụng, thanh tra à,” ông nói. “Lớp bụi không bị xáo trộn, và từ độ dày của nó thì hẳn phải nhiều tuần rồi.”

“Khi tôi vào đây hai tháng trước thì không phải như vậy - bụi chưa dày thế này đâu, thôi kệ đi,” Thumm khó chịu nói. “Không thể nhảy qua chỗ

này được. Từ chỗ cửa đến khu vực bị xáo trộn trong kia phải đến gần hai mét. Lạ thật!”

Họ đứng cạnh nhau ở ngưỡng cửa và kiểm tra căn phòng mà không đi vào. Như viên thanh tra đã nói, toàn bộ phần không gian sau cửa chưa bị giẫm lên; bụi phủ như một lớp nhung xám. Tuy nhiên, cách đó gần hai mét, lớp bụi lại trong tình trạng lộn xộn. Có những dấu chân ở đó, và dẫn sâu vào trong phòng như họ có thể quan sát thấy. Nhưng bàn chân cũng rón rén nhất có thể để tránh tạo ra bất kỳ dấu vết rõ ràng nào. Trạng thái của lớp bụi rất đáng chú ý: có hàng trăm bước chân, rõ ràng luôn, nhưng chẳng có vết chân nào nhận dạng được!

“Thật cẩn thận, dù kẻ đó là ai,” Thumm nói. “Chờ chút. Tôi vẫn muốn xem xem có dấu chân nào không, quanh chỗ những cái bàn là vị trí có thể chụp ảnh.” Ông nặng nề bước vào, cứ thế đặt bàn chân cỡ 46 lên lớp bụi còn nguyên xi, rồi bắt đầu dò xét quanh khu vực có dấu vết. Khuôn mặt ngài chuyển sắc xám khi nhìn kỹ vào những góc tối. “Đơn giản là không thể tin được!” Thumm càu nhàu. “Chẳng có lấy một dấu chân rõ ràng. Thôi, xin mời vào - chúng ta chẳng gây hại gì đâu.”

Bruno tò mò bước vào phòng thí nghiệm, nhưng Lane vẫn đứng trên ngưỡng cửa và quan sát căn phòng từ vị trí đó. Khung cửa ông đang đứng là lối duy nhất dẫn vào phòng. Căn phòng có kiến trúc tương tự như căn phòng chết bên cạnh, phía đằng đông. Hai cửa sổ, giống như cửa sổ căn phòng chết, nằm trên bức tường đối diện với bức tường hành lang, nhìn ra khu vườn đằng sau. Nhưng, không giống như cửa sổ của căn phòng liền kề, chúng được gắn những chấn song sắt to dày, khoảng cách giữa các chấn song không quá tám phân.

Giữa các cửa sổ có một chiếc giường sắt trắng, đơn giản và mộc mạc; có một tủ ngăn kéo nằm ở góc phòng tạo bởi bức tường phía tây và bức tường trông ra vườn, gần chỗ cửa sổ bên trái. Tất cả đồ đạc đều được xếp ngăn nắp, nhưng bụi bặm. Ngay bên phải cửa phòng là một bàn làm việc có kệ cao và trong góc là một tủ hồ sơ nhỏ bằng thép; còn bên trái là một tủ quần áo. Trên bức tường phía tây, chiếm hơn nửa không gian, Lane trông thấy những kệ đồ vững chắc đựng hàng đồng chai lọ thủy tinh. Những kệ đồ này

được kê trên một bệ đỡ là cái tủ sàn, và những cánh cửa thấp rộng của tủ sàn thì đều đóng kín. Vuông góc với những kệ đồ là hai bàn làm việc hình chữ nhật, bản thiêu và to lớn, đầy những bình cao cổ bụi bặm, giá đỡ ống nghiệm, đèn cồn Bunsen, vòi nước, dụng cụ điện được thiết kế lạ mắt - một bộ sưu tập các thiết bị hóa học mà ngay cả con mắt thiếu kinh nghiệm của Lane cũng thấy là rất đầy đủ. Hai cái bàn được đặt song song với nhau, không gian giữa chúng đủ rộng để cho phép nhà khoa học chỉ cần xoay mình là có thể làm việc được trên cả hai bàn.

Trên bức tường phía đông, nhìn thẳng sang từ phía những cái kệ và vuông góc với hai cái bàn là một lò sưởi lớn hệt như căn phòng bên cạnh. Và ở phía sau của phòng thí nghiệm, trên bức tường phía đông chỗ giữa giường và lò sưởi, là một cái bàn gỗ nhỏ gồ ghề đầy vết lõm và vết cháy bởi hóa chất. Dăm cái ghế xếp chồng chơ; một cái ghế đầu ba chân với chỗ ngồi xoay được đứng ngay trước chỗ cái tủ sàn nằm dưới những chiếc kệ.

Drury Lane bước vào, đóng cửa lại, và băng qua phòng. Ngoài khu vực hai mét còn nguyên bụi thì chỗ nào ông bước tới cũng có những dấu chân bị di lên. Hiển nhiên đã có người thường xuyên lui tới phòng thí nghiệm này kể từ khi York Hatter qua đời và thanh tra Thumm tiến hành cuộc điều tra đầu tiên ngay sau đó. Thậm chí còn rõ hơn nữa, từ trạng thái của bụi và việc chẳng có lấy dù chỉ một dấu chân rõ ràng, có thể thấy hung thủ đã cố tình xóa chúng đi bằng cách lấy chân di lên những dấu chân đó.

“Đây là kết quả của hơn một lần viếng thăm,” viên thanh tra nhận xét. “Nhưng sao cô ta vào trong được?” Ngài đi đến chỗ cửa sổ, nắm các chấn song, và kéo mạnh với tất cả sức lực. Chúng không lay chuyển, được gắn chắc vào tường. Thumm cẩn thận kiểm tra lớp xi măng và các chấn song, với hy vọng rằng vài thanh sẽ có dấu tích của việc đột nhập. Nhưng việc này cũng không có kết quả, rồi ngài đi kiểm tra bệ cửa và gờ tường bên ngoài cửa sổ. Tuy nhiên, phần gờ tường đủ rộng để cho phép một người nhanh nhẹn đi trên đó, lại không có dấu chân nào; cũng không có vết xáo trộn nào dù là nhỏ nhất của lớp bụi trên bệ cửa. Thumm chỉ còn biết lắc đầu. Ngài rời khỏi chỗ cửa sổ và bước tới lò sưởi, đứng trước - như phần còn lại của căn phòng - rất nhiều dấu chân bị di lên đang hiển hiện. Ngài

trầm tư quan sát cái lò sưởi. Nó là lò sưởi thật, mặc dù trong tình trạng tương đối sạch sẽ. Ngài do dự, rồi gập đôi thân người đồ sộ lại và cúi xuống cho đầu vào bên trong lò sưởi. Lầm bầm gì đó về hài lòng, Thumm nhanh chóng thò đầu ra.

“Có gì thế? Có gì trên đó à?” Bruno hỏi.

“Thật ngớ ngẩn khi không nghĩ ra chuyện đó từ trước!” viên thanh tra la lên. “Tại sao, người ta có thể trông thấy bầu trời khi nhìn lên ống khói mà! Còn có những mấu đinh cũ gắn vào gạch làm chỗ để chân mà - có lẽ là dấu tích của việc nạo ống khói. Tôi xin cá một đôla đây là con đường...” Khuôn mặt Thumm như rút xuống.

“Để người phụ nữ kia vào phòng thí nghiệm, phải không thanh tra?” Lane khẽ hỏi. “Khuôn mặt ngài quá thành thật để giấu đi suy nghĩ. Ngài sắp sửa nói rằng nữ hung thủ giả định của chúng ta đã đột nhập vào phòng thông qua ống khói. Khá gượng gạo, thanh tra à. Tuy nhiên, cũng có thể một kẻ tòng phạm là nam giới đã sử dụng lối vào này.”

“Ngày nay phụ nữ có thể làm bất cứ điều gì như đàn ông,” Thumm đáp. “Tôi còn có ý này nữa. Có thể có hai hung thủ tham gia vụ này, giờ mới đến ý.” Ngài nhìn chăm chăm Bruno. “Trời ạ, thế thì Conrad Hatter vẫn có thể là hung thủ! Louisa Champion có thể đã chạm vào một khuôn mặt phụ nữ, nhưng chính Conrad đã đập vào đầu bà Hatter và để lại những dấu chân!”

“Giả thuyết này,” vị công tố viên nói, “chính là những gì tôi đang nghĩ trong đầu, Thumm à, ngay khi ngài Lane ám chỉ về kẻ tòng phạm. Vâng, tôi nghĩ chúng ta đã có bước tiến mới...”

“Các quý ông,” Lane lên tiếng, “đừng có đặt lời vào miệng tôi đi mà. Tôi chưa ám chỉ gì sắt. Tôi chỉ đưa ra một khả năng hợp lý. Mà thanh tra này, ống khói có đủ rộng để cho một người đàn ông trưởng thành leo xuống từ mái nhà không?”

“Ngài nghĩ tôi... nói thế thì hãy tự nhìn đi, ngài Lane. Ngài có què đầu,” Thumm nói bằng một giọng khó chịu.

“Thanh tra, tôi tin lời ngài.”

“Chắc chắn rồi, nó đủ rộng! Tôi đây còn leo được, và vai tôi thì chẳng phải hẹp như ngài nói.”

Lane gật đầu, và với một phong thái thanh thoi dạo bước tới chỗ bức tường phía tây để xem xét những kệ đỡ. Có năm cái kệ, cái nọ nằm dưới cái kia; và mỗi cái thì được chia theo chiều ngang thành ba ngăn, tạo thành tổng cộng mười lăm ngăn cả thảy. Nhưng thế chưa phải là dấu hiệu duy nhất về đầu óc gọn gàng của York Hatter. Mọi chai lọ trên kệ đều có kích cỡ đồng đều, các chai có đường kính như các lọ, và đều có dán cùng một kiểu nhãn. Tên các hóa chất chứa bên trong được viết tay cẩn thận bằng mực không tẩy được lên các nhãn này, nhiều chai có thêm một miếng giấy màu đỏ đánh dấu *CHẤT ĐỘC*; và bên cạnh tên của hóa chất và trong một số trường hợp ký hiệu hóa học của nó, trên mỗi nhãn thông tin còn ghi một con số.

“Một cái đầu ngăn nắp,” Lane nhận xét.

“Vâng,” Bruno nói, “nhưng chẳng nói lên điều gì cả.”

Lane nhún vai. “Có lẽ không.”

Khi xem xét kỹ lưỡng các kệ, có thể thấy rõ tất cả chỗ chai lọ đã được sắp xếp theo thứ tự đúng số, Chai số 1 đứng ở góc trái trên cùng, Chai số 2 bên cạnh số 1, Chai số 3 tiếp theo Chai số 2, và cứ như vậy. Các kệ đầy chật - không có chỗ trống nào, hiển nhiên rồi, chúng chất đầy những thành phần hóa chất được bày ra phía trước. Mỗi một ngăn có hai mươi chai lọ, tổng cộng là ba trăm cả thảy.

“À há,” Lane nói. “Có thứ gì đó thú vị đây.” Ông chỉ vào một cái chai ở gần giữa ngăn đầu tiên của kệ thứ nhất. Trên nhãn ghi:

#9

C21H22N2O2

(STRYCHNIN)

CHẤT ĐỘC

Và có một nhãn đỏ đề: *CHẤT ĐỘC*. Chai này chứa những viên nén màu trắng của một hợp chất dạng tinh thể, và chỉ đầy có nửa chai. Nhưng bản thân cái chai không phải là thứ Lane quan tâm, mà là lớp bụi nằm dưới đáy chai. Lớp bụi đã bị xáo trộn, dường như chắc chắn rằng chai *Strychnine* này

đã bị lấy khỏi kệ thời gian gần đây. “Có phải chất độc *Strychnine* trong món cocktail không?” Lane hỏi.

“Chắc rồi,” Thumm đáp. “Tôi đã kể chúng tôi tìm thấy *Strychnine* ở đây trong lần điều tra phòng thí nghiệm được tiến hành sau vụ đầu độc vài tháng trước đây.”

“Cái chai để chính xác như khi ta trông thấy nó hiện giờ?”

“Vâng.”

“Lớp bụi trên kệ chỗ cái chai được đặt cũng bị xáo trộn, như bây giờ?”

Thumm tiến về phía trước và nhìn mặt quan sát lớp bụi. “Vâng, vẫn như thế. Không quá bụi, nhưng đủ để khiến tôi ghi nhớ. Sau khi xem xét, tôi đã cẩn thận để cái chai về chỗ cũ, ở đúng vị trí tìm thấy nó.”

Lane quay về phía kệ. Đôi mắt ông chú ý vào cái kệ nằm ngay dưới kệ trên cùng. Trên phần mép dưới của cái kệ ngay bên dưới chai số 69, có một vết bẩn lạ hình oval, như hình một ngón tay bẩn hoặc bám bụi. Cái chai có nhãn ghi:

#69
HNO3
(AXIT NITRIC)
CHẤT ĐỘC

Và chứa một chất lỏng không màu.

“Lạ thật,” Lane tự nói với mình bằng một giọng ngạc nhiên. “Ngài có nhớ vết bẩn này nằm dưới chai *axit nitric* không, hả thanh tra?”

Thumm nheo mắt. “Vâng. Chắc chắn rồi. Nó đã ở đó hai tháng trước đây.”

“Hừm. Dấu vân tay trên chai *axit nitric*?”

“Không thấy. Kẻ nào sử dụng nó đã đeo găng tay. Mặc dù thực tế là chúng tôi đã không tìm thấy dấu vết của *axit nitric* được sử dụng. Có lẽ Hatter đã dùng nó trong một thí nghiệm khi ông ta đang đeo găng tay cao su.”

“Thế thì,” Lane lãnh đạm nói, “không thể giải thích được vụ vết bẩn.” Ông lia mắt dọc theo dãy kệ.

“Còn *thủy ngân clorua*?” Bruno hỏi. “Nếu chúng ta có thể tìm thấy nó ở đây cộng thêm báo cáo của Schilling rằng chất đó có trong quả lê...”

“Một phòng thí nghiệm phong phú, tôi phải nói thế,” Lane nhận xét. “Đây rồi, ngài Bruno.” Ông chỉ vào một cái chai trên cái kệ nằm giữa, hay thứ ba, nằm ở phần ngăn bên phải. Đó là cái chai thứ tám ở ngăn đó, trên nhãn ghi:

#168

THỦY NGÂN CLORUA
CHẤT ĐỘC

Cái chai không chứa đầy thứ chất độc lỏng đó. Trên kệ lớp bụi bám quanh vành chai đã bị xáo trộn. Thumm cầm lấy phần cổ cái chai và xem xét nó kỹ lưỡng. “Không có dấu vân tay. Lại gắng tay nữa.” Ngài lắc chai, cau mày, và đặt nó về chỗ cũ. “Đây là nguồn gốc chất độc trong quả lê, được rồi. Quá tiện cho một kẻ hạ độc! Tất cả hung khí trên thế giới với tay là có liền.”

“Ừm,” Bruno nói. “Tên loại chất độc mà Schilling tìm thấy trong cơ thể của ông Hatter khi họ vớt ông ta lên khỏi vịnh Lower là gì ấy nhỉ?”

“*Axit Prussic*,” Lane trả lời. “Và nó đây.” Chất độc mà York Hatter đã nuốt ngay trước khi nhảy xuống biển nằm trong Chai số 57, trên kệ đầu tiên, ngăn bên phải. Như những chai đã xem khác, trên chai có ghi chữ *CHẤT ĐỘC* rõ ràng. Một lượng đáng kể chất lỏng không màu đã biến mất; và trên phần thủy tinh thanh tra Thumm thấy vài dấu vân tay. Lớp bụi chỗ cái chai được đặt chưa bị xáo trộn.

“Các dấu vân tay là của York Hatter. Chúng tôi đã kiểm tra chúng trong cuộc điều tra ban đầu về âm mưu hạ độc cô Champion trước đó.”

“Nhưng làm thế nào,” Lane ôn hòa hỏi, “mà các ngài lấy được mẫu vân tay của ông Hatter, hả thanh tra? Khi đó ông ta đã được chôn cất rồi, và tôi cũng không nghĩ các ngài lấy được dấu vân tay của ông ấy từ nhà xác.”

“Ông luôn thắc mắc đúng chỗ như vậy sao?” Thumm đáp bằng một nụ cười. “Không, chúng tôi không thể lấy dấu vân tay ông ta từ thi thể, vì phần ngón tay đã bị ăn cụt nên các đường xoắn mất hết. Chúng tôi đã đến đây và

kiểm tra đồ đạc, tìm kiếm dấu tay. Chúng tôi tìm thấy rất nhiều dấu tay, sau đó đối chiếu với dấu tay trên chai *axit prussic*.”

“Trên đồ đạc ư?” Lane lẩm bẩm. “Hẳn vậy rồi. Tôi đã hỏi một câu ngu ngốc, thanh tra à.”

“Chắc hẳn Hatter đã lấy một lọ nhỏ chất *axit prussic* này, hay *axit hydrocyanic* - như Schilling gọi - từ Chai số 57,” Bruno nói, “sau đó ra ngoài uống chất độc và lao xuống nước. Cái chai không được đựng vào kệ từ đó.”

Dường như Drury bị những cái kệ cuốn hút. Ông cứ nhìn ngăm mãi không thôi. Ông lùi lại và quan sát cả mười lăm ngăn kệ một lúc lâu. Hai lần mắt ông dừng lại ở chỗ vết bắn trên cạnh cái kệ đang để Chai số 69 - *axit nitric*. Ông tiến lại gần và đánh mắt dọc theo những mép kệ. Khuôn mặt ông nhanh chóng bừng sáng: có một vết bắn hình oval khác, tương tự như cái đầu tiên, trên mép của cái kệ thứ hai, ngăn ở giữa, dưới Chai số 90, có ghi *Axit Sulphuric*. “Hai vết bắn,” ông trầm ngâm nói, rồi một tia sáng mà trước đó chưa từng xuất hiện lóe lên trong đôi mắt màu xám xanh. “Thanh tra, vết bắn thứ hai này có nằm ở đây trong lần đầu ngài kiểm tra phòng thí nghiệm không?”

“Vết đó ư?” Thumm chăm chú nhìn. “Không. Có vấn đề gì với nó à?”

“Tôi nghĩ thế này, thanh tra à,” Lane lãnh đạm đáp, “là bất cứ thứ gì nằm ở đây mà hai tháng trước chưa xuất hiện thì nên được quan tâm.” Ông cẩn thận nhấc cái chai khỏi vị trí, quan sát thấy vòng bụi bám quanh đế vẫn rõ nét và sắc cạnh. Đôi mắt ông ngay lập tức mở to, và niềm hoan biến khỏi khuôn mặt. Thay vào đó là sự lo nghĩ, một cái nhìn nghi ngờ, ông đứng đó do dự và lặng im một lúc, rồi nhún vai và quay đi. Ông tha thần trong phòng một lúc, vẻ muộn phiến, u sầu của ông nặng theo từng bước chân. Cái kệ như thể nam châm hút lấy ông, cuối cùng chẳng biết làm sao mà ông vẫn quay về chỗ chúng. Ông nhìn xuống chỗ cái tủ sàn mà năm cái kệ chia ngăn được đặt ở trên. Rồi ông mở hai cánh tủ rộng thấp và nhìn vào bên trong... Không có gì đáng quan tâm; thùng carton, hộp sắt, gói hóa chất, ống nghiệm, kệ đựng, máy làm lạnh mini, nhiều thiết bị điện các loại và vô vàn những đồ hóa chất linh tinh khác. Ông sập mạnh cửa tủ lại với

một tiếng lẩm bẩm vì đã quá sốt ruột với sự thiếu chắc chắn của chính mình. Cuối cùng ông băng qua phòng tới chỗ cái bàn nắp cuộn ở gần cửa. Phần nắp đã được cuộn xuống, và ông thử mở ra. Nó bắt đầu cuộn lên. “Tới mà xem này, thanh tra,” ông nói.

Thumm khịt mũi. “Đã kiểm tra rồi, ngài Lane à. Chúng tôi mở nó ra và kiểm tra sau khi thi thể ông Hatter đã được tìm thấy ngoài khơi Sandy Hook. Chẳng có gì trong đó khiến chúng tôi phải chú ý trong vụ này. Nó chứa đầy giấy tờ cá nhân, tài liệu khoa học và sách vở, cùng một số ghi chú hóa học của ông Hatter - những thí nghiệm, tôi đoán vậy.”

Lane đẩy cái nắp lên và nhìn vào. Bên trong cái bàn là một mớ lộn xộn.

“Y như lần trước tôi thấy,” viên thanh tra nói.

Với một cái nhún vai, Lane đóng nắp bàn lại và đi đến chỗ tủ hồ sơ bằng thép. “Chỗ đó cũng được kiểm tra rồi,” Thumm kiên nhẫn nói; nhưng Lane vẫn kéo ngăn tủ bằng thép đã được mở sẵn ra, lục lọi cho đến khi tìm thấy một tờ danh mục nhỏ, được đặt gọn gàng phía sau những tập hồ sơ chứa đầy những giấy tờ của dữ liệu thực nghiệm.

“Ồ, vâng, cái ống tiêm,” vị công tố viên khẽ nói.

Lane gật đầu. “Danh mục ghi rằng có mười hai ống tiêm, ngài Bruno à. Tôi tự hỏi... Chúng đây rồi.” Ông buông tờ danh mục xuống và nắm lấy một cái hộp da lớn nằm ở sau ngăn kéo. Bruno và Thumm ngó qua vai ông. Trên phần nắp hộp là các chữ cái *YH* được mạ vàng. Bên trong, được xếp ngay ngắn trong những cái rãnh trên phần đáy phủ nhung tím, là mười một ống tiêm đủ kích cỡ. Có một rãnh trống rỗng.

“Chết tiệt,” Thumm nói, “Schilling cầm cái ống tiêm đó rồi.”

“Tôi không nghĩ rằng,” Lane nói, “việc đi lấy cái ống tiêm là cần thiết, thanh tra à. Ngài có nhớ số 6 trên ống tiêm mà chúng ta thấy trên giường của bà Hatter? Một ví dụ khác về đầu óc ngăn nắp của York Hatter.”

Ông lấy móng tay chạm vào cái rãnh rỗng. Tất cả các rãnh đều có một dải vải nhỏ màu đen, mỗi dải có in một con số màu trắng. Trên cái rãnh rỗng là số 6. “Và kích thước của cái rãnh,” Lane tiếp tục, “nếu tôi nhớ chính xác, phù hợp với kích thước của ống tiêm. Vâng, cái ống tiêm mà sau đó chứa đầy *thủy ngân clorua* được lấy ra từ chiếc hộp này. Và đây,” ông

kết luận, khom lưng rồi vươn người dậy cầm một hộp da nhỏ, “nếu tôi không nhầm, thì chiếc hộp này chứa đầy kim tiêm. Vâng. Một cây kim bị mất, trong danh mục là mười tám cây kim, và chỉ có mười bảy cây ở đây. Chà!” Ông thở dài, đặt cả hai chiếc hộp trở lại ngăn kéo, rồi lục lọi các tập hồ sơ trong vẻ chán nản. Ghi chú, các thí nghiệm, dữ liệu ghi lại cho tương lai... Có một tập hồ sơ trong một ngăn riêng biệt hoàn toàn rỗng không.

Ông đóng ngăn kéo lại. Thumm, đầu đó phía sau ông, bỗng la lớn, và phản ứng tức thì của Bruno theo hướng mà viên thanh tra chỉ khiến Lane cũng nhanh chóng quay theo.

Thumm đang quỳ trên lớp bụi, gần như biến mất đằng sau một trong những cái bàn thí nghiệm nặng. “Có chuyện gì vậy?” Bruno hô lớn, khi ngài và Lane đi vòng qua cái bàn. “Tìm thấy gì ư?”

“Ừ,” Thumm trả lời, đứng lên, “trong khoảnh khắc nó trông giống như một bí ẩn, nhưng giờ thì hết rồi. Nhìn này!” Ánh mắt họ dõi theo ngón tay của Thumm, và họ thấy thứ đã khiến ngài phải thốt lên. Giữa hai cái bàn thí nghiệm, gần về phía lò sưởi hơn phía mấy cái kệ, có ba vết nhỏ hình tròn khá rõ hằn trên lớp bụi sàn nhà. Chúng xếp thành hình tam giác, cách đều nhau. Sau khi xem xét kỹ lưỡng hơn, Lane nhận thấy mấy chỗ đó cũng đầy bụi, nhưng chỉ là một màng mỏng so với lớp bụi dày đặc quanh họ. “Đơn giản. Lúc đầu tôi đã nghĩ có thể đó là thứ gì đó quan trọng. Nhưng chỉ là cái ghế đầu thôi.”

“À, đúng rồi,” Lane đáp về tư lự. “Tôi quên khuấy mất. Là cái ghế đầu.”

Viên thanh tra nhắc cái ghế đầu nhỏ ba chân được đặt trước mấy cái kệ lên khỏi mặt sàn, rồi đặt nó xuống sao cho mấy cái chân nằm chính xác lên mấy chỗ bám bụi. “Chuẩn rồi. Đơn giản vậy thôi. Ban đầu cái ghế đầu được đặt ở đây, rồi được chuyển đi, chỉ thế thôi.”

“Chẳng có gì lạ hết,” Bruno thất vọng nói. “Chẳng có gì.”

Nhưng Lane có vẻ hài lòng bằng điệu bộ mờ ám, và ông nhìn chăm chăm vào vị trí đặt cái ghế, như thể ông đã kiểm tra nó từ khi còn đứng trước mấy cái kệ. Bản thân cái ghế cũng đầy bụi bặm, nhưng chỗ ngồi thì trầy xước và có đốm bẩn, bụi chỉ dính trên một số vị trí nhất định.

“Này thanh tra,” Lane khẽ nói. “Hai tháng trước khi ngài lục soát phòng thí nghiệm, thì cái ghế đầu có được đặt ở vị trí giống bây giờ không? Ý tôi là, liệu nó có bị đụng chạm hay di chuyển kể từ lần điều tra đầu tiên?”

“Tôi biết thì chết liền.”

“Tôi cho rằng,” Lane nhẹ nhàng nói và quay đi, “thế là đủ rồi.”

“Tôi rất vui vì ngài đã hài lòng,” vị công tố viên gật. “Tôi chẳng hiểu đầu của tai nheo gì cả.”

Drury Lane không trả lời. Ông lơ đãng bắt tay Bruno và Thumm, thì thầm điều gì đó về việc trở lại lâu đài Hamlet, rồi rời khỏi phòng thí nghiệm. Khuôn mặt ông mệt mỏi và vai rũ xuống một chút khi ông bước xuống cầu thang, lấy mũ và cây gậy từ tiền sảnh, rồi bước ra khỏi nhà.

Viên thanh tra lẩm bẩm: “Ông ấy cũng lao tâm khổ tứ với vụ này hết như tôi.” Cho một thám tử lên mái nhà để bảo vệ lối vào ống khói, khóa cửa phòng thí nghiệm, nói lời chia tay với công tố viên Bruno (người rời khỏi nhà để trở về chốn văn phòng ồn ã trong bầu không khí vô vọng), rồi một mình đi xuống gác.

Thám tử Pinkussohn đang đứng ở tầng trệt múa may ngón tay cái về thất vọng khi viên thanh tra đi xuống.

CẢNH 6

Nhà Hatter

Thứ Hai, Ngày 6 Tháng Sáu

2:00 A.M

Với sự ra đi của Drury Lane và Bruno, thanh tra Thumm đã mất đi ít nhiều sự cục tính của mình. Trên thực tế, ngài gần như trở thành một người cô đơn. Cảm giác chung của sự thất bại xâm chiếm ông, hồi ức về khuôn mặt ưu tư của Lane và vẻ tuyệt vọng của Bruno chẳng dẫn đến một tâm trạng hân hoan gì - thứ tâm trạng mà Thumm hiếm khi trải qua, ngay cả ở những thời khắc vui vẻ nhất. Ngài thở dài liên tục, ngả đầu trong một cái ghế tựa lớn và hút một điếu xì gà tìm thấy trong một hộp chống ẩm ở thư viện, nhận thông báo định kỳ chẳng hề tích cực từ cấp dưới, dõi theo những bước chân vô định của gia đình Hatter trong ngôi nhà. Tóm lại, ngài tự tiêu khiển với bản thân như một người rất bận rộn đột nhiên phát hiện ra mình chẳng có gì để làm.

Thi thoảng vang lên tiếng la hét chói tai của Jackie và Billy, chúng đang chơi trong phòng trẻ con trên gác. Có một lần John Gormly, người không ngừng đi tới đi lui dạo bộ trong khu vườn ở phía sau, đến để gặp vị thanh tra; chàng thanh niên tóc vàng cao lớn tỏ ra giận dữ, và muốn nói chuyện với Conrad Hatter, trong khi viên cảnh sát đáng ghét trên gác không để cho anh ta vào phòng của Conrad, trời ạ, thanh tra Thumm sẽ xử lý thế nào đây? Thanh tra Thumm khẽ hé mắt dò xét, kiểm tra phần đầu điếu xì gà, và nói thẳng là ngài sẽ không giải quyết chuyện đó, trời ạ; Conrad bị hạn chế

đi lại, và sẽ ở yên trong phòng; ngài chả thêm quan tâm, dù Gormly có đi xuống địa ngục.

Mặt Gormly trở nên đỏ gay và khi anh ta như muốn thốt ra vài câu đối đáp kịch liệt chẳng mấy khôn ngoan thì Jill Hatter và luật sư Bigelow bước vào thư viện. Gormly không nói gì nữa. Jill và Bigelow đang thì thầm trò chuyện; rõ là họ đang nói với nhau những điều thân mật. Đôi mắt của Gormly tóe lửa, và không chờ đợi sự cho phép của thanh tra, anh ta lao ra khỏi phòng và ra khỏi nhà, cánh tay to lớn chạm vào vai của Bigelow trên đường đi - một động tác chào mừng vừa được tính toán dành cho Bigelow, người chợt khựng lại khi đang nói dở những lời dịu dàng và thốt lên đầy tha thiết: “Oái!”

Jill kêu lên: “Tại sao, cái... cái đồ vũ phu cục súc!” bằng một giọng ngạc nhiên, và thanh tra Thumm càu nhàu với chính mình. Năm phút sau thì Bigelow đã hạ hỏa, và ngừng chuyện trò với Jill, người đột nhiên trở nên cáu kỉnh; anh ta nhắc cho thanh tra ý định đọc di chúc của bà Hatter cho những người thừa kế được tập hợp vào thứ Ba sau buổi tang lễ, rồi vội vã ra khỏi nhà. Jill hít mạnh và vuốt lại áo. Khi bắt gặp ánh mắt của thanh tra, cô ta mỉm cười sắc bén, vụt ra khỏi thư viện và đi lên gác.

Ngày hôm đó trôi qua buồn bã. Bà Arbuckle tận dụng thời gian nghỉ ngơi trong lúc chẳng có việc gì làm bằng cách lao vào một màn đấu khẩu với một trong những thám tử đang làm nhiệm vụ. Rồi đến lượt Jackie chạy chơi đùa, bất ngờ khựng lại trước cái nhìn của viên thanh tra, tỏ ra rụt rè bối rối, rồi lại chạy biến mất. Có một lúc Barbara Hatter đi qua như một hồn ma đáng yêu, được thân hình cao kều nghiêm nghị của gia sư Edgar Perry hộ tống. Họ say sưa trò chuyện.

Thumm thở ngắn than dài, chỉ mong mình chết đi cho rồi. Có tiếng điện thoại reo. Ngài liền nghe nó. Đó là Bruno... Có gì mới không? Không có gì. Thumm gác máy và thưởng thức phần còn lại của miếng xì gà. Sau một lúc ngài đội mũ lên đầu, đứng dậy, và sải bước ra khỏi thư viện tới chỗ cửa chính, “sếp đi à?” một thám tử hỏi. Thumm ngần ngừ, rồi lắc đầu và quay lại thư viện chờ đợi - điều gì thì ngài cũng chẳng biết nữa. Ngài đi đến chỗ tủ rượu và lấy ra một chai dẹt màu nâu. Thứ gì đó như niềm hân hoan xâm

lấn sự rầu rĩ khi ngài kéo cái nút chai ra và đưa chai rượu lên môi. Thumm uống ừng ục một hơi cho thỏa mãn. Cuối cùng ngài đặt chai rượu lên cái bàn bên cạnh, đóng tủ lại, và ngồi xuống thở dài.

Lúc năm giờ chiều tiếng chuông điện thoại lại reo một lần nữa. Đó là bác sĩ pháp y Schilling, lần này, con mắt hần học của viên thanh tra sáng lên. “Vâng, vâng, bác sĩ?”

”Xong xuôi cả rồi,” vị bác sĩ cất giọng khàn khàn, với chút mệt mỏi kèm theo. “Nguyên nhân của cái chết vẫn thế. Ổn trời! Cú đập vào trán bằng cây đàn mandolin là không đủ để giết bà ta, mặc dù nó có thể gây choáng váng. Cú sốc khiến tim bị co thắt và thế là xong! Có lẽ khoảnh khắc bị kích động mạnh ban đầu, thanh tra à, cũng góp phần vào cú đột quỵ tim. Xong phim, đến khổ.”

Thumm gác điện thoại và trầm tư.

Lúc 7 giờ một bữa ăn chán ngắt được phục vụ trong phòng ăn bên cạnh. Viên thanh tra, vẫn dứt khoát bám trụ, ngồi ăn tối cùng gia đình Hatter. Conrad im lặng và đỏ mặt - anh ta đã uống nhiều lúc chiều; anh ta cứ dán mắt vào đĩa, nhai trệu trạo, và đứng dậy đi về chỗ giam giữ tạm thời khi bữa ăn còn lâu mới kết thúc, một cảnh sát hộ tống đằng sau. Martha tỏ ra nhẫn nại; viên thanh tra nhìn thấy nỗi đau trong đôi mắt mệt mỏi của cô, nỗi kinh hoàng khi cô nhìn chồng, tình yêu và sự quyết tâm khi cô quay sang hai đứa trẻ, chúng đang ngọ nguậy và làm ồn như bình thường, và phải nghe khiển trách vì cách cư xử cứ mỗi hai phút. Barbara thì mãi thấp giọng trò chuyện với Edgar Perry, anh ta như biến thành một con người mới: cặp mắt sáng lên, và anh ta nói chuyện thơ đương đại với nữ thi sĩ như thể chúng là niềm đam mê chính của cuộc đời mình. Jill hài lòng với việc gẩy gót đĩa thức ăn và sừng sĩa ra mặt. Bà Arbuckle chủ trì việc phục vụ, như một người canh gác khó tính; còn cô hầu Virginia thì sắp đĩa và lấy đồ ăn. Mọi thứ phủ lên Thumm, người đang quan sát họ với sự ngờ vực không định kiến. Ngài là người cuối cùng rời khỏi bàn.

Sau bữa tối thì thuyền trưởng Trivett đến với bước chân gồ gặc trưng; ông ta lịch sự chào Thumm rồi đi liền lên phòng bà Smith trên gác, nơi bà y

tá đang hỗ trợ Louisa Campion ăn bữa tối một mình. Thuyền trưởng Trivett ở lại đó tầm nửa giờ. Sau đó, ông ta trở xuống và lặng lẽ đi về.

Buổi tối kéo dài, rồi đêm xuống. Conrad loạng choạng bước vào thư viện, nhìn trừng trừng vào viên thanh tra, rồi tự đãi bản thân một bữa rượu. Martha Hatter đưa hai con lên giường đi ngủ và quay về phòng mình. Jill đã về phòng từ lúc nào, kể từ lúc cô ta bị cấm không được ra khỏi nhà. Barbara Hatter đang viết lách ở trên gác. Sau một lúc, Perry đi vào thư viện và hỏi xem đêm nay còn cần hỏi gì anh ta nữa không, anh ta nói hơi mệt, và nếu được phép, anh ta muốn được nghỉ ngơi. Thumm vẫy tay phiền muộn, và người gia sư đi lên gác đến phòng ngủ trên tầng áp mái của mình.

Dần dần, ngay cả những âm thanh nhỏ cũng tắt đi. Thumm chìm sâu hơn vào một trạng thái thất vọng; ngài thậm chí chẳng buồn để ý đến chuyện Conrad lão đảo ra khỏi thư viện và suýt ngã trên gác. Lúc mười một rưỡi một trong những cảnh sát của viên thanh tra đi đến và ngồi xuống một cách mệt mỏi. “Sao vậy?” Thumm ngáp to.

“Không có thông tin gì về cái chìa khóa cả. Bọn họ đã cố gắng lần theo cái chìa khóa thứ hai mà ông bảo có thể đã được sao lại. Chẳng có tung tích gì ở bất kỳ tiệm sửa khóa hay đồ ngũ kim nào. Chúng tôi đã dò xét khắp thành phố.”

“Ôi!” Thumm chớp mắt. “Thế đấy, thôi kệ đi. Tôi biết cách thức hung thủ đột nhập rồi. Về nhà đi Frank, và ngủ ngon.”

Viên thám tử rời đi. Đúng nửa đêm, viên thanh tra nhắc thân hình đồ sộ của mình ra khỏi chiếc ghế bành và đi lên gác. Thám tử Pinkussohn vẫn vung vẩy ngón tay cái, như thể anh ta đã làm thế cả ngày. “Có gì lạ không, Pink?”

“Không.”

“Về nhà đi. Mosher sẽ lên thay phiên.”

Thám tử Pinkussohn nghe theo mà chẳng tỏ ra miễn cưỡng mấy. Sự thực là, anh ta đi vội xuống tầng dưới và suýt lao vào Mosher, người đang nặng nề bước lên. Mosher chào anh ta và đứng thế chỗ Pinkussohn trên hành lang phòng ngủ.

Viên thanh tra đi lên tầng áp mái. Mọi thứ đều yên tĩnh; tất cả các cửa đều đóng; có ánh sáng trong phòng vợ chồng Arbuckle, rồi đột nhiên tắt đi khi Thumm đứng đó. Sau đó ngài leo lên cầu thang gác, mở cửa sập, và bước lên mái nhà. Một đốm lửa gần trung tâm của mái nhà màu đen biến mất ngay lập tức. Thumm nghe thấy tiếng bước chân khê khàng và khê nói: “Không sao đâu, Johnny. Có gì bất thường không?”

Một bóng dáng hiện lên bên cạnh viên thanh tra. “Không. Nhiệm vụ sắp giao tôi làm hay hóm ghê. Cả ngày chẳng có ma nào bén mảng lên đây.”

“Cứ đứng đó thêm vài phút nữa đi. Tôi sẽ cho Krause lên thay ca. Hãy trở lại đây vào buổi sáng.”

Thumm nâng cửa sập lên và đi xuống cầu thang một lần nữa. Ngài cho một người lên trên gác. Sau đó, lê bước vào thư viện, rên lên khi đến chỗ chiếc ghế bành, buồn bã nhìn cái chai màu nâu trống không, tắt cây đèn để trên bàn, đặt chiếc mũ lên trên mũi mình, rồi đi ngủ.

Viên thanh tra không biết lúc nào mà ngài bắt đầu nhận thức được có gì đó sai sai. Ngài nhớ mình đã trần trọc trở mình mới ngủ được, thả lỏng một cái chân đã tê buốt từ lúc nào và luồn sâu hơn vào phần đệm của chiếc ghế bành. Và giấc ngủ đến lúc nào cũng chẳng hay biết. Có thể là lúc một giờ sáng. Nhưng có một điều ngài biết chắc. Lúc hai giờ, như thể tiếng đồng hồ vang lên bên tai, ngài giật mình tỉnh giấc, chiếc mũ từ trên mũi rơi xuống sàn, rồi ngài bật người dậy, vẻ căng thẳng, người run lên. Có thứ gì đó đã đánh thức ngài, nhưng không biết đó là thứ gì. Một tiếng động, thứ gì đó rơi, một tiếng kêu? Thumm ngồi im lắng nghe. Và nó lại phát ra lần nữa, từ đằng xa, vang rền, một tiếng kêu đầy thảng thốt: “Cháy!”

Thumm bay ra khỏi ghế như thể nó dính đầy kim, và lao ra hành lang. Có một đốm lửa nhỏ bập bùng, và trong ánh sáng yếu ớt của nó ngài có thể thấy làn khói cuộn trôi xuống cầu thang. Thám tử Mosher đang khom người ở đầu cầu thang, la đến lạc cả giọng. Toàn bộ căn nhà chìm trong mùi hăng hắc của khói lửa.

Viên thanh tra không dừng lại để chất vấn. Ngài tiến lên chiếc cầu thang lót thảm và lao mình vào chỗ hành lang gác. Một làn khói màu vàng dày đặc tỏa ra từ các vết nứt của cánh cửa dẫn đến phòng thí nghiệm của York

Hatter. “Đi gọi cứu hỏa đi, Mosher!” Thumm la lên, và điên cuồng mò mẫm tìm chiếc chìa khóa. Mosher lập cập chạy xuống cầu thang, trên đường đi anh ta xô phải ba thám tử đang làm nhiệm vụ quanh nhà. Không ngớt nguyên rửa, viên thanh tra cắm chìa vào ổ khóa, vặn mạnh, đẩy cửa ra và đóng sầm nó ngay lập tức khi một làn khói nhờ hắc ám và những lưỡi lửa liếm lấy ngai. Khuôn mặt viên thanh tra nhăn nhó; ngai đứng ngập ngừng một lúc, nhìn từ bên này sang bên kia như một con thú bị mắc kẹt. Những cái đầu đã lấp ló chỗ trên những ô cửa; vẻ sợ hãi trên từng khuôn mặt; đôi tai ngai bị vây quanh bằng những câu hỏi bất an kèm tiếng ho.

“Bình cứu hỏa! Nó ở chỗ quái nào?” Thumm gào lên.

Barbara Hatter vội vàng lao ra hành lang. “Trời ạ!... Không có bình nào, thanh tra... Martha - lũ trẻ!”

Cả hành lang đã biến thành một địa ngục khói đầy những hình hài đang hồi hải. Những ngọn lửa đã bắt đầu bắt ra ngoài từ các vết nứt trên cánh cửa phòng thí nghiệm. Trong chiếc váy ngủ lụa, Martha Hatter hét lên và chạy vào phòng hai đứa trẻ, một lúc sau hiện ra cùng với chúng, Billy thét lên hãi hùng còn Jackie thì lần đầu tỏ ra sợ như vậy, cứ bám chặt lấy tay mẹ. Tất cả bọn họ biến vội xuống cầu thang.

“Mọi người ra ngoài! Ra ngoài hết!” Thumm hét lên. “Đừng dừng lại làm gì cả! Những hoá chất này nổ đấy!” Giọng nói của ngai bị những tiếng la hét át đi; Jill Hatter mò mẫm tìm đường, mặt cô ta trắng bệch và nhăn nhó; Conrad Hatter xô cô ta ra lấy đường và suýt ngã xuống cầu thang; Edgar Perry, trong bộ đồ ngủ, lao xuống từ tầng áp mái và bắt gặp Barbara đang cúi người trên sàn, bị sặc khói. Nâng cô lên trên vai mình, Perry đưa cô xuống cầu thang. Mọi người đều thở hỗn hển và ho sặc sụa; nước mắt chảy ròng ròng. Viên thám tử mà Thumm cho gác mái nhà đã đi xuống, vợ chồng nhà Arbuckle và Virginia đi đằng trước anh ta. Như trong một giấc mơ, tiếng ho, nghẹt thở, kêu khóc, những xô nước hất vào cánh cửa đóng kín, Thumm khẽ nghe tiếng còi báo động...

Sau đó là một diễn biến hồi hải khẩn trương. Tiếng phanh rít lên thông báo sự xuất hiện của xe chữa cháy; lính cứu hỏa bắt đầu gắn ống nước và kéo chúng qua cái ngách cạnh nhà ra khu vườn đằng sau. Ngọn lửa đã thò

ra khỏi những ô cửa sổ gắn song sắt; thang sắt được bắc lên; rìu đập vỡ cửa kính chưa bị nóng chảy, và những vòi nước được phóng qua các song sắt vào phòng...

Đầu tóc rối bời, ám khói, mắt vẫn đỏ, Thumm đứng trên vỉa hè bên ngoài nhà khi những người lính cứu hỏa kéo vòi nước lên trên gác, và đếm những thân hình đang run rẩy, ăn mặc mỏng manh bên cạnh ngài. Tất cả đều ở đó. Không... còn thiếu!

Khuôn mặt của viên thanh tra biến thành vẻ đau đớn và kinh hãi. Ngài chạy lên cầu thang, vào trong nhà, phóng vọt lên, lao đến chỗ gác hai, suýt vấp phải ống nước cứu hỏa. Lên tầng trên, ngài đi thẳng đến phòng bà Smith, thám tử Mosher theo sau. Ngài đá tung cánh cửa và xông vào phòng bà y tá. Bà Smith trong cái váy ngủ thùng thình, trập trùng như đồi núi, đang nằm bất tỉnh trên sàn, còn Louisa Champion, với dáng vẻ của một con thú ở bước đường cùng, vẻ hoang mang, run sợ, thì đang cúi xuống bên cạnh bà y tá, hai lỗ mũi lung lay vì mùi khói hắc cay sè. Thumm và Mosher xoay xở một cách khó khăn để đưa cả hai người phụ nữ ra khỏi nhà...

Dường như họ hành động vừa kịp. Ngay khi họ ra được tới chỗ bậc tam cấp đá bên ngoài, thì từ đằng sau, ở phía trên gác, có một tiếng nổ bụp - ánh chớp lóe lên như pháo nổ bắn ra phía đằng sau nhà, ra khỏi cửa sổ phòng thí nghiệm, có tiếng sấm kinh hoàng của một vụ nổ, rồi ngay lập tức là sự im lặng sững sờ, và sau đó là tiếng la hét inh ỏi của lính cứu hỏa ở gần vụ nổ...

Điều không thể tránh khỏi đã xảy ra. Một số hóa chất trong phòng thí nghiệm đã bắt lửa và phát nổ. Những con người đang túm tụm run rẩy trên vỉa hè chỉ biết ngậy người ra nhìn ngôi nhà. Đội cứu thương lao tới. Một cái cáng đưa vào và đưa ra. Một lính cứu hỏa bị thương.

Hai giờ sau, ngọn lửa đã được dập tắt. Đó cũng là lúc mà mặt trời dần ló rạng. Sau khi được đưa tới ngôi nhà hàng xóm của thuyền trưởng Trivett, gia đình Hatter và các thành viên mệt mỏi trở lại chỗ dinh thự cổ cháy sém. Trong chiếc áo khoác và quần áo ngủ, cùng cái chân giả gỗ lộ cộc lên vỉa hè, viên thuyền trưởng hỗ trợ bà Smith chăm sóc Louisa Champion, người vẫn còn đang tuyệt vọng trong cơn hãi hùng câm lặng, tinh thần bị kích

động mạnh. Bị đánh thức bởi điện thoại, bác sĩ Merriam xuất hiện và tắt bật chuẩn bị thuốc an thần.

Căn phòng thí nghiệm trên gác là một mớ hỗn độn. Cánh cửa bị vụn vỡ nát; song sắt cửa sổ long hết ra. Hầu hết các chai trên kệ bị vỡ và đổ xuống mặt sàn ướt. Giường, ngăn kéo và bàn làm việc bị thiêu cháy, và hầu hết bình cổ cong, ống nghiệm, và các thiết bị điện bị nóng chảy. Nhưng kỳ lạ thay, phần sàn nhà còn lại chỉ chịu rất ít thiệt hại.

Với đôi mắt đỏ hoe, khuôn mặt như biến thành sắt xỉn, Thumm cho tập hợp những người trong nhà ở thư viện và phòng khách tầng dưới. Mọi thám tử có mặt để canh gác. Không có sự pha trò nào, không chấp nhận sự bốc đồng hay chống đối. Hầu hết thời gian họ ngồi chịu trận, phụ nữ thậm chí còn im lặng hơn đàn ông, và nhìn nhau im thin thít.

Viên thanh tra đi đến chỗ cái điện thoại. Ngài gọi cho Trụ sở cảnh sát và nói chuyện với công tố viên Bruno. Ngài tham gia vào một cuộc đối thoại gay gắt với cảnh sát trưởng Burbage. Sau đó, ngài kết nối điện thoại đường dài tới lâu đài Hamlet, Lanecliff, New York. Có chút sự cố kết nối. Thumm chờ đợi với một sự kiên nhẫn đáng chú ý, cuối cùng cũng nghe được tiếng nói run run cầu kính của ông già Quacey, người hầu gù lưng của Drury Lane, ngài liền sôi nổi thuật lại chi tiết các sự kiện của đêm qua. Do bị điếc nên không thể tự mình trò chuyện qua điện thoại, Lane đứng bên cạnh Quacey và lắng nghe câu chuyện, từng chút một, từ môi của Quacey khi viên thanh tra nói qua đường dây.

“Ngài Drury bảo,” lão gù rít lên khi Thumm nói xong, “ngài có biết cách thức vụ cháy diễn ra không.”

“Không. Bảo ông ấy là ống khói trên mái nhà được canh gác cẩn mật, cửa sổ bị khóa từ bên trong và không bị can thiệp, và cửa ra vào phòng thí nghiệm được thám tử Mosher theo dõi suốt đêm.”

Thanh tra nghe thấy tiếng lặp lại chói tai của Quacey, và giọng nói trầm từ xa của Lane. “Ngài ấy bảo ngài có chắc không, thanh tra?”

“Có trời chứng giám, tất nhiên tôi chắc chắn! Đó chính là điều khiến tôi đau đầu. Làm thế quái nào mà kẻ phóng hỏa có thể hành sự được?”

Một sự im lặng bao trùm sau khi Quacey thuật lại; và viên thanh tra chờ đợi, căng tai lắng nghe. Rồi Quacey nói: “Ngài Drury muốn biết có ai cố vào phòng thí nghiệm sau đám cháy và vụ nổ không.”

“Không,” Thumm gắt. “Tôi theo dõi từ đầu đến cuối.”

“Ngài ấy bảo cho ai đó đứng canh căn phòng ngay,” Quacey rít lên, “ngoài người lính cứu hỏa ở đó. Ngài Drury sẽ tới đó trong sáng nay. Giờ ngài ấy đã chắc chắn về phương thức vụ phóng hỏa, ngài ấy bảo...”

“Ồ, ngài ấy đã tìm ra ư?” viên thanh tra nói vẻ khó chịu. “Thế thì ngài ấy giỏi hơn tôi rồi. Nói đi! Hỏi ngài ấy là có biết trước về vụ cháy không!”

Khúc chuyển màn. Rồi Quacey thuật lại: “Ngài ấy bảo là không. Không, ngài ấy không biết. Ngài ấy hoàn toàn bất ngờ. Ngài ấy không hiểu nổi.”

“Ờn trời có thứ khiến ông ấy khúc mắc,” Thumm gắt lên. “Được rồi, bảo ông ấy đến nhanh nhé.”

Và khi sắp sửa gác máy, Thumm nghe được, rất rõ ràng, giọng nói của Lane lẩm bẩm với Quacey: “Hắn phải như thế. Mọi thứ đều hướng về đó... Chưa hết, Quacey à, không thể như vậy!”

MÀN II

*“Tôi bắn mũi tên qua căn gác mái
Và làm đau người em trai.”*

CẢNH 1

Phòng Thí Nghiệm
Thứ Hai, Ngày 6 Tháng Sáu
9:20 A.M

Drury Lane đứng ở trung tâm của phòng thí nghiệm đổ nát, đôi mắt sắc đảo quanh. Thanh tra Thumm đã rửa bồ hóng và bụi bẩn trên khuôn mặt mình và chải chuốt lại bộ đồ nhẵn nhéo; nhưng đôi mắt ngài uể oải và đỏ ngầu, tâm trạng thì không thoải mái. Thám tử Mosher đã về nghỉ; anh béo Pinkussohn thì ngồi trên một chiếc ghế sót lại hòa nhã trò chuyện với một người lính cứu hỏa.

Những cái kệ vẫn gắn vào tường, nhưng chúng sưng nước và ám khói đen. Ngoại trừ một đồng những chai lọ kỳ diệu thay không bị vỡ trên các kệ thấp hơn, các ngăn kệ khác đều tan hoang; và tàn tích của chúng thì rải thành hàng ngàn mảnh thủy tinh nhỏ trên sàn nhà bẩn thỉu. Những phân hóa chất bên trong đã được xử lý cẩn thận.

“Đội xử lý hóa chất đã làm sạch các hóa chất nguy hiểm,” Thumm nói. “Các nhân viên cứu hỏa đầu tiên đến hiện trường đã thuật lại đầy đủ cho Phó thanh tra. Có vẻ như một số hóa chất nổi trên mặt nước khi cháy, hay đại loại thế, họ đã phải xử lý cực nhọc, nếu không có thể sự việc còn tồi tệ hơn nữa. Thật vậy, cũng may mà phát hiện ra ngọn lửa khi nó mới bắt đầu cháy. Mặc dù ông Hatter đã gia cố đặc biệt bức tường trong phòng thí nghiệm, cả ngôi nhà có thể đổ sập.”

“Vâng, đúng thế đấy,” viên thanh tra gật. “Chúng tôi đã bị xua đi như một đám nghiệp dư. Quacey hỏi qua điện thoại rằng ngài có biết ngọn lửa

xuất phát từ đâu không. Từ đâu? Phải thừa nhận đó là bí ẩn với tôi.”

“Không,” Drury Lane nói. “Không khó đến vậy chứ, thanh tra. Tôi tin rằng câu trả lời thật ra cực kỳ đơn giản. Nhìn đây, có thể chất gây cháy đã được đưa vào phòng thí nghiệm thông qua cánh cửa chính?”

“Tất nhiên là không rồi. Mosher - một trong những người đáng tin cậy nhất của tôi - thề rằng không có ai bén mảng lại gần nó cả đêm qua.”

“Tôi tin anh ta. Vậy là cánh cửa không thể được dùng như một lối xâm nhập. Còn các ô cửa sổ đều gắn song sắt, và các song sắt này, như chính ngài đã chỉ ra hôm qua khi chúng ta kiểm tra, khá là chắc chắn. Có thể hiểu một cách logic thế này, dù có chấn song, kẻ phóng hỏa đã leo dọc theo gờ tường bên ngoài và mở một cửa sổ, ném một mối chất cháy vào trong phòng và ngọn lửa bắt đầu bùng lên...”

“Tôi đã bảo chuyện đó là không thể,” viên thanh tra đáp giọng chua chát. “Tất cả cửa sổ đều bị khóa bên trong. Không có dấu hiệu bị cạy, và cửa kính đều còn nguyên khi lính cứu hỏa tới đây, trước vụ nổ. Vụ cửa sổ có thể loại trừ.”

“Hoàn toàn đúng. Tôi chỉ đơn thuần là trình bày tất cả các giả thuyết có thể. Vậy là đường xâm nhập bằng cửa sổ được loại trừ. Vậy còn lại gì?”

“Ổng khói,” Thumm nói, “nhưng cũng chẳng phải nốt. Một trong những người của tôi canh trên mái nhà cả ngày hôm qua, nên không ai có thể lên ra chỗ ống khói và núp trong đó tới khi trời tối. Sau đó có một người khác đến gác thay cho anh ta lúc nửa đêm, người đó cũng nói chẳng có ma nào bén mảng lên mái nhà. Là vậy đó.”

“Để tôi,” Lane cười khẩy. “Ngài nghĩ mình đã biết hết rồi sao. Có ba đường vào được biết đến, cả ba đều được canh gác. Kẻ phóng hỏa không chỉ xoay xở để vào được bên trong mà còn để ra được bên ngoài nữa, thanh tra à... Bây giờ cho tôi hỏi một câu nhé. Các ngài đã kiểm tra những bức tường chưa?”

“À,” Thumm đáp ngay lập tức. “Vậy đó là những gì ngài đang nghĩ! Ô, tường trượt ra được.” Ngài cười tí, sau đó cau mày. “Chẳng ích gì đâu, ngài Lane. Các bức tường, sàn nhà và trần nhà đều không một chỗ hở. Chính tôi đã kiểm tra.”

“Hừm,” Lane đáp lời với một cái nháy mắt màu xám xanh. “Thật tuyệt vời, thanh tra, tuyệt vời! Nó vừa xua đi nghi ngờ cuối cùng ra khỏi tâm trí tôi.”

Thumm nhìn chăm chăm. “Tại sao, ngài đang nói chuyện như thế biết rất rõ vậy! Việc đột nhập là gần như không thể!”

“Không,” Lane mỉm cười. “Chưa chắc đâu. Khi mà cả cửa chính lẫn cửa sổ đều không thể đột nhập vào dù tưởng tượng thế nào, và khi mà tường, sàn nhà, lẫn trần nhà đều vững chắc - thì chỉ có một khả năng duy nhất sót lại, và do đó khả năng này trở nên chắc chắn.”

Lông mày Thumm nhú lại trên mí mắt. “Ý ông là ống khói? Nhưng tôi không thể...”

“Không phải ống khói, thanh tra à.” Lane trở nên nghiêm nghị. “Ngài đã quên rằng nó có hai phần chính là: ống khói và lò sưởi. Ngài hiểu ý tôi chứ?”

“Không, tôi chưa hiểu. Rõ là cái lò sưởi thì thông với căn phòng. Nhưng làm sao chui vào lò sưởi được nếu không trèo qua ống khói?”

“Đây chính xác là điều tôi đang thắc mắc.” Lane bước đến chỗ lò sưởi. “Và, trừ phi người của ngài đã nói dối, trừ phi có một dạng cửa trượt bí mật trong căn phòng này, thì chẳng cần kiểm tra lò sưởi này tôi cũng có thể nói cho ngài bí mật của nó.”

“Bí mật?”

“Ngài có nhớ căn phòng nào tiếp giáp với bức tường có cái lò sưởi này không?”

“Thì sao, là phòng của cô Champion, nơi mà vụ giết người được thực hiện.”

“Chính xác. Và ngài có nhớ thứ gì trong phòng cô Champion nằm ở phía bên kia cái lò sưởi này không?”

Viên thanh tra há hốc miệng. Ngài nhìn chăm chăm Lane một chốc rồi lao về phía trước. “Một cái lò sưởi khác!” Thumm la lên. “Trời ạ, có một khe hở nằm chính xác sau cái lò sưởi này!”

Ngài cúi thấp và luồn xuống bên dưới mặt lò sưởi qua bức tường phía sau. Ngài đứng thẳng lên bên trong, đầu và vai biến mất khỏi tầm nhìn.

Lane nghe thấy hơi thở nặng nề của viên thanh tra, âm thanh của một bàn tay đang cào, và sau đó là một tiếng kêu bị nghẹn lại. “Chà, đây rồi!” Thumm la lên. ”Cả hai lò sưởi sử dụng chung một ống khói! Bức tường gạch này không dẫn thẳng lên trên - nó chỉ cao khoảng hai mét tính từ sàn nhà!”

Drury Lane thở dài. Thumm chẳng cần thiết phải làm bồn quần áo như vậy.

Giờ thì viên thanh tra đã bị thuyết phục hoàn toàn, thái độ của ngài cũng thay đổi hẳn. Ngài vỗ lưng Lane, khuôn mặt khó coi cười tít, ra lệnh cho đám người dưới quyền, đá Pinkussohn ra khỏi ghế, và đưa một điều xì gà cho người lính cứu hỏa. “Hẳn rồi!” Ngài rống lên, hai tay dơ bản và đôi mắt sáng ngời, “câu trả lời là đây - chắc luôn!”

Bí mật của cái lò sưởi rất đơn giản. Cái lò sưởi trong phòng thí nghiệm và cái lò sưởi trong phòng Louisa Campion quay lưng vào nhau - hai cái lò sưởi thông với nhau ở hai mặt của chung một bức tường. Không chỉ có chung một ống khói, mà chúng còn có chung một bức tường ngăn cách - một cấu trúc dày xây bằng gạch nung chịu lửa cao khoảng hai mét, nên nhìn từ trong cả hai phòng đều không thấy phần đỉnh bức tường, khi mà phần mặt trên lò sưởi chỉ cao có hơn một mét tính từ sàn nhà. Phía trên bức tường hai mét đó, hai ống khói nhập lại thành một, tạo thành một lỗ thông hơi lớn mà qua đó khói của cả hai lò sưởi thoát qua mái nhà. “Rõ ràng, quá rõ ràng rồi,” viên thanh tra nói về hân hoan. “Điều này có nghĩa là bất cứ ai cũng có thể đột nhập vào phòng thí nghiệm tại bất kỳ thời gian nào - hoặc từ bên trong của ngôi nhà bằng cách leo qua bức tường ngăn cách phía căn phòng chết, hoặc từ bên ngoài bằng cách leo xuống từ mái nhà, bám vào những mấu lồi bên trong ống khói. Vụ đêm qua hẳn đã được thực hiện thông qua căn phòng của Louisa. Chẳng lạ khi Mosher không thấy ai vào phòng thí nghiệm từ hành lang, người canh trên mái nhà cũng thế!”

“Đúng,” Lane nói. “Và tất nhiên kẻ đột nhập đã thoát ra bằng cùng một con đường. Ngài đã xem xét chưa, thanh tra, làm thế nào kẻ phóng hỏa bí ẩn của chúng ta vào được phòng cô Campion, là bước đầu tiên để có thể

trèo qua lò sưởi vào phòng thí nghiệm? Mosher bảo rằng cửa phòng được theo dõi cả đêm qua, ngài thấy đấy.”

Mặt Thumm thần thờ. “Tôi chưa nghĩ đến điều đó. Có phải là - Đúng rồi! Gờ tường bên ngoài, hoặc là lối thoát hiểm!”

Họ đi đến chỗ ô cửa sổ vỡ và nhìn ra ngoài. Một gờ tường rộng sáu mươi phân chạy dọc ngoài cửa sổ phía đằng sau của toàn bộ tầng hai này; đó rõ ràng là lối đi dành cho kẻ rình mò liều lĩnh từ phòng nọ sang phòng kia từ mặt sau của ngôi nhà. Hai lối thoát hiểm, dài và hẹp, có chiều ngả nằm bên ngoài tầng nhà này. Một lối thông với phòng thí nghiệm và phòng bọn trẻ, lối khác thông với phòng người chết và phòng bà Smith. Cả hai lối thoát hiểm đều chạy qua cửa sổ từ tầng gác mái xuống khu vườn bên dưới. Lane liếc nhìn Thumm, và họ cùng lắc đầu.

Hai người họ rời khỏi phòng thí nghiệm để qua căn phòng chết. Họ thử mở cửa sổ; chúng không khóa và mở ra một cách dễ dàng. Họ quay trở lại phòng thí nghiệm và Pinkussohn lôi ra một chiếc ghế từ đâu đó. Lane ngồi xuống, bắt tréo chân, rồi thở dài. “Câu chuyện đã rõ ràng, thanh tra à, như tôi thấy thì ngài cũng đoán được rồi. Gần như ai cũng có thể đột nhập vào phòng thí nghiệm đêm qua nếu biết được bí mật của cái lò sưởi đôi.”

Thumm gật đầu hờ hững. “Bất kỳ ai, bên trong hoặc bên ngoài ngôi nhà.”

”Có vẻ như thế. Ngài có thắc mắc về động thái của tên hung thủ chưa, thanh tra?”

“Chưa. Nhưng làm thế thì có ích gì nhỉ? Ngài không nghĩ là vụ cháy làm lộ tung tích hắn đấy chứ? Viên thanh tra nhai lấy nhai để một điếu xì gà. “Bất kỳ ai trên tầng gác mái có thể thực hiện điều đó, dù có được xác nhận thế nào đi nữa. Và nếu tính cả tầng hai, ngoại trừ Jill và Barbara Hatter, thì tất cả mọi người đều có thể tiếp cận gờ tường và lối thoát hiểm. Mặc dù vợ chồng Conrad ở căn phòng phía trước, người nào cũng có thể tiếp cận lối thoát hiểm và gờ tường phía sau bằng cách đi qua phòng hai đứa con lúc chúng đang ngủ và họ sẽ không phải đi ra ngoài hành lang được Mosher canh gác, vì họ có thể từ phòng họ vào phòng con thông qua phòng tắm chung giữa hai phòng. Vậy đấy.”

“Họ đã khai những gì?”

“Vâng, họ không làm chứng cho nhau. Conrad khai anh ta lên gác tầm mười một rưỡi. Kế cũng đúng, vì chính tôi thấy anh ta rời khỏi thư viện khoảng thời gian đó và Mosher cũng bảo đã trông thấy anh ta đi vào phòng ngủ. Anh ta bảo về phòng đi ngủ. Martha Hatter ở trong phòng cả buổi tối, nhưng cô ta nói rằng đã ngủ quên và không nghe thấy tiếng chồng đi vào.”

“Còn những cô gái?”

“Họ trong sạch - không thể nào thực hiện việc đó được, bằng cách nào đi nữa.”

“Thật sao?” Lane lẩm bẩm. “Nhưng họ đã khai những gì?”

”Jill lang thang ra vườn, và trở về phòng riêng của cô ta lúc một giờ; Mosher xác nhận điều này. Barbara về phòng sớm hơn, khoảng mười một giờ. Không thấy người nào rời khỏi phòng sau đó cả... Mosher không thấy bất kỳ động thái đáng ngờ nào; không có ai mở cửa hoặc rời khỏi phòng, theo như Mosher nhớ - và anh ta có một trí nhớ tốt. Đích thân tôi đã đào tạo anh ta.”

“Tất nhiên rồi,” Lane nhận xét ranh mãnh, “chúng ta có thể hoàn toàn sai lầm trong phán đoán rồi. Ngọn lửa có thể tự bốc cháy mà thành, ngài biết đấy.”

“Giá mà tôi tin được điều đó,” Thumm ủ rũ đáp. “Các chuyên gia của Sở Cứu Hỏa đã xem xét phòng thí nghiệm sau vụ cháy và đi đến kết luận rằng nó do con người gây nên. Vâng, thưa ngài. Có người đã đánh diêm và đốt thứ gì đó nằm giữa cái giường và bàn thí nghiệm gần cửa sổ. Tìm thấy những que diêm - loại diêm thông thường, giống như loại dùng trong nhà bếp ở tầng dưới.”

“Còn vụ nổ?”

“Đó cũng chẳng phải là tai nạn,” viên thanh tra nói dứt khoát. “Những chuyên gia hóa chất tìm thấy mảnh chai vỡ còn sót lại trên một cái bàn thí nghiệm - nó đựng thứ mà họ gọi là *carbon bisulphide*. Họ nói nó rất dễ nổ, nhất là khi tiếp xúc với nguồn nhiệt. Tất nhiên, cái chai đã ở đấy từ trước - có lẽ York Hatter đã để đấy trước khi ông ta biến mất - nhưng tôi không nhớ có một cái chai trên bàn, ngài nhớ không?”

“Không. Hay nó đến từ một trong những cái kệ?”

“Có thể, một phần nhãn dán quen thuộc được tìm thấy trên mảnh thủy tinh.”

“Rõ ràng phỏng đoán của ngài là sai lầm. York Hatter không thể để chai *carbon bisulphide* trên bàn, bởi vì nó là một trong những chai thông thường, như ngài đã nói, và tôi nhớ rõ là chai lọ được để hết trên kệ; không hề có chỗ trống nào. Không, ai đó đã cố ý lấy cái chai từ một ngăn kệ và đặt nó trên bàn, biết rằng cuối cùng nó sẽ nổ tung.”

“Chà,” Thumm nói, ”có lý đấy, ít ra kẻ mà chúng ta đang bàn cũng đã xuất đầu lộ diện. Xuống gác thôi, ngài Lane. Tôi có ý này.”

Họ xuống tầng trệt và viên thanh tra cho gọi bà Arbuckle. Ngay khi xuất hiện trong thư viện, bà quản gia đã hoàn toàn từ bỏ tính hiếu chiến. Ngọn lửa dường như đã làm bà ta mất đi nhuệ khí và lấy đi ít nhiều bản tính dữ dằn như nữ chiến binh Amazon của bà ta. “Ngài cho gọi tôi, thanh tra Thumm?” bà ta hỏi bằng giọng ngờ vực.

“Đúng vậy. Ai là người lo chuyện giặt giũ trong nhà?”

“Giặt giũ? Tôi... tôi làm. Mỗi tuần tôi xếp quần áo thành từng bó riêng và gửi đến một tiệm giặt tay ở phố Thứ Tám.”

“Tốt! Giờ lắng nghe cho kỹ đây. Bà có nhớ trong vòng vài tháng qua có quần áo của ai đặc biệt dính bẩn không? Bà biết đấy - bụi bẩn, đầy bồ hóng hoặc bụi than? Con bị sồn nữa, có thể là xây xát hay rách toạc ra?”

Lane nói: “Cho phép tôi chúc mừng ngài, thanh tra. Một suy nghĩ ấn tượng!”

“Cảm ơn,” Thumm nói khô khốc. “Tôi cũng có lúc thông minh đột xuất - đa phần là khi ngài vắng mặt. Ngài như lấy mất thứ gì đó từ tôi... Thế nào, bà Arbuckle?”

Bà ta nói trong sợ hãi: “Không, thưa ngài, không có.”

“Lạ thật,” Thumm lầm bầm.

“Có thể là không,” Lane nhận xét, “Đã bao lâu rồi kể từ khi lò sưởi trên gác được đốt, bà Arbuckle?”

“Tôi... tôi không biết. Tôi chưa thấy chúng cháy bao giờ.”

Thumm vẫy tay ra hiệu với một thám tử: “Cho gọi bà y tá tới đây.”

Có vẻ bà Smith đang ở trong khu vườn để chăm lo cho Louisa. Bà ta bước vào, mỉm cười vẻ lo lắng. Lò sưởi trong phòng thí nghiệm và phòng của Louisa?

“Bà Hatter không bao giờ sử dụng nó,” bà Smith đáp, “ít ra là kể từ khi tôi làm ở đây. Ông Hatter cũng không sử dụng, theo như tôi biết. Cũng phải mấy năm rồi, tôi nghĩ vậy... Vào mùa đông một tấm che được đặt trên miệng ống khói trên mái nhà để tránh gió, vào mùa hè nó được gỡ ra.”

“May cho cô ta,” viên thanh tra cầu nhàu chẳng rõ ràng. “Không thấy có vết bụi than trên quần áo cô ta - nếu có bụi, cô ta cũng có thể phúi nó đi hoặc nó không đủ để gây chú ý... Bà đang nhìn gì vậy, bà Smith? Xong rồi!” Bà Smith thở hốt hển và vội vàng lui ra, đung đưa bộ ngực mỡ như một con bò cái già.

“Ngài đang liên tục gọi hung thủ, thanh tra,” Lane nói, “là ‘cô.’ Chẳng phải ngài bảo rằng thật phi lý khi một phụ nữ leo xuống ống khói hay trèo qua một bức tường gạch hai mét - như tôi đã gợi ý trước đó sao?”

“Nghe này, ngài Lane,” Thumm đáp vẻ tuyệt vọng. “Tôi không biết cái gì đập vào mắt tôi và cái gì thì không. Tôi nghĩ có lẽ chúng ta sẽ thu được dấu vết về kẻ nào đó bằng cách lần theo đồng quần áo bẩn. Có vậy thôi. Được chứ?”

“Nhưng ngài chưa trả lời tôi mà, thanh tra,” Lane mỉm cười.

“À thì, có một kẻ đồng lõa! Là đàn ông. Quý quái, tôi chẳng biết nữa,” Thumm thất vọng nói. “Nhưng đó không phải là điều đang khiến tôi đau đầu lúc này.” Vẻ ranh mãnh len lỏi vào đôi mắt mệt mỏi của ngài thanh tra. “Tại sao phải nhất quyết phóng hỏa chứ? Hả ngài Lane? Ngài đã nghĩ về điều đó chưa?”

“Thanh tra thân mến,” Drury Lane đột ngột đáp, “nếu biết được, thì hẳn chúng ta cũng biết hết mọi chuyện luôn rồi. Vấn đề đó đã khiến tôi băn khoăn từ lúc ngài gọi điện đến lâu đài Hamlet.”

“Ngài nghĩ sao?”

“Tôi nghĩ thế này.” Lane đứng dậy và bắt đầu sải bước quanh thư viện. “Phải chăng ngọn lửa nhằm mục đích hủy đi thứ gì đó trong phòng thí nghiệm?” Ông nhún vai. “Nhưng phòng thí nghiệm đã được cảnh sát kiểm

tra, và kẻ phóng hỏa hẳn phải biết điều này. Có phải chúng ta đã bỏ lỡ thứ gì đó trong lần khám xét hôm qua? Có phải thứ đó quá to để kẻ đó mang đi được, nên bắt buộc phải bị hủy đi sau đó?” Ông nhún vai một lần nữa. “Tôi thú nhận rằng tôi hoàn toàn bối rối ở điểm này. Dù sao, nó chưa hẳn đã đúng - chỉ là một khả năng mà thôi.”

“Nghe không chắc chắn lắm, được rồi,” viên thanh tra nói. “Có thể là một trò đánh lạc hướng chẳng, hả ngài Lane?”

“Nhưng, anh bạn thân mến của tôi,” Lane thốt lên, “tại sao? Tại sao lại sót? Nếu là để đánh lạc hướng, thì mục đích của nó là để chuyển hướng sự chú ý khỏi thứ gì đó được lên kế hoạch để xảy ra - một bước đệm, một trò giương đông kích tây, một mồi nhử. Nhưng cho tới giờ chẳng có gì xảy ra cả!” Ông lắc đầu. “Lý lẽ nhắc nhở tôi rằng, nói một cách chặt chẽ thì việc kẻ phóng hỏa bị ngăn trở vào phút cuối là có thể, sau khi đốt phòng thí nghiệm, và thực hiện kế hoạch đã chuẩn bị sẵn. Có lẽ ngọn lửa đã bùng lên quá nhanh. Có lẽ phút cuối cùng hẳn đã run sợ... Tôi không biết nữa thanh tra à, tôi thực sự không biết.”

Thumm căn cạp môi chừa một lúc lâu, chìm đắm trong suy tư, còn Lane tiếp tục đi đi lại lại không ngớt. “Tôi hiểu rồi!” viên thanh tra vừa nói vừa nhảy cẫng lên. “Ngọn lửa và vụ nổ được lên kế hoạch nhằm tạo vỏ bọc cho việc đánh cắp thêm thuốc độc!”

“Đừng sốt sắng quá thế, thanh tra,” Lane khẽ nói. “Tôi đã nghĩ đến khả năng đó và loại trừ thẳng tay rồi. Tại sao hung thủ lại cho rằng cảnh sát đã kiểm kê đo đếm số hóa chất trong phòng thí nghiệm? Một ống hóa chất bất kỳ có thể đã bị đánh cắp đêm qua mà chẳng ai biết được. Chắc chắn một đám cháy và vụ nổ là không cần thiết. Bên cạnh đó, kẻ hạ độc đã lui tới phòng thí nghiệm trong quá khứ, suy xét từ vô vàn những dấu chân trên lớp bụi. Nếu hẳn ta biết lo xa - và hẳn là thế rồi, cho những tội ác sau này thì hẳn sẽ chẳng đại dột đến mức đó - hẳn sẽ chuẩn bị sẵn nguồn cung cấp chất độc tại thời điểm vẫn có thể tự do đột nhập phòng thí nghiệm, không cần thiết phải mạo hiểm lui tới đó khi mà nó đã bị theo dõi nghiêm ngặt... Không, thanh tra à, không phải thế đâu. Là điều gì đó hoàn toàn khác cơ,

đến mức nó vượt quá giới hạn phán đoán thông thường.” Ông dừng lại. “Gần như,” ông tiếp tục chậm rãi, “gần như chẳng vì lý do gì cả...”

“Chán thật,” Thumm đồng ý với khuôn mặt cau có. “Đó là kết quả của việc điều tra một tội ác mà mọi nghi phạm đều bị điên. Lý do! Động cơ! Logic!” Viên thanh tra giờ tay bất lực. “Hừ!” Ngài nói. “Tôi chỉ mong cảnh sát trưởng rút tôi khỏi vụ này thôi.”

Họ tha thần bước vào hội trường, và Lane nhận mũ và cây gậy của mình từ George Arbuckle, người đang lượn lờ với sự hăm hở đến đáng thương nhằm lấy lòng họ, giống như sự hạ mình của bà vợ.

“Có một điều, thanh tra, trước khi tôi đi,” Lane lưu ý khi họ dừng lại ở tiền sảnh, “mà tôi muốn cảnh báo ngài trước. Đó là khả năng sẽ có một vụ đầu độc khác.”

Thumm gật đầu. “Tôi đã nghĩ về điều đó.”

“Tốt. Sau rốt cục, chúng ta đang đối phó với một kẻ đầu độc đã hai lần không thành công. Chúng ta phải nghĩ đến và ngăn chặn âm mưu lần thứ ba.”

“Tôi sẽ cử ai đó từ văn phòng bác sĩ Schilling xuống đây để kiểm tra tất cả đồ ăn thức uống trước khi chúng được dọn ra,” Thumm nói. “Có một nhân viên ở chỗ Schilling thạo các công việc thế này - một bác sĩ trẻ thông minh tên là Dubin. Không gì qua nổi mắt cậu ta. Tôi sẽ cử anh ta canh nhà bếp, nơi có mọi thứ. Giờ thì,” ngài chìa tay ra, ”tạm biệt, ngài Lane.”

Lane bắt tay lại. “Tạm biệt, thanh tra.”

Sắp sửa rời đi rồi, ông lại quay lại. Họ nhìn nhau với những câu hỏi trong mắt. Cuối cùng Lane cất lời, với sự rõ ràng đến khó chịu: “Mà này, thanh tra, tôi nghĩ rằng tôi nợ ngài và Bruno việc trình bày quan điểm của mình về vài khía cạnh nào đó...”

“Gì cơ?” viên thanh tra há hức, khuôn mặt sáng lên.

Lane vung cây gậy của mình tỏ ý từ chối. “Tôi nghĩ tốt nhất là chờ tới sau lúc đọc bản di chúc ngày mai. Tạm biệt. Chúc may mắn!” Quay mạnh gót chân, người nghệ sĩ rơi khỏi ngôi nhà.

CẢNH 2

Khu Vườn

Thứ Hai, Ngày 6 Tháng Sáu

4:00 P.M

Giả sử thanh tra Thumm là một nhà tâm lý học, hoặc tâm trí ít bận rộn hơn, thì ngày hôm đó nhà Hatter Điên loạn có thể đã trở thành một đối tượng nghiên cứu hấp dẫn. Kể từ khi bị cấm không được ra khỏi nhà, họ cứ tha thẩn như những vong hồn, hết nâng thứ này lên đặt thứ kia xuống, lại bắn những ánh nhìn thù hằn về phía nhau và tránh mặt nhau bất cứ khi nào có thể. Jill và Conrad cãi nhau suốt cả ngày, làm âm lên vì những chuyện vặt vãnh, nổi đóa vì những kích động nhỏ nhất, nói những lời cay đắng bằng giọng lạnh tanh mà có bảo là lỡ mồm lỡ miệng cũng không bào chữa nổi. Martha thì kè kè bên hai đứa con, la mắng và đánh chúng gần như thần nhiên, chỉ tỉnh ra khi Conrad Hatter lão đảo đi tới; rồi sau đó bắn những ánh nhìn gay gắt về phía khuôn mặt nhăn nhúm nhợt nhạt của anh ta, khiến ngay cả những đứa con cũng nhận ra và thắc mắc.

Càng nghĩ về những đầu mối đặc biệt mờ nhạt này, viên thanh tra càng trở nên khó chịu. Cảm giác rằng Drury Lane đã có một giả thuyết xác thực trong tâm trí, cũng như bản khoản về tính khả thi của nó, đã khiến Thumm bức bối. Còn Lane thì vẫn tỏ ra lúng túng, không chắc chắn đến lạ kỳ, như đang hết sức e ngại. Viên thanh tra không thể hiểu nổi. Hai lần trong buổi chiều, ngài định gọi điện thoại đến lâu đài Hamlet, thì cả hai lần ngài đều dừng lại với bàn tay ngập ngừng, khi vào phút chót Thumm nhận ra mình chẳng có gì để hỏi, và tất nhiên cũng chẳng có gì để nói.

Lối thông kỳ lạ trong ống khói dần dần nắm lấy trí tưởng tượng của Thumm, và ngài quên Lane đi. Viên thanh tra đi lên lầu vào phòng thí nghiệm và tự mình leo qua bức tường gạch, để thấy tận mắt việc một người đàn ông trưởng thành có thể từ phòng này sang phòng khác bằng hai lò sưởi mà không cần quá nỗ lực... Đúng vậy, ngay cả đôi vai khổng lồ của ngài cũng lọt qua ống khói một cách dễ dàng. Ngài trườn lại vào phòng thí nghiệm và cử Pinkussohn đi tập hợp mọi người.

Họ lẻ tẻ đi tới từng người một, chẳng biểu lộ hứng thú gì với cuộc thẩm vấn mới này. Diễn biến nhanh chóng của các sự kiện và chấn động từ ngọn lửa đã khiến họ mất đi sự ngạc nhiên. Khi tất cả được tập hợp, viên thanh tra đưa ra một loạt các câu hỏi chung chung, mục đích để làm gì thì không ai rõ. Họ trả lời một cách máy móc và trung thực, theo như Thumm thấy. Khi ngài thanh tra nói tới đường thông trong ống khói, nhẹ nhàng đề cập đến mà không tiết lộ sự tồn tại của nó, ngài đã bị thuyết phục rằng hung thủ là một nam diễn viên cừ khôi hoặc họ đều nói sự thật. Ngài đã hy vọng có thể bẫy ai đó bằng một cái lưới dối trá; thậm chí còn dự đoán một người khác sẽ vô tình phát giác ra lời nói dối từ nguồn ký ức chưa được khai thác. Nhưng khi buổi thẩm vấn kết thúc, ngài biết còn ít hơn số thông tin đã có.

Họ lũ lượt đi ra khi Thumm ra lệnh giải tán; và ngài chìm vào chiếc ghế bành thư viện để suy nghĩ về sai lầm của mình.

“Thanh tra.”

Ngài nhìn lên và thấy người gia sư cao lớn, Perry, đang đứng trước mặt. “Vâng, ông muốn gì, thưa quý ngài?” Thumm gắt.

Perry nói nhanh: “Tôi muốn xin ra ngoài một ngày. Tôi... những sự kiện này đã làm tôi hơi... thế này, thanh tra ạ, hôm qua là ngày tôi thường được nghỉ, nhưng tôi đã không được phép rời khỏi nhà và cảm thấy thiếu không khí trong lành...”

Thumm cứ mặc cho anh ta diễn thuyết. Perry dừng lại một cách khó khăn, nhưng một tia hi vọng xuất hiện từ xa xăm trong đôi mắt sâu thẳm của anh ta và Thumm chẳng hề thốt ra câu trả lời gay gắt nào. Thay vào đó, viên thanh tra nói bằng một giọng thân ái: “Tôi xin lỗi, Perry, nhưng điều

đó là không thể. Cho đến khi chúng tôi điều tra xong, tất cả mọi người sẽ phải ở trong nhà.”

Ánh sáng của hi vọng tắt đi, vai Perry rũ xuống, anh ta đi một cách mệt mỏi ra khỏi thư viện chẳng nói một lời, thông qua hành lang phía sau, và ra ngoài vườn. Bầu trời như sắp mưa, anh ta ngập ngừng. Rồi anh ta bắt gặp cái nhìn của Barbara Hatter ngồi dưới một chiếc ô lớn, đang yên lặng đọc sách, và với những bước đi như nhún nhảy anh ta tiến qua bãi cỏ...

Cái vụ án này thật dây dưa lắm chuyện làm sao, viên thanh tra ngẫm nghĩ trong buổi chiều lê thê. Một sự kiện bộc phát, một màn cao trào, một vụ nổ - rồi chẳng có gì nữa, hoàn toàn chẳng có gì; một sự vắng mặt tuyệt đối của diễn biến tích cực. Có điều gì đó không tự nhiên về toàn bộ vụ việc; nó gây ra một cảm giác bất lực và ấn tượng khó chịu về tội ác chắc chắn sẽ xảy ra, nếu như tất cả những chuyện này đã được lên kế hoạch từ trước và đang tiến dần một cách vững vàng về phía điểm cao trào mà không thể đảo ngược được. Nhưng đó là gì? Mục đích cuối cùng là gì?

Trong buổi chiều thuyền trưởng Trivett tới ghé thăm, đi cà nhắc cùng cung cách tĩnh lặng quen thuộc, và bước lên cầu thang để đến gặp người phụ nữ mù câm điếc, người đang ở trên lầu trong phòng bà Smith nghỉ ngơi trong sự cô lập hoàn toàn. Một người bước vào để thông báo rằng luật sư Bigelow đã tới; có lẽ đang ở chỗ Jill Hatter. Gormly không xuất hiện.

Lúc bốn giờ chiều, khi Thumm ngồi căn móng tay trong thư viện, một trong những người đáng tin cậy nhất của ngài nhanh nhẹn bước tới. Có gì đó tối quan trọng trong cung cách của anh ta, và viên thanh tra trở nên tỉnh tỉnh ngay tức khắc. Họ thì thầm trao đổi ngắn với nhau, và đôi mắt Thumm càng lúc càng sáng hơn sau mỗi từ. Cuối cùng ngài đứng dậy, cử viên thám tử canh dưới chân cầu thang, và ịch leo lên tầng áp mái.

Ngài biết mình phải đi lối nào. Hai cánh cửa ở phía sau, nhìn ra khu vườn, dẫn đến phòng ngủ của cô giúp việc Virginia và của Edgar Perry. Căn phòng ở góc phía đông bắc trống không, có một phòng tắm nằm giữa nó và một nhà kho ở góc đông nam. Căn phòng chính ở phía nam là một nhà kho lớn với buồng tắm sát vách - giờ để làm nhà kho, nhưng hồi thế kỷ

trước khi nhà Hatter còn hưng thịnh, đó là phòng ngủ dành cho khách. Toàn bộ khu phía Tây của tầng áp mái là chỗ của vợ chồng Arbuckle.

Viên thanh tra chẳng hề do dự. Ngài băng qua hành lang và thử mở cửa phòng ngủ của Edgar Perry. Nó không khóa. Viên thanh tra nhanh chóng bước vào phòng, đóng cửa lại. Ngài chạy đến một trong các cửa sổ nhìn ra khu vườn. Perry đang ngồi dưới chiếc ô, mãi hàn huyên chuyện trò với Barbara. Viên thanh tra nhú mày hài lòng rồi bắt tay vào việc.

Căn phòng này ngăn nắp và đơn giản - giống hệt người chủ của nó. Một cái giường cao, một tủ đồ, thảm, ghế và một giá sách lớn chật ních. Mọi thứ có vẻ gọn gàng đâu ra đấy.

Rất cẩn thận và có phương pháp, thanh tra Thumm lục soát căn phòng. Ngài có vẻ quan tâm nhiều nhất đến thứ bên trong tủ đồ. Nhưng chẳng có kết quả gì, và Thumm lục lợi căn buồng nhỏ đựng quần áo, chẳng ngại ngần lục từng cái túi của quần áo bên trong... Ông nâng tấm thảm lên. Rồi lật tung các trang sách. Ông xem xét khoảng trống phía sau các cuốn sách. Thumm nâng tấm đệm giường lên. Kết quả của chuyến điều tra chuyên nghiệp và kỹ lưỡng này chỉ là con số không.

Thumm cẩn thận để mọi thứ về vị trí ban đầu và đi đến cửa sổ. Perry vẫn đang mãi mê trong trò chuyện với Barbara như lúc trước. Jill Hatter thì đang ngồi dưới gốc cây, liếc mắt đưa tình vẫn vợ với Chester Bigelow.

Viên thanh tra đi xuống cầu thang. Ngài ra đằng sau nhà và bước xuống những bậc tam cấp gỗ dẫn ra khu vườn. Có tiếng sấm sét và mưa bắt đầu rơi trên chiếc ô. Cả Barbara lẫn Perry đều chẳng nhận ra. Tuy nhiên, Bigelow và Jill, với cuộc chuyện tâm tình đột ngột chấm dứt cùng sự xuất hiện của Thumm, có vẻ vui mừng với sự gián đoạn đến từ thiên nhiên và lấy cớ trời mưa để vội vàng đứng dậy đi vào trong nhà. Bigelow cúi đầu lo lắng khi băng qua viên thanh tra; và Jill phóng một ánh nhìn giận dữ vào ông.

Thumm chấp hai tay lại sau lưng, mỉm cười rộng lượng nhìn bầu trời xám xịt; và đi thong thả qua bãi cỏ về phía chiếc ô. Barbara đang mãi nói bằng chất giọng trầm: “Nhưng thưa ngài Perry thân mến, sau tất cả...”

“Tôi xin quả quyết siêu hình học không có chỗ trong thơ,” Perry nói một cách căng thẳng. Bàn tay gầy guộc của anh ta vỗ lên cái bìa đen của một cuốn sách mỏng trên cái bàn đặt giữa họ; tiêu đề của nó, như Thumm thấy, là *Sự hòa hợp mỏng manh*, và tác giả của nó là Barbara Hatter. “Ồ, tôi thừa nhận rằng cô đã viết rất hay - lời phê bình về sự tinh tế của thi ca và năng lực tưởng tượng sinh động...”

Barbara bật cười. “Phê bình ư?Ồ, cảm ơn. Ít ra đó là sự phê bình trung thực. Thật khoan khoái khi trò chuyện cùng ai đó không biết nịnh bợ.”

“Chà!” Anh ta đỏ mặt như một cậu học sinh và trong khoảnh khắc dường như chẳng nói thành lời. Cả hai đều không nhận thấy thanh tra Thumm đang chăm chú dõi theo họ trong màn mưa. “Giờ cô hãy ngâm khổ thứ ba trong bài thơ *Pitchblende*; khổ bắt đầu bằng: những ngọn núi trên tường treo...”

“À,” thanh tra Thumm nói, “xin phép hai người.”

Họ quay lại, giật mình, và vẻ nhiệt huyết biến khỏi khuôn mặt của Perry. Anh ta lúng túng đứng dậy, bàn tay vẫn đặt trên cuốn sách của Barbara. Barbara mỉm cười và nói: “Gì vậy, thanh tra, trời đang mưa mà! Trú dưới ô cùng chúng tôi đi.”

“Tôi nghĩ rằng,” Perry cắt ngang, “tôi sẽ vào nhà.”

“Sao vội thế, anh Perry,” viên thanh tra cười, ngồi xuống với tiếng thở dài tràn đầy sức sống của một quý ông. “Chuyện là thế này, tôi đang nghĩ xem có nên nói chuyện với anh không.”

“Ồ! Barbara nói, “thế thì tôi nên đi thôi.”

“Không, không,” viên thanh tra tỏ vẻ rộng lượng. “Không phiền gì đâu. Chỉ là chút chuyện nhỏ thôi. Chẳng có gì đâu. Theo thông lệ ấy mà. Ngồi xuống, Perry, ngồi xuống. Một ngày buồn, phải không?”

Vị thần của thi ca đã thắp sáng khuôn mặt của người đàn ông lúc trước, vội bay biến với đôi cánh rù. Perry tỏ ra căng thẳng. Đột nhiên anh ta trông như già đi, còn Barbara vẫn không hướng cặp mắt về phía khuôn mặt anh ta. Tình trạng u ám và ẩm ướt len xuống dưới chiếc ô, nơi mà trước đó chưa từng xuất hiện.

“Là chuyện về người chủ cũ của anh thôi,” viên thanh tra nói tiếp bằng giọng ân cần.

Perry cứng người lại. “Gì cơ?” Anh ta nói với giọng khó nghe.

“Anh biết ông James Liggett này rõ đến mức nào, người đã ký thư giới thiệu ấy?”

Một phản ứng chậm chạp. “Rõ ư...?” người gia sư ngập ngừng. “Tại sao, ngài đang muốn hỏi gì trong tình huống này?”

“Tôi hiểu mà.” Thumm mỉm cười. “Phải rồi! Đó là một câu hỏi ngớ ngẩn. Anh đã làm việc cho ông ta bao lâu rồi, chuyện dạy dỗ con cái ông ta ấy?”

Perry im lặng sau khi tỏ ra xáo động đôi chút. Anh ta cứ ngồi im trên ghế, giống như một kỵ sĩ thiếu kinh nghiệm. Rồi anh ta nói với giọng thất thần: “Thì ra ngài đã phát hiện ra.”

“Vâng, thưa quý ngài, chúng tôi đã phát hiện ra,” Thumm trả lời, vẫn mỉm cười. “Anh thấy đấy, Perry, đừng bao giờ thử lửa cảnh sát. Quá dễ để tìm ra chuyện chẳng có ai tên James Liggett hay tồn tại James Liggett nào tại địa chỉ trong thư tham khảo của ông. Thú thực, tôi cảm thấy bị tổn thương trước việc anh nghĩ có thể lừa tôi với trò đó...”

“Ôi, lạy Chúa, dừng lại!” Perry la lên. “Ông muốn gì ở tôi, bắt tôi? Thì làm đi, và đừng tra tấn tôi theo cách này!”

Nụ cười nhạt dần trên đôi môi của thanh tra và ngài đứng lên về dứt khoát. “Tự nói đi, Perry. Tôi muốn biết sự thật.”

Barbara Hatter thậm chí còn không chớp mắt; cô ta vẫn đang dán mắt vào trang bìa cuốn sách của mình.

“Được lắm,” người gia sư mệt mỏi nói. “Tôi quá ngu ngốc rồi, tôi biết. Và vận rủi của tôi là liên quan đến vụ điều tra án mạng trong khi đang làm việc dưới danh tính giả mạo. Vâng, tôi đã chế ra những thư giới thiệu đó, thưa thanh tra.”

“Chúng tôi,” Barbara Hatter ngọt ngào nói.

Perry nháy dưng lên như thể không tin vào tai mình. Ánh mắt của viên thanh tra nheo lại. “Ý cô là gì vậy, cô Hatter? Đây là một hành vi phạm tội nghiêm trọng trong tình huống này đấy.”

“Ý của tôi,” Barbara đáp lời bằng chất giọng trầm rõ ràng của mình, “chính xác như những gì tôi nói. Tôi biết anh Perry đây trước khi anh ta đến đây. Anh ta đang rất cần một công việc và... và sẽ không chấp nhận hỗ trợ tài chính. Tôi đã thuyết phục anh ta lừa anh trai tôi Conrad bằng cách giả mạo thư giới thiệu, vì anh ta chẳng có cái nào. Thực tình đó là lỗi của tôi.”

“Hừm,” viên thanh tra lúc lắc đầu như một con thỏ. “Đã rõ, đã rõ. Rất tuyệt, cô Hatter. Và rất may mắn cho ông, Perry, khi có một người bạn trung thành như vậy.” Mặt Perry tái nhợt đi như áo choàng của Barbara; anh ta giật ve áo khoác vẻ sững sốt. “Vậy là anh chẳng có lá thư giới thiệu hợp pháp nào ư?”

Người gia sư hăng giọng. “Tôi... chà, tôi chẳng có người chủ ‘tiếng tăm’ để giới thiệu. Tôi cần công việc này, thưa thanh tra... Thù lao rất hào phóng, và sau đó là cơ hội để được gần cô...” anh ta khựng lại, “cô Hatter với những bài thơ luôn là nguồn cảm hứng cho tôi... Mẹo đó đã thành công, có vậy thôi.”

Thumm hết nhìn Perry rồi lại chuyển sang Barbara và cứ thế; Barbara vẫn lặng yên và sự bối rối của Perry biến thành lúng túng. “Được rồi,” Thumm nói. “Nào, nếu anh không có bất kỳ thư giới thiệu đáng tin cậy nào - điều đó có thể hiểu được, và tôi là người hiểu lý lẽ, Perry - vậy anh có thư giới thiệu nào khác không? Ai có thể xác minh cho anh?”

Barbara đột ngột đứng dậy. “Lời giới thiệu của tôi là chưa đủ sao, thanh tra Thumm?” Giọng nói và đôi mắt xanh của cô ta lạnh như băng.

“Được rồi, cô Hatter. Nhưng tôi phải làm xong việc này. Thế nào?”

Perry dò dẫm tìm cuốn sách. “Sự thật là,” anh ta chậm rãi nói, “trước đây tôi chưa từng làm gia sư, vì vậy tôi không có bất kỳ thư giới thiệu nào để đưa cho ngài.”

“Chà,” viên thanh tra đáp. “Rất thú vị. Thế lời xác nhận của ai đó thì sao, ý tôi là ngoài cô Hatter ra?”

“Không có ai cả,” Perry lắp bắp. “Tôi không có người bạn nào.”

“Trời ạ,” Thumm cười tí, “anh đúng là kỳ lạ, Perry. Hãy tưởng tượng cảnh sống một thân một mình và chẳng có đến hai người có thể cam đoan

cho anh! Nhắc tôi nhớ đến câu chuyện của một anh chàng xin Cục Nhập cư cấp giấy tờ công dân lần đầu tiên sau khi đã cư trú năm năm ở Mỹ. Khi được thông báo cần có hai công dân Mỹ làm chứng cho thì anh ta bảo với thẩm phán rằng chẳng biết hai công dân Mỹ nào cả. Hà hà! Thẩm phán từ chối đơn nhập cư của anh ta, bảo rằng nếu anh ta đã sống ở đất nước này năm năm...” Thumm lắc đầu buồn bã. “Chà, tôi sẽ không quấy rầy anh nữa. Anh tốt nghiệp trường nào, Perry? Gia đình của anh? Anh đến từ đâu? Anh sống ở New York lâu chưa?”

“Tôi tin rằng,” Barbara Hatter lạnh lùng nói, “ngài đang cố biến chuyện này thành một thứ ngớ ngẩn, thanh tra Thumm. Anh Perry đây không bị buộc tội. Hoặc là có? Thế sao ngài không kết tội anh ta đi? Ngài Perry, ngài... ngài đừng trả lời. Tôi cấm ngài làm vậy. Tôi nghĩ chuyện đi quá xa rồi!” Cô ta bước ra dưới chiếc ô, đặt tay lên cánh tay của vị gia sư và dẫn anh ta bước qua bãi cỏ về nhà, mặc kệ mưa rơi. Anh ta bước đi như trong mơ; còn cô gái thì ngẩng cao đầu. Chẳng ai thèm nhìn lại.

Viên thanh tra ngồi đó trong màn mưa một lúc lâu, mãi hút thuốc lá. Đôi mắt ngài dán lên cánh cửa mà nữ thi sĩ và Perry đã đi qua. Họ đã khẽ cười về ác ý. Ngài đứng dậy, băng qua bãi cỏ đi vào nhà, và hống hách rống tên một thám tử.

CẢNH 3

Thư Viện

Thứ Ba, Ngày 7 Tháng Sáu

1:00 P.M

Hôm thứ Ba, ngày bảy tháng Sáu, các tờ báo New York đã có một buổi thực địa. Có hai sự kiện nóng - một là đám tang của người phụ nữ bị sát hại, Emily Hatter; thứ hai là buổi đọc bản di chúc.

Thi thể của bà Hatter được đưa khỏi nhà xác tới nhà tang lễ, khâm liệm, và nhanh chóng đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tất cả sự kiện diễn ra vào giữa đêm thứ Hai và sáng thứ Ba; và lúc mười rưỡi sáng thứ Ba xe tang lễ khởi hành đến một nghĩa trang ở Long Island. Không nằm ngoài dự liệu, những thành viên nhà Hatter dường như không quá xúc động trước nghi thức trọng thể này; ý niệm hơi bất tương xứng của họ về sự sống và cái chết ngăn cản những giọt nước mắt và những dấu hiệu thường thấy của sự buồn đau. Ngoại trừ Barbara, thì họ nhìn nhau đầy nghi kỵ, và cãi nhau suốt quãng đường đến Long Island. Với lũ trẻ, chúng từ chối ở nhà, thì đây như một buổi picnic; chúng phải bị mẹ quản thúc suốt quãng đường, và lúc họ đặt chân đến nghĩa trang, Martha Hatter tỏ ra nóng nảy, mệt mỏi và cáu kỉnh.

Vì những lý do riêng, Drury Lane đã tham dự lễ tang. Ông hết mực chú ý đến các thành viên gia đình, để nhiệm vụ giữ pháo đài lại cho viên thanh tra và công tố viên Bruno, những người ở lại nhà Hatter. Lane đóng vai một người quan sát im lặng, ngày càng say sưa hơn với mỗi khoảnh khắc đi qua của thành viên gia đình, lịch sử của họ, phong cách riêng của họ, hành vi

của họ, cử chỉ của họ, giọng nói của họ, và sắc thái trong những mối quan hệ của họ.

Một đám đông phóng viên đi theo xe tang và tỏa ra quanh nghĩa trang. Tiếng bấm máy ảnh, bút chì nguệch ngoạc, mồ hôi nhễ nhại, những tay phóng viên trẻ sốt sắng ráng tiếp cận gia đình họ, những người đang được vây quanh bởi một hàng rào của cảnh sát từ lúc họ đặt chân xuống bên ngoài cổng nghĩa trang cho đến khi họ tới chỗ miệng huyết đã đào sẵn nơi xương cốt bà Hatter sẽ nằm lại. Conrad Hatter thì như say rượu, đi lảo đảo từ nhóm người này sang nhóm người khác, miệng chửi thề, la hét, ra lệnh cho mọi người... Cuối cùng, Barbara tóm lấy cánh tay anh ta và dẫn đi.

Đó là một buổi tang lễ lạ kỳ. Những người thuộc giới trí thức, bạn bè và người quen của nữ thi sĩ, đã ồ ạt đến viếng để tỏ chút lòng tôn kính tưởng nhớ người đã khuất cũng như với nỗi đau của người sống. Ngôi mộ được bao quanh bởi hàng đoàn người nổi tiếng trong giới nghệ thuật.

Còn đại diện cho Jill Hatter là một đám đông phô trương của những quý ông bảnh chọe, còn trẻ hoặc đã hơi luống tuổi, tất cả đều ăn mặc rất đúng điệu, và tất cả đều quan tâm đến việc thu hút ánh mắt của Jill hay nắm tay cô nàng nhiều hơn là quan sát lễ tang.

Như đã nói, đó là một ngày thực địa cho cánh báo chí. Họ phớt lờ Edgar Perry, vợ chồng Arbuckle, cô hầu gái. Họ chụp những bức ảnh của Louisa Champion và y tá của cô, bà Smith. Một số phóng viên nữ đặc biệt viết về “sự vô hồn bi ai” trên khuôn mặt Louisa, “vẻ hoang mang đáng thương của cô,” “cô ta rơi lệ khi đất bắt đầu được ném vào quan tài của mẹ, như thể cô ta có thể nghe thấy tiếng mỗi cú ném vang vọng trong trái tim.”

Drury Lane quan sát từ đầu đến cuối với vẻ ân cần mà đầy tha thiết, giống như một bác sĩ lắng nghe trái tim người bệnh.

Đoàn người theo chân nhà Hatter trở lại thành phố. Trong chiếc xe chở nhà Hatter không khí dần trở nên căng thẳng - sự kích động của thần kinh, một cảm giác phấn khích chẳng liên quan gì đến con người đã nằm lại trong lớp đất ở Long Island. Chester Bigelow tỏ ra bí hiểm suốt buổi sáng; Conrad đã thử dò hỏi anh ta khi còn hơi say. Nhưng Bigelow, người đang rất được chú ý tới, chỉ lắc đầu. “Tôi không thể nói gì cho đến khi công bố

chính thức, anh Hatter.” John Gormly, đối tác của Conrad, sáng nay trông có vẻ ốm yếu; anh ta dứt khoát kéo Conrad đi.

Thuyền trưởng Trivett, người đã tham dự lễ tang với bộ quần áo màu đen, bước ra khỏi chiếc xe đỗ trước nhà Hatter, dẫn Louisa tới chỗ lối đi, nắm chặt tay cô, rồi quay trở về nhà. Thật ngạc nhiên, Chester Bigelow bảo ông ta ở lại; và ông già, với vẻ hoang mang, trở về bên cạnh Louisa. Gormly vẫn ở lại dù chẳng được mời; anh ta có vẻ cương quyết khi ánh mắt dõi theo Jill.

Nửa tiếng sau khi trở về, họ được người trợ lý trẻ lanh lợi của Bigelow mời vào thư viện. Lane, đứng sang một bên cùng thanh tra Thumm và Bruno, miệt mài nhìn những người còn lại. Hai đứa trẻ được thả cho chơi trong vườn, dưới sự giám sát của một thám tử chẳng vui vẻ gì; còn Martha Hatter thì ngồi đó nghiêm nghị và ngay ngắn, tay đặt trên đùi. Bà Smith với bảng chữ nổi Braille để sẵn đứng cạnh ghế ngồi của Louisa Campion.

Lane quan sát những người khác tập hợp lại, và bị ấn tượng bởi sự bất thường của họ hơn bao giờ hết. Nhà Hatter trông ai cũng khỏe mạnh như người mẫu; họ đều cao lớn và mạnh mẽ; chỉ có Martha, không thực sự là một người nhà Hatter, cùng với Louisa - cả hai có chiều cao giống hệt nhau - là những người thấp nhất trong nhà. Nhưng Lane chú ý đến mọi thứ, thái độ bất thường, ánh mắt hơi hoang dại của Jill và Conrad, trí năng tinh tế kỳ lạ của Barbara - sự nhần tâm hoàn toàn của hai người đầu tiên, ở mức nào đó, và vẻ thích thú công khai khi nghe di chúc của người mẹ bị sát hại... như một sự tương phản sinh động với những người còn lại - Martha người bị ruồng rẫy, và Louisa người sống mà như chết.

Bigelow bắt đầu dứt khoát. “Tôi muốn không bị gián đoạn, xin vui lòng. Di chúc là vấn đề riêng tư cần được tôn trọng, đề nghị không bình luận cho đến khi tôi đọc xong nó.” Sự im lặng bao trùm. “Tôi nên giải thích trước khi đọc chúc thư này, tất cả các khoản thừa kế được căn cứ trên tài sản sẵn có với giá trị chưa chính xác là một triệu đôla sau khi thanh toán các khoản nợ hợp pháp. Trên thực tế, số tiền này nhiều hơn một triệu đôla, nhưng một con số tượng trưng là cần thiết để đơn giản hóa việc chia thừa kế, như chúng ta sẽ thấy sau đây.” Ông ta cầm lấy một văn bản dài từ tay người trợ

lý, tròng vai xuống, và bắt đầu đọc to bằng một giọng vang xa nguyện vọng và di chúc cuối cùng của Emily Hatter.

Từ câu đầu tiên bản di chúc đã có một lưu ý đáng lo ngại. Sau khi xác nhận đầu óc trong trạng thái minh mẫn. Với ngôn ngữ lạnh lùng bà Hatter tuyên bố rằng mục đích chính đằng sau tất cả các điều khoản là để đảm bảo việc chăm sóc trong tương lai cho Louisa Campion, con gái của bà ta, miễn là sau khi bà ta chết đi, Louisa Campion vẫn còn sống tại thời điểm đọc bản di chúc.

Barbara Hatter, là con gái cả của Emily Hatter và York Hatter, được lựa chọn trước tiên cho việc nhận trách nhiệm chăm sóc và đảm bảo cuộc sống cho Louisa Campion trong tương lai. Nếu Barbara đồng ý nhận trách nhiệm này, tuyên bố sẵn sàng chăm lo cho thể chất, tinh thần cũng như hạnh phúc sau này của Louisa suốt phần còn lại của cuộc đời, số tài sản trên được phân chia như sau:

LOUISA (giao phó cho Barbara): 300.000\$

BARBARA (khoản thừa kế riêng): 300.000\$

CONRAD: 300.000\$

JILL: 100.000\$

Với sự phân chia như vậy, Barbara được tin tưởng giao nắm giữ khoản thừa kế của Louisa. Một khi Louisa chết, khoản thừa kế được giao nắm giữ này sẽ được chia thành ba phần bằng nhau cho ba người con còn lại, mỗi phần là 100.000 đôla. Khoản chia dự phòng này không hề ảnh hưởng đến khoản thừa kế ban đầu của Barbara, Conrad, hoặc Jill.

Bigelow dừng lại để thở, và Jill, với khuôn mặt xoắn lại vì giận dữ, hét lên the thé: “Hay nhỉ! Tại sao chị ta được...”

Viên luật sư bối rối, nhưng ông ta liền lấy lại vẻ điềm tĩnh và vội nói: “Làm ơn, cô Hatter, làm ơn đi! Xin đừng ngắt lời. Nó sẽ làm mọi chuyện khó giải quyết.” Cô ta lui lại với một tiếng khịt mũi nhỏ, tức giận ra mặt, còn Bigelow thở dài nhẹ nhõm và tiếp tục.

Trong trường hợp Barbara từ chối, để đảm đương trách nhiệm chăm sóc Louisa, người con thứ trong danh sách là Conrad sẽ được trao quyền đảm

nhận việc gánh vác gánh nặng này. Trong trường hợp này, khi Barbara từ chối và Conrad đồng ý, sự phân chia tài sản như sau.

LOUISA (giao phó cho Conrad): 300.000\$

CONRAD (khoản thừa kế riêng): 300.000\$

JILL: 100.000\$

BARBARA (đã từ chối): 50.000\$

Phần tiền còn lại, 250.000 đôla - lấy từ khoản thừa kế của Barbara Hatter - sẽ được sử dụng vào việc thành lập một tổ chức từ thiện mang tên *Tổ ấm Louisa Campion Mùa Âm Điển*. Sau đó là những chi tiết dài dòng về việc thành lập tổ chức từ thiện này.

Và, theo sự phân chia này, nếu cô Louisa qua đời khoản tiền 300.000 đôla sẽ được phân chia giữa Conrad và Jill, Conrad nhận 200.000 đôla, Jill 100.000 đôla. Barbara không nhận được gì...

Một khoảnh khắc im lặng, trong đó mọi con mắt đổ dồn về phía nữ thi sĩ. Cô ta vẫn ngả người trên ghế, nhìn chăm chăm vào đôi môi của Chester Bigelow; chẳng biểu hiện cảm xúc gì. Conrad đang nhìn chăm chăm vào cô với tất cả sự hoang dại thiếu sinh khí trong đôi mắt.

“Ngài thấy rồi chứ,” Bruno thì thầm với Lane; và mặc dù Thumm ngồi cạnh cũng không nghe được giọng nói của Bruno, Lane vẫn đọc ra từ ngữ trên đôi môi của viên thám tử và mỉm cười buồn bã. “Bản chất con người luôn được bộc lộ trong khi đọc di chúc. Xem Conrad kia; đôi mắt như muốn giết người. Dù thế nào đi nữa, ngài Lane ạ, kiểu gì cũng có cãi vã, tôi xin cam đoan thế. Một di chúc điên rồ.”

Bigelow liếm môi và tiếp tục đọc. Nếu đến lượt mình, Conrad từ chối nhận trách nhiệm chăm sóc cho Louisa, sự phân chia như sau:

BARBARA (đã từ chối): 50.000\$

CONRAD (đã từ chối): 50.000\$

JILL (như trước): 100.000\$

Tổ Ấm Louisa Campion Mùa Âm Điển (như trước): 250.000\$

LOUISA: 500.000\$

Mọi người đều kinh ngạc. Năm trăm ngàn đôla! Họ lén nhìn người sẽ nhận tài sản này; đó chỉ là một người phụ nữ nhỏ phúng phính nhìn lặng lẽ vào bức tường.

Giọng nói của Bigelow kéo họ trở lại. Ông ta đang nói gì?

“... và năm trăm ngàn đôla của Louisa, như đã nói ở trên, sẽ được giao phó cho thuyền trưởng Eli Trivett, người mà tôi biết, sẽ sẵn sàng nhận trách nhiệm chăm sóc cho đứa con gái bất hạnh của tôi, Louisa Champion. Để bù đắp công cán, tôi cũng để lại cho thuyền trưởng Trivett một khoản tiền là năm mươi ngàn đôla, nếu Barbara và Conrad từ chối, còn thuyền trưởng Trivett đồng ý chăm sóc cho Louisa. Con gái tôi Jill không có lựa chọn nào hết.”

Trong sự kiện cuối cùng này, viên luật sư tiếp tục, nếu Louisa chết, 100.000 đôla trong nửa triệu đôla của Louisa sẽ được trao cho Jill như một khoản thừa kế bổ sung; và phần còn lại, 400.000 đôla, sẽ được thêm vào khoản 250.000 đôla xây tổ ấm từ thiện...

Sự im lặng nặng nề đến nỗi Bigelow vội vã đọc tiếp mà chẳng cần ngước mắt khỏi tờ di chúc đang đọc. Về phần ông bà George Arbuckle, bất kể trường hợp nào, viên luật sư tiếp tục bằng một giọng hơi run rẩy, sẽ được nhận 2.500 đôla cho sự tận tụy phục vụ. Về phần bà Angela Smith, người y tá, được nhận 2.500 đôla cho sự tận tụy phục vụ. Và nếu bà Angela Smith tiếp tục đồng ý là y tá kiêm người đồng hành của Louisa Champion sau cái chết của người viết chúc thư này, một quỹ sẽ được lập ra để trả cho người y tá mức lương là 75 đôla mỗi tuần trong thời gian phục vụ. Cuối cùng, người hầu gái Virginia, nhận 500 đôla...

Bigelow ngừng đọc và ngồi xuống. Người trợ lý của ông nhanh chóng đứng dậy và phân phát bản sao của di chúc. Mỗi người thừa kế nhận được bản sao trong im lặng. Không ai nói lời nào suốt vài phút. Conrad Hatter lấy tay lật đi lật lại bản di chúc, nhìn chăm chăm vào những lời đánh máy với cặp mắt lơ đãng. Cái miệng xinh đẹp của Jill nhả lại vẻ căm tức không lẫn vào đâu được, đôi mắt đẹp của cô ta quý quýt liếc về phía Louisa Champion. Bà Smith lãnh đạm di chuyển lại gần Louisa.

Thế rồi Conrad bùng nổ với một tiếng hét giận dữ. Anh ta nhảy khỏi ghế, ném bản di chúc xuống sàn, giẫm lên nó trong cơn cuồng loạn. Anh ta lè nhè nói gì đó, nét mặt đỏ gay, tiến về phía Chester Bigelow về ác ý, khiến viên luật sư cảnh giác đứng dậy. Thumm phóng mình qua căn phòng và nắm lấy cánh tay của người say xỉn bằng bàn tay cứng như đá. “Đồ ngốc!” anh gầm lên. “Bình tĩnh đi!”

Khuôn mặt đỏ nhợt dần thành màu hồng, và màu hồng chuyển thành màu xám xịt. Conrad chậm rãi lắc đầu, giống như một người bị mụ mẫm, khi cơn giận dữ điên cuồng dần tan đi. Lý trí xuất hiện trở lại trong cặp mắt anh ta. Conrad quay sang người chị Barbara và thì thầm: “Chị quyết định của chị về cô ta thế nào, Babs?”

Mọi người đều thở dài nhẹ nhõm. Barbara đứng lên mà không trả lời, lướt qua người em trai như thể anh ta không tồn tại, khom người trước ghế của Louisa để vỗ nhẹ lên má người phụ nữ mù câm điếc, rồi quay lại và cất giọng nói trầm ngọt ngào: “Tôi xin phép,” và rời đi. Conrad chỉ biết ngây người nhìn theo cô ta.

Sau đó đến lượt của Jill, và cô ta đã thể hiện ra trò. “Thật lạnh lùng!” cô ta rít lên. “Bà già chết tiệt đó!” Tiến tới như một con mèo, cô ta cúi mình trước ghế của Louisa. “Cái đồ câm này!” cô ta vỗ một cái, và biến khỏi thư viện.

Martha Hatter thờ ơ ngồi theo dõi họ trong im lặng. Bà Smith bồn chồn xếp các mảnh chữ Braille để thông tin cho Louisa; bà ta đang chuyển từng chữ một trong thông điệp của di chúc thành chữ nổi.

Khi căn phòng chẳng còn ai ngoại trừ Bigelow và viên trợ lý của mình, công tố viên Bruno nói với Lane: “Giờ ngài nghĩ thế nào về họ?”

“Họ không chỉ điên, ngài Bruno, mà còn xấu xa. Thực sự xấu xa,” Lane tiếp tục lặng lẽ, “mà tôi nghi ngờ đó không phải là lỗi của họ.”

“Ý ngài là sao?”

“Ý tôi là có dòng máu của họ mang tai họa. Chắc chắn đó là điểm yếu bẩm sinh khi ở trạng thái căng thẳng. Gốc rễ của tai họa đó hẳn là bà Hatter - Louisa Champion là bằng chứng sống, nạn nhân bất hạnh nhất trong tất cả.”

“Nạn nhân và cũng là kẻ thắng cuộc,” Bruno nói dứt khoát. “Dù chuyện gì xảy ra, cô ta chẳng có gì để mất cả. Một phần thưởng kha khá cho một người phụ nữ bất lực, ngài Lane ạ.”

“Quá khá luôn,” viên thanh tra gật. “Cô ta sẽ được canh chừng như canh kho vàng ấy.”

Bigelow đã lọ mọ khóa chiếc cặp của mình, và người trợ lý đang dọn bàn. Lane hỏi: “Ông Bigelow, bản di chúc được lập từ bao giờ?”

“Bà Hatter bảo tôi thảo di chúc mới ngay sau ngày tìm thấy thi thể của York Hatter trên vịnh.”

”Di chúc cũ phân chia thế nào?”

“York Hatter được nhận toàn bộ tài sản, việc duy nhất kèm theo là ông ta phải chăm sóc cho Louisa Campion suốt phần còn lại của cuộc đời. Khi qua đời, tài sản sẽ được phân chia theo di chúc riêng của ông ta.” Bigelow cầm chiếc cặp của mình. “So với di chúc này thì đó là một di chúc đơn giản. Bà ấy tin tưởng tuyệt đối rằng người chồng sẽ chăm lo chu đáo cho tương lai của Louisa, nếu Louisa sống lâu hơn ông ta.”

“Cả gia đình biết nội dung bản di chúc trước chứ?”

“Ồ, có chứ!” Bà Hatter cũng nói với tôi rằng, nếu Louisa chết trước bà ấy, thì tài sản của bà ấy sẽ được chia đều cho Barbara, Jill và Conrad.”

“Cảm ơn ông.”

Với một tiếng thở dài nhẹ nhõm, Bigelow vội vàng rời khỏi thư viện, trợ lý của ông ta lẻo đẻo theo sau như một chú cún con.

“Louisa, Louisa,” Thumm gắt lên. “Luôn luôn là Louisa. Cô ta là tâm bão của cả mớ hỗn độn này. Cô ta sẽ bị sát hại nếu chúng ta không cẩn thận.”

“Vậy ý kiến của ngài trong trường hợp này là gì, ngài Lane?” Vị công tố viên bỗng dừng hỏi. “Thumm nói với tôi rằng hôm qua ngài bảo là sang hôm nay sẽ cho vài ý kiến.”

Drury Lane nắm chặt lấy cây gậy mây của mình, và vung nó thành một vòng cung nhỏ trước mặt. “Tôi đã nói rồi mà,” ông thì thầm; khuôn mặt nghiêm nghị và căng thẳng. “Tuy nhiên, tôi không muốn nói bây giờ, về ý kiến thứ hai. Tôi không nghĩ nên nói ở đây, bầu không khí quá đáng ngại.”

Viên thanh tra phát ra một âm thanh bất lịch sự; ông như sắp sửa nổi cơn tam bành.

“Tôi xin lỗi, thanh tra. Tôi bắt đầu cảm thấy khá giống như *Hector* trong vở kịch *Troilus và Cressida* đang được trình diễn trong thành phố - ngài biết đấy, ‘một cái kết què quặt và bất lực’ như chính Shakespeare đã nói - mặc dù đó không phải vở kịch tệ! Hector nói: ‘Sự hồ nghi mỏng manh được ngọn hải đăng thông thái dẫn đường,’ và tôi e là tôi sẽ phải lặp lại lời anh ta hôm nay.” Ông thở dài. “Tôi sẽ trở lại lâu đài Hamlet để giải quyết những nghi ngờ của tôi, có thể thôi... Ngài định bao vây cái thành Troy khốn khổ này trong bao lâu, hả thanh tra?”

“Cho đến khi tôi có một con ngựa gỗ đẹp,” Thumm càu nhàu, với sự uyên bác đáng ngạc nhiên. “Tôi sẽ bị nguyên rủa nếu biết phải làm gì. Tòa thị chính đang bắt đầu thắc mắc. Tôi chỉ biết điều này: Tôi đã có một manh mối.”

“Có thật không?”

“Perry.”

Cặp mắt Lane nheo lại. “Perry? Anh ta thì sao?”

“Chưa có gì đâu. Nhưng...” Thumm ranh mãnh nói thêm, “có lẽ sẽ sớm thôi. Ngài Edgar Perry - tôi cá một đôla đó không phải tên thật của ông ta - đã làm giả thư giới thiệu để được nhận vào làm ở đây - thế đó!”

Lane có vẻ thực sự băn khoăn. Bruno nhanh chóng ngả về đằng trước. “Nếu đó là một manh mối thực sự, Thumm à,” ông nói, “chúng ta có thể bắt giữ anh ta về tội đó, ngài biết mà.”

“Không nhanh vậy đâu. Barbara Hatter đứng ra bảo vệ anh ta - bảo là chính cô ta nghĩ ra trò đó vì Conrad yêu cầu những lá thư giới thiệu đáng tin cậy trong khi Perry chẳng có cái nào. Vớ vẩn! Nhưng chúng ta buộc phải tin lời cô ấy. Phần thú vị là anh ta không có bất kỳ lời giới thiệu nào, trời ạ, và anh ta chẳng hé lời nào về quá khứ của mình.”

“Vậy là ngài đang điều tra anh ta,” Lane chậm rãi nói. “Chà, khôn ngoan đấy, thanh tra à. Rõ ràng ngài nghĩ rằng có Hatter biết về anh ta cũng ít như chúng ta vậy.”

“Rõ ràng.” Thumm cười tươi. “Một cô gái tốt, và tử tế, mà tôi nghĩ cô ấy thích anh ta và họ sẽ làm bất cứ điều gì khi họ đang yêu.”

Bruno tỏ vẻ trầm tư. “Vậy là ngài đã từ bỏ giả thuyết Conrad?”

Thumm nhún vai. “Không có gì để từ bỏ. Những dấu chân trên tấm thảm trên lầu - quá khớp, trừ phi anh ta là tông phạm của một phụ nữ. Còn chuyện bờ má phụ nữ nữa... Quý tha ma bắt nó đi. Tôi sẽ tập trung vào Perry. Tôi nghĩ rằng sẽ có chút kết quả cho mọi người vào ngày mai.”

“Sẽ thật tuyệt vời, thanh tra à.” Lane cài nút áo choàng của mình. “Có lẽ ngài nên dành một chuyến viếng thăm lâu đài Hamlet vào chiều mai. Ngài có thể kể cho tôi vụ Perry, và tôi...”

“Phải đến tận chỗ ngài ư?” Thumm lẩm bẩm.

“Chỉ gợi ý thôi mà, thanh tra,” Lane khẽ nói. “Ngài sẽ đến chứ?”

“Chúng tôi sẽ đến.” Bruno nhanh nhẩu đáp.

“Tuyệt quá. Các ngài không được lơ là cảnh giác, tất nhiên rồi. Thanh tra? Hãy thật thận trọng khi xem xét ngôi nhà, đặc biệt là phòng thí nghiệm.”

“Tôi vẫn đang có viên chuyên gia chất độc mà bác sĩ Shilling gửi đến làm nhiệm vụ ở trong bếp,” Thumm nói dứt khoát. “Vâng, tôi rõ cả rồi. Đôi khi, ngài Lane à, tôi có cảm giác rằng ngài không...” Với dáng vẻ bất mãn nói chung lúc này, dù viên thanh tra có định nói gì, Drury Lane cũng chẳng để tâm. Ông chỉ vẫy tay chào, quay người lại, rồi đi mất.

Thumm bẻ đốt ngón tay mình trong thất vọng. Việc nói chuyện với một người điếc khi người đó đã quay lưng thật chẳng ích gì.

CẢNH 4

Lâu Đài Hamlet

Thứ Tư, Ngày 8 Tháng Sáu

3:00 P.M

Thứ Tư trời trong xanh, nhưng lạnh. Miền Hudson trông như biển mùa đông; tiếng rì rào vi vút của gió thổi qua các tán lá dày đặc như âm thanh của đại dương. Trời tháng Sáu trên cây, và tháng Mười hai trong không trung.

Chiếc xe cảnh sát vượt qua các bậc dốc, cây cầu sắt, đoạn đường sỏi, khoảng rừng quang, rồi vườn cây trong im lặng, cả công tố viên Bruno lẫn thanh tra Thumm đều không muốn trò chuyện, ông già Quacey, với cái bấu nhô lên kỳ cục hơn bao giờ hết, gặp họ tại chỗ cửa sắt bao ngoài và dẫn họ qua sảnh chính, với sàn nhà được đầm phẳng, ngọn đèn nền khổng lồ, những hiệp sĩ trong bộ giáp sắt và những chiếc mặt nạ to lớn của sân khấu kịch, đến chỗ thang máy nhỏ ẩn trong bức tường đằng xa. Một quãng đường ngắn và họ bước vào căn phòng riêng của Drury Lane.

Người nghệ sĩ già, trong chiếc áo khoác nhung màu nâu, đang đứng thẳng như một cây thương trước những ngọn lửa nhảy nhót trong lò sưởi. Ngay cả dưới ánh sáng, với những thay đổi tức thời của giọng nói và sự nhấp nhô của hình bóng, họ vẫn trông thấy sự lo lắng in dấu trên khuôn mặt của ông. Lane trông hốc hác, như không phải là chính mình. Ông chào họ, và với thói quen lịch sự, kéo chuông dây và ra lệnh cho Falstaff nhỏ bé phục vụ cà phê và rượu, bảo Quacey - người đang đánh hơi khắp nơi như

chó săn - ra khỏi phòng, và ngồi yên vị trước lò sưởi. “Đầu tiên,” ông khẽ nói, “thông báo tình hình đi, thanh tra, nếu có chút tin tức nào đó.”

“Rất nhiều. Chúng tôi đã lần theo hồ sơ của Perry.”

“Hồ sơ?” lông mày của Lane nhướng lên.

“Không phải là hồ sơ phạm tội. Ý tôi là quá khứ của anh ta. Ông sẽ chẳng đoán ra anh ta là ai, tên thật là gì đâu.”

“Tôi đâu có giỏi tiên tri, thanh tra,” Lane đáp với một nụ cười yếu ớt. “Anh ta không phải là đứa con thất lạc đấy chứ?”

“Ai cơ? Nghe này, ngài Lane, chuyện hệ trọng đấy,” viên thanh tra gắt. “Tên thật của Edgar Perry là Edgar Champion!”

Lane vẫn lặng im trong một khoảnh khắc thoáng qua. “Edgar Champion,” sau một lúc ông mở lời. “Thật à. Là con trai của người chồng đầu tiên của bà Hatter?”

“Đúng thế! Chuyện là: khi Emily Hatter còn là Emily Champion, kết hôn với Tom Champion, giờ đã quá cố, ông ta đã có một đứa con trai với người vợ cũ. Tên anh ta là Edgar Champion. Anh ta là anh cùng cha khác mẹ với Louisa Champion.”

“Hừm.”

“Điều tôi quan tâm,” Bruno nói vẻ rất ư bất mãn, “là tại sao Edgar, hoặc Perry, lại giả làm gia sư và đến sống trong gia đình Hatter. Thumm nói rằng Barbara Hatter đã giúp anh có được việc làm...”

“Đó là nói nhảm thôi,” viên thanh tra đáp. “Tôi biết ngay khi cô ấy bảo thế. Barbara không quen anh ta trước khi anh ta nhận được công việc, tôi nhận ra điều đó. Và hơn nữa, chắc chắn cô ấy không biết thực ra anh ta là ai. Cô ấy đang yêu. Yêu!”

“Bà Hatter có biết rằng Edgar Perry là con trai riêng của chồng cũ, tức Edgar Champion?” Lane trầm ngâm hỏi.

“Không - sao thể được, trừ phi anh ta nói với bà ấy? Thông tin cho thấy Perry chỉ sáu hoặc bảy tuổi khi cha và Emily ly dị. Bà ta không thể nhận ra một người đã bốn mươi bốn.”

“Ngài đã nói chuyện với anh ta chưa?”

“Anh ta sẽ chẳng mở miệng đâu, khốn kiếp.”

“Thumm đang cho giám sát anh ta,” Bruno nói.

Lane căng người, sau đó thả lỏng với một cái lắc đầu. “Thanh tra thân mến của tôi,” ông nói, “thật hấp tấp, quá hấp tấp. Ngài dựa trên cơ sở nào để giữ anh ta?”

“Không thích ý tưởng đó sao, ngài Lane?” Thumm nói với một nụ cười nham hiểm. “Đừng lo lắng về chuyện đó; tôi bắt anh ta có lý do chính đáng. Không, thưa ông, anh ta quá nguy hiểm để được phép chạy lung tung.”

“Ngài nghĩ anh ta sát hại bà Hatter?” Lane hỏi khô khốc.

Thanh tra nhún vai. “Có thể có, cũng có thể là không. Có lẽ là không, bởi vì tôi không thể xác định được động cơ, tất nhiên rồi, tôi đâu có bằng chứng. Nhưng anh ta biết điều gì đó, tôi cam đoan thế. Chẳng ai lại che đậy danh tính của mình và có được một công việc trong ngôi nhà nơi xảy ra một vụ giết người như...” Thumm bật ngón tay tanh tách, “như thế này, trời ạ.”

”Còn bờ má mềm mịn, thanh tra?”

“Bánh. Chúng ta không loại trừ khả năng có một kẻ đồng lõa đúng không? Hoặc là Louisa đã nhầm lẫn.”

“Nào, nào,” vị công tố viên sốt ruột nói. “Chúng ta chẳng đi một chặng đường xa từ thành phố đến đây để nghe quan điểm của ngài đâu, Thumm à. Ý kiến của ngài thế nào, ngài Lane?”

Lane chẳng nói gì một lúc lâu. Trong lúc đó Falstaff mang đồ uống vào, và Thumm làm dịu sự khó chịu của mình bằng một tách cà phê đen nghi ngút. Khi Falstaff đi ra, Lane mở lời.

“Tôi đã suy ngẫm về chuyện này, thưa các quý ông,” ông nói bằng giọng nam trung ấm áp được xử lý khéo léo, “kể từ hôm Chủ nhật, và kết quả là suy ngẫm của tôi khá - nên nói gì đây - rồi bời.”

“Ý ngài là sao?” Thumm thắc mắc.

“Một số vấn đề nhất định thì rất rõ ràng - rõ ràng như trong vụ Longstreet chẳng hạn...”

“Ý ngài là ngài đã tìm ra hung thủ?” Bruno nói.

“Không. Không.” Lane lại lặng im trong khoảnh khắc. “Đừng hiểu nhầm thế. Còn lâu - lâu nữa tôi mới tìm ra. Vì những vấn đề khác thì lại thật đáng

ngờ; và không chỉ đáng ngờ thôi đâu, các ngài ạ, mà còn bất thường.” Giọng nói của Lane hạ xuống mức thì thầm. “Bất thường,” ông nói, và họ nhìn ông chăm chăm về căng thẳng.

Lane đứng dậy và đi tới đi lui trên tấm thảm trước lò sưởi. “Tôi không thể diễn tả tôi đã bối rối thế nào. Vô cùng bối rối! Tôi bắt đầu nghi ngờ những điều tai nghe mắt thấy - bằng bốn giác quan còn lại của tôi.” Hai người còn lại nhìn nhau trong sự hoang mang. “Nhưng đủ rồi,” Lane đột ngột nói. “Giờ tôi có thể nói rằng tôi đã đi đến một quyết định. Có hai hướng điều tra rõ ràng đang mở trước tôi, và tôi định hướng theo chúng. Cả hai hướng này vẫn chưa được thử.”

“Hướng điều tra?” viên thanh tra cắt ngang vẻ gay gắt. “Ngài lại thế nữa rồi! Vậy ngài nói xem còn hướng điều tra chết tiệt nào chưa được đụng đến nào?”

Lane chẳng cười, cũng chẳng dừng nhịp bước. “Mùi,” ông lẩm bẩm, “mùi vani. Chính nó. Bất thường - nó đã khiến tôi đau đầu. Tôi có một giả thuyết về nó và tôi định đi theo hướng đó. Nếu được thì mong ông trời mỉm cười với tôi...” Ông nhún vai. “Giả thuyết còn lại thì thời điểm hiện tại tôi chưa muốn đề cập đến. Nhưng nó thật tuyệt vời, đáng kinh ngạc, nhưng cũng rất hợp lý...” Ông tiếp tục nói mà không cho hai người còn lại cơ hội cắt ngang để đặt những câu hỏi đang lơ lửng trên môi họ. “Thanh tra, nói cho tôi điều ngài tin tưởng, nói chung ấy, về vụ này. Chúng ta nên thẳng thắn với nhau là tốt nhất, và đôi khi những cái đầu chụm lại sẽ hơn tư duy độc lập.”

“Là ngài nói đấy nhé,” Thumm nhanh nhẩu đáp. “Cùng suy ngẫm nhé. Với tôi chuyện rất rõ ràng; kẻ hạ độc lén vào phòng ngủ đêm thứ Bảy tuần trước, hay đúng hơn là những thời khắc đầu tiên của sáng Chủ nhật, với ý định đầu độc quả lê. Quả lê đó là dành cho Louisa; kẻ hạ độc đã biết cô ấy sẽ ăn nó vào buổi sáng. Lúc hăn còn trong phòng, bà Hatter tỉnh dậy, gây náo động hoặc kêu lên, và trong cơn hoảng hốt kẻ hạ độc đã đập vào đầu bà ta. Có lẽ chẳng hề có ý giết người; mà chỉ để bà ta yên lặng. Cái chết của bà già quý quái đó, tôi nghĩ, chỉ là một tai nạn. Bruno cũng đồng ý với tôi, và tôi không thấy lý do nào để nghi ngờ điều đó cả.”

“Nói cách khác,” Drury Lane thì thầm, “ngài và Bruno tin rằng vụ sát hại bà Hatter không được toan tính trước, một tội ác bất chợt trong tình huống không lường trước được?”

“Phải,” Thumm nói.

“Tôi hoàn toàn đồng ý,” Bruno nói.

“Vậy thì, thưa các quý ông,” Lane nhỏ nhẹ nói, “cả hai đều sai rồi.”

“Tôi... ý ngài là sao?” Bruno thắc mắc vẻ sửng sốt.

“Ý tôi là thế đấy. Tôi chẳng thắc mắc gì ngoài chuyện vụ sát hại bà Hatter là có toan tính, rằng bà ta sẽ trở thành nạn nhân thậm chí từ trước khi hung thủ bước vào căn phòng đó, và thêm nữa, rằng Louisa Campion chưa bao giờ là mục tiêu để hạ độc cả!”

Họ lặng lẽ suy ngẫm về ý tưởng này, và sự bối rối hiện lên trong mắt hai người còn lại, phán đoán bị đình trệ để chờ một lời giải thích. Lane lôi nó ra bằng một phong thái điềm tĩnh, thận trọng. “Chúng ta bắt đầu,” ông nói, sau khi ngồi xuống trước lò sưởi và làm ấm đôi môi bằng rượu, “từ bản thân Louisa Campion. Những sự việc bề nổi là gì vậy? Từ vết tiêm và quả lê độc thì có vẻ như rõ ràng là *thủy ngân clorua* được nhắm vào Louisa - cô ấy thích ăn trái cây, trong khi bà Hatter, người duy nhất cũng thường xuyên ăn trái cây từ cái bát đó, thì ăn gì cũng được, chỉ đặc biệt ghét lê. Một quả lê đã bị đầu độc. Có vẻ như kẻ hạ độc cố tình chọn loại trái cây mà Louisa sẽ ăn và bà Hatter sẽ không ăn. Nhìn bề ngoài thì nỗ lực này chủ yếu là để lấy mạng Louisa, do động cơ thúc đẩy, giả thuyết này lại càng được duy trì khi biết rằng vào thời điểm hai tháng trước vụ thứ hai này, vụ hạ độc đầu tiên đã được thực hiện và chỉ bị phá hỏng vào phút cuối cùng.”

“Đúng thế, ngài Lane,” viên thanh tra đáp, “đó là cách mà tôi nhìn nhận. Và nếu ngài có thể chứng minh còn một con đường khác nữa, thì ngài giỏi hơn tôi rồi.”

“Tôi có thể chứng minh điều đó, thanh tra à,” Lane điềm tĩnh trả lời. “Hãy dõi theo tôi thật sát sao. Nếu kẻ hạ độc muốn Louisa Campion ăn quả lê độc, thì cả hai ngài đều đúng. Nhưng có đúng hãn ta muốn như vậy không?”

“Tại sao, tất nhiên là thế rồi.” Bruno nói trong sự hoang mang.

“Tiếc là phải bác bỏ ngài, nhưng hẳn ta không muốn vậy. Vì những lý do sau đây: Chúng ta có thể giả định ngay từ đầu rằng người bỏ thuốc độc, dù có là một thành viên gia đình hay không, chí ít cũng thân thuộc với từng chi tiết vụn vặt trong gia đình. Giả định này là có cơ sở, chẳng hạn, rằng Louisa sẽ uống cocktail lúc hai giờ rưỡi mỗi buổi chiều trong phòng ăn. Chẳng hạn như hẳn ta biết về ngôi nhà đủ để phát hiện ra điều gì đó mà có vẻ không còn ai khác biết - bí mật của ống khói và lò sưởi nổi phòng thí nghiệm với phòng ngủ. Chẳng hạn như hẳn ta biết chính xác chỗ cây đàn mandolin được cất. Chắc chắn hẳn ta rất quen với căn phòng thí nghiệm và đồ đạc trong đó. Vậy là quá đủ để thiết lập luận điểm rằng hung thủ cực kỳ thân thuộc với từng chi tiết cần thiết cho kế hoạch của hẳn. Nào, nếu hẳn biết những điều này, chắc chắn hẳn cũng biết là Louisa là khó tính về mặt ăn uống, và do đó sẽ nhận thức được rằng cô không ăn trái cây hư hỏng hoặc quá chín. Dù sao thì sẽ chẳng mấy người chọn quả lê đó - đặc biệt là khi còn những quả chín, tươi, chưa bị hỏng trong chính cái bát có quả thối. Và phân tích của bác sĩ Schilling cho thấy lê đã hư hỏng trước khi bị tiêm *thủy ngân clorua*. Do đó, kẻ hạ độc đã cố tình chọn quả lê hỏng.”

Họ lắng nghe như bị thôi miên. Lane khẽ mỉm cười. “Các vị không thấy thực tế đó thật lạ sao? Với tôi điều đó thật bất thường. Nào, các ngài có thể phản đối, các ngài có thể nói rằng đó là sự tình cờ - trong bóng tối của phòng ngủ hẳn ta có thể đã vô tình chọn phải quả lê hỏng trong cái bát mà chẳng nhận ra. Ngay cả thế thì lý lẽ này cũng không hoàn toàn thuyết phục, thật dễ để nói rằng chỉ cần chạm vào là biết trái cây hỏng chỗ nào; những ngón tay có thể sờ được chỗ vỏ hỏng. Nhưng chúng ta cứ giả sử là như vậy đi - rằng việc chọn quả lê hỏng chỉ là tình cờ thôi. Tôi có thể chứng minh rằng không phải như vậy.

“Bằng cách nào? Bởi thực tế là bà Arbuckle đã khai rằng mình chỉ đặt có hai quả lê trong bát vào buổi chiều trước cái đêm mà vụ giết người xảy ra; rằng quả thực là vào lúc mười một rưỡi đêm đó, bà Smith chỉ thấy có hai quả lê trong bát, và cả hai quả đều chín, tươi, và chưa hỏng. Tuy nhiên, buổi sáng hôm sau, chúng ta đã tìm thấy ba quả lê trong bát. Kết luận: kẻ hạ độc hẳn đã chuẩn bị sẵn quả lê thứ ba - quả bị hỏng, vì qua lời khai ta

biết rằng hai quả lê vốn có đều còn tươi. Đó chính là bằng chứng việc tiêm chất độc vào quả lê hồng là cố tình; rõ là kẻ hạ độc đã chuẩn bị sẵn quả lê đó rồi mang vào từ bên ngoài. Nhưng tại sao kẻ hạ độc lại cố tình đưa đến hiện trường tội ác một quả lê hồng khi hẳn biết nạn nhân toan tính của hẳn sẽ chẳng ăn nó, quả tươi thì vẫn còn trong bát? Câu trả lời chỉ có thể là: Hẳn ta chưa bao giờ có ý định để cô ta ăn nó cả, và tôi sẽ lấy danh tiếng của mình ra để đặt cược cho lý lẽ không thể nhầm lẫn này.”

Hai thính giả chẳng nói lấy nửa lời.

“Nói cách khác,” Lane tiếp tục, “cả hai ngài đều nhằm khi cho là hung thủ tin rằng Louisa Campion sẽ ăn quả lê độc. Hẳn ta biết cô ấy sẽ không ăn; và vì hẳn ta cũng biết rằng bà Hatter, người duy nhất cùng ăn trái cây trong cái bát đó, cũng sẽ không ăn lê... nên toàn bộ tình tiết về quả lê độc về lý mà nói sẽ chỉ như một trò đánh lạc hướng, một phương sách mà hung thủ chuẩn bị nhằm khiến cánh sát tin rằng Louisa là nạn nhân trong tầm ngắm.”

“Chờ một chút,” viên thanh tra nói nhanh. “Theo như ngài nói, nếu cô Campion không ăn trái cây, làm thế quái nào tên hung thủ có thể đảm bảo rằng kế hoạch hạ độc của hẳn sẽ bị phát hiện ra?”

“Câu hỏi hay lắm, Thumm à,” vị công tố viên nói.

“Vì cho dù động cơ của hẳn là gì,” Thumm tiếp tục, “mưu mẹo của hẳn sẽ thành vô dụng trừ phi có ai đó phát hiện ra nó. Hiểu ý tôi chứ?”

“Tôi hiểu,” Lane điềm tĩnh trả lời. “Một suy nghĩ khôn ngoan, thanh tra à. Ngài nói rằng trừ phi quả lê có độc của kẻ chủ mưu được cảnh sát phát hiện ra, nếu không việc tiêm độc vào nó chẳng để làm gì cả. Nếu không có ai tìm thấy quả lê độc, sẽ chẳng ai biết rằng dường như có người đang cố đầu độc Louisa - là kết luận mà kẻ hạ độc đang cố đạt tới.

“Rất chính xác. Có ba cách khả dĩ để hẳn ta đảm bảo rằng việc hạ độc sẽ được cảnh sát tìm ra - miễn là âm mưu sát hại bà Hatter chưa bị nhìn ra, xin nhắc như thế, mà chỉ là một tai nạn. Đầu tiên: bỏ lại ống tiêm trong phòng, như ngài đã thấy. Điều đó sẽ khơi dậy sự nghi ngờ, tất nhiên rồi, là cái cớ cho một cuộc điều tra, vì trước đó hai tháng từng có một vụ đầu độc rồi. Một giả thuyết khả dĩ, nhưng có vẻ như kẻ hạ độc đã đánh rơi cái ống tiêm

trong lúc hốt hoảng thì đúng hơn. Thứ hai: bằng cách cố tình thêm vào một quả lê - quả có độc - và không lấy quả nào đi, thế là có ba quả cả thầy, và sẽ có người nhận ra đáng lý chỉ có hai quả thôi. Nhưng điều này cũng không chắc chắn; như thế thì quá may rủi và nhiều khả năng sẽ chẳng ai nhận ra quả lê được thêm vào. Thứ ba: chính hắn tạo ra sự chú ý, bằng cách nào đó, lấy có nọ kia, về phía quả lê hỏng. Tới nay đây là cách khả dĩ nhất trong cả ba cách.”

Thumm và Bruno gật đầu.

Lane lắc đầu. “Nhưng nếu tôi chỉ cho các ngài thấy rằng vụ giết bà Hatter không phải là một tai nạn, mà được mưu tính sẵn để xảy ra đồng thời với vụ đầu độc giả, thì các ngài sẽ thấy trong số ba khả năng đã kể kia, chẳng khả năng nào là cần thiết; như việc dựng bù nhìn rơm lên chỉ để sau đó hạ xuống vậy.

“Bởi lẽ, khi hung thủ lên kế hoạch để trở thành kẻ sát nhân chứ không phải kẻ hạ độc, thì hắn đã biết trước rằng quả lê độc phải được tìm thấy. Hắn sẽ để sự việc diễn tiến một cách tự nhiên, sẽ tính toán và trông chờ vào cuộc điều tra án mạng chính thức để khám phá ra quả lê độc. Sẽ không còn là chuyện may rủi nữa, mà gần như là điều chắc chắn. Việc hạ độc sẽ được tình cờ phát hiện, cảnh sát sẽ nói rằng mục đích chính của tội ác là đầu độc Louisa, rằng chuyện bà Hatter bị sát hại chỉ là tai nạn; và theo cách này kẻ sát nhân sẽ hoàn thành mục đích thực sự của hắn: giết bà Hatter và làm cho cảnh sát tìm kiếm người nào đó với động cơ giết Louisa, loại trừ hoàn toàn vụ sát hại kia khỏi vòng nghi vấn.”

“Tôi sẽ bị nguyên rửa muôn đời,” viên thanh tra lẩm bẩm. “Thật tài tình, nếu đó là sự thật.”

“Nhưng đó là sự thật, thanh tra ạ. Ngài hãy nhớ rằng, ngay cả trước khi chúng ta tìm thấy ống tiêm trên giường, ngài đã nhấn mạnh rằng ngài sẽ xem xét chung quanh để đảm bảo không có gì bị đầu độc, trên cơ sở đã có một vụ đầu độc từ hai tháng trước. Điều đó chứng tỏ rằng tên hung thủ đã dự đoán chính xác phản ứng từ phía cảnh sát. Ngay cả khi chúng ta không phát hiện ra cái ống tiêm - quan điểm mà tôi giữ nguyên từ những sự việc

tình cờ - ngay cả khi chỉ có hai quả lê đã được tìm thấy, chắc chắn các ngài cũng sẽ đi theo giả thuyết đầu độc và phát hiện ra quả lê độc.”

“Đúng vậy, Thumm,” vị công tố viên nói.

Lane duỗi đôi chân dài và nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. “Bây giờ, tôi sẽ chứng minh rằng vụ sát hại bà Hatter đã được lên kế hoạch từ trước, không phải là một tai nạn tình cờ. Điểm đầu tiên rất rõ ràng. Cây đàn mandolin được dùng làm vũ khí giết người vốn không phải là đồ trong phòng ngủ, chỗ của nó đúng ra là ở thư viện dưới lầu trong một tủ kính, nó bị cấm tiếp cận và chưa từng được đụng đến. Thực tế, nó vẫn nằm trong tủ kính khi Conrad Hatter trông thấy nó lúc một rưỡi đêm - hai tiếng rưỡi trước khi nó tước đi mạng sống của bà Hatter; và trong tối đó những người khác cũng trông thấy nó. Vậy thì có thể chắc chắn một điều: kẻ giết người, dù là người trong nhà hay không, đã buộc phải có một chuyến đi đặc biệt để lấy cây đàn mandolin, hoặc đã phải chuẩn bị sẵn từ trước chuyến viếng thăm đến phòng ngủ...”

“Chờ chút,” Bruno cắt ngang, chân mày nhú lại, “sao ngài lại khẳng định như thế?”

Lane thở dài. “Nếu hung thủ là người trong gia đình, hẳn ta phải đi xuống từ gác hai hoặc tầng áp mái để lấy nó. Nếu là người ngoài, hẳn ta không thể vào nhà qua tầng trệt, vì tất cả cửa ra vào và cửa sổ đều bị khóa; do đó hẳn đã đột nhập thông qua thang thoát hiểm để lên được tầng hai; hoặc cũng có thể leo lên mái nhà và vào bằng ống khói. Dù là trường hợp nào, hẳn đều cần đi xuống cầu thang để lấy cây đàn...”

“Tôi hiểu rồi,” Bruno công nhận, “nhưng giả sử có ai đó trong nhà đã cầm cây đàn lên gác, còn hung thủ từ bên ngoài đột nhập vào nhà sau đó? Trường hợp có hai người cùng thực hiện ấy.”

“Rất tốt,” Lane mỉm cười. “Giả sử một trong những người vào nhà sau cùng đã mang cây đàn mandolin đi trên đường lên gác phải không nào? Chẳng phải thế thì sẽ không hoàn toàn là một kế hoạch, một mục tiêu đã định sẵn, một mưu tính có chủ ý sao?”

“Được rồi,” Thumm nói. “Tiếp đi.”

“Sau đó, cây đàn mandolin được kẻ giết người cố ý mang vào phòng ngủ, cho một mục đích đặc biệt. Mục đích đó có thể là gì đây, thưa các quý ông? Hãy cùng phân tích và loại trừ.

“Thứ nhất: cây đàn mandolin cũ nát có thể được đưa vào phòng ngủ cho một mục đích cơ bản, đó là để sử dụng công năng chính của nó, như một nhạc cụ...” Viên thanh tra khẽ cười, còn Bruno lắc đầu. “Buồn cười cũng phải. Thật vô lý, thậm chí chẳng cần bàn luận.

“Thứ hai: nó có thể được đưa vào phòng ngủ với mục đích để lại một dấu vết giả mạo, một manh mối được cố tình ngụy tạo nhằm hướng tới một người nào đó. Nhưng ai? Chỉ có một người duy nhất thân thuộc với cây đàn mandolin, nhìn thấy nó là sẽ nghĩ ngay đến người đó và chỉ mình người đó thôi; đó chính là chủ sở hữu của nó, York Hatter. Nhưng York Hatter đã chết rồi. Vì vậy, phỏng đoán thứ hai của chúng ta cũng sai nốt.”

“Chờ đã, chờ đã,” viên thanh tra chậm rãi nói. “Đừng đi nhanh thế. Đúng là York Hatter đã chết, thì cũng có thể kẻ nào đó gây ra những tội ác kia không biết chắc về chuyện đó lắm chứ; hoặc là, giả sử biết chắc đi nữa, hẳn ta đang cố khiến chúng ta tin rằng York Hatter chưa chết vì thi thể được nhận dạng trong tình huống không rõ ràng. Ngài nghĩ sao về điều này?”

“Tôi xin chúc mừng, thanh tra à,” Lane cười khẩy. “Một suy tư phức tạp và tài tình. Nhưng tôi tin rằng mình vẫn có thể bác bỏ khả năng mơ hồ này. Đó sẽ là một hành động ngớ ngẩn của kẻ chủ mưu vì hai lý do sau đây: Thứ nhất, nếu cảnh sát bị lừa rằng York Hatter còn sống và ông ta vô tình để lại cây đàn mandolin của mình trên hiện trường tội ác, thì trò lừa đó hẳn phải qua được mắt cảnh sát. Nhưng sao cảnh sát có thể tin rằng ông Hatter có thể để lại một manh mối hiển nhiên đến vậy? Tất nhiên là không rồi; ông ta sẽ là người cuối cùng trên thế giới để lại một dấu vết trần trụi và rõ ràng như vậy, và chắc chắn cảnh sát sẽ nhận ra đó là một trò lừa, không phải một manh mối đích thực. Thứ hai: tại sao rốt cục lại là một thứ kỳ lạ như cây đàn mandolin? Đó là đồ vật ít liên quan nhất đến chuyện máu me có thể hình dung ra được. Cảnh sát, biết rằng ông Hatter dù thế nào sẽ không thể để lại hiện trường vật chứng của riêng mình, sẽ lý luận rằng nó đã được để lại bởi một kẻ khác nhằm đổ tội cho ông Hatter, vậy nên mục đích của kẻ

chủ mưu sẽ không đạt. Không, thanh tra à, đầu óc tên hung thủ sẽ chẳng nghĩ ra một mục tiêu lộ liễu như vậy đâu. Việc sử dụng cây đàn mandolin có vẻ thật lạ, nhưng lại gắn kết chặt chẽ với âm mưu của hung thủ.”

“Tiếp đi, ngài Lane,” vị công tố viên nói với một cái liếc mắt khó chịu dành cho người đồng nghiệp. “Thumm, ngài nghĩ ra những điều vô lý nhất!”

“Đừng trách thế, Bruno à,” Lane nói. “Ông ấy hoàn toàn có quyền đưa ra những khả năng xa vời, hoặc thậm chí là không tưởng. Lý lẽ chỉ tuân theo chính nó mà thôi.”

“Vậy nếu cây đàn mandolin không được đưa vào phòng ngủ như một nhạc cụ, hoặc như là một manh mối giả hướng đến York Hatter, thì mục đích khả dĩ của tên hung thủ là gì? Tôi đổ các ngài tìm được động cơ hợp lý nào khác ngoài chuyện sử dụng nó như một vũ khí.”

“Một thứ vũ khí quá nực cười,” Thumm lẩm bẩm. “Ngay từ đầu nó đã khiến tôi băn khoăn.”

“Tôi thông cảm với ông, thanh tra à,” Lane thở dài, “vì đã tỏ thái độ hay đặt ra câu hỏi đó. Nó là một vũ khí kỳ quặc, như ông nói, và khi chúng ta đào xuống đáy vụ này...” Ông dừng lại, có gì đó thật buồn trong đôi mắt. Rồi ông ngồi thẳng dậy, và giọng nói trầm lại vang lên. “Vì chúng ta không thể trả lời câu hỏi này bây giờ, chúng ta hãy quên nó đi. Nhưng chắc chắn, dù là lý do gì, cây đàn mandolin được đưa vào phòng ngủ để sử dụng như một vũ khí, và là mấu chốt quan trọng tại thời điểm đó.”

“Dĩ nhiên,” Bruno khẽ nói, “theo như ngài nói, nếu cây đàn mandolin là một vũ khí, thì ngay từ đầu mục đích mang nó theo là để gây sát thương; nghĩa là nó như một công cụ của hành vi phạm tội, hoặc giết người.”

“Đừng suy diễn thế chứ,” Thumm gắt lên trước khi Lane có thể trả lời. “Sao ngài biết nó được sử dụng như là một vũ khí tấn công? Sao ngài biết nó không phải là một vũ khí tự vệ - không hề nhằm để tấn công bà già đó, mà chỉ được mang theo phòng khi cần thiết?”

“Kể cũng đúng,” Bruno lẩm bẩm.

“Không,” Lane nói, “nhằm rồi. Đây này! Như ngài nói, thanh tra à, giả sử tên hung thủ chỉ tính đến khả năng bịt miệng bà Hatter, hay cả Louisa

nữa khi hắn tiêm thuốc độc vào trái lê; thì mục đích ban đầu của hắn không phải tấn công mà là tự vệ. Nào, chúng ta biết rằng hung thủ biết tường tận phòng ngủ, và trong căn phòng đó có hàng tá đồ vật rất thích hợp để làm vũ khí như đám dụng cụ cời lò sắt treo bên lò sưởi, rồi thì hai cái giá chặn sách nặng nề trên bàn cạnh giường nạn nhân - thứ nào cũng đủ để tung một đòn đánh hiệu quả hơn một cây đàn tương đối nhẹ nhàng. Nếu hắn ta phải đi xuống lầu để lấy một vũ khí chỉ dùng để phòng hờ, thì hắn sẽ gây khá nhiều rắc rối không cần thiết, khi còn có những đồ vật thuận tay hơn trên hiện trường vụ án. Theo lý lẽ trên thì cây đàn mandolin không được dùng như một vũ khí tự vệ mà như một vũ khí để tấn công. Không chỉ đơn thuần là để phòng hờ khi cần thiết, mà còn cố tình được sử dụng. Và không vũ khí nào khác như thế, xin hãy quan sát đi - chỉ có cây đàn mandolin.”

“Giờ tôi hiểu rồi,” Thumm thú nhận. “Tiếp đi, ngài Lane.”

“Rất tốt. Giờ thì, nếu nó được hung thủ mang theo nhằm tấn công có mục đích - thì hắn sẽ nhắm vào ai đây? Vào Louisa Campion ư? Chắc chắn không phải; tôi vừa chỉ ra rằng vụ hạ độc chỉ là đánh lừa, hung thủ không muốn đầu độc cô ấy. Và nếu hắn ta không muốn giết cô ấy bằng một quả lê độc, thì tại sao hắn lại muốn làm vậy bằng cách đánh vào đầu cô ấy bằng vũ khí kỳ lạ này? Không, chắc chắn cây đàn đó không dành cho Louisa Campion. Vậy là cho ai đây? Chỉ còn bà Hatter. Đó chính là điều tôi đang muốn chứng minh, thưa các quý ông: kẻ giết người chưa bao giờ có ý định đầu độc Louisa Campion, hắn chỉ muốn giết Emily Hatter.”

Người nghệ sĩ duỗi chân và hơ những ngón chân. “Hạng của tôi! Giải nghệ cái là yếu ngay... Nhìn đây. Khi xem xét mối tương quan của những sự việc tôi đã đề cập đến, các ngài sẽ thấy toàn bộ hướng lập luận này là rõ ràng và có cơ sở. Trước tiên là một bức bình phong, một mồi nhử, một động thái giả vờ, nói chung là một màn hóa mù để che giấu mục đích thực sự. Thứ hai: vụ hạ độc nhằm vào Louisa chỉ là dàn cảnh, như đã chỉ ra. Thứ ba: mặc dù là dàn cảnh, hung thủ cố tình mang theo một thứ vũ khí. Thứ tư: Bà Hatter là người duy nhất trong hoàn cảnh đó đối diện với kẻ mang vũ khí theo với một mục đích thật sự, có thể là toan tính giết người.”

Trong sự im lặng diễn ra sau đó, công tố viên Bruno và thanh tra Thumm nhìn nhau với biểu cảm không thể lẫn đi đâu được của sự ngưỡng mộ và tâm trí rối bời. Biểu cảm của Bruno thậm chí còn mơ hồ hơn. Đằng sau khuôn mặt kiên định là điều gì đó cứ nhất quyết vật lộn đòi làm sáng tỏ. Ngài công tố viên liếc Thumm rồi nhìn xuống sàn nhà, và giữ như thế một lúc lâu.

Viên thanh tra dịu giọng hơn. “Nghe thật hợp lý làm sao, ngài Lane ạ, tôi ghét phải thừa nhận điều đó. Chúng ta đã đi sai đường ngay từ đầu. Điều này làm thay đổi toàn bộ cục diện của cuộc điều tra. Chúng ta phải mở to mắt dõi theo một động cơ khác ngay - không phải chuyện cô Champion nữa mà là động cơ chống lại bà Hatter!”

Lane gật đầu; chẳng có sự hài lòng hay niềm hân hoan trên khuôn mặt. Dù đã kết thúc lập luận, dường như ông vẫn bối rối vì một cảm xúc bất an nào đó. Về u sầu chiếm hữu lấy ông ngay khi ánh sáng của bài diễn văn tắt đi; và dưới đôi lông mày mượt, cặp mắt ông dõi về phía công tố viên Bruno.

Viên thanh tra không để ý thấy sự việc này; ngài còn đang mãi lớn tiếng nói lên suy nghĩ của mình. “Động cơ chống lại bà già đó. Hẳn là chuyện kinh doanh... Chết tiệt, bọn họ đều thu được lợi lộc nếu giết bà ta... Điều này dẫn tới đâu? Chẳng tới đâu cả. Trong chuyện này, ai cũng có lợi nếu giết Louisa nữa - lợi về tiền bạc lẫn thỏa mãn hận thù cá nhân... Có lẽ chúng ta sẽ tiến thêm được một chút khi biết quyết định của Barbara Hatter đối với Louisa. “

“À, đúng thế,” Lane lẩm bẩm. “Tôi xin lỗi, thanh tra; tôi e rằng khi mắt tôi nhìn miệng ngài thì não tôi không thực sự tập trung... Có một vấn đề cấp bách hơn. Với việc nội dung bản di chúc được công bố và người lập ra nó đã chết, vụ hạ độc giả nhằm vào Louisa rất có thể sẽ biến thành thật, giờ đây cái chết của cô ta sẽ có lợi cho tất cả bọn họ.”

Thumm ngồi dậy, giật mình. “Trời ạ, tôi chưa từng nghĩ về điều đó! Và có một chuyện nữa.” Ngài rên lên. “Chúng ta không tài nào biết được ai là ai. Nếu Louisa bị sát hại, thì chưa chắc cô ta đã bị giết bởi chính kẻ đã giết mẹ mình. Bất kỳ ai, dù chẳng liên quan đến vụ hạ độc đầu tiên hoặc vụ giết

người sau đó, cũng có thể ở vào vị trí thích hợp để lấy đi mạng sống Louisa, vì kiểu gì cảnh sát cũng sẽ liên hệ việc đó với hung thủ của hai vụ trước. Thật là một mớ hỗn độn!”

“Hừm. Tôi đồng ý với ngài, thanh tra. Không chỉ cô Champion phải được canh gác ngày đêm, mà mỗi người bọn họ đều phải được giám sát liên tục, chỗ chất độc trong phòng thí nghiệm cần được dời đi ngay lập tức.”

“Ông nghĩ vậy sao?” Thumm ranh mãnh hỏi. “Cần gì phải phòng xa thế. Chúng tôi sẽ theo dõi phòng thí nghiệm, nhưng chỗ chất độc còn lại sẽ ở nguyên đó, và có thể ai đó sẽ tới để đánh cắp!”

Công tố viên Bruno ngược mắt nhìn Drury Lane. Một tia lửa nhen lên trong họ, và Lane chìm sâu vào trong chiếc ghế, mọi cơ bắp căng hết ra, như thể đang chuẩn bị cho một cú đánh. Một niềm hân hoan kỳ cục hiện lên trên khuôn mặt Bruno. “Xong rồi!” Ngài nói. “Tôi đã suy nghĩ đầu vào đấy, thưa ngài Lane.”

“Và ngài đã có kết luận...?” Lane hỏi vẻ dừng dừng.

Bruno cười tươi. “Tôi ghét phải đánh đổ phân tích tuyệt vời của ngài, nhưng e là phải vậy thôi. Xuyên suốt cuộc bàn luận, ngài đã giả định rằng người hạ độc và kẻ giết người là cùng một người...” Sự căng thẳng biến khỏi Lane, và ông thả lỏng người với một tiếng thở dài. “Trước đây đã có lần chúng ta bàn luận về khả năng kẻ hạ độc và kẻ giết người là hai kẻ khác nhau, không phải một người, nên hai kẻ đó đã hành động riêng rẽ vào đêm có án mạng tại những thời điểm khác nhau...”

“Đúng thế.”

“Đúng,” Bruno tiếp tục với một cái vẩy tay, “giả thuyết này không giải thích được động cơ của kẻ hạ độc, chỉ nói lên rằng đó là hai hung thủ hoàn toàn riêng rẽ. Nhưng giả sử động cơ của hẳn chỉ đơn thuần là dọa cô Champion, khiến cô ta sợ bị mất mạng mà rời khỏi nhà? Vài người có thể có động cơ như vậy, những kẻ không muốn giết người. Thế nên, tôi mới bảo rằng ngài đã không tính đến khả năng về hai tội ác riêng biệt, một giả thuyết mà trong đó kẻ giết bà Hatter chẳng liên quan gì đến kẻ hạ độc hết!”

“Đêm đó,” Thumm thêm vào, với một cái nhìn ngạc nhiên trước sự sáng suốt của Bruno, “hay vụ hai tháng trước cũng thế. Đó là một lỗ hổng lớn

trong phân tích của ngài, ngài Lane ạ!”

Lane ngồi im lặng một lúc; và rồi hai người khách giật mình khi nghe thấy tiếng ông cười khoái chí ra mặt. “Tại sao, ngài Bruno,” ông nói, “tôi đã nghĩ chuyện đó thật hiển nhiên cơ đấy.”

“Hiển nhiên?” hai người còn lại cùng thốt lên.

“Phải rồi! Không phải ư?”

“Không phải gì cơ?”

“Ồ, được rồi,” Lane lại bật cười một lần nữa. “Rõ ràng là lỗi của tôi khi toàn bỏ qua mà không chỉ ra điều mà tôi nghĩ là quá đổi hiển nhiên. Người như ngài, Bruno ạ, một luật sư có đầu óc quá loanh quanh, kiểu gì cũng đặt một câu hỏi như thế. Nó bắn thẳng vào tôi, kiểu như lời bác bỏ vào phút chót?”

“Tôi vẫn muốn nghe diễn giải của ngài,” Bruno bình tĩnh nói.

“Được thôi.” Lane trấn tĩnh lại và nhìn chăm chăm vào lò sưởi. “VẬY là ngài muốn biết tại sao tôi lại nghĩ rằng kẻ hạ độc và kẻ giết người chỉ là một...? Câu trả lời là: Tôi không nghĩ, tôi biết chắc như thế. Tôi sẽ chỉ ra một bằng chứng xác đáng.”

“Việc đó khó đấy,” thanh tra Thumm nói.

“Tôi sẵn sàng chờ bị thuyết phục đây,” vị công tố viên nói.

“Có lẽ, giống như những giọt nước mắt không thể bác bỏ trong mắt người phụ nữ,” Lane nở một nụ cười, “lập luận của tôi sẽ là quá thuyết phục... Tôi có thể bắt đầu bằng cách nói rằng hầu hết sự việc đều hiện lên trên sàn phòng ngủ.”

“Sàn phòng ngủ?” Thumm nhắc lại. “Dấu vết của một người ư?”

“Ồi chao, thanh tra à! Tôi ngạc nhiên trước sự thiếu sáng suốt của ngài đấy. Ngài có đồng ý với tôi không nào, rằng nếu có hai hung thủ chứ không phải một, thì chắc chắn chúng sẽ vào phòng tại những thời điểm khác nhau - vì mục đích của mỗi kẻ khác nhau, một kẻ muốn đầu độc Louisa, kẻ kia muốn giết bà Hatter?”

Hai người còn lại cùng gật đầu.

“Được rồi. Vậy kẻ nào sẽ vào phòng trước đây?”

Thumm và Bruno nhìn nhau. Bruno nhún vai. “Tôi không nghĩ ngài có thể xác định rõ được.”

Lane lắc đầu. “Thiếu suy nghĩ mạch lạc rồi, ngài Bruno. Để đặt quả lê độc lên trên bàn chỗ chúng ta tìm thấy nó, kẻ hạ độc phải đứng giữa hai chiếc giường; điều đó là không thể nghi ngờ. Để sát hại bà Hatter kẻ giết người cũng phải đứng giữa hai chiếc giường, như bác sĩ Schilling đã chỉ ra. Do vậy, cả hai kẻ đó, nếu đúng là có hai tên, đều sẽ đứng ở cùng một vị trí trên tấm thảm giữa giường. Tuy nhiên, chỉ có một dấu chân trên chỗ bột vương trên tấm thảm ở vị trí đó - chúng ta có thể loại trừ Louisa Campion, tất nhiên rồi; còn nếu lời khai của cô ấy bị nghi vấn, thì chúng ta cũng coi như thua luôn.

“Giờ thì nếu kẻ đầu tiên đột nhập đánh đổ chỗ bột, thì sẽ có hai kiểu dấu chân: kiểu thứ nhất là của kẻ đột nhập đầu tiên sau khi hấn làm đổ bột, còn kiểu thứ hai là của kẻ thứ hai vô tình để lại khi hấn vào phòng khi kẻ thứ nhất đã rời đi. Nhưng hiện trường chỉ có một kiểu dấu chân. Thế có nghĩa là, thật rõ ràng, chỗ bột đó hấn phải bị kẻ thứ hai làm đổ, không phải kẻ đầu tiên. Điều này lý giải cho sự thật là có một kẻ đột nhập, hấn là tên đầu tiên, đã không để lại dấu chân nào. Cơ bản là thế.

“Và vấn đề logic đặt ra cho chúng ta là từ dấu chân đã tìm thấy, tìm ra ai là kẻ đột nhập thứ hai. Những dấu chân dính bột do đôi giày chúng ta tìm thấy dẫm lên. Trên mũi giày chân phải có vương vết chất lỏng, được bên pháp y xác định là *thủy ngân clorua*, cùng loại chất độc được tiêm vào quả lê và được tìm thấy trong ống tiêm. Hiển nhiên, kẻ đột nhập để lại dấu chân trên bột - tên thứ hai - là kẻ hạ độc. Điều này nghĩa là hung thủ thứ hai đã làm đổ cái hộp và dẫm lên trên lớp bột phần chính là kẻ hạ độc, và tức là trong trường hợp có đến hai hung thủ này, thì hung thủ thứ nhất chính là kẻ giết người. Các ngài vẫn theo kịp chứ?”

Họ gật đầu.

“Rồi, thế cây đàn mandolin, thứ vũ khí được kẻ giết người sử dụng, hay hung thủ thứ nhất, cho chúng ta biết những gì về kẻ đó, kẻ đột nhập đầu tiên? Nó cho ta biết rằng: Chính cây đàn này đã khiến hộp bột rơi khỏi bàn. Tại sao ư? Có những vết máu trên vỏ hộp mà chỉ có thể xuất hiện ở đó bằng

cách tiếp xúc với những sợi dây đàn dính máu. Đằng sau vị trí trên chiếc bàn nơi hộp phấn được đặt trước khi nó rơi xuống, chúng ta đã tìm thấy một vết lõm tạo ra bởi một thứ có cạnh sắc. Vết lõm này, từ vị trí và trạng thái của nó, chúng ta xác định được là do cạnh của cây đàn mandolin đập xuống mặt bàn tạo nên; để củng cố luận điểm này, trên một cạnh của cây đàn ở phần phía dưới cũng có vết trầy tương ứng với vết lõm trên bàn. Tức là tại thời điểm đó, chính cây đàn đã đập xuống mặt bàn, những sợi dây chạm vào phần trên cái hộp, hất nó văng khỏi bàn.

“Cây đàn này không thể tự vung vẩy được. Nó được dùng để đập vào đầu bà Hatter. Cú đánh đã khiến cái hộp rơi xuống hẳn là kết quả sau đòn vung mạnh vào đầu bà ta ở vị trí ngay cạnh chiếc bàn. Tôi chỉ nhắc lại sự việc thôi; lúc kiểm tra hiện trường tội ác, chúng ta đã xác minh rõ những điểm nêu trên.”

Lane rướn người về phía trước và khua ngón tay trở vạm vỡ. “Trước đó chúng ta đã chứng minh kẻ hạ độc - hung thủ thứ hai - đã làm đổ hộp phấn. Mà giờ thì dường như chính hung thủ thứ nhất, kẻ giết người, mới là kẻ đánh đổ cái hộp. Một mâu thuẫn nan giải!” Người nghệ sĩ mỉm cười. “Một cách khác để nói cho rõ: Chúng ta phát hiện ra cây đàn nằm ở trên lớp bột vương vãi. Điều đó có nghĩa là cây đàn rơi xuống khi chỗ bột đã ở sẵn trên sàn. Trong phân tích đầu tiên thì kẻ hạ độc đánh đổ bột, nghĩa là kẻ giết người hẳn phải đến sau. Nhưng nếu hẳn ta đến sau, vậy thì dấu chân của hẳn đâu hờ trời, khi dấu vết duy nhất được tìm thấy là của kẻ hạ độc?”

“Và nếu chúng ta không có dấu chân kẻ giết người, thì sẽ không có hai người ở đó sau khi chỗ bột rơi xuống; nói cách khác, trong trường hợp này một kẻ giết người riêng rẽ không hề tồn tại. Đó là lý do mà tôi ‘nghĩ rằng’ như các ngài nói, ngay từ đầu cả hai kẻ hạ độc và giết người chỉ là cùng một người!”

CẢNH 5

Nhà Xác

Thứ Năm, Ngày 9 Tháng Sáu

10:30 A.M

Drury Lane bước tới cái nơi cũ bản mang tên Nhà xác thành phố, nét trông đợi hiện trên khuôn mặt ông. Bên trong, ông hỏi thăm bác sĩ Leo Schilling, chuyên gia pháp y. Sau một khoảng thời gian ngắn, ông được một nhân viên dẫn tới phòng khám nghiệm tử thi. Mũi ông nhăn lại vì mùi thuốc sát trùng, và ông dừng lại trước cửa. Hình dáng mập mạp của bác sĩ Schilling đang cúi xuống bàn khám nghiệm tử thi, mãi mê khám phá những bộ phận của cái xác chết khô. Đang ngả người trên ghế, theo dõi ca giải phẫu với vẻ hoàn toàn lãnh đạm là một người đàn ông thấp lùn tóc vàng tuổi trung niên có khuôn mặt tròn. “Vào đi, ngài Lane,” bác sĩ Schilling lên tiếng, mắt không rời khỏi công việc khủng khiếp của mình. “Lạ ghê, Ingalls à, tuyến tụy được bảo quản thật tốt... Mời ngồi, ngài Lane. Đây là bác sĩ Ingalls, chuyên gia nghiên cứu chất độc của chúng tôi. Tôi sẽ xong chuyện với xác chết này ngay thôi.”

“Nghiên cứu chất độc?” Lane thắc mắc và bắt tay người đàn ông thấp lùn tuổi trung niên. “Một sự trùng hợp hay ho.”

“Thế nào rồi?” bác sĩ Ingalls hỏi.

“Người chết là một doanh nhân,” vị bác sĩ pháp y đáp, vẫn bận bịu với cái xác. “Ông sẽ thấy tên ông ta trên báo chí. Một vụ tuyệt vời để khai thác, Ingalls à.”

“Ừm,” bác sĩ Ingalls đáp.

Bác sĩ Schilling la lên gì đó chẳng rõ, rồi hai nhân viên đi đến và đưa xác chết đi. “Đã xong,” ông nói, “bây giờ chúng ta có thể nói chuyện.” Ông cởi găng tay cao su và đi đến chỗ bồn rửa tay. “Điều gì đưa ngài đến nhà xác này, hả ngài Lane?”

“Một việc bất thường và vô nghĩa nhất trần đời, bác sĩ à. Tôi đang thử lần theo một mùi hương.”

Bác sĩ Ingalls nhướn mày. “Một mùi hương sao thưa ngài?”

Vị bác sĩ pháp y bật cười khi rửa tay. “Ngài đã đến đúng nơi, ngài Lane ạ. Nhà xác này có nhiều mùi hay ho lắm đấy.”

“Chắc là chẳng có thứ mùi tôi tìm kiếm đâu, bác sĩ Schilling,” Lane mỉm cười. “Đó là một mùi hương ngọt ngào và dễ chịu. Nó dường như không liên quan đến vụ án, nhưng nó có thể rất quan trọng trong việc tìm ra hung thủ.”

“Mùi gì vậy?” bác sĩ Ingalls thắc mắc. “Có thể tôi giúp được đấy.”

“Đó là mùi vani.”

“Vani!” hai vị bác sĩ nhắc lại. Bác sĩ Schilling nhìn chăm chăm. “Ngài tình cờ bắt gặp mùi vani trong vụ án Hatter, ngài Lane. Lạ thật đấy, tôi công nhận.”

“Vâng, Louisa Champion xác nhận điều đó ngay khi tiếp xúc với hung thủ,” Lane kiên nhẫn giải thích, “cô ấy ngửi thấy một mùi hương mà lúc đầu được mô tả là ‘ngọt sắc’ rồi sau đó được xác định thông qua thử nghiệm là mùi vani. Các ngài có gợi ý gì không?”

“Mỹ phẩm, bánh ngọt, nước hoa, đồ ăn,” Ingalls nói nhanh. “Nhiều thứ để kể lắm, chẳng thứ nào đặc biệt đáng quan tâm cả.”

Lane phẩy tay. “Đương nhiên, chúng tôi đã điều tra chúng rồi. Tôi đã cố gắng để xác định những nguồn gốc phổ biến. Ngoài những thứ ông vừa đề cập ra. Chẳng đi đến đâu với những thứ như kem, kẹo, hương liệu các kiểu. Tôi e là chẳng thu được gì khi đi theo hướng đó.”

“Còn hoa?” vị bác sĩ pháp y nêu ý kiến.

Lane lắc đầu. “Manh mối duy nhất có liên quan là một giống phong lan nào đó thơm mùi vani. Nhưng như thế cũng không ổn, chúng tôi không tìm thấy dấu vết gì của thứ hoa đó trong vụ án này. Tôi nghĩ rằng ngài, bác sĩ

Schilling, ngoài kiến thức về những điều như vậy, có thể gợi ý một nguồn gốc để từ đó liên hệ trực tiếp với toàn bộ cục diện của vụ án này.”

Hai bác sĩ liếc nhìn nhau, và bác sĩ Ingalls nhún vai. “Thế còn chuyện hóa chất?” bác sĩ Schilling hỏi. “Với tôi có vẻ như...”

“Bác sĩ thân mến,” Lane nói với một nụ cười yếu ớt, “đó là lý do mà tôi ở đây. Cuối cùng tôi nghĩ rằng thứ mùi vani khó tìm này có thể là một loại hóa chất. Việc tôi đã không xem xét sự liên quan giữa vani và hóa học ngay từ đầu kể cũng phải thôi, khi tinh thần của hai vấn đề đó hoàn toàn trái ngược nhau, và chẳng kiến thức của tôi về khoa học thì vô cùng hạn hẹp. Có loại chất độc nào, bác sĩ Ingalls à, có mùi như vani không?”

Vị chuyên gia chất độc lắc đầu. “Tôi chưa thể nhớ ra ngay được. Chắc chắn đó không phải là độc tố thông thường, hay một dạng có liên quan.”

“Ông biết đấy,” bác sĩ Schilling trầm ngâm, “bản thân vani hầu như không có giá trị chữa bệnh. Ồ, có, đôi khi nó được sử dụng như một mùi hương kích thích trong trường hợp bị kích động hoặc sốt nhẹ, nhưng...”

Lane đột nhiên nhướng mắt vẻ quan tâm. Bác sĩ Ingalls giật mình, bật cười, vỗ cái đùi to béo của mình, và tiến đến chỗ chiếc bàn trong góc phòng, ông viết nhanh mấy chữ trong khi còn mãi cười. Sau đó, ông đi ra phía cửa. “McMurty!” ông la lên. Một nhân viên chạy đến. “Chuyển cái này cho Scott.” Người nhân viên liền nhận lệnh ngay. “Chờ chút,” vị chuyên gia chất độc mỉm cười. “Tôi nghĩ tôi đã phát hiện ra điều gì đó.”

Vị bác sĩ pháp y trông có vẻ khó chịu. Lane ngồi lặng lẽ. “Ông biết không, bác sĩ Schilling,” Lane điềm tĩnh nói, như thể kết quả ý nghĩ bất chợt của bác sĩ Ingalls không khiến ông quan tâm. “Tôi cứ tiếc mãi vì không nghĩ đến chuyện ngửi từng cái chai trong phòng thí nghiệm của York Hatter.”

“À, vâng, cái phòng thí nghiệm. Ngài có thể đã tìm thấy nó ở đó.”

“Ít ra cũng đáng để thử. Khi tôi nghĩ ra được thì thời cơ đã qua, ngọn lửa đã phá hủy phòng thí nghiệm và hầu hết chai lọ đã bị vỡ.” Ông thở dài. “Tuy nhiên, danh mục kiểm kê của ông Hatter vẫn còn nguyên vẹn, và tôi có thể nhờ ông, bác sĩ Ingalls, để cùng với tôi xem nó và kiểm tra từng chi

tiết được kê khai trong hồ đồng tài liệu của ông ta. Ông có thể tìm ra manh mối nào đó. Còn tôi thì đương nhiên bó tay với dạng công việc ấy rồi.”

“Tôi không tin,” nhà độc chất học đáp, “rằng một quy trình như vậy là thực sự cần thiết, ngài Lane ạ.”

“Tôi cũng hy vọng là không.”

Khi người nhân viên trở lại, anh ta mang theo một cái lọ nhỏ màu trắng. Lane đứng lên đột ngột khi bác sĩ Ingalls mở cái nắp nhôm, ngửi, mỉm cười và chìa cái lọ ra. Lane cầm lấy nó... Nó chứa đầy một thứ trông có vẻ vô hại, với màu sắc tổng thể và độ đặc quánh như mật ong. Ông đưa nó lên mũi ngửi...

“Tôi nghĩ rằng,” ông khẽ nói, thả cánh tay xuống, “ngài đã giúp chúng tôi rất nhiều, bác sĩ Ingalls ạ. Mùi vani không lẫn đi đâu được. Đây là thứ gì vậy?”

Nhà độc chất học châm một điều thuốc. “Nó được gọi là nhựa thơm Peru, ngài Lane ạ, và phần đáng kinh ngạc của chuyện này là ta có thể tìm nó ở bất kỳ hiệu thuốc và hàng ngàn căn nhà.”

“Nhựa thơm Peru...”

“Đúng rồi. Một chất lỏng đặc sệt được sử dụng rộng rãi, như ngài có thể thấy, sử dụng chủ yếu trong các loại dầu thơm và thuốc mỡ. Ngoài ra thì hoàn toàn vô hại.”

“Dầu thơm? Thuốc mỡ? Để làm gì vậy, thưa bác sĩ?”

Bác sĩ Schilling đập bộp lên trán. “Trời ạ!” ông la lên vẻ tức tối. “Tôi đúng là đồ ngu. Lẽ ra tôi phải nhớ ra chứ, mặc dù đã nhiều năm rồi tôi chẳng còn nghĩ về nó nữa. Nhựa thơm Peru được dùng như một thành phần chính trong các loại dầu thơm hay thuốc mỡ chữa một số bệnh về da nhất định. Rất phổ biến, ngài Lane ạ.”

Lane cau mày. “Bệnh về da... Lạ thật. Nó có được sử dụng khi ở trạng thái nguyên chất không?”

“Có, thi thoảng. Mặc dù chủ yếu được trộn với các thành phần khác.”

“Như vậy thì sao chứ?” bác sĩ Ingalls tò mò hỏi.

“Tôi thú nhận rằng hiện giờ...” Drury Lane ngồi xuống và dành hai phút trầm tư. Khi nhìn lên, đôi mắt ông đầy vẻ hồ nghi. “Bác sĩ Schilling, làn da

của bà Hatter có vấn đề gì không? Ông đã khám nghiệm tử thi thì hẳn phải nhận ra.”

“Thế thì ngài nhầm rồi,” vị bác sĩ pháp y trả lời một cách dứt khoát. “Thật đấy. Lớp biểu bì của bà Hatter cũng ổn như cơ quan nội tạng của bà ấy, ngoại trừ trái tim.”

“Ô, vậy là bà ấy chẳng có bệnh gì trong người ư?” Lane từ tốn hỏi, như thể câu trả lời của bác sĩ Schilling đã đánh thức điều gì đó trong ông.

Bác sĩ Schilling có vẻ bối rối. “Tôi không rõ nữa... Không. Khám nghiệm tử thi cho thấy không có tình trạng bệnh lý nào. Không phát hiện ra gì hết... Nhưng ý ngài là sao?”

Lane điềm tĩnh nhìn ông. Một ánh nhìn trầm tư hiện trên đôi mắt của vị bác sĩ. “Tôi hiểu. Không, ngài Lane à, không có biểu hiện bề ngoài nào như thế đâu. Nhưng tất nhiên là tôi đã không tìm kiếm những thứ như vậy. Tôi tự hỏi...”

Drury Lane bắt tay cả hai bác sĩ và rời khỏi phòng khám nghiệm tử thi. Bác sĩ Schilling dõi theo ông. Rồi ông nhún vai và nói với vị bác sĩ nghiên cứu về chất độc: “Một con người kỳ lạ, phải không Ingalls?”

CẢNH 6

Văn Phòng Bác Sĩ Merriam
Thứ Năm, Ngày 9 Tháng Sáu
11:45 A.M

Hai mươi phút sau đó, chiếc xe chở Drury Lane dừng lại trước ngôi nhà ba tầng trên phố Thứ Mười Một nằm giữa đại lộ Thứ Năm và Thứ Sáu - một khu phố cũ yên tĩnh quý phái cách công viên Square vài dãy nhà. Drury Lane xuống xe, nhìn lên, bắt gặp một tấm bảng đen và trắng gọn gàng treo trên cửa sổ tầng hai:

*Y. MERRIAM, BÁC SĨ Y KHOA.
GIỜ KHÁM BỆNH 11-12 A.M. 6-7 P.M*

Rồi từ từ bước lên hiên nhà bằng đá. Ông bấm chuông và một người hầu gái da màu ra mở cửa.

“Bác sĩ Merriam có nhà không nhỉ?”

“Mời ngài vào, thưa ngài.” Cô hầu gái dẫn ông vào một phòng chờ đang có vài người ngồi sẵn được bố trí tách rời khỏi sảnh trước. Trong phòng chờ có dăm bảy bệnh nhân, và Lane chọn một chiếc ghế cạnh cửa sổ đằng trước, kiên nhẫn chờ đến lượt mình.

Sau một tiếng ngồi không chờ đợi, một y tá ăn vận chỉnh tề mở cánh cửa trượt ở phía sau căn phòng và tiến về phía ông. “Ngài không hẹn trước, phải không?”

Lane lần mò tìm cái hộp danh thiếp. “Không. Nhưng tôi nghĩ bác sĩ Merriam sẽ tiếp tôi.”

Ông đưa cho cô y tá một tấm danh thiếp khiêm tốn của mình, và đôi mắt cô ta mở to. Cô vội vã tiến về phía cánh cửa trượt và nhanh chóng quay lại, theo sau là vị bác sĩ già Merriam, trong chiếc áo choàng phẫu thuật không tì vết.

“Ngài Lane!” vị bác sĩ nói, vội vã tiến về phía trước. “Tại sao ngài không thông báo trước cho tôi? Y tá của tôi thông báo rằng ngài đã ngồi đây chờ một tiếng rồi. Mời vào, mời vào.”

Lane đáp: “Chuyện nhỏ ấy mà,” rồi theo chân bác sĩ Merriam vào một văn phòng lớn, từ đó có thể trông thấy một phòng khám. Văn phòng này cũng giống như phòng chờ - gọn gàng, sạch sẽ và cổ điển.

“Mời ngồi, ngài Lane. Điều gì mang ngài đến nơi này? À, ngài cảm thấy không khỏe ư?”

Lane bật cười. “Không phải chuyện cá nhân đâu, bác sĩ à. Tôi lúc nào cũng khỏe như vâm ấy. Dấu hiệu duy nhất của tuổi già mà tôi để lộ ra là tôi thường hay khoe khoang về thành tích bơi xa...”

“Được rồi, cô Fulton,” bác sĩ Merriam đột ngột nói, và cô y tá đi ra ngoài, đóng chặt cánh cửa trượt lại sau lưng. “Bắt đầu đi, ngài Lane.” Ông cố gằn, bất chấp nét ôn hòa trong giọng nói, truyền đạt ấn tượng rằng rất cục ông là một người chuyên nghiệp, mà mỗi giây phút đều quý giá.

“Vâng.” Đôi tay Lane siết chặt lấy cái đầu gậy chống. “Bác sĩ Merriam, có bao giờ ngài kê đơn cho một thành viên trong gia đình Hatter, hay bất cứ ai có liên hệ với gia đình họ, một loại thuốc hương vani?”

“Hừm,” vị bác sĩ đáp. Ông ngả người lên chiếc ghế xoay. “Tôi hiểu là ngài vẫn lần theo dấu mùi hương vani. Không, tôi chưa từng kê.”

“Ngài chắc chứ, bác sĩ? Có thể ngài quên thì sao. Có thể đó là một ca kích động thái quá, hoặc theo những gì tôi hiểu được gọi là suy nhược thần kinh.”

“Không!” ngón tay bác sĩ Merriam lần mò những hoa văn trên tấm khăn trải trước mặt.

“Coi như ông đã trả lời xong câu này. Thế trong vài tháng trở lại đây, có thành viên gia đình nào được kê một toa thuốc chữa bệnh về da mà trong thành phần được chất có chứa nhựa thơm Peru không?”

Merriam nhảy dựng người, khuôn mặt ông đỏ lên. Rồi ông hạ mình trở lại, vẻ ngạc nhiên hiện trong đôi mắt xanh già nua. “Tuyệt đối không thể...” ông bắt đầu và dừng lại. Ông đứng lên đột ngột và tức giận nói: “Tôi từ chối trả lời các câu hỏi liên quan đến bệnh nhân của tôi, ngài Lane, và nó chẳng ích gì cho ngài...”

“Nhưng ông đã trả lời rồi mà, bác sĩ,” Lane nhẹ nhàng đáp. “Đó là York Hatter, phải không nào?”

Vị bác sĩ già vẫn đứng bên chiếc bàn, nhìn xuống tấm khăn trải bàn. “Rất tốt,” ông thấp giọng. “Vâng, đó chính là York. Khoảng chín tháng trước. Ông ấy đến gặp tôi với một cánh tay mang vết phát ban, chỗ phía trên cổ tay. Đó chỉ là chuyện vặt, dù ông ấy tỏ ra rất cảnh giác với nó. Tôi đã kê một loại thuốc mỡ có chứa nhựa thơm Peru - còn được gọi là nhựa thơm đen. Vì một số lý do mà ông ấy khẳng khẳng bảo tôi giữ kín - ông ấy e ngại về chuyện đó và yêu cầu tôi không nói với ai, thậm chí là người trong gia đình... Nhựa thơm Peru. Đáng ra tôi phải nghĩ đến rồi chứ...”

“Vâng,” Lane lãnh đạm đáp. “Ông nên nghĩ ra sớm; chúng ta sẽ tránh được nhiều rắc rối đáng kể. Ông ấy không đến khám lại nữa ư?”

“Không phải vì chuyện đó. Ông ấy hỏi ý kiến tôi về... những thứ khác. Có lần tôi hỏi ông ấy chỗ phát ban thế nào rồi. Ông nói chỗ phát ban tái phát định kỳ, và vẫn dùng chỗ thuốc mỡ tôi đã kê. Tôi nghĩ ông ấy tự kê đơn được - ông ấy có bằng dược sĩ mà. Và tự băng bó cánh tay được nữa.”

“Tự ư?”

Bác sĩ Merriam tỏ vẻ bị phiền hà. “Vâng, ông ấy bảo cô con dâu Martha có lần đi vào phòng trong lúc ông ấy đang bôi thuốc; và ông ấy buộc phải kể cánh tay mình bị làm sao. Cô ấy tỏ vẻ thương cảm, rồi sau đó thì thoảng giúp ông ấy băng bó cánh tay.”

“Thú vị thật,” Lane khê nói. “Bố chồng con dâu nhà này không có vấn đề gì đúng không nhỉ?”

“Tôi không tin như vậy. Ông ấy chẳng để tâm nếu cô ta biết, ông ấy bảo tôi; Martha là người duy nhất trong nhà mà ông có thể tin tưởng là kín mồm kín miệng.”

“Hừm... Martha. Hai người họ quả thực là những kẻ ngoài cuộc duy nhất, theo một nghĩa nào đó, sống trong ngôi nhà tại thời điểm đó.” Lane dừng lại, rồi nói nhanh: “Nguyên do bệnh ngoài da của York Hatter là gì, thưa bác sĩ?”

Vị bác sĩ chớp mắt. “Tình trạng máu. Thật đấy, ngài Lane ạ...”

“Ông làm ơn cho tôi một bản sao của toa thuốc ban đầu nhé?”

“Chuyện nhỏ,” Merriam nhẹ nhõm đáp. Ông với lấy một tờ đơn thuốc và chăm chú viết bằng một cây bút cùn cũng cổ lỗ như cái văn phòng này. Khi hoàn thành, Lane nhận đơn thuốc từ vị bác sĩ và liếc qua nó. “Không có gì độc hại phải không?”

“Tất nhiên là không rồi!”

“Chỉ hỏi phòng xa thế thôi, bác sĩ ạ,” Lane khẽ nói, cất đơn thuốc vào trong ví. “Và giờ, ông có thể cho tôi xem bệnh án của York Hatter...”

“Hả?” bác sĩ Merriam chớp mắt một lần nữa, rất nhanh, và sắc đỏ dâng lên trên đôi tai mềm của ông. “Bệnh án của tôi?” ông la lên. “Thật là xúc phạm! Yêu cầu tôi phải tiết lộ chi tiết riêng tư về bệnh nhân của mình... Tại sao, tôi chưa từng thấy điều gì như vậy! Tôi...”

“Bác sĩ Merriam, hãy nói cho rõ nhé. Tôi hoàn toàn đánh giá cao và hoan nghênh thái độ của ông. Tuy nhiên, ông cũng biết rằng tôi ở đây như là một đại diện chính thức của luật pháp, mà mục đích của tôi chỉ là để bắt một kẻ giết người.”

“Vâng, nhưng tôi không thể...”

“Có thể sẽ còn những vụ giết người nữa. Việc hỗ trợ cảnh sát nằm trong tầm tay của ông, và có thể ông còn nắm giữ những thông tin giá trị mà chúng tôi còn chưa biết. Vậy đâu là bí mật nghề nghiệp của ông?”

“Tôi không thể làm vậy” vị bác sĩ lẩm bẩm. “Như thế là đi ngược lại đạo đức ngành y.”

“Cứ tạm treo đạo đức ngành y đấy.” Nụ cười tắt khỏi khuôn mặt Lane. “Tôi có nên kể ra vì sao ông không thể tiết lộ với tôi không nhỉ? Đạo đức nghề nghiệp! Ông nghĩ tôi điếc nên cũng mù luôn chắc?”

Điều gì đó như vẻ sợ sệt len vào đôi mắt vị bác sĩ già và bị giấu đi ngay tức khắc khi ông ta khép mi mắt lại. “Cái quái gì...” ông ta ấp úng. “Ý ngài

là sao?”

“Ý tôi chính xác là thế đấy. Ông từ chối đưa thông tin tiền sử bệnh lý nhà Hatter cho tôi vì sợ rằng tôi sẽ phát hiện ra cái bí mật động trời trong gia đình họ.”

Bác sĩ Merriam cứ nhắm chặt mi lại. Lane dịu đi và nụ cười nhạt quay trở lại; không phải là một nụ cười đắc thắng mà là một nụ cười buồn bã. “Bác sĩ à, chẳng phải mọi sự quá dễ hiểu sao. Tại sao Louisa Campion sinh ra bị mù và câm, sau này bị điếc dần nữa...” Bác sĩ Merriam tái nhợt. “Tại sao Barbara Hatter lại là một thiên tài... Tại sao Conrad Hatter lại có những cơn thịnh nộ điên cuồng, tại sao anh ta cứ say xỉn bê tha như thế... Tại sao Jill Hatter lại phóng túng và xinh đẹp, sớm hư hỏng, một con người lãng loàn...”

“Ôi, dừng lại đi, vì Chúa,” bác sĩ Merriam la lên. “Tôi đã biết chúng quá lâu - nhìn thấy chúng lớn lên - chiến đấu cho bản thân, cho quyền sống như những con người tử tế...”

“Tôi biết, bác sĩ,” Lane nhẹ nhàng nói. “Ngài đã tuân thủ những luân lý khắc khổ nhất trong nghề nghiệp của mình. Đồng thời, lương tâm ngài đã thúc đẩy những hành động quả cảm. ‘Cơn bệnh bùng phát,’ như Claudius nói, ‘khi công cụ tuyệt vọng được giải phóng.’”

Bác sĩ Merriam thu mình vào trong chiếc ghế.

“Nào có khó hiểu gì đâu,” Lane tiếp tục bằng giọng nhẹ nhàng. “Tôi biết tại sao họ lại hơi điên cuồng, hoang dại, lập dị; tại sao ông York Hatter tội nghiệp lại tự tử. Tất nhiên, gốc rễ của sự việc là Emily Hatter. Giờ thì tôi dám chắc bà ta đã gây nên cái chết của người chồng đầu tiên, Thomas Campion, bằng cách lây nhiễm cho chồng trước khi ông ta biết mình gặp nguy hiểm; bà ta cũng lây bệnh cho người chồng thứ hai, Hatter, và truyền mầm mống bệnh tật cho con cái, rồi cháu chắt... Thật khủng khiếp khi chúng ta tận mắt thấy vấn đề này, bác sĩ ạ, và trong tình trạng khẩn cấp này phải quên đi việc cân nhắc đạo đức.”

“Vâng.”

Lane thở dài. “Bác sĩ Schilling không tìm thấy dấu vết của nó khi khám nghiệm tử thi, nên tôi đoán là ông đã áp dụng một phương thức chữa

bệnh?”

“Khi đã quá muộn để cứu những người khác,” Merriam lẩm bẩm. Ông ta đứng dậy chẳng nói một lời và lê bước chân nặng nề đến chỗ cái tủ có khóa trong góc phòng. Mở khóa ra, ông tìm một tập hồ sơ và lấy ra một số thẻ bệnh án cỡ lớn. Ông ta lặng lẽ trao chúng cho Lane và lại ngồi xuống, người run rẩy và nhột nhạt. Trong suốt thời gian Lane đọc chỗ bệnh án đó, ông ta chẳng thốt ra lấy nửa lời.

Những ghi chép dài dằng dặc, và tất cả đều gồm những nét đặc trưng tương tự nổi bật. Khi Lane đọc, ông gật gù suốt, biểu hiện của nỗi buồn hằn sâu dần trên khuôn mặt thân thiện còn chưa già. Tiền sử bệnh án của bà Hatter được liệt kê từ khi bác sĩ Merriam bắt đầu chữa bệnh cho bà ta, ba mươi năm trước, khi Louisa Champion, Barbara, và Conrad Hatter đã được sinh ra, cho đến lúc bà ta qua đời. Một bệnh án u ám, và Lane đặt nó sang một bên với một cái cau mày. Ông lướt qua mấy cái thẻ cho đến khi tìm thấy bệnh án của York Hatter. Bệnh án này ít chi tiết hơn, và sau một cái nhìn lướt vội vàng qua một số lượng lớn các ghi chú, Lane tập trung vào mục cuối cùng, một tháng trước khi York Hatter biến mất vào năm ngoái:

Tuổi 67 ... Cân nặng 70kg, tốt ... Chiều cao 1m65 ... Huyết áp 190... Tình trạng tim yếu ... Da ổn ... Xét nghiệm Wassermann - dương tính 1 +.

Bệnh án tiếp theo của Louisa Champion mà Lane tra cứu, ghi ngày 14 tháng Năm ở dòng cuối cùng:

Tuổi 40 ... Cân nặng 67kg (thừa cân) ... Chiều cao 1m63 ... Ngực chớm đau ... Mắt, tai, thanh quản - không có hy vọng?... Loạn thần kinh chức năng ngày càng tăng ... Xét nghiệm Wassermann - âm tính. Theo dõi tim ... Chế độ ăn uống theo đơn số 114.

Lần khám bệnh cuối cùng của Conrad Hatter mà bác sĩ Merriam thực hiện, theo thẻ của anh ta, vào ngày 18 tháng Tư năm ngoái:

Tuổi 31 ... Cân nặng 79kg (không tốt) ... Chiều cao 1m78 ... Tình trạng tổng thể xấu ... Gan xấu ... Tim nhiễm mỡ ... Nghiện rượu nặng ... Xét nghiệm Wassermann - âm tính... Nặng hơn lần khám trước ... Khuyến sống thanh đạm, nhưng vô hiệu.

Barbara Hatter, từ mục cuối cùng trên thẻ của mình, vừa đến khám bác sĩ Merriam vào tháng Mười hai năm ngoái:

Tuổi 36 ... Nặng 58kg (thiếu cân) ... Chiều cao 1m70 ... Thiếu máu nặng hơn ... Đang điều trị gan ... Tình trạng tổng thể tốt... Gan tốt sẽ giảm bớt thiếu máu ... Xét nghiệm Wassermann - âm tính ... Hôn nhân sẽ giúp ích.

Jill Hatter, ngày 24 tháng Hai năm nay:

Tuổi 25 ... Cân nặng 61kg ... Chiều cao 1m66 ... Sức khỏe sa sút ... Thử dùng thuốc bổ thần kinh ... Tim chớm đập nhanh?... Nghiện rượu nhẹ ... Áp xe răng khôn hàm dưới, bên phải, cần chú ý ... Xét nghiệm Wassermann - âm tính.

Jackie Hatter, mồng 1 tháng Năm năm nay:

Tuổi 13 ... Cân nặng 18kg ... Chiều cao 1m42 ... Theo dõi cân thận ... Dậy thì muộn ... Thể chất dưới trung bình ... Xét nghiệm Wassermann - âm tính.

Billy Hatter, mồng 1 tháng Năm năm nay:

Tuổi 4 ... Cân nặng 14,5kg ... Chiều cao 86cm ... Tim, phổi tốt ... Có vẻ bình thường, tổng thể khỏe mạnh... Theo dõi thêm.

“Thật buồn,” Drury Lane nhận xét khi ông xếp các thẻ bệnh án lại và trả cho bác sĩ Merriam. “Tôi thấy rằng ông không có bệnh án của Martha Hatter.”

“Không,” Merriam đáp thần thờ. “Cô ấy đã khám vài lần ở chỗ bác sĩ khác, và vì lý do nào đó chẳng bao giờ để tôi khám, dù cô ấy vẫn mang các con đến chỗ tôi để kiểm tra định kỳ.”

“Vậy là cô ấy cũng biết?”

“Vâng. Chẳng trách cô ấy ghét và khinh miệt chồng mình.” Vị bác sĩ đứng dậy; rõ là buổi điều tra đã làm ông ta khó chịu, và có điều gì đó kiên quyết hiện trên khuôn mặt già nua khiến Lane cũng đứng dậy theo và cầm chiếc mũ của mình lên.

“Ông có giả thuyết nào liên quan đến vụ hạ độc Louisa Campion và vụ sát hại bà Hatter không, thưa bác sĩ?”

“Tôi chẳng ngạc nhiên nếu ngài phát hiện ra kẻ giết người và hạ độc là ai đó trong gia đình Hatter,” Merriam buồn bã đáp. Ông ta đi quanh bàn và đặt tay lên cánh cửa. “Ngài nên cố bắt, xét xử và kết án hung thủ, ngài Lane. Nhưng tôi xin khuyên ngài thế này.” Họ cùng nhìn vào mắt nhau trong khoảnh khắc. “Chẳng ai với kiến thức khoa học hoặc tri giác thông thường có thể trong chốc lát mà bắt một thành viên nào đó của gia đình Hatter phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức đối với tội ác kia. Đầu óc họ đã bị lệch lạc bởi sự di truyền tự nhiên khủng khiếp. Và tất cả họ sẽ đi đến một kết thúc tồi tệ.”

“Tôi thành thật tin là không,” Drury Lane đáp, và rời đi.

CẢNH 7

Nhà Hatter

Thứ Năm, Ngày 9 Tháng Sáu

3:00 P.M

Lane dành hai tiếng đồng hồ tiếp theo một mình. Ông cảm thấy cần một sự tĩnh mịch. Ông cảm thấy khó chịu với chính mình. Tại sao ông lại quá đặc biệt chú tâm đến vụ án này như thế? Ông tự bắt mình như vậy. Sau rốt cục, bốn phận của ông, nếu ông có một bốn phận, là vì công bằng pháp luật. Phải không nhỉ? Có lẽ công lý đòi hỏi ở ông nhiều hơn...

Ông chất vấn mình liên tục khi Dromio lái xe đưa ông xuống phố đến chỗ Eriars Club. Lương tâm của ông sẽ không để cho ông một mình. Ngay cả trong sự bình yên tại góc ngồi yêu thích của mình ở câu lạc bộ, ăn trưa một mình, máy móc đáp lại những lời chào của bạn bè, người quen và đồng nghiệp cũ của nhà hát, Lane cũng không thể mang lại cho mình một trạng thái thoải mái về tinh thần. Khuôn mặt ông như dẫn ra không ngớt khi ông gầy gót đồng hồ ăn. Hôm nay ngay cả thịt cừu Anh cũng trở nên khó ăn. Sau bữa trưa, như một con thiêu thân bay vào lửa, Drury Lane bảo Dromio lái xe đưa ông xuống phố đến nhà Hatter.

Ngôi nhà toát lên vẻ yên tĩnh, ông thầm cảm ơn vì điều đó. Khuôn mặt cục mịch của George Arbuckle, người gia đình, trừng mắt nhìn khi ông bước qua tiền sảnh vào đại sảnh. “Thanh tra Thumm có ở đây không?”

“Trên gác trong phòng của ông Perry.”

“Hãy mời ngài ấy đến phòng thí nghiệm.”

Lane trầm tư leo lên cầu thang. Cánh cửa phòng thí nghiệm đã được mở, và thám tử Mosher đang tựa người trên cái bàn gỗ gần cửa sổ.

Cái mũi gậy của thanh tra Thumm đã xuất hiện, và ngài lễ nhè một lời chào. Mosher nhảy dựng lên, nhưng Thumm vẫy tay bảo anh ta đứng sang một bên và chăm chăm quan sát Lane, người đang bận lục lọi trong tủ hồ sơ. Ông đứng thẳng lên ngay sau đó với một bản kiểm kê vật tư của phòng thí nghiệm.

“À,” ông nói. “Đây rồi. Chờ chút, thanh tra.”

Ông ngồi xuống cái ghế xoay đã cháy một nửa cạnh chiếc bàn có nắp cũ và bắt đầu kiểm tra các thẻ danh mục. Ông nhìn qua từng chiếc thẻ một, và cứ thế chuyển qua chiếc khác mà không dừng lại. Nhưng ở thẻ thứ ba mươi, ông khẽ kêu lên và dừng lại. Thumm nhòm người qua vai Lane để xem thứ gì đã khiến ông hài lòng như vậy. Chiếc thẻ mang các ký tự: # 30; và bên dưới con số đó là chữ *AGAR-AGAR*. Nhưng Lane có vẻ quan tâm đến chi tiết là chữ *AGAR AGAR* bị gạch ngang một cách gọn gàng, và được thay bằng dòng *NHỰA THƠM PERU* bên dưới. “Chuyện quái nào vậy?” Thumm thắc mắc.

“Kiên nhẫn đi, thanh tra.” Lane đứng dậy và đi đến góc phòng, nơi các mảnh vỡ thủy tinh đã được gom lại sau vụ nổ. Ông tập trung vào các mảnh vỡ, dường như mải mê với việc kiểm tra những chai lọ bị hư hại ít nhất. Tìm kiếm không thành công, ông tiến tới chỗ những cái kệ cháy dở và nhìn lên ngăn giữa của kệ cao nhất. Chẳng còn chai lọ nào còn ở đó. Ông gật đầu, quay trở lại chỗ đồng mảnh vỡ, chọn vài chai lọ còn nguyên vẹn, và cẩn thận sắp xếp chúng ở ngăn giữa của kệ trên cùng. “Tuyệt vời,” ông nói, phúi tay, “tuyệt vời. Và bây giờ, thanh tra, tôi có thể nhờ Mosher làm chút chuyện không?”

“Tất nhiên rồi.”

“Mosher, cho gọi Martha Hatter.”

Mosher nhún người, cười tươi, và ịch ra khỏi phòng thí nghiệm. Anh ta trở lại ngay, đi trước là Martha, đóng cửa lại, và dựa người lên đó trong tư thế canh gác nghiêm chỉnh.

Martha Hatter ngấp ngừng đứng trước mặt Thumm và Lane, dò xét khuôn mặt của hai người họ. Cô trông tồi tệ hơn bao giờ hết, quầng thâm hằn sâu dưới mắt, mũi nhăn lại, đôi môi mím chặt, làn da nhợt nhạt và xanh xao.

“Hãy ngồi xuống, cô Hatter,” Lane nói thân mật. “Chúng tôi hỏi chút thông tin thôi... Tôi biết rằng cha chồng cô đã bị một căn bệnh ngoài da nào đó?”

Cô ta khựng lại khi đang chuẩn bị ngồi xuống, giật bắn người. “Tại sao...?” Sau đó cô ta ngồi thụp xuống cái ghế xoay. “Vâng, đó là sự thật. Nhưng làm thế nào ông biết được? Tôi nghĩ không ai...”

“Cô nghĩ thế nhưng còn có cô, York Hatter, và bác sĩ Merriam biết. Một vấn đề đơn giản ... cô đã kín đáo giúp ông Hatter bôi thuốc mỡ và băng bó cánh tay của mình?”

“Chuyện này là thế quái nào đây?” Thumm lẩm bẩm.

“Vâng, tôi đã làm vậy. Đôi khi ông ấy gọi tôi vào nhờ giúp.”

“Tên của loại thuốc đó là gì, cô Hatter?”

“Tôi thực sự không nhớ tên.”

“Cô có biết nơi ông Hatter cất nó?”

“Ồ, có chứ!” Nó nằm trong một trong những cái lọ đằng kia...” Cô ta đứng dậy và bước nhanh đến bên cái kệ. Đứng trước cái ngăn giữa cô ta kiễng chân và tìm cách lấy xuống một trong những cái lọ mà vừa nãy Lane đã xếp lên đó. Đôi mắt Lane dán chặt vào Martha, ông để ý thấy cô ta đã lấy đúng cái lọ ở phần chính giữa ngăn kệ.

Cô đưa cho ông cái lọ, nhưng ông lắc đầu. “Xin hãy tháo nắp và ngửi mùi bên trong đó, cô Hatter.”

Cô ta làm theo vẻ ngỡ ngàng, “Ồ, không,” cô thốt lên ngay khi ngửi mùi. “Đây không phải loại thuốc mỡ đó. Nó trông giống như mật ong lỏng cơ mà, và có mùi như...” Có một sự im lặng chết chóc tức thời khi cô ta chưa kịp nói hết câu. Hàm răng trên cắn sâu vào môi dưới. Một biểu hiện của sự sợ hãi kinh khủng lan trên khuôn mặt thất thần của Martha, và cô ta đánh rơi cái lọ. Nó vỡ vụn trên sàn nhà.

Thumm đang chăm chú quan sát. “Chà chà!” Ngài cất giọng khàn khàn. “Nó có mùi gì vậy, cô Hatter?”

“Thế nào hả cô Hatter?” Lane nhẹ nhàng nói.

Cô ta lắc đầu như một cỗ máy. “Tôi không... nhớ.”

“Mùi như vani, phải không cô Hatter?”

Cô ta bắt đầu lùi về phía cửa ra, mắt vẫn nhìn chăm chăm Drury Lane. Ông thở dài, đứng thẳng lên, vỗ nhẹ vào cánh tay cô ta như muốn trấn an, vẫy Mosher đứng sang một bên, và mở cửa ra. Cô ta bước ra ngoài với những bước đi chậm của một người mộng du.

“Trời ạ!” Thumm la lên, người nhún nhảy, “thứ thuốc bôi ngoài da mùi vani! Tin nóng, quá nóng!”

Drury Lane đi đến chỗ lò sưởi và đứng trong tư thế khom mình, quay lưng về phía lò sưởi. “Đúng thế,” ông nói vẻ trầm tư, “tôi tin rằng cuối cùng chúng ta đã phát hiện ra nguồn gốc của thứ mùi mà cô Campion đã khai báo, thanh tra à.”

Thumm tỏ vẻ hân hoan; ngài đi tới đi lui, nói chuyện với chính mình còn nhiều hơn với Lane. “Tuyệt quá! Một tình tiết đột phá... Hãy nghĩ mà xem, về chuyện Perry... Chúa ơi! Mùi vani và thứ thuốc đó... Ngài nghĩ sao về việc này, ngài Lane?”

“Tôi nghĩ rằng ngài thật khờ khi cho giam giữ Perry, thanh tra à,” Lane mỉm cười.

“À, cái đấy thì! Đúng, tôi cũng bắt đầu nghĩ vậy. Vâng, thưa ngài,” Thumm tiếp tục với một ánh mắt ranh ma, “tôi bắt đầu thấy mặt trời chân lý rồi.”

“Hả?” Lane đột ngột nói. “Cái gì thế?”

“Ồ, không, ngài không biết đâu,” viên thanh tra cười tí. “Ngài đã có lượt chơi của mình rồi, ngài Lane à, và tôi nghĩ giờ đến lượt tôi. Không tiết lộ gì hết. Nhưng đúng là lần đầu tiên trong vụ án đáng nguyên rủa này, tôi đã có thứ thực sự đáng làm.”

Lane điềm tĩnh đáp lời. “Ngài đã có một giả thuyết mới ư?”

“Sắp thôi, sắp thôi,” Thumm cười tủm. “Tôi vừa nghĩ ra thôi. Một trong những nguồn cảm hứng ngài đã đọc, ngài Lane ạ. Tuyệt thật! Sẽ thật kinh

ngạc, chỉ khi có thể...” viên thanh tra khệ nệ đi ra cửa. “Mosher,” ngài nghiêm nghị nói, “cậu và Pink chịu trách nhiệm về căn phòng này. Rõ chưa?” Ngài liếc về phía cửa sổ; chúng đã bị bịt kín. “Không được rời khỏi phòng dù chỉ một giây. Nhớ đấy!”

“Tôi sẽ thu lại huy hiệu nếu anh rời vị trí. Đi cùng tôi không, ngài Lane?”

“Trong khi chẳng biết ngài đi đường nào ư, thanh tra, tôi nghĩ là không... À nhân tiện, trước khi đi - ngài có thước dây không?”

Thumm dừng trước ngưỡng cửa và nhìn chăm chăm lại. “Thước dây? Ngài muốn thứ đó để làm trò gì vậy?” Ngài lấy ra một cái thước gấp từ túi áo của mình và đưa nó cho Lane.

Mỉm cười, Lane cầm lấy nó và lại tiến về chỗ những chiếc kệ. Ông mở cái thước ra và đo khoảng cách giữa mép dưới của kệ trên cùng và mép trên của kệ thứ hai. “Hừm,” ông lẩm bẩm. “Mười lăm centimét... Tốt, tốt! Và mỗi cái kệ dày hai phân rưỡi...” Ông vuốt ve cầm, gật đầu, và sau đó, với một biểu hiện khác thường của sự u sầu trộn lẫn vẻ toại nguyện, ông gấp cái thước lại và trả nó cho Thumm.

Vẻ hân hoan của Thumm như tắt lịm ngay tức khắc. “Nghĩ mà xem,” viên thanh tra gắt, “hôm qua ngài bảo rằng có hai hướng điều tra. Mùi hương vani là một - đây là hướng thứ hai ư?”

“Hả? ồ, ngài muốn nói chuyện đo đạc này sao? Không đâu.” Lane lơ đãng lắc đầu. “Tôi vẫn đang nghiên cứu hướng tiếp cận đó.”

Viên thanh tra do dự, như muốn hỏi thêm gì nữa, rồi lắc đầu như một người muốn để nguyên mọi chuyện, ngài rời đi. Mosher thờ ơ nhìn theo.

Theo chân Thumm, Lane bước chậm rãi khỏi phòng thí nghiệm. Ông ngó vào phòng ngủ của bà Smith bên cạnh; nó trống không. Tha thần dọc theo hành lang, ông dừng lại trước một cánh cửa ở góc đông nam và gõ; không có ai ra mở cửa. Ông bước xuống cầu thang, chẳng gặp ai, rồi đi ra đằng sau nhà tới khu vườn. Bất chấp cái lạnh trong không khí, bà Smith đang ngồi đó đọc một cuốn sách dưới chiếc ô lớn bên cạnh Louisa Champion, người đang nằm trên một cái ghế xếp, dường như đang ngủ. Gần đó, ngồi xồm trên cỏ và nhìn chăm chú xuống đất, là Jackie và Billy, lần đầu tiên

thấy chúng chơi trong lặng lẽ. Chúng đang quan sát một đàn kiến, và cả hai dường như bị cuốn hút bởi cuộc hành quân bận rộn của những chú kiến.

“Bà Smith,” Lane cất tiếng, “bà có thể cho tôi biết nơi tôi có thể tìm thấy cô Barbara Hatter không?”

“Ôi! Bà Smith giật mình, thả cuốn sách xuống. “Tôi xin lỗi; ông làm tôi giật mình. Tôi nghĩ rằng cô Hatter đã ra ngoài với sự cho phép của ngài thanh tra, nhưng tôi không biết là đi đâu, hoặc khi nào cô ấy trở về.”

“Tôi hiểu.” Ông nhìn xuống thứ đang kéo quần mình; đó là Billy, khuôn mặt nhỏ xinh ửng hồng, đang nghển cổ lên và lớn tiếng: “Cho cháu kẹo, cho cháu kẹo!”

“Xin chào, Billy,” Lane nghiêm nghị nói.

“Bác Barbara đã đi đến nhà tù, đi đến nhà tù để gặp thầy Perry!” cậu nhóc mười ba tuổi Jackie kêu lên, thử kéo dây gậy mây của Lane.

“Có thể,” bà Smith nói và khịt mũi.

Lane nhẹ nhàng dứt ra khỏi sự đeo bám của hai chú nhóc - dường như ông không có tâm trạng để chơi - và men theo lối đi quanh ngôi nhà để tới phố Waverly Place. Bên lề đường, nơi xe và Dromio đang đứng đợi, khi ông ngoái lại một cái nhìn đau khổ hiện lên trong đôi mắt. Sau đó ông nặng nề leo vào xe.

CẢNH 8

Phòng Làm Việc Của Barbara
Thứ Sáu, Ngày 10 Tháng Sáu
11:00 A.M

Sự tĩnh lặng đầy hiểm nguy đang chiếm lĩnh nơi cư ngụ của nhà Hatter. Điên loạn vẫn chiếm ưu thế vào sáng hôm sau, khi Drury Lane quay lại đó. Không thấy thanh tra Thumm đâu; có vẻ ngài chưa quay lại kể từ lúc rời đi chiều hôm trước, vợ chồng Arbuckle báo như thế. Vâng, cô Barbara có ở nhà.

“Cô ấy ăn sáng trong phòng mình,” bà Arbuckle chua chát nói. “Vẫn chưa xuống nhà, và giờ đã mười một giờ rồi.”

“Làm ơn hỏi xem tôi có thể gặp cô ấy không.”

Bà Arbuckle nhường mày biểu cảm, nhưng vẫn ngoan ngoãn leo lên gác. Khi quay lại, bà ta nói: “Cô ấy bảo được thôi. Mời lên gác.” Buổi chiều hôm trước, Barbara đang hút một điếu thuốc bằng một cái cán bằng ngọc bích dài; với đôi chân co lên, cô đang ngồi trên một bệ cửa sổ nhìn ra công viên. “Mời vào, và thứ lỗi cho cách ăn mặc của tôi.”

”Thật quyến rũ.”

Barbara đang mặc một chiếc áo choàng lụa màu cam, mái tóc vàng nhạt của cô rũ qua vai. “Đừng để ý đến hiện trạng phòng tôi, ngài Lane,” cô mỉm cười. “Tôi vốn nổi tiếng là cầu thả, và nó chưa được dọn dẹp. Có lẽ chúng ta nên vào phòng làm việc của tôi.”

Thông qua tấm rèm nửa mở nửa khép, cô dẫn ông tới một căn buồng nhỏ trong phòng ngủ. Những món đồ nội thất giản dị - một chiếc bàn lớn,

những giá sách hỗn độn quanh tường, một cái máy chữ, và một cái ghế. “Tôi đã viết nguệch ngoạc cả buổi sáng nay,” cô giải thích. “Mời ngồi xuống chiếc ghế đó, ngài Lane. Tôi sẽ dùng cái bàn này.”

“Cảm ơn cô. Một căn phòng thú vị, cô Hatter, và khá giống những gì tôi mừng tượng.”

“Có thật không?” Barbara cười lớn. “Mọi người nói những điều kỳ quặc nhất về ngôi nhà và tôi. Tôi đã nghe người ta bảo rằng phòng tôi có tường, sàn và trần nhìn xuyên qua được, một thủ đoạn khoái lạc, ngài sẽ thấy! Rằng tôi có người yêu mới mỗi tuần; rằng tôi không có giới tính; tôi uống ba lít cà phê đen và bốn lít rượu gin mỗi ngày... Thực ra, bằng vào đôi mắt sắc sảo của ngài, thưa ngài Lane, có thể thấy tôi chỉ là một người tầm thường nhất. Một nữ thi sĩ không thối xấu, bất chấp những tin đồn.”

Lane thở dài. “Cô Hatter, tôi đến để đặt một câu hỏi rất đặc biệt với cô.”

“Thật ư?” Vẻ thoải mái và thanh thản tan biến. “Và câu hỏi đó là gì, thưa ngài Lane?” Cô nhặt một cây bút chì to, mài cho đầu vẹt đi và bắt đầu vẽ nguệch ngoạc vô nghĩa trên bàn làm việc.

“Khi lần đầu tiên gặp cô, cái lần cô trò chuyện với thanh tra Thumm, công tố viên Bruno, và tôi nữa, cô đã nói điều gì đó mà chẳng biết tại sao cứ văng vẳng trong đầu tôi mãi không thôi. Tôi cứ muốn tranh thủ lúc nào đó hỏi cô thêm về nó, cô Hatter ạ.”

“Điều gì vậy?” cô ta hạ giọng hỏi.

Lane nghiêm trang nhìn vào mắt cô. “Cha cô đã bao giờ viết một câu chuyện trinh thám chưa?”

Cô nhìn chăm chăm vào ông vẻ ngạc nhiên hết sức, điều thuốc rũ khỏi đôi môi cô. Sự ngạc nhiên thật rõ ràng, Lane nhận ra ngay; như thể Barbara đang chờ đợi trong e dè một câu hỏi hoàn toàn khác. “Tại sao...” Cô cười. “Thật đáng kinh ngạc, ngài Lane ạ!” Ngài như vị thám tử Sherlock già dễ mẫn trong những cuộc phiêu lưu mà tôi ưa thích khi còn là một đứa trẻ... Vâng, cha tôi có viết. Nhưng sao ngài lại biết?”

Drury Lane nhìn chăm chăm một lúc, rồi ông thả ra một tiếng thở dài. “Vậy là,” ông nói chậm rãi. “Tôi đã đúng.” Một thế giới của nỗi buồn không thể giải thích ngập đầy đôi mắt ông, và ông nhanh chóng nhắm

chúng lại để giấu đi cảm xúc bên trong. Cô nhìn ông với một nụ cười nhạt. “Lần đó cô đã bảo cha cô có tập viết tiểu thuyết. Còn phần đặc biệt trong câu hỏi của tôi - thì là do những sự thật rành rành chỉ ra chứ không hẳn là do đoán mò.”

Barbara dụi tắt điều thuốc của mình. “Tôi e là mình chưa hiểu hết,” cô nói. “Nhưng tôi... tôi tin ngài, thưa ngài Lane... Cách đây cũng lâu - khoảng đầu mùa thu năm ngoái, cha tôi ngăn ngại đến chỗ tôi và hỏi xem tôi có thể giới thiệu một người đại diện tác giả tốt. Tôi bảo là tôi làm được. Tôi đã khá ngạc nhiên - ông ấy đang viết gì đó ư?”

Cô dừng lại, và Lane khẽ nói: “Xin hãy tiếp tục đi.”

“Ban đầu cha tôi tỏ ra ngập ngừng. Nhưng tôi đã động viên ông, và cuối cùng, khi tôi hứa sẽ giữ bí mật về nó, ông thú nhận rằng đang lên kế hoạch viết một câu chuyện trinh thám.”

“Lên kế hoạch ư?” Lane hỏi nhanh.

“Đó là điều mà ông ấy nói, tôi nhớ như thế. Ông đã chuẩn bị ý tưởng dưới dạng phác thảo. Ông nghĩ mình đã sáng tạo nên điều gì đó thật thần tình, và ông muốn tham khảo ý kiến một người nào đó trong lĩnh vực sách vở để xem có cơ hội nào để xuất bản khi nó được hoàn thành không.”

“Vâng, vâng. Tôi hiểu; mọi chuyện đã rõ. Ông ấy còn nói gì nữa không, cô Hatter?”

“Không. Thực ra tôi không quá... quá hứng thú đâu, ngài Lane ạ,” cô khẽ đáp, “và giờ tôi thấy xấu hổ.” Cô nhìn chăm chăm vào cây bút chì. “Dù tôi khá thích thú trước cái thôi thúc sáng tạo bất ngờ của cha mình trên lĩnh vực này, người luôn có những sở thích đặc biệt mang tính kỷ luật. Thì đó là lần cuối cùng tôi nghe ông kể về nó.”

“Cô từng kể lại chuyện này với ai chưa?”

Cô lắc đầu. “Tôi gần như quên khuấy nó đi cho đến lúc ngài hỏi tôi câu đó.”

“Cha cô thích sự bí mật,” Lane nhận xét. “Liệu có khả năng ông ấy đã kể với mẹ cô hay những người khác về nó không?”

“Tôi chắc là không đâu. Nếu có kể, thì tôi đã nghe nói rồi.” Cô thở dài. “Jill là một đứa ba hoa, nó sẽ lấy chuyện đó làm vui cho mọi câu chuyện,

tôi biết như thế. Conrad sẽ cười nhạo chuyện này trước mặt chúng tôi; còn cha tôi, tôi chắc chắn, sẽ không kể với mẹ tôi đâu.”

“Sao cô có thể chắc chắn như thế?”

Cô nắm chặt tay và nhìn chăm chăm vào nó. “Bởi vì cha và mẹ tôi đã chẳng tâm sự gì với nhau suốt nhiều năm qua, ngài Lane ạ,” cô thấp giọng đáp.

“Tôi hiểu. Xin cô thứ lỗi... Cô đã bao giờ tận mắt trông thấy bản thảo câu chuyện chưa?”

“Chưa. Tôi không nghĩ nó đã được viết ra - đó mới chỉ là bản phác thảo ý tưởng chủ đạo thôi, như tôi đã nói.”

“Cô có biết nơi ông ấy cất giữ bản phác thảo đó không?”

Cô nhún vai bất lực. “Tôi chịu chết, trừ phi nó nằm đâu đó trong phòng thí nghiệm của ông ấy.”

“Và ý tưởng đó - cô vừa nói ông ấy bảo là nó thật thần tình. Vậy ý tưởng đó là gì vậy, cô Hatter?”

“Tôi không thể nói. Ông ấy chẳng kể gì về cốt truyện.”

“Và ông Hatter đã nhờ người đại diện của cô tư vấn về câu chuyện trình thám đó chưa?”

“Tôi biết chắc là chưa.”

“Sao mà cô biết chắc?”

“Tôi hỏi người đại diện xem cha tôi có tới hỏi thăm không, và câu trả lời là không.”

Drury Lane đứng dậy. “Cô đã giúp đỡ tôi rất nhiều, cô Hatter. Chân thành cảm ơn cô.”

CẢNH 9

Phòng Thí Nghiệm
Thứ Sáu, Ngày 10 Tháng Sáu
3:30 P.M

Vài giờ sau đó, khi ngôi nhà chẳng còn ai, Lane lặng lẽ leo lên tầng áp mái, trèo lên cái cầu thang nhỏ dẫn đến chỗ cái cửa sập, đẩy nó lên, và bước lên mái nhà trơn trượt. Một thám tử, được bọc trong một bộ áo mưa và tay cầm một chiếc ô che đầu, đang ngán ngẩm tựa người vào ống khói. Lane thân mật chào anh ta và mặc kệ cho mưa trút xuống, chỉ chăm chú nhìn vào bóng tối của lỗ ống khói. Ông chẳng thấy gì, dù biết rằng với một chiếc đèn pin ông có thể quan sát phần phía trên bức tường ngăn cách giữa căn phòng chết và phòng thí nghiệm. Ông đứng đó, trầm ngâm một lát, sau đó vẫy tay chào viên thám tử, rồi thả người qua cánh cửa sập đã đưa ông đến.

Xuống dưới gác hai ông dừng lại để nhìn quanh. Các cửa ra vào phòng ngủ đều được đóng lại; hành lang chẳng có ai. Với một động tác nhanh gọn của cổ tay, ông vặn nắm đấm cửa và bước vào phòng thí nghiệm. Thám tử Mosher ngẩng lên khỏi tờ báo đang đọc. “Chà chà!” Mosher thân mật nói. “Tưởng ai hóa ra ngài Lane. Chào mừng ông đến. Đây là công việc ngán ngẩm mà tôi có nhiệm vụ thực thi.”

“Hắn là thế rồi,” Lane khẽ nói; đôi mắt ông đảo quanh.

“Thật tốt khi thấy một khuôn mặt tử tế, tôi muốn nói như vậy,” Mosher tiếp tục nói. “Trong này lặng ngắt như mồ vậy, ha ha!”

“Thật vậy... Mosher, anh có thể giúp tôi một chuyện đấy. Đúng hơn là giúp người đồng nghiệp trên mái nhà.”

“Ai, Krause ư?” Mosher thắc mắc, vẻ hoang mang.

“Hình như đúng tên đó. Xin hãy lên đó cùng anh ta. Anh ta có vẻ rất cần bạn đồng hành.”

“Ôi!” Mosher lê đôi chân của mình. “Vâng, giờ thì, tôi không biết nữa, ngài Lane ạ. Mệnh lệnh của sếp rất nghiêm ngặt, tôi không được phép rời khỏi căn phòng này nửa bước.”

“Có gì thì tôi sẽ chịu trách nhiệm cho, Mosher,” Lane nói vẻ thiếu kiên nhẫn. “Làm ơn lên đó ngay đi! Và anh nên đặc biệt thận trọng khi lên đó. Trong mấy phút tiếp theo tôi không muốn có bất kỳ sự gián đoạn nào. Nếu có ai định lên mái nhà, đuổi người đó xuống. Không được để xảy ra sai sót, nhớ đấy.”

“Vâng,” Mosher hồ nghi đáp, “đã rồi, ngài Lane ạ.” Anh ta lê bước ra khỏi phòng thí nghiệm.

Đôi mắt xanh xám của Lane lấp lánh. Ông dõi theo Mosher ra khỏi hành lang, chờ cho đến khi anh ta biến mất trên gác, sau đó mở cửa căn phòng chết liên kề và bước vào. Căn phòng trống không. Ông nhanh chóng đi đến chỗ cửa sổ nhìn ra vườn, thấy rằng chúng bị đóng và chốt, quay trở về chỗ cửa, bấm sẵn chốt trong, chạy ra hành lang, đóng sầm cửa lại và thử mở. Nó đã bị khóa. Sau đó, ông quay trở lại phòng thí nghiệm, chốt cửa lại, bỏ áo khoác ngoài ra, xắn tay áo lên, và bắt tay vào công việc.

Lúc đầu lò sưởi có vẻ thu hút Lane. Ông chạm vào mặt lò sưởi, thò đầu xuống dưới vòm đá, thò ra, lùi lại... Ông ngập ngừng một lúc, và nhìn quanh. Cái bàn có nắp cuộn đã bị cháy xém. Cái tủ hồ sơ thép ông đã kiểm tra trước đó. Cái ngăn kéo cháy còn một nửa? Không thể nào.

Ông chống cằm, cúi xuống và không ngần ngại chui qua bức tường bên ngoài của lò sưởi, đứng thẳng lên bên trong chỗ giữa bức tường bên ngoài và bức tường gạch chịu lửa đóng vai trò mặt sau của lò sưởi. Bức tường này xây bằng gạch cổ, đen và mịn màng khi chạm vào, gần như cao ngang đầu Lane, và Lane thì cao hơn một mét tám. Ông lấy một chiếc đèn pin nhỏ từ trong túi áo và vung tia sáng nhỏ từ nó về phía những viên gạch của bức tường ngăn cách. Bất cứ thứ gì ông hi vọng sẽ tìm thấy thông qua cuộc khám xét nhanh này nhất định là chưa bị phát hiện; những viên gạch được

chia ngay ngắn thành đường nét trên toàn bộ bức tường. Tuy nhiên, ông vẫn gõ và đập mạnh vào mỗi viên gạch, tìm kiếm dấu hiệu của một viên gạch lỏng lẻo nào đó. Cuối cùng, chí ít cũng thỏa mãn với việc chẳng tìm thấy gì bên trong bức tường gạch phía phòng thí nghiệm, Lane đứng thẳng lên và đo bức tường ngắn cách bằng mắt.

Có thể vượt qua được, ông tự nhủ, ngay cả với một quý ông già cả. Ngay lúc đó ông đặt cây đèn pin lên mặt tường, bám lấy gờ tường, và nâng người lên. Ông đã trèo lên và đáp xuống phía bên kia của bức tường gạch bằng sự nhanh nhẹn phi thường. Ở độ tuổi sáu mươi, cơ bắp của ông căng tràn như một thanh niên trẻ khỏe... Khi vượt qua bức tường, ông cảm thấy nước mưa từ trên ống khói rơi xuống cái đầu trần và đôi má.

Ở phía căn phòng ngủ, ông lặp lại việc tìm kiếm viên gạch lỏng lẻo, nhưng không thành công. Đến lúc này, một cái cau mày xuất hiện trên phần da gấp nếp giữa đôi mắt. Một lần nữa ông treo mình lên trên bức tường gạch; nhưng lần này ông ngồi đó chân giạng hai bên, giống như một người đang cưỡi ngựa, và bật đèn pin.

Gần như ngay lập tức ông cứng người lại, và cái cau mày biến mất. Chính ở đó, nằm trên đỉnh bức tường khoảng ba chục phân, trên chính vách ống khói, là một viên gạch rõ lỏng lẻo; vừa quanh nó vỡ hết, và nó hơi chìa ra ngoài một chút. Ngón tay Lane bám vào phần viên gạch chia ra, và ông ra sức kéo. Khi ông gần như bị mất thăng bằng và ngã xuống sàn thì viên gạch chịu thua, rời ra với một âm thanh kèn kẹt khe khẽ. Ông cẩn thận đặt viên gạch lên trên mặt bức tường chỗ giữa hai chân và chiếu đèn pin vào bên trong cái hốc hình chữ nhật bị khuyết viên gạch. Trong cái hốc, nơi đã bị đục ra và khoét sâu vào bên trong, một thứ gì đó màu trắng sáng lên!

Lane thò tay vào lấy ra. Khi rút tay về, ông thu được một cuộn giấy vàng trắng đã bám muội đen, dính bẩn và được gập làm nhiều lần. Ông liếc nhanh cuộn giấy, cho nó vào túi áo và cúi người để dò tìm bên trong cái hốc lần nữa. Có gì đó lấp lánh phản chiếu ánh sáng. Ông lần mò, và trong cái hốc khoét thêm vào gạch chỗ đằng sau cuộn giấy, ông tìm thấy một ống nghiệm nhỏ được đậy nút chặt.

Đôi mắt ông tối sầm khi lấy nó ra khỏi hốc và xem xét kỹ càng hơn. Cái ống không có nhãn và đựng đầy một chất lỏng màu trắng. Khi ông cẩn thận dò xét, trong cái hốc còn có một dụng cụ bịt đầu cao su để nhỏ giọt nữa. Nhưng lần này ông không chạm tay vào. Thay vào đó, không đặt viên gạch rời về vị trí cũ, ông trèo khỏi bức tường gạch và đáp xuống sàn phòng thí nghiệm, tay cầm ống chất lỏng màu trắng, và khom lưng, luồn người qua phòng thí nghiệm.

Đôi mắt ông màu xanh lá cây lạnh lùng, giờ thì xanh nhiều hơn xám, như thể ông đang chịu một nỗi đau. Vẻ buồn rầu, người đầy bụi bẩn, ông bỏ cái ống nhỏ vào một túi áo khoác đã cởi ra, đi đến chỗ một cái bàn thí nghiệm cháy dở, lấy cuộn giấy bảm muối ra khỏi túi và từ từ mở ra nó... Hóa ra đó là vài tờ giấy mỏng rẻ tiền loại dùng cho máy chữ, ghi đầy những chữ viết tay. Ông bắt đầu đọc.

Đây là khoảnh khắc đáng chú ý trong cuộc điều tra này, như Lane thường chỉ ra sau đó. Nhưng từ biểu hiện trên khuôn mặt khi đọc các tài liệu, có thể nói khám phá này chỉ khiến ông càng thêm thất vọng hơn là hoan hỉ. Chắc chắn là thế rồi, khi đọc mấy tờ giấy khuôn mặt ông tối sầm lại; ông gật đầu ủ rũ theo thời gian, như thể thông tin đọc được đã đưa đến kết luận nào đó; biểu cảm của sự kinh ngạc tốt độ trải khắp khuôn mặt ông. Nhưng những biểu hiện tạm thời trôi qua thật nhanh, và khi đọc xong, dường như ông chẳng muốn cử động nữa, như thể cứ ngồi đây thôi thì ông có thể đánh lừa thời gian, các sự kiện và thảm kịch không thể tránh khỏi lơ mờ hiện ra phía trước. Nhưng rồi ông chớp mắt, tìm bút chì và giấy quanh đó, rồi bắt đầu viết lấy viết để. Ông viết một lúc lâu, cẩn thận chép lại từng từ của tài liệu được tìm thấy. Khi kết thúc, ông đứng dậy, nhét cả hai bản sao và bản gốc vào trong túi, mặc áo khoác vào, chải sạch bụi bẩn trên quần, rồi mở cửa phòng thí nghiệm. Ông trông ra ngoài hành lang. Nó vẫn yên ắng và trống không.

Ông đứng đó chờ đợi một lúc lâu, lặng im như chết. Cuối cùng ông nghe thấy tiếng bước chân ở tầng dưới. Ông cử động và đi đến chỗ lan can cầu thang. Nhìn qua lan can, ông trông thấy bà Arbuckle đang đi lạch bạch về phía nhà bếp. “Bà Arbuckle,” ông gọi bằng giọng nhẹ nhàng.

Bà ta giật nảy người và nhìn lên theo phản xạ. “Ai đó...? Ồ, ra là ông! Tôi không biết ông vẫn ở đây. Vâng, có việc gì?”

“Bà làm ơn lấy cho tôi một cái bánh bun và... phải rồi, một ly sữa từ nhà bếp được không?” Lane thân mật hỏi.

Bà ta vẫn đứng ngây ra đó, nhìn Lane chăm chăm. Rồi bà ta gật đầu một cách hờn dỗi và lạch bạch bước khỏi tầm nhìn. Lane chờ đợi trong sự bất động không bình thường như lúc trước. Bà Arbuckle trở lại ngay với một cái khay, trên đó là một cái bánh bun thạch và một ly sữa. Bà ta bước lên cầu thang và đưa khay cho Lane.

“Sữa sắp hết rồi,” bà ta nói. “Chẳng có thừa nữa đâu.”

“Thế này là đủ rồi, cảm ơn bà.” Ông nhắc ly lên và bắt đầu nhấm nháp sữa khi bà ta càu nhàu xuống cầu thang vẫn với vẻ thù địch. Nhưng ngay khi bà ta xuống đến chân cầu thang và biến mất trong hành lang dẫn ra sau nhà, Lane ngừng nhấm nháp và quay trở lại phòng thí nghiệm, chốt cửa trong một lần nữa.

Bây giờ ông đã biết đích xác mình muốn gì. Ông đặt chiếc khay xuống cái bàn thí nghiệm và tìm kiếm trong cái tủ sàn bên dưới đồng kệ. Chỗ này ít bị hư hại do cháy, vì những cánh cửa đều đóng cả và lại nằm gần sàn nhà; Lane sớm phát hiện thấy thứ đang tìm kiếm. Ông đứng thẳng lên với một ống nghiệm nhỏ và nút bần, giống hệt thứ ông đã phát hiện ra trong cái hốc. Sau khi rửa nó dưới vòi nước trên bàn thí nghiệm, với sự thận trọng tối đa, ông đổ vào trong cái ống nghiệm rỗng một lượng sữa tương đương với lượng chất lỏng màu trắng trong ống nghiệm lấy được từ cái hốc.

Sau khi đã hài lòng với hai cái ống trông giống nhau, ông đẩy kín ống nghiệm chứa sữa, đổ phần sữa còn lại trong cốc vào bồn rửa, trèo trở lại chỗ bức tường gạch trong lò sưởi, và nhét ống sữa vào chỗ mà ông đã tìm thấy cái ống ban đầu. Ông không đụng đến dụng cụ nhỏ giọt trong hốc. Sau khi cuộn giấy ngả vàng được gấp lại và đặt về vị trí ban đầu, viên gạch rời được nhét vào chỗ cũ, ông trèo xuống khỏi bức tường. Ông chà hai tay vào nhau vẻ khó chịu. Khuôn mặt ông đầy những nếp nhăn.

Đột nhiên, như thể nhớ lại điều gì đó tạm thời bị lãng quên, ông mở cửa phòng thí nghiệm, quay vào trong, trèo qua bức tường ngăn cách lò sưởi lần

nửa để sang phòng ngủ. Tại đây ông mở cửa phòng ngủ và đi ra hành lang, rồi lại vào phòng thí nghiệm qua cánh cửa không khóa. “Mosher!” ông thận trọng gọi với lên chỗ ống khói. “Mosher!” Mưa rơi mát lạnh trên khuôn mặt đỏ lựng của ông.

”Vâng, ngài Lane?” giọng nói nghệt đặc của Mosher vang lên. Lane nhìn lên và thấy một đốm tròn lơ mờ hiện ra trên nền xám của miệng ống khói.

“Xuống đây ngay đi. Còn Krause cứ canh trên mái.”

“Rõ!” Mosher hồ hởi đáp, và khuôn mặt anh ta biến mất. Viên thám tử đi vào phòng thí nghiệm một vài phút sau đó. “Tôi đây,” anh ta nói với một nụ cười rộng mở. Bộ quần áo của anh ta thấm đầy những hạt mưa bụi nhỏ, nhưng anh ta dường như chẳng để tâm. “Ngài đã xong việc cần làm chưa?”

“À, bỏ qua đi, Mosher,” Lane đáp. Ông đang đứng ở giữa phòng, chân không nhúc nhích. “Có ai cố trèo lên mái nhà không, chỗ ống khói ấy?”

“Chẳng có ai cả. Chẳng có động tĩnh gì, ngài Lane ạ.” Cặp mắt của Mosher trợn lên. Bàn tay phải của Lane lộ ra từ đằng sau lưng và đưa thứ gì đó lên miệng... Đó là, Mosher kinh ngạc nhìn cảnh đó, một cái bánh bun, và Lane thận trọng nhai nó như thể cái gia tộc Borgia này chẳng biết đến chất độc là gì.

Bàn tay trái của Lane giấu trong túi áo khoác, tuy nhiên, nó nắm chặt một ống nghiệm chứa chất lỏng trắng.

MÀN III

*“Hãy để ta ôm lấy người,
nghịch cảnh chưa xót
Bởi người khôn ngoan nhất.”*

CẢNH 1

Trụ Sở Cảnh Sát

Thứ Sáu, Ngày 10 Tháng Sáu

5:00 P.M

Buổi chiều mưa lạnh tháng Sáu ấy, khi rời khỏi nhà Hatter, Drury Lane trông già hơn đến mười tuổi so với lúc bước vào. Nếu thanh tra Thumm có mặt, hẳn ngài sẽ tự hỏi tại sao Lane, hình như đang trên đà thăng lợi, lại tỏ vẻ lo âu hơn lúc ông thất bại mấy lần trước. Trông chẳng giống con người ông chút nào. Lane có vẻ ngoài của một người bốn chục tuổi vì ông đã sớm hiểu thấu sự đời và chế ngự xu hướng lo âu cho đến khi nó biến mất. Tuy nhiên, giờ đây trông ông như một người mà sự thanh thản, niềm tin suốt một đời, đã tan thành mây khói. Ông leo lên xe như một ông già. Một mỗi, ông nói với Dromio: “Trụ sở cảnh sát,” và ngả sâu vào ghế. Và suốt dọc đường đến tòa nhà lớn màu xám trên phố Centre, biểu hiện của nỗi buồn, trách nhiệm và bi kịch của việc nhận thức được điều gì đó vô cùng quan trọng không hề rời khỏi khuôn mặt ông.

Tuy nhiên, ông vẫn là ông, khi bước vào trụ sở cảnh sát, ông lại là Drury Lane trước đây, dễ chịu, hòa nhã, điềm tĩnh, khá tự tin và lạc quan trong phong thái. Viên trung úy trực ở văn phòng nhận ra ông và gửi một trung sĩ hộ tống ông đến văn phòng thanh tra Thumm.

Dường như hôm nay là một ngày ảm đạm, khi Lane trông thấy viên thanh tra, thái độ khó chịu ra mặt, đang nằm như bị trên chiếc ghế xoay và kẹp một miếng xì gà đã tắt giữa các ngón tay to bản. Điều gì đó như niềm vui soi sáng khuôn mặt của viên thanh tra khi ngài thấy Lane. Thumm sốt sắng

siết chặt tay Lane. “Gặp ngài mừng quá đi. Có chuyện gì vậy, ngài Lane?” Lane phẩy tay và ngồi xuống với một tiếng thở dài. “Ngài có tin gì mới không? Chỗ này còn ảm đạm hơn nhà xác nữa.”

Lane gật đầu. “Tin tức mà ngài và Bruno sẽ rất quan tâm.”

“Đừng đùa nhé!” Thumm thốt lên. “Đừng bảo là ngài đã tìm ra...” Thumm dừng lại để nhìn Lane vẻ nghi hoặc. “Ngài không điều tra theo hướng liên quan đến Perry đúng không?”

“Perry ư?” Lane cau mày. “Tôi e rằng tôi chưa hiểu hết.”

“Nhẹ cả người.” Viên thanh tra nhét miếng xì gà đã tắt vào miệng và nhai một cách từ tốn. “Lần này chúng tôi đã phát hiện ra điều gì đó mới mẻ. Ngài biết đấy hôm qua tôi đã thả Perry ra. Barbara Hatter đã làm lớn chuyện - cô ấy thuê một luật sư cứng cựa - và thế là... Cũng chẳng sao, vì anh ta đang bị theo dõi.”

“Vì lý do gì? Chẳng lẽ ngài vẫn cho rằng Edgar Perry liên quan đến những tội ác này sao, hả thanh tra?”

“Vậy ngài nghĩ sao? Một người bình thường sẽ nghĩ sao? Hãy nhớ sự liên quan ở đây - Perry tên thật là Champion, anh ta là anh trai cùng cha khác mẹ của Louisa, và cha anh ta là người chồng đầu tiên của Emily Hatter. Được rồi. Khi tôi kể hết những điều đã biết ra, anh ta thừa nhận hết, nhưng lại câm như hến. Đó là nơi tôi bắt đầu. Nhưng tôi không dừng lại. Tôi đào sâu hơn một chút. Và ngài biết tôi đã phát hiện ra gì không, ngài Lane?”

“Tôi chịu chết,” Lane mỉm cười.

“Đó là Tom Champion, cha của Perry và người chồng đầu tiên của bà già quý cái đó, đã chết vì...”

Ngài dừng lại đột ngột. Nụ cười của Drury Lane nhòa đi, và một tia sáng lóe lên trong đôi mắt xanh xám.

“Vậy là ngài cũng biết rồi,” Thumm lầu bầu.

“Không phải từ việc điều tra, thanh tra ạ. Mà tôi chắc chắn kiểu trực giác hơn.” Lane tựa đầu vào lưng ghế. “Tôi hiểu ý ngài. Edgar Perry Champion giờ là vấn đề rất bức thiết đúng không?”

“Vâng, tại sao lại không?” Thumm đáp về phiên muện. “Chuyện là vậy mà, phải không? Emily chịu trách nhiệm về cái chết của cha Perry - một cách gián tiếp, chắc chắn rồi, và có lẽ chỉ là vô tình. Nhưng cái cách mà bà ấy khiến ông ta phải chết thì như thể đã lấy dao đâm ông ta vậy. Mưu đồ bắn thiêu thì vô cùng lắm. Nhưng giờ chúng ta đã có động cơ, ngài Lane ạ - thứ mà trước đó ta chưa có.”

“Và đó là...?”

“Nghe này. Ông là người thông tuệ mà. Khi cha của một người bị chết vì căn bệnh truyền từ người mẹ kế... chà, thật dễ hiểu khi người ấy muốn trả thù bà ta dù có mất cả phần đời còn lại để làm điều đó.”

“Tâm lý học cơ bản, thanh tra à, đặc biệt là khi liên quan đến một sự việc kinh khủng như thế này. Tất nhiên rồi.” Lane ngồi mơ màng. “Tôi rất hiểu sự bất an của ngài. Anh ta có động cơ và cơ hội. Và đủ mưu trí để vạch ra một kế hoạch tài tình. Nhưng không có bằng chứng gì cả.”

“Đó là nhiệm vụ mà chúng ta phải làm.”

“Đồng thời,” Lane nhận xét, “tôi cũng không nghĩ Edgar Perry là một con người của hành động. Một con người của kế hoạch, tôi tán thành. Nhưng có vẻ như với tôi thì anh ta sẽ nhụt chí và chùn bước trước cơn bức bách vào phút chót.”

“Ngài diễn sâu quá,” viên thanh tra chế giễu. “Nghe này, ngài Lane. Chúng tôi chỉ là cảnh sát mà thôi, chúng tôi chẳng lo về điều mà một người sẽ làm. Chúng tôi chỉ quan tâm đến những việc mà người đó đã làm.”

“Tôi phải nhấn mạnh, thanh tra à,” Lane bình tĩnh đáp. “Hành xử của con người chỉ đơn thuần là kết quả tự nhiên từ diễn tiến tâm lý của họ. Ngài có biết Edgar Perry Champion từng muốn tự tử chưa?”

“Tự tử, ngài bảo sao? Trời đất, chưa hề! Tại sao anh ta phải làm một điều ngu ngốc như vậy? Vâng, nếu anh ta bị bắt quả tang...”

Lane lắc đầu. “Không, thanh tra à. Nếu Edgar Perry phạm tội sát nhân, thì con người như anh ta sẽ tự tử ngay lập tức. Ngài nhớ Hamlet không? Một người do dự, cảm xúc dao động bất thường. Tuy nhiên, đủ thông minh để vạch ra một kế hoạch. Hamlet nao núng, giằng xé giữa việc tự dẫn vật và tự buộc tội, trong khi cơn bức bách và những toan tính khiến anh ta nổi

xung lên. Nhưng hãy nhớ điều này: anh ta do dự là thế, mà khi đã hành động, anh ta như một kẻ điên cuồng, rồi sau đó ngay lập tức tự sát.” Lane cười rầu rĩ. “Vụ này cũng thế thôi. Thật đấy, cứ truy xét nghi phạm của các ngài đi. Anh ta là một dạng Hamlet thôi, kẻ diễn trọn vai kịch cho đến cuối màn bốn. Ở màn năm - sự việc thay đổi, mấu chốt khác nhau ở chỗ đấy.”

Thumm nhấp nhồm không yên. “Chà, được rồi. Tạm gác vấn đề đó lại. Vấn đề là - ngài nghĩ gì về toàn bộ vụ này?”

“Tôi nghĩ rằng,” Lane đột nhiên cười khẩy, “các ngài đang tự làm khó mình, thanh tra à. Sao các ngài vẫn đi theo giả thuyết về Perry vậy? Tôi nghĩ rằng ngài đã từ bỏ việc coi Perry là nghi phạm rồi, cái suy nghĩ mà ngài cẩn thận không hé ra với tôi.”

Thumm tỏ ra ngập ngừng. “Hãy tin rằng tôi chưa bao giờ nói gì về chuyện nghĩ này nghĩ nọ. Tôi đã thực hiện vài cuộc thẩm tra, nhưng đều không có kết quả.” Ông nhìn Lane sắc bén. “Ngài chưa trả lời câu hỏi của tôi, ngài Lane.”

Đến lượt Lane chui vào chiếc vỏ của mình. Một nét mệt mỏi tuổi già hiện trên khuôn mặt ông, và nụ cười tan biến đi. “Thành thực mà nói... Tôi không biết phải nghĩ gì, thanh tra à.”

“Ý ngài là đang bế tắc?”

“Ý tôi đây chưa phải lúc để có bất kỳ hành động dứt khoát nào.”

“Ồ... Được rồi, chúng tôi vẫn luôn tin vào ngài, ngài Lane ạ. Chắc chắn ngài đã chứng tỏ khả năng của mình trong việc phá vụ Longstreet năm ngoái.” Viên thanh tra cọ cọ cằm. “Nói cách khác,” ông bối rối nói, “Bruno và tôi xin được nhờ cậy ngài.”

Lane rời khỏi ghế và bắt đầu bước quanh phòng. “Làm ơn đi. Xin đừng. Xin đừng tin tưởng tôi như thế.” Ông bối rối ra mặt làm viên thanh tra rất bất ngờ. “Cứ tiến hành như thế tôi chưa từng xuất hiện trong vụ này đi, thanh tra à. Làm ơn cứ lần theo những giả thuyết của các ngài đi...”

Khuôn mặt Thumm tối lại. “Nếu đó là suy nghĩ của ông về vụ này, chết tiệt thật đấy...”

“Hôm qua ngài đã lần theo giả thuyết của mình mà chẳng gặp may nhỉ?”

Cái nhìn nghi ngờ của Thumm không lay chuyển. “Tôi đã cố lần theo nó. Đến gặp bác sĩ Merriam.”

“À!” Lane đáp nhanh. “Thế là tốt đấy. Rất tốt. Và ông ta có bảo ngài...?”

“Chỉ những điều mà ông đã cho tôi biết,” Thumm đáp khô khốc. “Thứ có mùi vani mà York Hatter bôi trên cánh tay mình. Vậy ngài cũng đến gặp ông bác sĩ đúng không?”

“À thì. Đúng thế, tất nhiên rồi.” Lane bỗng thu mình vào trong chiếc ghế và lấy tay che mắt.

Thumm nhìn ông một lúc lâu, vẻ bối rối, gần như cáu tiết. Rồi Thumm nhún vai. “Chà,” ngài cố tỏ ra ân cần, “ngài bảo rằng có thông tin cho Bruno và tôi. Thông tin gì vậy?”

Lane ngẩng đầu lên. “Tôi sẽ không giấu ngài chút thông tin quan trọng nào, thanh tra à. Tôi chỉ cần một lời hứa - rằng ngài sẽ không hỏi tôi lấy chúng từ đâu ra.”

“Chà, thông tin gì vậy?” Thumm gắt.

“Là thế này.” Ông lên tiếng với sự thận trọng tột bậc, lựa từng từ một như thể chúng rất quý giá. “Trước khi York Hatter biến mất, ông ta đã tiến hành việc viết cốt truyện của một cuốn tiểu thuyết.”

“Một cuốn tiểu thuyết?” Thumm nhìn chăm chăm. “Thế thì sao mới được?”

“Nhưng đó không phải là một cuốn tiểu thuyết đơn thuần, thanh tra à,” Lane nói bằng một giọng vừa đủ nghe. “Đó là một câu chuyện mà ông ta đã hy vọng một ngày nào sẽ viết xong và được xuất bản. Một câu chuyện trinh thám.”

Trong một khoảnh khắc, Thumm ngồi đó nhìn Lane với một ánh mắt như thôi miên, điệu xì gà chằm chệ trên môi ông, tĩnh mạch thái dương phải giật đùng đùng. Rồi ông ta bật dậy khỏi ghế như lò xo, miệng la lên: “Một câu chuyện trinh thám!” Điệu xì gà rơi xuống sàn. “Trời ạ, đúng là tin mới!”

“Đúng thế,” Lane nặng nề đáp. “Cốt truyện của một câu chuyện giết người và phá án... Còn một điều nữa tôi sẽ kể cho ngài.”

Thumm chột vật lắng nghe; cặp mắt ông chờ đợi, và giờ ông cố hướng cho chúng tập trung về phía Lane.

“Và đó là...”

“Hừm!” Thumm trở nên quan tâm và chăm chú như lúc trước, sau khi xoay đầu từ bên nọ sang bên kia theo thói quen. “Là gì?”

“Bối cảnh và nhân vật trong cốt truyện của York Hatter là có thật.”

“Là thật?” viên thanh tra lẩm bẩm. “Ý ngài là sao cơ?”

“York Hatter lấy chính cốt truyện từ gia đình mình.”

Thân thể to lớn của Thumm giật nảy một cái, như có một dòng điện chạy qua. “Không,” ông cất giọng khàn khàn. “Không, không thể nào. Thế thì tốt quá rồi... Tôi sẽ...”

“Đúng vậy, thanh tra,” Lane khẽ đáp. “Điều đó khiến ngài quan tâm phải không? Nên như thế. Một tình huống đáng chú ý. Một người đàn ông viết ra một câu chuyện hư cấu với chủ đề đầu độc và giết người. Sau đó, sự việc bắt đầu diễn ra trong chính gia đình của ông ta, trong đời thực... các sự kiện hầu như trùng khớp tới từng chi tiết với một cốt truyện tiểu thuyết chỉ đơn thuần là hư cấu.”

Thumm hít một hơi thật sâu, lồng ngực của ông phồng lên xẹp xuống như một piston đầy sức mạnh. “Ý ngài là,” Thumm nói bằng chất giọng ồm ồm, “mọi chuyện xảy ra trong nhà Hatter - hai vụ hạ độc Louisa, vụ sát hại bà Hatter, đám cháy - tất cả đều được viết ra trên giấy, được hư cấu từ đầu óc của York Hatter để viết thành tiểu thuyết? Thật không thể tin nổi! Tôi chưa từng nghe thấy điều gì như vậy!”

“Còn nhiều điều nữa...” Lane thở dài. “Ít ra ngài cũng biết rồi, thanh tra à. Thông tin của tôi nói chung đại ý là vậy.” Ông đứng lên và nắm lấy núm của cây gậy mây vẽ thất vọng, bám chặt vào nó, vẽ thất thần vô vọng ngập tràn đôi mắt ông. Thumm bước trên sàn nhà như một con thú hoang, hoan hỉ, lẩm bẩm với chính mình, đầu óc ngài rối bời, suy đoán, loại trừ, quyết định... Lane đi đến cửa và dừng lại. Ngay cả động tác di chuyển của ông cũng mất đi phong thái trẻ trung thường thấy. Ông bước đi nặng nề, và cái lưng vốn thẳng và mạnh mẽ giờ đây lom khom còng xuống.

Viên thanh tra chợt dừng lại. “Chờ chút! Ngài nói rằng không muốn tôi đặt câu hỏi. Vâng, nếu ngài không nói hết, tôi nghĩ là có lý do chính đáng, và tôi sẽ không tò mò. Nhưng hãy cho tôi biết chuyện này. Trong truyện trinh thám nào cũng có một tên hung thủ. Vậy York Hatter đã đưa ai làm hung thủ trong câu chuyện của mình - nếu những nhân vật được lấy từ chính gia đình ông ta? Bởi có thể chắc rằng dù người nào là hung thủ trong câu chuyện cũng khó lòng là hung thủ trong đời thực - như thế quá nguy hiểm. Thế nào thưa ngài?”

Lane đắm chiêu suy tư, bàn tay đặt trên cửa. “Đúng vậy,” cuối cùng ông nói bằng giọng trầm đục. “Chắc chắn là ngài cũng nên biết điều đó... York Hatter là hung thủ trong câu chuyện giết người của chính ông ta.”

CẢNH 2

Lâu Đài Hamlet

Thứ Sáu, Ngày 10 Tháng Sáu

9:00 P.M

Thậm chí lâu đài Hamlet, vốn là nơi yên bình và làm thư thái tâm hồn nhất, cũng ảm đạm buổi tối nay. Mưa vẫn rơi, và cùng với nó là cơn ớn lạnh xuyên áo quần khiến ta nổi da gà. Tọa lạc phía trên cao sông Hudson, cheo leo trên đỉnh vách đá vững chắc, lâu đài Hamlet mang dáng vẻ gớm ghiếc của một tàn tích trong truyện kinh dị, bọc trong những màn sương mù xám, không có gì bên dưới và bầu trời ma quái xoáy trên đỉnh của nó.

Đó là một đêm của những ngọn lửa, và ông già Quacey đã chuẩn bị một đám lửa lớn trong cái lò sưởi khổng lồ tại phòng riêng của Lane. Trong căn phòng ấm cúng, ấm tận gót chân, sau một bữa tối đơn giản, Lane quăng mình lên trên tấm thảm lò sưởi còn nguyên lông và nhắm mắt lại. Những ngọn lửa nhảy múa trong mắt ông. Ông già gù lưng hết vào phòng rồi lại ra, tỏ vẻ lo lắng, rụt rè. Ông ta lo sợ đến gần như mất hết cả sự sáng suốt. Ông ta liên tục dõi theo vị chủ nhân của mình với đôi mắt muộn phiến, và chớp mắt theo từng chuyển động của ngọn lửa. Có lần ông lén lại gần chỗ tấm thảm và chạm vào tay vị chủ nhân. Đôi mắt màu xanh xám, không hề chớp, chứa đầy suy nghĩ, lập tức mở ra nhìn ông ta. “Có chuyện gì vậy, ngài Drury? Ngài cảm thấy không khỏe ư?”

“Tôi thấy khá ổn mà.”

Sau đó Quacey lui vào một chiếc ghế trong góc và thu mình lại bất động, đôi mắt ông ta nhìn không rời cái thân hình lạng lạng năm duỗi trước ngọn

lửa. Lúc chín giờ, sau một tiếng đồng hồ tĩnh lặng tuyệt đối, cái thân hình kia cựa quậy đứng dậy. “Quacey.”

“Vâng, ngài Drury!” Ông già gù đứng lên ngay lập tức, hăm hở, lưỡi thè ra, giống như một con chó săn lấy lòng người chủ của mình.

“Tôi cần suy ngẫm. Tôi không muốn bị quấy rầy. Ông hiểu chứ?”

“Vâng, ngài Drury.”

“Nếu Fritz Hof hay Kropotkin có hỏi tôi, thì bảo tôi đi ngủ rồi. Họ đang lo lắng về một vở kịch. Không vấn đề gì. Tôi sẽ gặp họ vào buổi sáng.”

“Vâng, ngài Drury.”

Lane vỗ cái trán hói, rồi cái bấu gù trên lưng, và đẩy nhẹ ông ta ra cửa. Ông già Quacey miễn cưỡng lê bước. Lane khóa cửa lại và với những bước đi vững chắc tiến vào căn phòng liền kề, nơi ông dùng để suy ngẫm. Ông đi đến một cái bàn cũ được đeo từ gỗ óc chó, bật đèn bàn, rồi mở một ngăn kéo. Ông lôi ra cuộn giấy mà ông đã sao lại toàn bộ nội dung từ bản thảo ố vàng được tìm thấy trong cái hốc ống khói nhà Hatter. Thu mình vào trong chiếc ghế da trước bàn làm việc, ông mở những tờ giấy ra trước mặt, đôi mắt ông mờ đi, khuôn mặt tối lại. Sau đó, từ từ, với sự tập trung cao độ, nghiền ngẫm từng chữ, ông bắt đầu đọc lại bản sao của cái cốt truyện mà ông đã vội vàng chép chiều hôm đó. Trong sự im lặng và bóng tối, những con chữ dường như có một ý nghĩa mới. Ông miệt mài với chúng, đắm mình trong đó...

BẢN THẢO CỐT TRUYỆN TRÌNH THẨM

Tiêu đề (dự kiến): “Bí ẩn vụ án mạng vani.”

Tác giả: Lấy bút danh. Cô Terry? H. York? Lewis Pastor?

Bối cảnh: Công viên Gramercy thành phố New York? Ngôi nhà giống của tôi.

Thời gian: Hiện tại.

Thủ pháp nghệ thuật: Viết từ góc nhìn thứ nhất. Nhân vật tôi là hung thủ.

Hệ thống nhân vật chính

York (là người viết). Hung thủ tên Y. Chồng của nạn nhân.

Emily. Nạn nhân. Một phụ nữ già. Độc đoán. (Như thực tế.)

Louisa. Cô con gái mù câm điếc. (Không phải con gái cùng mẹ khác cha của Y - giúp tạo động cơ.)

Conrad. Đã kết hôn. Martha. Người vợ. (cả hai cùng không có con, không cần thiết.)

Barbara. Con gái. Con cả của Y và Emily. vẫn để là thi sĩ. Nghi phạm tiềm năng?

Jill. Con út của Y và Emily. Con gái.

Trivett. Người hàng xóm cụt một chân. Quan tâm đến Louisa. (Quá xa vời?)

Gormly. Đối tác kinh doanh của Conrad.

Hệ thống nhân vật phụ

Y tá của Louisa, quản gia, tài xế, người giúp việc, bác sĩ gia đình, luật sư gia đình, người cầu hôn Jill?

Chú thích!!! Mọi nhân vật ở trên phải đặt tên hư cấu!!!

Tội ác đầu tiên

Âm mưu hạ độc Louisa.

Sự kiện: Gia đình có thói quen riêng; người quản gia làm một ly cocktail trứng sữa cho Louisa và đặt nó trên bàn phòng ăn lúc 2:30 mỗi buổi chiều.

Chi tiết: Vào một hôm nọ, Y (hung thủ) chờ đợi cho đến khi người quản gia đặt ly cocktail trên bàn phòng ăn: sau đó, khi không có ai trông thấy, Y lén vào phòng ăn và nhỏ chất *Strychnine* vào cái ly và nhanh chóng trở lại thư viện kế bên phòng ăn.

Y đã lấy chất độc *Strychnine* từ Chai số 9 trên kệ trong phòng thí nghiệm hóa học trên lầu của ông ta, lấy ra ba viên thuốc độc từ trong cái chai. Không ai biết điều này.

Sau khi bỏ chất độc vào món cocktail, Y ở lại trong thư viện chờ Louisa đến uống.

Vừa đúng lúc Louisa đi đến, tiến về phía phòng ăn, thì Y bước ra khỏi thư viện. Trước khi Louisa kịp uống chỗ cocktail có độc, Y đi vào phòng ăn, cầm lấy cái ly, bảo rằng thứ này có gì đó không ổn, rồi nhấp thử.

Ngay lập tức trúng độc. (Y đã trù tính để biến những người còn lại ngay lập tức tiếp cận hiện trường thành nghi phạm.)

Lưu ý: Tình tiết này làm cho mọi người nghĩ rằng có kẻ đang cố đầu độc Louisa; chắc chắn không phải Y, vì chẳng lẽ một kẻ hạ độc lại đi nhấp thuốc độc của chính mình? Và tình tiết này cũng ngăn cản Louisa bị đầu độc thực sự - một tình tiết rất quan trọng.

Tội ác thứ hai

Trong “nỗ lực” đầu độc Louisa lần thứ hai, người phụ nữ già tên Emily, vợ của Y bị sát hại. Thời gian là bảy tuần tính từ sau vụ hạ độc đầu tiên.

Chi tiết: Trong đêm, khoảng bốn giờ sáng, khi mọi người đang ngủ, và khi Louisa và Emily đang ngủ trong phòng của họ (mẹ và con gái ngủ chung một phòng, giường đôi), Y tiến hành tội ác lần thứ hai.

Ý tưởng lần này là đầu độc một quả lê và đặt nó vào trong bát trái cây trên cái bàn nằm giữa giường của Louisa và giường của bà mẹ. Chọn một quả lê vì mọi người đều biết rằng bà Emily không bao giờ ăn lê. Việc đầu độc quả lê sẽ khiến sự việc trông như thể Louisa bị hạ độc một lần nữa, nhưng Louisa sẽ không ăn lê, vì Y biết cô không bao giờ ăn trái cây nẫu hay hỏng, nên đã cố tình chọn ra (có thể đánh cắp một quả từ nhà bếp) và mang vào phòng một quả lê hỏng, mà hẳn sẽ tiêm *thủy ngân clorua* lấy từ một cái chai trong phòng thí nghiệm - Chai số 168.

Y đã lấy ống tiêm từ cái tủ hồ sơ bằng thép trong phòng thí nghiệm, nơi ông có một bộ ống tiêm đầy đủ.

Ngoài ra trước khi đi vào phòng ngủ của Louisa, Y đã đánh cắp một đôi giày mùa hè màu trắng cũ của Conrad. Sau đó Y bơm đầy ống tiêm *thủy ngân clorua* (ngay trước khi lên vào phòng Louisa lúc nửa đêm), Y cố tình đổ một chút chất độc (Chai Số 168) lên một chiếc giày trắng của Conrad.

Hành động: Y lên vào phòng ngủ của Louisa và Emily. Đi đến chỗ cái bàn đầu giường và đặt quả lê hồng vào bát trái cây. Đập vào đầu Emily bằng một khí cụ đầu tù, giết chết bà ta, (Đây là âm mưu giết người thực sự, nhưng sẽ trông như thể Emily đã bị giết một cách tình cờ, như thể bà ta thức dậy vào giữa đêm và kẻ sát nhân đã ra tay sát hại nhằm giữ im lặng.)

Lưu ý: Việc giết hại Emily là mục đích chính đằng sau toàn bộ âm mưu. Những nỗ lực đầu độc Louisa chỉ để khiến cảnh sát nghĩ rằng Louisa là nạn nhân mục tiêu. Vì vậy, cảnh sát sẽ chỉ nghi ngờ những người muốn giết Louisa mà không muốn giết Emily. Trong câu chuyện Y sẽ rất thân thiện với Louisa, để ông ta không bị nghi ngờ.

Giải thích về manh mối ngụy tạo: Y cố tình đổ *thủy ngân clorua* lên trên giày của Conrad. Ông ta đặt giày trở lại tủ đồ của Conrad sau khi đi từ phòng ngủ ra. Cảnh sát tìm thấy chiếc giày với chất độc trên đó, và điều này sẽ khiến họ nghi ngờ Conrad là kẻ hạ độc, vì mọi người đều biết anh ta ghét Louisa.

Manh mối dẫn cảnh sát đến lời giải đúng: Louisa là một người mù câm điếc. Ý tưởng là trong lúc Y sát hại Emily, Louisa tỉnh giấc và ngửi thấy mùi vani từ nhựa thơm Peru trên cánh tay của Y - khứu giác là giác quan tốt nhất của Louisa để từ đó cung cấp đầu mối cho cảnh sát. Sau đó, cô được cho ngửi thử để tìm mùi vani, thám tử chính lần theo dấu vết... cho đến khi ông phát hiện ra sự thật, Y là nhân vật duy nhất có mùi vani.

Ngọn lửa

Vào giữa đêm tiếp theo sau vụ giết người, Y phóng hỏa phòng thí nghiệm (cũng là nơi ông ta ngủ). Đầu tiên trên một trong những chiếc bàn thí nghiệm lớn, ông ta để một chai *Carbon Disulfua* (từ Chai số 256), nó sẽ phát nổ dưới tác động của nhiệt. Sau đó ông ta châm lửa đốt giường của mình.

Mục đích của vụ cháy: Ngọn lửa và vụ nổ sau đó sẽ khiến như thể có kẻ đang cố lấy nốt mạng sống của Y. Vụ việc này sẽ tạo thêm một manh mối ngụy tạo nữa, khiến cho Y ít ra cũng trông như vô tội.

Tội ác thứ ba

Hai tuần sau vụ giết người, lại một lần nữa Y “cố gắng” để “đầu độc” Louisa. Lần này ông ta sử dụng một chất độc gọi là *Physostigmin*, một chất lỏng màu trắng từ Chai số 220 trên kệ phòng thí nghiệm. Nhỏ mười lăm giọt vào ly kem sữa của Louisa bằng dụng cụ nhỏ giọt, tối nào cô ấy cũng uống thứ này một giờ sau khi ăn xong. Một lần nữa Y gây chú ý khi bảo ly sữa không bình thường, hoặc bằng cách nào đó ngăn Louisa không uống chỗ sữa độc.

Mục đích: Âm mưu này không nhằm để sát hại Louisa chút nào. Âm mưu hạ độc lần thứ ba sau cái chết của Emily chỉ là để tiếp tục khiến cho cảnh sát tin rằng hung thủ vẫn còn muốn giết Louisa, do đó cảnh sát sẽ điều tra những người có động cơ để sát hại Louisa, chứ không phải Emily.

Ghi chú chung

(1) Hãy nhớ rằng Y đeo găng tay mọi lúc nên ông ta chẳng để lại dấu vân tay trên bất kỳ thứ gì tại hiện trường.

(2) Nghĩ ra âm mưu phụ.

(3) Xác định cách thức để nhân vật thám tử nhân vật cuối cùng cũng tìm ra đáp án.

(4) Động cơ của Y: Hận thù với Emily - bà ta đã hủy hoại sự nghiệp, sức khỏe của ông ta - thao túng và bóp nghẹt ông ta... Đủ để biến thành một tội ác thực sự!

Ghi chú sau cùng này, không mấy liên quan và có phần cay đắng, đã được gạch bằng bút chì ra khỏi bản thảo (Lane đã sao lại chính xác những gì có trong bản gốc); nhưng vẫn rất dễ đọc. Bản thảo này còn hai ghi chú nữa.

(5) Hãy nhào nặn nhân vật trong sách đủ để trông như một câu chuyện hư cấu. Nếu sử dụng bút danh, chọn tên nhân vật thật khác đi, mọi người sẽ không thể nhận ra gia đình này. Có lẽ nên chuyển đổi bối cảnh sang một thành phố khác, như Chicago hay San Francisco.

(6) Nhân vật thám tử chính là ai? Vị bác sĩ, vì liên quan đến vani và các chất hóa học; Bạn của Y? Không phải là một thám tử thông thường. Tạo các bước suy luận logic - một thám tử tài trí; có lẽ trông bề ngoài giống Sh. H., tính cách của Poir., phương pháp suy diễn của E. Q... Tập trung điều tra căn phòng thí nghiệm... Lăn ra manh mối bằng cách điều tra các con số trên những cái chai. Việc này sẽ chẳng khó khăn (?).

Khuôn mặt gầy của Lane căng ra, ông không còn hứng thú và dừng đọc bản thảo cốt truyện trình thám còn chưa định hình của York Hatter. Ông vùi đầu mình trong hai cánh tay, đắm chiêu suy tư trong sự im lặng như tờ. Mười lăm phút trôi qua như vậy, không gián đoạn bởi bất kỳ âm thanh nào ngoài hơi thở khó mà nghe thấy của chính ông. Cuối cùng ông ngồi thẳng dậy và chăm chú nhìn tờ lịch ở bên kia bàn làm việc. Mối ông động đậy. Hai tuần... Ông nhặt một cây bút chì và bao quanh ngày *18 tháng 6* bằng những nét bút nặng nề, gần như tuyệt vọng.

CẢNH 3

Nhà Xác

Thứ Bảy, Ngày 11 Tháng Sáu

11:00 A.M

Điều gì đó đã đẩy ông tới đây. Ông đã quen với những xáo động nội tâm và phân tích sắc bén về thế giới quanh mình, tuy thế ông vẫn tỏ ra bất lực trước sự o ép của tâm trạng tiêu cực đang dần chiếm lĩnh. Bất lực cả trong việc phân tích cụ thể lẫn chuyện giải thích tường tận. Tính hợp lý của vụ án bay biến đi đâu mất. Như có một cục chì nặng đeo đẳng trên cổ ông.

Nhưng ông không thể dừng lại. Vụ án này cần được điều tra để đi đến hồi kết - dù cái kết cay đắng thế nào thì chỉ mình ông biết. Điều gì sẽ xảy ra sau đó... Trong thâm tâm ông đã chùn bước, cảm thấy dạ dày của mình nổi cơn co thắt trong đau đớn và sợ hãi.

Hôm nay là thứ Bảy, mặt trời chiếu nóng bóng trên mặt sông, và Lincoln rời khỏi khu Lincoln, băng qua vỉa hè, lê bước lên những bậc đá xếp chồng của nhà xác. Tại sao?

Tại sao không thú nhận rằng ông đã làm một việc quá vô lương tâm với một người có bản tính nhạy cảm? Ở đỉnh cao của sự nghiệp sân khấu, ông đã nhận được nhiều lời phỉ báng cũng như ngợi khen. Ông được gọi bằng đủ thứ tên từ “diễn viên hàng đầu thế giới” cho đến “lão già diễn thứ kịch Shakespeare cũ rích ở thời đại của những phép màu.” Ông đã điềm tĩnh nhận lấy chúng, hứng hết những lời chế nhạo và tiếng vỗ tay với lòng tự tôn, đó chính là phong thái của một nghệ sĩ biết ứng xử. Miễn nhiệm với thứ tinh thần nghệ thuật mới mẻ, chẳng nhà phê bình nào có thể làm lay

động mục tiêu kiên định hay đức tin thầm kín rằng ông đã sống một đời xứng đáng. Tại sao ông không dừng lại ở đó, ở đỉnh cao của một sự nghiệp vẹn toàn? Tại sao lại dính vào vụ này? Là để giúp những người như Thumm và Bruno truy tìm hung thủ và trừng phạt cái ác. Cái ác ư? Làm gì có cái ác nào thuần túy; ngay cả quỷ Satan còn từng là một thiên thần. Hay đó chỉ là những kẻ vô tri sa ngã, nạn nhân của một định mệnh ngang trái.

Tuy thế, đôi chân gầy vẫn đưa ông lên những bậc thềm của nhà xác, chúng bị trói buộc với một nhiệm vụ thăm dò và chứng thực, tình trạng rối bời trong đầu ông đã bị bướng bỉnh khước từ.

Ông tìm thấy bác sĩ Ingalls, vị chuyên gia chất độc của thành phố, trên tầng hai tòa nhà trong một phòng thí nghiệm, đang giảng dạy cho một lớp sinh viên y khoa trẻ. Ông im lặng chờ đợi, nhìn đồng thiết bị giống hệt nhau bằng thủy tinh và kim loại được đặt ngăn nắp mà không thực sự chú ý. Ông đọc những từ ngữ sắc sảo trên miệng Ingalls và dõi theo từng cử động lành nghề của đôi tay vị bác sĩ mà chẳng có chút phản ứng gì.

Khi lớp học tan, Ingalls cởi găng tay cao su và bắt tay Lane thân ái. “Rất vui được gặp lại, ngài Lane. Có chút vấn đề nhỏ với chuyện bằng chứng liên quan đến khứu giác ư?”

Thu mình lại, Drury Lane nhìn quanh phòng thí nghiệm trống người. Một thế giới của khoa học, với bình cổ cong, điện cực và lọ thủy tinh chứa đầy hóa chất! Ông đang làm gì ở đây, sau tất cả, một người ngoài cuộc, một kẻ lảm chuyện, một kẻ lạc lõng? Ông không thể hy vọng làm sạch trái đất... Ông thở dài và nói: “Có thể cho tôi chút thông tin về một chất độc gọi là *physostigmin* không, thưa bác sĩ?”

“*Physostigmin* ư? Chắc chắn rồi!” vị chuyên gia tươi cười. “Đúng chuyên môn của chúng tôi. Đó là một chất độc *alkaloid* màu trắng, không mùi - độc chết người, một trong những hợp chất thuộc nhóm *alkaloid*. Công thức hóa học là $C_{15}H_{21}N_3O_2$ - được chiết xuất từ đậu Calabar.”

“Đậu Calabar?” Lane thần thờ nhắc lại.

“*Physostigma venenosum*. Đậu Calabar là loại hạt có độ độc cao của một giống cây leo châu Phi thuộc họ đậu,” bác sĩ Ingalls giải thích. “Nó được sử dụng trong y khoa để điều trị những triệu chứng rối loạn thần kinh nhất

định, uốn ván, động kinh, đại loại vậy. Chất *physostigmin* có nguồn gốc từ loại đậu này, đủ làm chết chuột và những sinh vật khác nữa. Ngài có muốn xem mẫu của nó không?”

“Khỏi cần đâu, bác sĩ à.” Lane lấy từ trong túi ra một vật được bọc và đệm cẩn thận. Ông bỏ hết các lớp bao ngoài. Đó là cái ống nghiệm bịt kín đựng chất lỏng màu trắng mà ông đã tìm ra trong cái hốc ống khói. “Đây có phải là chất *physostigmin* không?”

“Hừm,” Ingalls nói, cầm cái ống soi lên chỗ sáng. “Có vẻ đúng nó rồi đấy. Chờ một chút, ngài Lane. Tôi sẽ tiến hành vài thí nghiệm.”

Vị bác sĩ chăm chú làm việc trong im lặng; và Lane dõi theo ông ta mà không làm gián đoạn. “Đúng nó rồi,” vị chuyên gia cuối cùng cũng xác nhận. “Chắc chắn là *physostigmin*, ngài Lane ạ, nguyên chất. Ngài lấy nó ở đâu vậy?”

“Trong nhà Hatter,” Lane trả lời mơ hồ. Ông lấy ví của mình ra và lục bên trong cho đến khi tìm thấy một tờ giấy gấp nhỏ. “Đây,” ông nói, “là bản sao của một đơn thuốc, bác sĩ Ingalls ạ. Xin xem qua nó hộ tôi được không?”

Vị chuyên gia cầm lấy đơn thuốc. “Hừm... Nhựa thơm Peru... Tôi hiểu rồi! Ngài muốn biết gì về đơn thuốc này, hả ngài Lane?”

“Liệu nó có chuẩn không?”

“Ồ! Có chứ. Loại thuốc này thường được sử dụng trong điều trị bệnh ngoài da...”

“Cảm ơn,” Lane khẽ đáp. Ông chẳng bận tâm lấy lại đơn thuốc nữa. “Và giờ, ông có thể làm giúp tôi một việc không, bác sĩ?”

“Ngài cứ nói đi.”

“Hãy đảm bảo cái ống này được gửi tới trụ sở cảnh sát dưới tên tôi, được nộp cùng các hiện vật khác của vụ án Hatter.”

“Coi như xong.”

“Nó nên được,” Lane giải thích, “bảo quản như một vật chứng thuộc hồ sơ chính thức. Nó vô cùng quan trọng trong vụ án này... cảm ơn sự giúp đỡ của ông, bác sĩ ạ.”

Lane bắt tay Ingalls và quay ra cửa. Vị chuyên gia chất độc hoang mang dõi theo bước đi chậm rãi của người nghệ sĩ.

CẢNH 4

Văn Phòng Thanh Tra Thumm

Thứ Năm, Ngày 16 Tháng Sáu

10:00 A.M

Và thế là dường như mọi vấn đề đã được định mệnh an bài. Từ một vụ án mà khởi đầu là một âm mưu hung hiểm, đã khiến nhà Hatter Điên loạn điều đứng khi nó lộ ra, hết diễn tiến từ hành vi tội ác này sang hành vi tội ác khác mà không có lý do hay mục đích, thì đột nhiên nó dừng lại, như thể sau một hồi dịch chuyển trên quãng đường dài bất thành lình nó đâm sầm vào một rào chắn kiên cố và sụp đổ, tan thành từng mảnh, không bao giờ động dậy nữa.

Đó là một quãng thời gian khó khăn. Trong sáu ngày sau chuyến thăm của Lane đến phòng thí nghiệm của bác sĩ Ingalls chẳng có gì bất cứ chuyện gì xảy ra. Thanh tra Thumm đã đâm đầu vào một ngõ cụt, và cứ loanh quanh luẩn quẩn với một hoạt động điên cuồng chẳng dẫn đến đâu. Nhà Hatter có vẻ đã quay trở lại với nếp sống quen thuộc, khi những người trong nhà lại tiếp tục lối sống khác thường của họ, không còn bị cảnh sát kiểm soát thêm nữa. Báo chí cả tuần nay thì toàn đăng những tin tiêu cực; nhà Hatter Điên loạn, như một tờ báo nói rõ, dường như đã thoát khỏi “vụ bê bối mới nhất” mà chẳng hề hấn gì. “Lại thêm một ví dụ đáng khinh nữa,” một bài xã luận cay độc quả quyết, “về xu hướng tội phạm mới ở Mỹ. Việc thoát tội giết người mà chẳng làm sao, giữa những công dân chẳng khác gì phường tội phạm, dường như đang trở thành mốt, và trở nên an toàn.”

Và mọi việc cứ bế tắc như thế cho đến tận buổi sáng thứ Năm, gần hai tuần sau vụ giết bà Hatter, khi Drury Lane ghé qua trụ sở cảnh sát.

Thanh tra Thumm thể hiện sự căng thẳng sau một tuần qua. Thiếu chút nữa là ông hân hoan chào Lane như chó thấy chủ. “Xin chào, đồng sự thân mến!” Thumm rống lên. “Ngài đã ở chỗ quái nào vậy? Tôi chưa từng vui mừng mong ngóng ai đến thế trong đời cả! Tin tốt là gì đây?”

Lane nhún vai. Có nét quả quyết quanh miệng ông, nhưng ông vẫn tỏ ra u sầu. “Mấy ngày nay tôi chẳng có lời nào tốt đẹp đâu, thanh tra à.”

“Hừm! Chuyện cũ rích,” Thumm đáp, rồi mãi mê lặng ngắm một vết sẹo cũ trên mu bàn tay mình. “Chẳng ai biết điều gì mới cả.”

“Ngài đã chẳng tiến thêm được bao xa, tôi hiểu.”

“Ngài đang nói tôi ư?” Thumm gắt. “Tôi đã nghĩ nát về cái câu chuyện trinh thám kia rồi. Dường như đó xứng đáng là đầu mối quan trọng nhất trong vụ này. Và nó dẫn tôi đến đâu đây?” Đó là một câu hỏi tu từ không cần câu trả lời, nhưng viên thanh tra vẫn nói tiếp. “Đến cái nơi tên là Chẳng đi đến đâu!”

“Ngài mong nó sẽ dẫn ngài đến đâu, hả thanh tra?” Lane lặng lẽ hỏi.

“Chắc chắn tôi có quyền nghĩ rằng nó sẽ chỉ đến chỗ hung thủ!” Thumm la lên, cơn thịnh nộ sôi sục dâng sau đôi mắt. “Nhưng tôi sẽ bị nguyên rủa nếu tôi hiểu đầu cua tai nheo ra sao. Tôi quá mệt mỏi với toàn bộ cái đồng mụ nát này rồi. Thế đấy!” Ngài bình tĩnh lại. “Việc đổ hết hi vọng vào đó thật chẳng ích gì... Chú ý đây. Để tôi kể xem tôi hiểu nó ra sao nhé...”

“Kể đi.”

“York Hatter viết một câu chuyện trinh thám, hay như ông nói là phác ra cốt truyện. Những nhân vật được viết dựa theo thành viên trong gia đình, cùng một ngôi nhà, đại loại vậy. Không sáng tạo lắm nhỉ? Nhưng phải công nhận ông ta có những tư liệu tuyệt vời để sáng tác; tất cả sẵn có hết.”

“E rằng tôi phải đổ tội cho ông Hatter vì đã đánh giá thấp nguồn tư liệu này,” Lane lẩm bẩm. “Ông ta gần như chẳng ngờ được sự thể đến nước này, thanh tra à. Nếu ông ta biết trước...”

“Vâng, nhưng ông ta không biết,” Thumm gắt. “Vậy nên ông ta mới ngồi đó mà bày ra ý tưởng tiểu thuyết này, và nghĩ rằng: ‘Xuất sắc! Mình thông

minh thật. Mình sẽ tự viết nó ra - tác giả kể chuyện, và tất cả những chuyện linh tinh đó - và bản thân mình sẽ là hung thủ.' Trong câu chuyện thôi, xin lưu ý như thế..."

"Tài tình đấy, thanh tra à."

"Vâng, nếu ngài lần theo cái thứ đó," Thumm càu nhàu. "Bây giờ hãy nhìn đi. Sau khi ông ta tự tử - tôi cá đó là điều mà ông ta chẳng tính đến khi bắt đầu đặt bút viết câu chuyện bí ẩn kia! - thì có kẻ tiếp cận và tìm thấy cốt truyện của ông ta, rồi dùng nó như bản chỉ dẫn cho vụ giết người thực sự..."

"Chuẩn xác."

"Chuẩn xác cái đầu ngài ấy!" Thumm kêu lên. "Chết tiệt thật, dù trông như thế điều đó có nghĩa gì đó, nhưng rất cục chẳng có nghĩa gì sất! Cùng lắm chỉ có thể biết được rằng có kẻ đã dùng ý tưởng của York Hatter như một bản chỉ dẫn. Có thể là bất cứ ai!"

"Tôi tin rằng ngài đã hiểu những khả năng có thể xảy ra," Lane đáp.

"Ý ngài là sao?"

"Đừng bận tâm."

"Vâng, có lẽ ngài thông minh hơn tôi," viên thanh tra lẩm bẩm. "Tôi tin đây là lý do khiến vụ án trở nên vòng vo. Theo sau một cốt truyện trinh thám!" Ngài lấy ra một cái khăn tay lớn và xì mạnh mũi ba lần. "Đó là một câu chuyện trinh thám tệ hại, tôi xin nói như vậy. Nhưng dù sao nó vẫn có ích. Có rất nhiều tình tiết trong vụ án thực tế mà chưa thể giải thích cận kề được. Nên theo tôi thấy thì những thứ không thể giải thích này chúng ta có thể đổ hết cho cái cốt truyện linh tinh của ông ta."

Lane chẳng nói gì.

Thumm thêm phần gắt gỏng. "Còn một điều nữa." Ngài chăm chú nhìn một cái móng tay. "Ngài biết đấy, tuần trước khi ngài nói với tôi về cái bản thảo này, tôi đã tôn trọng yêu cầu của ngài là không đặt câu hỏi. Tôi chẳng ngại khi nói rằng Bruno và tôi đang nghi vấn, ngài Lane ạ, xin được nói thẳng - là ngài đang giữ bí mật nào đó, tôi không biết đó là bí mật quái quỷ gì, cả tôi lẫn Bruno đều chịu không biết, và chúng tôi biết vậy. Nếu không chúng tôi đã chẳng để người ngoài như ngài tự do điều tra như thế."

“Tôi rất biết ơn, thanh tra à,” Lane khẽ đáp.

“Vâng. Nhưng tôi đâu thể kiên nhẫn mãi được,” viên thanh tra chậm rãi nói tiếp. “Và ngài cũng không thể mong đợi sự kiên nhẫn của tôi kéo dài mãi được. Ngài chỉ có thể phát hiện ra cái bản thảo kia bằng một trong ba cách này. Một là ngài đào nó lên từ đâu đó, và cách này dường như không khả thi, vì chúng tôi đã lục soát khắp ngôi nhà từ trên xuống dưới trước cả ngài. Hai là - ngài đã nhận được thông tin từ chính hung thủ. Cũng loại luôn, tất nhiên rồi, vì những lý do hiển nhiên. Ba - ngài chỉ vận dụng suy đoán, theo dấu một linh cảm. Nhưng nếu vậy, làm sao ngài biết chính xác rằng trong cái cốt truyện kia York Hatter chính là hung thủ? Vậy cũng loại nốt. Tôi thừa nhận mình bế tắc và, trời ạ, tôi chẳng hề thích thế!”

Drury Lane cử động rồi thở dài, nổi thống khổ trong đôi mắt ông trái hẳn với sự thiếu kiên nhẫn trong lời nói. “Suy luận kém quá, thanh tra à, tôi xin phép nói vậy. Nhưng đơn giản là tôi không thể bàn luận nó với ngài được.” Ông im lặng một lát rồi nói: “Đồng thời, tôi cũng nợ ngài một lời giải thích.”

Khi Thumm nheo mắt lại, ông đứng dậy và bắt đầu dạo khắp phòng với những bước dài sốt sắng. “Thanh tra, đây là tội ác kỳ lạ nhất trong sự nghiệp điều tra của ngài đấy. Khi bị cuốn hút bởi ngành tội phạm học vào đầu năm ngoái, tôi đã đọc rất nhiều hồ sơ của những vụ án cũ, rà soát những vụ án đương thời để tự mình thu thập đầy đủ thông tin. Hãy tin tôi khi tôi bảo ngài rằng suốt chiều dài lịch sử điều tra hình sự chưa từng ghi nhận một vụ án nào - nên nói sao nhỉ? - gay go, phức tạp, lạ thường như vụ này.”

“Có thể,” Thumm xẵng giọng. “Tôi chỉ biết là nó thật khó nhằn.”

“Ngài chưa nhận thức được sự phức tạp của nó đâu,” Lane lẩm bẩm. “Bản thân nó không chỉ liên quan đến các vấn đề tội ác và hình phạt đâu, thanh tra à. Nó bao gồm một mớ hỗn độn về bệnh lý học, tâm lý học dị thường, các vấn đề về xã hội học và luân lý...” Ông dừng lại và cắn môi. “Nhưng chúng ta hãy dừng cuộc nói chuyện vô bổ này. Nhà Hatter có động thái gì bất thường không?”

“Tình hình vẫn thế. Trông như thể mọi chuyện dần qua đi.”

“Đừng để bị đánh lừa,” Lane đáp đầy cay nghiệt. “Chuyện chưa qua hết đâu. Đây là lúc gián đoạn, một quãng thời gian đình chiến thôi... Nếu còn những âm mưu đầu độc khác nữa thì sao?”

“Không thể. Bác sĩ Dubin, vị chuyên gia trực trong ngôi nhà, đang theo dõi từng mẫu đồ ăn thức uống một. Chuyện đó sẽ không lặp lại nữa đâu.”

“Louisa Champion... Barbara Hatter đã đưa ra quyết định chưa?”

“Chưa. Conrad đang lộ rõ bản chất của mình. Hắn ta cứ xía xói cô chị tội nghiệp hòng nâng lấy cơ hội kia - một âm mưu thô thiển, và tất nhiên Barbara nhìn thấu hẳn. Ngài biết tên khốn ấy còn dám đề nghị gì không?”

“Gì cơ?”

“Hắn ta gạ gẫm Barbara! Bảo rằng nếu cô chị từ chối chăm sóc Louisa, thì hẳn cũng thế, và rồi họ sẽ cùng chống lại bản di chúc trong khi thuyền trưởng Trivett chấp nhận nghĩa vụ chăm sóc! Thật là một ông em quý hóa. Nếu Barbara đồng ý, hẳn sẽ trở mặt ngay và giành quyền chăm sóc Louisa. Rốt cục, việc được quyền quản lý ba trăm ngàn đôla đâu phải chuyện tồi.”

“Còn những người khác?”

”Jill Hatter quay lại với vòng xoáy tiệc tùng. Tiếp tục nói xấu bà mẹ quá cố. Lại tay trong tay với Gormly và bỏ rơi Bigelow, coi đó là,” Thumm nói dứt khoát, “một sự tuyệt giao ngọt ngào dành cho Bigelow. Ông ta không nghĩ như vậy - ông ta suy sụp - mặc dù chẳng bèn mảng đến ngôi nhà suốt tuần qua. Tất cả chỉ có vậy. Có triển vọng phải không nào?”

Cặp mắt Lane hấp háy. “Có phải Louisa Champion vẫn ngủ trong phòng bà Smith?”

“Không, cô ấy thấy không hợp chỗ nên đã trở lại phòng cũ. Căn phòng đã được dọn dẹp. Bà Smith đang ngủ ở đó với cô ấy, nằm trên giường bà mẹ. Ai ngờ bà ấy can đảm thế.”

Lane dừng nhịp bước, đứng ngay trước mặt viên thanh tra. “Tôi đang ráng lấy hết can đảm, thanh tra ạ, để cầu viện đến sự kiên nhẫn và lòng thành của ngài.”

Thumm đứng dậy, và họ mặt đối mặt - một người thì cục mịch bệ vệ, còn một người thì cao gầy săn chắc. “Tôi chưa hiểu ý ngài,” Thumm đáp.

“Tôi muốn nhờ ngài làm một việc nữa cho tôi mà không hỏi lý do.”

“Ngài cứ nói,” Thumm đáp.

“Tốt lắm. Người của ngài vẫn canh chừng cả trong lẫn ngoài nhà Hatter?”

“Vâng. Thế thì sao?”

Lane chưa trả lời ngay. Ông tìm kiếm đôi mắt của viên thanh tra, và trong mắt ông toát lên nét gì đó như sự khẩn cầu của con trẻ. “Tôi muốn ngài,” ông nói chậm rãi, “rút hết cảnh sát và thám tử đang làm nhiệm vụ tại nhà Hatter đi.”

Thanh tra Thumm, vốn đã quen với tính bất thường của Drury Lane, cũng phải bất ngờ trước một yêu cầu đáng kinh ngạc như thế này. “Cái gì!” Ngài gầm lên. “Để nơi đó hoàn toàn không được bảo vệ sao?”

“Đúng vậy,” Lane thấp giọng đáp. “Hoàn toàn không được bảo vệ, như ngài nói. Điều đó là cấp bách và cần thiết.”

“Cả bác sĩ Dubin nữa ư? Tại sao, trời ạ, ngài không biết mình đang đề nghị gì sao. Thế thì kẻ hạ độc tha hồ ra tay còn gì nữa!”

“Đó chính xác là mục đích tôi hướng đến.”

“Nhưng trời đất ạ,” Thumm thốt lên, “chúng ta không thể làm thế! Có khác gì chúng ta đang mời gọi hãn tấn công!”

Lane khẽ gật đầu. “Ngài đã nắm bắt được bản chất của ý tưởng này, thanh tra à.”

“Nhưng,” Thumm lắp bắp, “phải có ai đó trong nhà để bảo vệ gia đình họ và tóm cổ tên khốn ấy!”

“Có người sẽ ở đó.”

Thumm giật mình, như thể đột nhiên ông bắt đầu nghi ngờ sự tinh táo của người nghệ sĩ già. “Nhưng tôi tưởng ngài vừa bảo rằng không muốn chúng tôi ở đó.”

“Chính xác.”

“Là sao?”

“Đích thân tôi sẽ có mặt ở đó.”

“Ồ!” Thumm thốt lên với sắc giọng thay đổi. Ngài bắt đầu trầm tư ngay tắp lự, và quan sát Lane thật chăm chú. “Tôi hiểu rồi. Trò đóng thế cũ, đúng

không? Họ chỉ biết ngài là một người trong lực lượng của chúng tôi, trừ phi...”

“Đó chính xác là những gì tôi định làm,” Lane đáp bằng giọng vô hồn. “Tôi sẽ không đến đó như bình thường, mà cải trang thành người khác.”

“Một người mà họ biết, và chẳng đề phòng,” Thumm lẩm bẩm. “Không tệ, không tệ chút nào, ngài Lane ạ. Ngài có thể đánh lừa họ đấy. Sau rốt, đây chẳng phải là sân khấu. Hoặc một câu chuyện trinh thám. Ngài có nghĩ mình có thể hóa trang - ý tôi là, đủ tốt để...?”

“Có cơ hội thì cứ phải thử thôi,” Lane đáp. “Quacey là một thiên tài. Tài năng nghệ thuật của ông ấy thật sáng chói bởi rất ít người có nó. Về phần tôi... Đây không phải lần đầu tiên tôi làm thế,” ông chua chát nói. Rồi ông ngưng lại. “Nào, thanh tra, chúng ta đang lãng phí thời gian quý báu. Ngài có chấp nhận yêu cầu của tôi hay không?”

“Vâng, được thôi,” Thumm nghi ngại đáp. “Chẳng mất gì, tôi đoán vậy, nếu ngài thận trọng hết mức có thể. Chúng tôi cũng sẽ rút người đi sớm thôi... Thế nhé. Còn kế hoạch thì sao?”

Lane đồng dục nói: “Edgar Perry đang ở chỗ nào?”

“Đang ở nhà Hatter. Anh ta được thả và chúng tôi dặn là phải ở đó cho đến khi chúng tôi xong chuyện.”

“Cho gọi anh Perry ngay, lấy cớ là để thẩm vấn thêm lần nữa, bảo anh ta đến đây càng sớm càng tốt.”

Nửa tiếng sau Edgar Perry đã yên vị trên chiếc ghế tốt nhất của Thumm, lo lắng liếc nhìn hết Lane đến viên thanh tra. Nỗi u buồn khoác lên người nghệ sĩ đã được trút bỏ: ông trầm lặng, nhưng tỉnh táo. Đôi mắt ông như chiếc máy ảnh xoáy vào người gia sư, đánh giá kỹ lưỡng anh ta, ghi nhận từng chi tiết của cử chỉ và dáng điệu. Thumm ngồi đó, bồn chồn và cau có. “Anh Perry,” Lane cuối cùng cũng lên tiếng, “sự giúp đỡ của anh sẽ cực kỳ hữu ích đối với cảnh sát.”

“À vâng,” Perry đáp vẻ ngờ ngợ, đôi mắt mơ huyền ngập đầy lo âu.

“Việc rút hết cảnh sát ở nhà Hatter là cần thiết.”

Perry giật mình và sốt sắng. “Có thật thế không?” anh ta thốt lên.

“Đúng vậy. Đồng thời chúng tôi phải có người ở đó phòng khi có rắc rối.” Vẻ sốt sắng của người gia sư tan đi, và sự e dè quay lại. “Một người mà, tất nhiên rồi, sẽ có quyền tự do đi lại trong nhà và hơn thế, khi theo dõi từng thành viên trong gia đình, có thể hòa nhập với họ mà không bị nghi ngờ. Anh hiểu chứ?”

“Phần nào.”

“Chắc không cần phải nhắc rằng người của cảnh sát,” Lane tiếp tục nói dứt khoát, “sẽ không thể làm việc đó. Tôi đề nghị với sự cho phép của anh, Perry ạ, để được thế chỗ anh trong nhà Hatter.”

Perry chớp mắt. “Thế chỗ tôi? Tôi chưa thật hiểu...”

“Tôi có một người nghệ sĩ hóa trang vĩ đại nhất thế giới. Tôi chọn anh vì anh là thành viên duy nhất trong gia đình tôi có thể thể thân mà ít có nguy cơ bại lộ hành tung. Chúng ta có vóc dáng và chiều cao tương tự nhau, và khuôn mặt không khác nhau mấy. Chỉ ít là anh chẳng có gì mà kỹ xảo của Quacey không thể sao lại rồi áp lên trên người tôi.”

“Ồ, đúng rồi. Ngài là một nghệ sĩ,” Perry lẩm bẩm.

“Anh có đồng ý không?”

Perry không trả lời ngay. “Chà...”

“Anh nên đồng ý đi,” thanh tra Thumm gườm gườm nói. “Anh không hoàn toàn vô can trong vụ này đâu, Champion.”

Sự tức giận bùng lên trong đôi mắt ướm, rồi tắt đi. Đôi vai người gia sư trùng xuống. “Được lắm,” anh ta lẩm bẩm. “Tôi đồng ý.”

CẢNH 5

Lâu Đài Hamlet
Thứ Sáu, Ngày 17 Tháng Sáu
Buổi Chiều

Sáng hôm ấy thanh tra Thumm đến lâu đài Hamlet trong một chiếc xe nhỏ màu đen với Perry, giải thích rằng nhà Hatter đang nghĩ Perry bị tra hỏi cả ngày, rồi lập tức rời đi ngay.

Lane, giờ đang ở trên địa bàn thân quen, thuộc từng li trên mảnh đất, chưa vội vàng vào chuyện. Ông cùng người gia sư dạo quanh vùng đất, chuyện phiếm về sân khấu kịch, về sách vở, khu vườn của ông - mọi thứ trừ chuyện nhà Hatter. Perry trở nên cởi mở dưới sự quyến rũ của cảnh vật tuyệt đẹp phi thường chung quanh, hít sâu cái không khí nồng nàn, bước vào quán rượu Mermaid Tavern với đôi mắt lấp lánh, cung kính ngắm nhìn bản in đầu khổ to của tập kịch Shakespeare được bày trong tủ kính của thư viện rộng lớn yên tĩnh, gặp những người đồng sự của Lane, tham quan sân khấu của ông, thảo luận về kịch hiện đại với Kropotkin, đạo diễn người Nga của Lane - say mê đến ngây người. Dường như anh ta trở thành một con người mới.

Lane lặng lẽ dẫn anh ta về, đôi mắt ông theo sát khuôn mặt, dáng điệu, và cử chỉ của anh ta trong suốt sáng hôm đó. Ông chăm chú quan sát khuôn miệng của Perry và cách anh ta cử động môi, tư thế, bước đi, mọi sắc thái điệu bộ. Đến bữa trưa, ông dõi theo tác phong ăn uống của Perry. Quacey lèo đèo theo sau, nghiên cứu cái đầu của người gia sư như một con chim

ưng nhỏ dị dạng, rồi biến đi đâu đó tầm giữa buổi chiều, tự hân hoan lẩm nhẩm một mình.

Vào buổi chiều, họ tiếp tục tham quan khu đất rộng lớn; nhưng bây giờ Lane khéo léo dẫn dắt cuộc trò chuyện với Perry. Chỉ trong phút chốc những chuyện riêng tư đã lộ ra. Lane biết được sở thích của người gia sư, những định kiến, những ý tưởng, phần cốt lõi trong mỗi tương giao đồng điệu với Barbara Hatter, mối quan hệ của anh ta với các thành viên khác trong gia đình, chuyện dạy dỗ hai đứa trẻ. Một lần nữa Perry trở nên hoạt bát, và kể cho Lane nơi có thể tìm thấy những cuốn sách, và phương pháp để dạy từng cậu bé, cũng như các thói quen sinh hoạt thường ngày ở nhà Hatter.

Vào buổi tối, sau khi ăn xong hai người họ đến chỗ phòng thí nghiệm nhỏ của Quacey. Đó là một nơi kỳ lạ, hoàn toàn không giống như bất cứ thứ gì Perry đã từng thấy trước đây. Mặc dù có nhiều thứ đồ hiện đại, căn phòng toát lên một vẻ cổ xưa nào đó. Nó trông giống như một căn buồng tra tấn thời trung cổ. Trên một bức tường có treo cái kệ mà trên đó là một dây đầu người - mô hình của các chủng tộc người - người da vàng Mongoloid, người da trắng Caucasian, người da đen Negroid - với đầy đủ mọi trạng thái có thể của diện mạo con người. Những mớ tóc giả màu xám, đen, nâu, đỏ, xù, xếp tầng, thẳng, rối, nhờn, xoắn - treo đầy trên tường. Trên bàn là một mớ hồ lớn những bột màu, phấn, kem, thuốc nhuộm, bột hồ, và các công cụ bằng kim loại nhỏ. Một dụng cụ giống như máy khâu, một tấm gương nhiều mặt rất to, một bóng đèn lớn, những tấm che sáng màu đen... Từ lúc bước qua ngưỡng cửa, cử động Perry như đình trệ, nỗi lo sợ và sự do dự trước đây đã quay trở lại. Căn phòng dường như nuốt lấy và đưa anh ta trở lại với thực tại, khiến anh ta im lặng và trở nên bồn chồn. Lane nhìn anh và bỗng tỏ ra băn khoăn. Perry đang làm quen với căn phòng một cách khó khăn. Cùng di chuyển theo anh ta là cái bóng dài kỳ cục trên bức tường trống.

“Anh Perry, xin vui lòng cởi quần áo,” Quacey rít lên. Ông ta đang bận rộn dựng lên một mô hình bằng gỗ, hoàn thiện những thao tác cuối cùng để cho ra một bộ tóc giả trông như thật.

Perry âm thầm và chậm rãi vâng lời. Lane lột hết quần áo của mình một cách nhanh chóng, và mặc đồ của Perry vào. Đồ ông mặc vừa khít; hai người có vóc dáng giống hệt nhau.

Perry quần một cái áo choàng quanh người và rùng mình.

Quacey nhanh chóng bắt tay vào việc. Những thứ cần thiết để trang điểm khuôn mặt, may mắn thay, lại rất ít. Lane ngồi trên một chiếc ghế có hình dạng kỳ lạ trước gương còn ông lão gù tiến hành công việc. Những ngón tay xương xẩu của ông ta thật điệu nghệ như tự biết suy nghĩ. Một điều chỉnh nhẹ ở phần mũi và lông mày, chút đệm để thay đổi hình dạng của má và hàm; một cách nhanh chóng, khéo léo đôi mắt được chỉnh cho giống, và lông mày được nhuộm. Perry dõi theo trong im lặng, vẽ quyết tâm len vào trong đôi mắt anh. Quacey mau lẹ ra hiệu Perry ngồi lên băng ghế, xem xét chân tóc và hình dáng đầu của anh ta, điều chỉnh bộ tóc giả trên đầu Lane, lấy kéo cắt tỉa...

Sau hai giờ màn giả trang đã được hoàn tất. Drury Lane đứng lên, và đôi mắt Perry mở to đầy kinh ngạc! Một cảm giác choáng ngợp phi thường, không thể tin được chiếm hữu lấy anh ta. Lane mở miệng, và một giọng nói giống hệt của Perry phát ra - chính xác theo từng cử động đôi môi...

“Ôi Chúa ơi!” Perry đột nhiên thốt lên, khuôn mặt anh ta vẹo đi và đỏ lên, “không! Không, tôi nói rồi! Tôi không cho phép ngài!”

Chiếc mặt nạ được hạ xuống, và một lần nữa đôi mắt Lane hiện vẻ cảnh giác. “Ý anh là sao?” ông khẽ hỏi.

“Ngài quá hoàn hảo! Sự lừa dối quá... Tôi sẽ không cho phép điều đó, tôi bảo ngài rồi đấy!” Perry chìm xuống ghế, đôi vai run rẩy. “Tôi... Barbara... Lừa dối cô ấy như vậy...”

“Anh nghĩ tôi sẽ để bản thân đi quá xa?” Lane hỏi, với một ánh nhìn thương hại trong đôi mắt.

“Vâng, vâng. Cô ấy biết tôi bị ép buộc... Nhưng thế này thì... Không!” Người gia sư nháy dựng lên, cặp hàm nghiêng lại. “Nếu ngài cố gắng để mạo danh tôi, ngài Lane, tôi sẽ buộc phải dùng đến bạo lực. Tôi sẽ không cho phép ông đánh lừa người phụ nữ đó,” anh ta dừng lại và cảm dựng lên, “người phụ nữ tôi yêu. Hãy trả quần áo cho tôi, làm ơn.”

Perry cởi áo choàng và tiến một bước về phía Lane, vẻ thách thức và ngọn lửa quyết tâm trong đôi mắt. Sau khi mở to miệng hét lên cảnh báo, Quacey nắm lấy một cái kéo to bản trên bàn, và nhảy tới trước như một con khi.

Lane chặn ông ta lại và vỗ nhẹ vào vai. “Không, Quacey... Anh nói đúng, Perry ạ, hoàn toàn đúng. Tối nay anh sẽ làm khách của tôi chứ?”

Perry lắp bắp: “Tôi xin lỗi, tôi không có ý đe dọa.”

“Tôi vừa mới vì tư lợi mà bỏ qua chuyện đạo đức.” Lane nói đều đặn. “Trừ phi chúng ta cho cô Hatter biết bí mật này... Không, thế này sẽ tốt hơn. Quacey, thôi gườm ghè đi.” Ông cởi bộ tóc giả với chút khó khăn rồi đặt nó vào bàn tay kính ngạc của ông già gù. “Giữ lấy thứ này như kỷ vật cho sự ngu ngốc của tôi và lòng dũng cảm của một quý ông...” Thế rồi, ngay trước mũi Perry, Lane biến trở lại thành con người cũ. Người nghệ sĩ cứng người, chớp mắt hai lần, rồi sau đó mỉm cười. “Anh có muốn tham quan sân khấu của tôi không, Perry? Kropotkin đang điều hành buổi tổng duyệt cho vở kịch mới nhất của chúng tôi.”

Khi Perry đã mặc lại quần áo và rời đi, được hộ tống bởi Falstaff đến sân khấu của Laner thì người nghệ sĩ liền tỏ ra sốt sắng. “Nhanh lên, Quacey! Gọi điện cho thanh tra Thumm ngay!” Quacey cuống quýt lại chỗ tường và bàn tay xương xẩu lấy ra một chiếc điện thoại. Ở phía sau, Lane tỏ vẻ sốt ruột. “Nhanh lên, ông già. Nhanh lên. Đừng để phí thời gian.”

Có chút khó khăn để liên lạc với viên thanh tra. Ngài không có mặt tại trụ sở cảnh sát.

“Hãy thử gọi về nhà xem.”

Vợ của viên thanh tra trả lời điện thoại. Quacey khẩn trương nói. Người phụ nữ đức hạnh này tỏ ra lo lắng... Có vẻ Thumm đang ngáy trên ghế tựa, và cô vợ không muốn đánh thức chồng. “Nhưng đó là ngài Lane!” Quacey thốt lên trong tuyệt vọng. “Chuyện quan trọng!”

“Ồ!” Âm thanh đặc biệt như tiếng sấm rền đang dội trong đôi tai của ông già Quacey đột nhiên ngưng lại, và một lúc sau tiếng gầm quen thuộc Thumm vang lên trong điện thoại.

“Hãy hỏi ngài ấy xem cảnh sát đã rời nhà Hatter chưa?”

Quacey lắp bắp hỏi rồi chăm chú lắng tai nghe. “Ngài ấy bảo vẫn chưa. Họ sẽ rút đi ngay khi ngài tới đó đêm nay.”

“May quá! Bảo thanh tra là tôi vừa mới đổi ý. Không cải trang thành Perry nữa. Người của ngài ấy vẫn nguyên đó cho đến ngày mai. Khi tôi tới đó khoảng trước trưa mai, thì họ sẽ rời đi ngay.”

Tiếng rống căn vặn của Thumm khiến cho người nhận run cả lên. “Ngài ấy nói muốn biết lý do tại sao lại thế. Ngài ấy bảo phải hỏi cho ra lẽ,” ông già gù thuật lại.

“Không thể giải thích bây giờ. Bảo ngài ấy là tôi trân trọng cảm ơn rồi cúp máy đi.”

Chẳng nhận ra là mình đang sai bước trong phòng mà chỉ mặc đồ lót thể thao, Drury Lane khua tay múa chân trước Quacey và nói lớn: “Bây giờ gọi đến nhà của bác sĩ Merriam! Ông sẽ tìm thấy số điện thoại trong danh bạ của thành phố.”

Quacey nhấp ướn ngón tay cái to bè và bắt đầu lật danh bạ. “Mer... Mer... Bác sĩ y khoa Merriam, phải không?”

“Đúng rồi. Nhanh lên!”

Quacey quay số điện thoại. Sau một lúc có tiếng phụ nữ trả lời. “Cho gặp bác sĩ Merriam với,” ông ta cất cái giọng khàn đặc trưng. “Ngài Drury Lane gọi.”

Khi nghe câu trả lời the thé, khuôn mặt nhăn nhoe rám nắng của Quacey lộ vẻ thất vọng. “Cô ta bảo ông ấy không có ở nhà. Cô ta bảo chiều nay ông ấy đã rời khỏi thành phố để đi nghỉ.”

“À,” Drury Lane đáp vẻ dăm chiêu. “Đi nghỉ ư? Sao mà vừa đúng lúc thế... Cúp máy đi, Caliban. Cúp máy. Sự việc đang trở nên phức tạp. Cảm ơn cô ta và cúp máy.”

“Giờ thì sao?” Quacey hỏi vẻ bất bình, trừng trừng nhìn ông chủ của mình.

“Tôi tin rằng,” Drury Lane trả lời với một nụ cười thâm trầm, “tôi có một ý tưởng còn hay hơn nữa.”

CẢNH 6

Căn Phòng Chết

Thứ Bảy, Ngày 18 Tháng Sáu

8:20 P.M

Khi chỉ còn vài phút là đến trưa thứ Bảy, chiếc limousine của Drury Lane tấp vào lề đường trước nhà Hatter để đưa Edgar Perry và chủ nhân của nó lên vỉa hè. Perry trông nhợt nhạt, nhưng tỏ ra cương nghị; suốt quãng đường về đây anh ta chỉ im lặng. Lane không quấy rầy anh ta.

Một thám tử ra mở cửa. “Xin chào, ngài Lane. Cả anh cũng trở lại, Perry?” và nháy mắt với Lane và người gia sư, không đợi trả lời, nhanh chóng bước qua hành lang và biến mất trên cầu thang.

Lane dạo qua sảnh và tới phía sau nhà. Ông dừng lại, sau đó đi vào nhà bếp. Khi xuất hiện trở lại vài phút sau đó, ông đi đến thư viện. Conrad Hatter đang ở đấy, viết gì đó trên bàn làm việc. “Chào anh Hatter,” Lane thân mật nói, “tôi nghe được là rắc rối của anh đã xong xuôi.”

“Sao cơ? Thế là sao?” Hatter thốt lên, ngay lập tức ngược nhìn Lane. Có những quầng thâm dưới mắt anh ta.

“Tôi đã được thông báo,” Lane đáp và ngồi xuống, “rằng lệnh phong tỏa vừa được dỡ bỏ sáng nay. Cuối cùng cảnh sát cũng rút đi.”

Hatter lẩm bẩm: ”Ồ! Kể cũng vừa đúng lúc đấy. Dù sao họ cũng chẳng làm ăn được gì cho ra hồn mà, vẫn dậm chân tại chỗ trong việc truy tìm hung thủ giết mẹ tôi hai tuần trước.”

Lane nhăn nhó. “Chúng tôi đâu có hoàn hảo, anh biết đấy... A, họ đây rồi. Xin chào, Mosher.”

“Xin chào, ngài Lane,” thám tử Mosher hôn hờ, thân hình kèn càng tiến vào thư viện. “Vâng, chúng tôi đang rút dây, anh Hatter ạ!”

“Ngài Lane cũng vừa bảo xong.”

“Lệnh của thanh tra. Tôi và đồng sự đang rút về - đúng giữa trưa. Xin thứ lỗi, anh Hatter.”

“Xin thứ lỗi?” Hatter nhắc lại. Anh ta đứng lên và vươn hai cánh tay ra. “Thế là thoát nợ, lũ chết tiệt các người! Cuối cùng chúng tôi cũng được hưởng chút bình an quanh đây.”

“Và sự riêng tư nữa,” một giọng gắt gỏng vang lên. Đó là Jill Hatter đang bước vào phòng. “Mọi thứ rồi tung hết cả, Connie nhỉ. Giờ chúng ta được tự do thật rồi.”

Bốn người đóng tại ngôi nhà là Mosher, Pinkussohn, Krause và một người đàn ông trẻ tuổi ngăm đen, bác sĩ Dubin, chuyên gia chất độc có nhiệm vụ kiểm tra đồ ăn thức uống - đang tập hợp ở cửa ra vào. “Nào, các cậu,” Pinkussohn lên tiếng, “chúng ta rút thôi. Tôi có hẹn rồi. Khà khà!” Anh ta bắt đầu một điệu cười lẫn lộn khiến cả phòng rung lên. Và rồi, giữa những tiếng vang vọng anh ta bỗng nghẹn lời và âm thanh dừng lại như có ma làm. Anh ta nhìn chăm chăm vào chiếc ghế mà Lane ngồi. Tất cả đều nhìn về phía đó: Cổ Drury Lane ngửa ra đằng sau gáy, mắt nhắm nghiền, khuôn mặt cắt không còn hạt máu - bất tỉnh

Ngay sau khoảnh khắc sững sờ, bác sĩ Dubin lao về phía trước. Pinkussohn thở hỗn hển: “Ông ta cứ chờ người ra như thế! Mặt đỏ lựng, nghệt thở một chút, rồi ngất đi!”

Vị chuyên gia chất độc quỳ xuống bên cạnh chiếc ghế, xé toang cổ áo của Lane, nghiêng người áp tai vào ngực Lane, cảm nhận nhịp tim. Khuôn mặt ngài nghiêm trọng “Nước,” ngài thấp giọng nói. “Và rượu whisky. Nhanh lên.”

Jill dựa người vào tường, nhìn chăm chăm. Conrad Hatter lăm bầm điều gì đó, và lấy ra một chai whisky từ cái tủ rượu. Một thám tử chạy vào bếp và nhanh chóng quay trở lại với một cốc nước. Bác sĩ Dubin mở miệng Lane và rót một lượng lớn rượu xuống cổ họng của ông. Viên thám tử kia, quá hăng hái, hất luôn cả cốc nước vào mặt Lane. Hiệu quả xuất hiện tức

thời, Lane lắp bắp, lòng trắng mắt hiện ra, con người đảo quanh, húng hắng ho khi thứ rượu whisky nóng bỏng ngấm vào tĩnh mạch. “Đồ ngốc!” bác sĩ Dubin gất lên. “Anh muốn làm gì vậy, giết ông ấy chắc? Đây, giúp tôi một tay... Anh Hatter, chúng tôi có thể đặt ông ấy ở đâu? Tôi phải cho ông ấy lên giường ngay. Đau tim...”

“Ông có chắc không phải bị trúng độc chứ?” Jill hỗn hển nói.

Barbara, Martha, hai đứa trẻ, và bà Arbuckle chạy vào, khi bị đánh thức bởi sự náo động.

“Trời ơi,” Barbara sốt sắng lên tiếng. “Ngài Lane bị làm sao thế?”

“Ai đó làm ơn giúp một tay đi?” bác sĩ Dubin hỗn hển nói, cố nâng cơ thể mềm oặt của Lane khỏi ghế.

Có tiếng nói vang lên ở sảnh, và những người đứng ở cửa ra vào tản ra khi Dromio, người lái xe tốc độ, lao vào...

Mười lăm phút sau đó, ngôi nhà lại một lần nữa chìm vào yên tĩnh. Thân hình bất động của Lane được bác sĩ Dubin và Dromio đưa lên phòng dành cho khách trên tầng hai. Ba vị thám tử đứng đó dõi theo, tỏ ra bứt rứt, nghi ngại chẳng biết nên làm sao. Cuối cùng, vì chẳng thấy ai gọi, họ cùng rời khỏi ngôi nhà, để Lane và gia đình Hatter tự xoay sở với nhau. Sau rốt, cơn đau tim không phải là hậu quả của một vụ giết người. Những người khác xúm xít quanh cánh cửa phòng đóng kín. Không nghe được âm thanh nào từ phía sau cánh cửa. Đột nhiên nó mở ra và cái đầu đỏ rực của Dromio thò ra. “Bác sĩ bảo là mọi người tránh xa khỏi đây và không được làm ồn!” Cánh cửa đóng sầm lại.

Và họ dần giải tán. Nửa tiếng sau bác sĩ Dubin bước ra và đi xuống cầu thang. “Tuyệt đối yên tĩnh và nghỉ ngơi,” ông thông báo cho họ. “Tình hình không nghiêm trọng. Tuy nhiên, ông ấy không được đi lại trong ít nhất là một ngày. Xin đừng làm phiền ông ấy. Người tài xế sẽ ở cùng và chăm sóc cho đến khi ông ấy đi lại được. Tôi sẽ trở lại vào ngày mai - khi ông ấy đã khỏe hơn.”

Lúc 7 giờ 30 tối hôm đó, Drury Lane bắt đầu đạt được mục đích mà cơn “đau tim” của ông tạo ra. Nghe theo lời bác sĩ Dubin, không ai lại gần “phòng bệnh nhân.” Đúng thế, Barbara Hatter đã âm thầm gọi điện cho văn

phòng của bác sĩ Merriam để nhờ khám - có lẽ do một cảm giác lo ngại mơ hồ thúc đẩy - nhưng khi biết rằng bác sĩ đã ra khỏi thành phố, cô không thử can thiệp gì thêm nữa. Dromio, thu mình đằng sau cánh cửa đóng kín với một điều xì gà và một cuốn tạp chí mà anh ta đã nhét vào túi từ trước, cảm thấy buổi chiều hôm đó trôi qua không hẳn là vô vị; ít ra cũng thú vị hơn so với ông chủ, xét theo sự căng thẳng trên khuôn mặt của Lane.

Lúc 6 giờ Barbara yêu cầu bà Arbuckle làm một khay đồ ăn nhẹ và mang đến phòng của Lane. Dromio nhận nó với vẻ lịch thiệp, bảo rằng ngài Lane đang nghỉ ngơi thoải mái, và đóng sập cửa trước khuôn mặt khó đăm đăm của bà Arbuckle. Ngay sau đó bà Smith, với tinh thần nghề nghiệp tận tụy, gõ cửa và hỏi liệu mình có thể giúp gì không. Dromio trao đổi với bà ta trong năm phút, cuối cùng thì bà ta cũng chỉ đứng nhìn cánh cửa đóng kín, phần nào thỏa lòng, nhưng dù sao cũng bị từ chối. Bà Smith rời đi và lắc đầu.

Lúc 7 giờ 30 Drury Lane đứng dậy khỏi giường, nói khẽ với Dromio, và đứng sau cánh cửa. Dromio mở cửa và nhìn ra hành lang. Chẳng có ai cả. Đóng cửa lại, anh ta đi xuống hành lang. Cánh cửa phòng bà Smith mở toang; căn phòng chẳng có ai. Cửa phòng thí nghiệm và cửa phòng bọn trẻ cũng đóng. Cửa phòng Louisa Campion thì mở; và Dromio, đảm bảo rằng không có ai bên trong, nhanh chóng quay lại phòng dành cho khách. Một lúc sau Drury Lane nhón chân bước ra hành lang và vội vàng đi vào căn phòng chết. Không chút do dự, ông mở cửa tủ đồ và chui vào trong. Ông đóng cửa lại, chỉ để một khe hở đủ để quan sát căn phòng. Hành lang, toàn bộ tầng hai, và chính căn phòng này hoàn toàn chìm trong im lặng. Căn phòng chết nhanh chóng tối dần đi, và không khí trong tủ đồ trở nên ngột ngạt. Tuy nhiên Lane đã lần mò chui sâu vào đồng quần áo nữ đằng sau, cố gắng hít thở, và chuẩn bị cho một sự chờ đợi dài.

Nhiều phút trôi qua. Nhiều lần Dromio, cúi người đằng sau cánh cửa phòng mình, nghe thấy giọng nói từ hành lang và những tiếng yếu hơn dưới cầu thang; Lane thậm chí không nhận thức được thế giới bên ngoài. Ông hoàn toàn chìm trong bóng tối. Không ai bước vào căn phòng mà ông đang ẩn nấp.

Lúc 7 giờ 50, như Lane thấy trên mặt đồng hồ đeo tay, đó là dấu hiệu đầu tiên của hành động. Ông căng người ra, bản năng nguyên thủy trở nên cảnh giác. Bỗng căn phòng tràn ngập ánh sáng; ông nhận ra công tắc đèn nằm bên trái của tủ đồ, bên phải cửa nên bị khuất khỏi tầm mắt, thế nên ông mới không trông thấy có người đi vào. Nhưng ông chẳng phải ngờ vực lâu. Thân hình đầy đà của bà Smith băng qua tầm mắt ông, với dáng đi nặng nề bà ta băng qua tấm thảm và bước đến khu vực giữa hai giường đơn. Căn phòng, sáng choang như giờ Lane thấy, đã được quét dọn, khử mùi và xếp sắp lại; mọi dấu vết của vụ án đã được xóa đi.

Bà Smith đi đến chỗ cái bàn đầu giường, cầm lấy bộ chữ nổi Braille của Louisa Champion. Lane trông thấy khuôn mặt khi bà ta quay người lại. Một khuôn mặt trông rất mệt mỏi, và bà ta thở dài đánh thượt. Không chạm vào thứ gì nữa, bà Smith bước khỏi tầm nhìn của Lane, đi về phía cửa. Một lát sau, ánh sáng biến mất, chỉ còn lại Lane trong bóng tối bao bọc. Ông thả lỏng người và lau mồ hôi trán đang toát ra.

Lúc 8 giờ 05 căn phòng chết đón nhận vị khách thứ hai. Một lần nữa, ánh sáng lóe lên, và Lane trông thấy thân hình cao to của bà Arbuckle lê qua tấm thảm. Người phụ nữ này thở nhanh vì gắng sức lúc leo cầu thang, Lane nhận thấy như vậy. Bà ta mang theo cái khay có một ly kem sữa và một đĩa bánh nhỏ bên trên. Đặt cái khay trên bàn, bà ta cau mày, xoa xoa sau gáy, quay lại, và rời khỏi phòng. Tuy nhiên lần này - Lane như muốn thốt ra một lời cầu nguyện các thánh thần trên cao cho sự bất cẩn được ban cho bà Arbuckle - khi đèn không được tắt.

Gần như ngay lập tức sự việc xảy ra. Chính xác là bốn phút sau đó, lúc 8 giờ 09, Lane căng thẳng khi thấy một trong những cái rèm cửa sổ trong phòng, lúc trước vẫn còn im ắng, giờ đã rung rinh. Ông cúi thấp, gồng mình, nới rộng khe cửa thêm một chút, và dán chặt mắt vào chỗ cửa sổ. Cái rèm được cuộn lên rất đột ngột, và Lane trông thấy kẻ mà mình đang chờ đợi vắt vẻo trên gờ tường bên ngoài được xây bao quanh bức tường tầng hai nhìn ra khu vườn. Hắn ở đó trong vài giây, sau đó nhẹ nhàng leo vào bên trong phòng. Như Lane thấy, cửa sổ giờ đã mở, chỗ mà lúc trước còn đóng kín.

Ngay lập tức kẻ này băng qua phòng tiến về phía cửa, vượt ra ngoài tầm nhìn của Lane. Nhưng ông biết chắc kẻ đột nhập chỉ đến đó để đóng cánh cửa phòng lại, vì ngay sau đó hắn đã quay lại và những ngọn đèn vẫn sáng. Hắn ngay lập tức đến chỗ lò sưởi, nơi mà Lane khó lòng trông thấy. Hắn cúi xuống một chút và biến mất, chân co lên, biến khỏi tầm nhìn. Lane chờ đợi mà tim đập thình thịch. Vài giây sau đó kẻ này xuất hiện trở lại mang theo một cái ống đựng chất lỏng màu trắng và dụng cụ nhỏ giọt mà Lane đã để lại trong cái hốc đằng sau viên gạch rời ra. Vị khách lao đến chỗ cái bàn đầu giường. Cặp mắt lóe sáng, bàn tay duỗi về phía ly kem sữa... Lane rùng mình sau vị trí ẩn nấp của mình. Một khoảnh khắc do dự... Thế rồi, như thể suy tính xong, kẻ lạ mặt mở nắp ống và trút toàn bộ chỗ chất lỏng vào ly kem sữa bà Arbuckle đã để lại.

Hắn di chuyển thật nhanh... Vọt cái là đến chỗ cửa sổ, liếc nhanh ra ngoài vườn, trèo qua bệ cửa sổ - cửa sổ đóng lại và rèm hạ xuống. Vị khách lạ mặt đã để cái rèm cao hơn một chút, Lane nhận thấy, so với lúc trước... Ông thở dài và duỗi chân mình trong tủ đồ; khuôn mặt ông cứng như đá. Toàn bộ sự việc diễn ra trong chưa đầy ba phút. Bây giờ là, Lane liếc nhìn đồng hồ đeo tay, đúng 8 giờ 12.

Khúc chuyển màn... Không có chuyện gì xảy ra. Cái bóng của kẻ lạ mặt thậm chí còn không rung động. Một lần nữa Lane lau trán; mồ hôi đã chảy ướt đầm bên trong lớp quần áo của ông.

Lúc 8 giờ 15 Lane bị đánh động lần nữa. Trong khoảnh khắc có hai bóng dáng làm thay đổi luồng sáng khi họ đi qua khe tủ hé mở - đó là Louisa Campion, bước từ tốn nhưng tự tin, như khi cô đi khắp nhà và quanh đó, cùng bà Smith tháp tùng đằng sau. Louisa không ngại ngần tiến thẳng về phía giường mình, ngồi xuống, bắt tréo chân, và một cách máy móc, như thể đó là thói quen hằng đêm, với tay về phía cái bàn và cầm lấy ly sữa. Bà Smith mỉm cười vẻ uể oải, vỗ nhẹ vào má cô, rồi đi về phía bên phải - Lane biết chỗ đó là phòng tắm, ông đã ghi nhớ các vị trí trong căn phòng. Lane muốn quan sát, không phải Louisa, mà là ô cửa sổ nơi kẻ lạ mặt kia đang núp. Và khi Louisa nâng ly lên môi, Lane thấy cô nhấp một hớp có phần thận trọng, khuôn mặt của bóng ma kia dán chặt vào ô cửa sổ chỗ mà cái

rèm không che hết. Khuôn mặt đó tỏ ra căng thẳng và tái đi, gần như sốt sáng đến tái mét.

Và Louisa, vẻ điềm tĩnh, vẫn với biểu hiện trống rỗng và dịu dàng trên khuôn mặt, uống cạn ly kem sữa, đặt nó xuống, đứng dậy, và bắt đầu cởi đồ ra.

Chính là lúc này đây, và đôi mắt Lane nhúc nhối vì phải căng ra quan sát. Khuôn mặt chỗ cửa sổ, ông tin chắc như thế, biểu hiện một sự ngạc nhiên tột độ trong khoảnh khắc, theo sau là một nỗi thất vọng vô bờ bến. Rồi khuôn mặt đó biến khỏi tầm nhìn, như một trò đùa.

Trong khi bà Smith vẫn ở trong phòng tắm, Lane thận trọng bước ra khỏi tủ và nhón chân đi ra khỏi phòng. Louisa Campion thậm chí không quay đầu về phía ông.

CẢNH 7

Phòng Thí Nghiệm
Chủ Nhật, Ngày 19 Tháng Sáu
Buổi Chiều

Buổi sáng Chủ nhật Drury Lane cảm thấy khá hơn nhiều - rất rất nhiều là đáng khác. Tuy nhiên, Dromio thông báo với Barbara Hatter, thành viên duy nhất của gia đình tỏ ra quan tâm, rằng ngài Drury sẽ dành hầu hết các buổi sáng và một phần của buổi chiều để nghỉ ngơi trong phòng và mong cô Hatter vui lòng không để ngài ấy bị quấy rầy?

Người chủ nhà nghe theo, và Drury Lane đã không bị quấy rầy.

Lúc 11 giờ bác sĩ Dubin ghé qua, tới thăm “bệnh nhân,” rồi mười phút sau đó xuống nhà, thông báo rằng “bệnh nhân” hầu như đã hồi phục sau cơn đau tim, rồi đi luôn.

Quá trưa một chút, Lane tiến hành một vụ điều tra bí mật như trong đêm trước. Giả như có bị ốm thì trông ông cũng không tồi tệ đến thế này. Khuôn mặt ông hốc hác, ông đã trải qua một đêm không ngủ. Dromio ra dấu cho ông, rồi ông lên ra ngoài hành lang với bước chân vội vã và đôi vai lom khom. Tuy nhiên, chuyến trình sát hôm nay, lại không nhằm vào căn phòng chết kia. Thay vào đó, ông bước nhanh vào phòng thí nghiệm. Ông di chuyển như đã lên kế hoạch từ trước, tới chỗ buông quần áo bên trái cánh cửa và hé cửa một chút để có một tầm nhìn tuyệt vời. Và một lần nữa, với vẻ kiên định, ông điềm tĩnh chờ đợi.

Có vẻ những việc này thật ngớ ngẩn và vô ích. Đó là việc cúi mình trong bóng tối, sự ngột ngạt trong tủ, hầu như không thở nổi, đôi tai ù đặc chẳng

nghe nổi âm thanh to nhất, đôi mắt mệt mỏi liên tục liếc qua khe hở - sự chờ đợi, chờ đợi vô tận, trong nhiều giờ. Nhiều giờ mà chẳng có bất cứ điều gì xảy ra, chẳng có ai bước vào phòng thí nghiệm, chẳng trông thấy dù chỉ một chuyển động nhỏ nhất.

Ngày hôm đó như dài đến vô tận. Dù suy nghĩ thế nào, dù là tức giận, sôi sục hay tuyệt vọng, Lane cũng không cho phép mình buông lơ cảnh giác để thư giãn một lát. Và cuối cùng, vào lúc 4 giờ chiều, buổi cầu nguyện của ông kết thúc.

Đầu tiên ông thấy một thân hình lao như tên bắn qua tầm mắt, đến từ chỗ cánh cửa, mà từ vị trí của ông không thể trông thấy. Tất nhiên Lane đã không nghe thấy tiếng cửa mở hay đóng. Sự mệt mỏi sau nhiều giờ bay biến trong tức khắc, và ông dán mắt vào khe hở. Đó chính là kẻ đột nhập đêm hôm trước.

Kẻ này không hề do dự. Hắn tiến ngay về phía bên trái căn phòng, chỗ những cái kệ, đứng gần chỗ Lane đến mức có thể thấy cả nhịp thở hỗn hển. Hắn vớ tay tới chỗ một cái kệ nằm dưới và lấy ra một trong những chai hóa chất còn sót lại. Khi cái chai được hạ xuống Lane trông thấy cái nhãn màu đỏ với dòng chữ trắng nổi bật: **CHẤT ĐỘC**. Kẻ đột nhập dừng lại, lặng lẽ nhìn chiến lợi phẩm; và rồi, sau khi chăm chăm quan sát căn phòng, hắn tiến tới đồng mảnh vỡ đã được quét gọn vào góc trái căn phòng chỗ gần cửa sổ, và bới ra một cái chai nhỏ trông không chưa vỡ. Sau khi làm sạch chai dưới vòi nước, hắn đổ thuốc độc vào đó, đậy nút lại, đặt chai thuốc độc lại trên kệ, rồi thận trọng nhón chân đi về phía Lane... Trong một khoảnh khắc Lane trông thấy toàn bộ đôi mắt như thiêu đốt của kẻ đó... rồi hắn lướt qua ông, đi về phía cửa.

Lane cứ gập người trong tư thế mệt mỏi như vậy một lúc lâu, rồi ông đứng dậy, nhanh chóng bước ra ngoài. Cánh cửa đã đóng; kẻ đột nhập đã biến mất. Ông thậm chí không đi đến kệ để xem chất độc gì đã bị đánh cắp. Ông đứng đó, giống như một ông già bị sức nặng của trách nhiệm nặng nề chèn ép, thần thờ xem xét cánh cửa. Rồi cơn đau qua đi, và ông lại là ông già Lane, hơi xanh xao, hơi cúi đầu, phù hợp với một quý ông vừa hồi phục

sau một cơn đau tim. Rồi khỏi căn phòng, và tự tin hành động như thể chỉ là chuyện vặt, ông lần theo dấu vết của vị khách lạ mặt.

TRỤ SỞ CẢNH SÁT. TỐI

Trụ sở cảnh sát nằm im lìm. Ngày làm việc đã kết thúc, và ngoài viên cảnh sát trực đêm, các hành lang đều trống không. Công tố viên Bruno lao qua sảnh và xông vào căn phòng mà trên cửa có đề tên của thanh tra Thumm. Thumm đang ngồi trước bàn làm việc với ánh sáng duy nhất của một chiếc đèn bàn để trầm tư xem xét một tập hình của Gallery Rogues. “Thế nào rồi, Thumm?” Bruno thốt lên.

Thumm không ngước mắt nhìn. “Thế nào là thế nào mới được?”

“Ngài Lane! Anh nghe được tin gì từ ngài ấy chưa?”

“Chẳng chút gì.”

“Tôi đang lo đây.” Bruno cau có. “Thật điên rồ khi cho phép làm như vậy, Thumm. Có thể để lại những hậu quả bi thảm. Rút hết những người bảo vệ đi...”

“Đi mà tố cáo ấy,” Thumm gắt. “Chúng ta có mất cái quái gì đâu cơ chứ? Lane dường như biết mình đang làm gì, và chúng ta thì hoàn toàn bế tắc.” Ngài ném tập ảnh sang một bên và ngáp. “Cậu biết ông ấy thế nào mà - giữ mồm cho đến khi thật chắc chắn. Hãy để ông ấy tự lo.”

Bruno lắc đầu. “Tôi vẫn nghĩ rằng thế là không khôn ngoan. Nếu có sai sót gì thì...”

“Này, chú ý đây!” Thumm gầm lên. Đôi mắt nhỏ của ngài ánh lên dữ dội. “Chẳng lẽ tôi còn chưa đủ lo lắng nữa hay sao mà bắt tôi nghe mấy chuyện linh tinh này?” Thumm cắn môi, giật nảy mình. Một trong những chiếc điện thoại trên bàn bỗng đổ chuông liên hồi. Bruno căng người ra. Thumm vồ lấy ống nghe. “Xin chào,” ngài cất giọng khàn khàn.

Một tin vui... Khi Thumm nghe tin này, máu dồn hết lên khuôn mặt của ông. Sau đó, chẳng nói một lời, ông dập mạnh ống nghe xuống và lao ra cửa. Về bất lực, Bruno chạy theo sau.

CẢNH 8

Phòng Ăn

Chủ Nhật, Ngày 19 Tháng Sáu

7:00 P.M

Đó là một buổi chiều mà Drury Lane lão đảo đi quanh nhà, khẽ mỉm cười và tham gia chuyện trò với các thành viên trong nhà Hatter. Gormly đã lại nhà từ sớm, và Lane đã trò chuyện với anh ta về những vấn đề không quan trọng trong một lúc. Thuyền trưởng Trivett đã dành cả buổi chiều trong vườn với Louisa Campion và bà Smith. Những người khác thì tha thần quanh nhà, vẻ thờ ơ, dường như không thể tập trung để cư xử cho bình thường, hay là e ngại lẫn nhau chẳng biết.

Điều đáng nói là Lane chẳng hề ngồi xuống lấy một lần. Ông di chuyển liên tục, đôi mắt luôn động đậy và không ngừng nhìn chăm chú, dõi theo, quan sát...

Lúc 6 giờ 45 tối ông ra một dấu hiệu vô hình cho anh tài xế Dromio. Dromio tụt xuống bên cạnh ông, và họ thì thầm trò chuyện. Sau đó Dromio rời khỏi ngôi nhà. Năm phút sau anh ta quay lại, cười tí.

Lúc 7 giờ Lane ngồi trong một góc phòng ăn, mỉm cười nhân hậu. Bàn ăn đã được bày sẵn, và mọi người trong nhà bước vào cùng với một dáng vẻ mệt mỏi như chết rồi. Đó cũng là lúc mà thanh tra Thumm, đồng hành cùng công tố viên Bruno và một đội thám tử, xông vào nhà.

Nụ cười nhạt đi khi Lane đứng dậy để chào đón Thumm và Bruno. Trong một khoảnh khắc không có ai di chuyển: Louisa và bà Smith đã ngồi vào bàn; Martha Hatter và hai con vừa ngồi xuống; Barbara đi vào từ một cửa

khác cùng lúc với Thumm; Conrad ở trong thư viện kế bên, và Thumm nhận thấy, vẫn đang mải mê với sự nghiệp nốc rượu xuống cổ họng. Jill vắng mặt, nhưng thuyền trưởng Trivett và John Gormly đã có mặt, đứng sau ghế của Louisa.

Không ai thốt ra một lời cho đến khi Lane khẽ lên tiếng: “Xin chào, thanh tra.” Sau đó, sự bất ngờ tan biến, và bọn họ lãnh đạm tiến tới chỗ ngồi của mình.

Thumm lăm bằm chào lại. Với Bruno theo sau, ngài sai bước về phía Lane và gật đầu dứt khoát. Ba người bọn họ rút về một góc. Không ai để ý đến họ; những người ở bàn mở khăn ăn ra; bà Arbuckle xuất hiện; cô hầu gái Virginia lệ khệ bưng vào một cái khay nặng...

Vẻ hốc hác xuất hiện trở lại trên khuôn mặt Lane. “Chà, thanh tra.” Ông chỉ nói có vậy, và cho đến lúc này họ vẫn im lặng.

Thế rồi viên thanh tra lên tiếng: “Tài xế của ngài - anh ta vừa gọi tôi - bảo rằng ngài đã xong việc, mọi thứ đều sáng tỏ.”

Bruno cất giọng khàn khàn: “Ngài đã thất bại ư?”

“Vâng,” Lane thì thầm, “Tôi đã thất bại. Tôi xin đầu hàng, thưa quý vị. Thử nghiệm này... đã không thành công.”

Cả Thumm lẫn Bruno đều chẳng thốt nên lời; họ chỉ chăm chăm nhìn Lane. “Tôi không thể làm gì hơn,” Lane tiếp tục, mắt dán chặt vào thứ gì đó xa xăm đằng sau vai Thumm với vẻ đau đớn. “Tôi muốn các ngài biết vậy vì tôi sẽ trở về lâu đài Hamlet. Đồng thời tôi có thể rời đi trước khi các ngài bố trí người canh gác ngôi nhà lần nữa - để bảo vệ người trong gia đình Hatter...”

“Thế đấy,” Thumm gắt lên, lần thứ hai. “Vậy là ngài cũng bó tay nữa.”

“E rằng đúng là vậy. Chiều nay tôi đã rất hy vọng. Giờ thì...” Lane nhún vai. “Tôi bắt đầu tin rằng, thanh tra ạ,” ông nói thêm với một nụ cười gượng gạo, “tôi đánh giá quá cao tài năng của mình. Trong vụ Longstreet năm ngoái có lẽ tôi đã gặp may.”

Bruno thở dài. “Giờ nói lại thì ích gì đây hả ngài Lane. Rốt cục, chúng tôi cũng có làm được gì hơn đâu. Ngài không nên dằn vặt vì điều đó.”

Thumm nặng nề lắc đầu, “Bruno đã đúng. Đừng nên kỳ vọng quá nhiều. Ngài nên vui khi biết rằng mình cũng có bạn...”

Ngài đột ngột dừng lại, quay người như một con mèo già. Lane đang mãi nhìn thứ gì đó sau lưng Thumm với vẻ kinh hoàng trong đôi mắt. Sự việc diễn ra quá nhanh, không thể đoán trước, trước khi họ kịp trấn tĩnh lại thì nó đã chấm dứt. Nó như ánh chớp, khiến ta tê liệt, như đòn tấn công của một con rắn.

Người nhà Hatter đang lẳng lặng ngồi bên bàn ăn, với những vị khách của họ. Cậu nhóc Jackie, vừa mới đập bàn để đòi thêm bánh mì, đã nâng một ly sữa lên - có vài ly trên bàn: một của Jackie, một của Billy, và một của Louisa - rồi uống cạn nửa ly chỉ trong có một ngụm. Rồi như chẳng thể nắm lấy nữa, cái ly tuột khỏi tay cậu nhóc. Rùng mình một cái, cậu bé phát ra một tiếng lú lú từ trong cổ họng, Jackie đơ người ra dữ dội... và gục xuống ghế, rồi sau đó ngã ịch xuống sàn nhà.

Rồi sự ngỡ ngàng trôi qua, mọi người lao về phía trước - Thumm và Lane đến trước, theo sau là Bruno. Những người khác sợ đến cứng người, chỉ biết ngồi im mồm há hốc, đĩa còn nằm giữa bàn và những cái miệng, tay còn mãi với lấy lọ muối... Martha Hatter hét lên và quỳ xuống bên cạnh hình hài nhỏ bé bất động. “Thằng bé bị trúng độc! Trúng độc! Ôi trời ơi... Jackie, nói với mẹ đi, nói với mẹ đi!”

Thumm đẩy cô ta sang một bên, nắm quai hàm của cậu bé, ép mạnh mẽ cho đến khi chúng rời ra, rồi thò ngón tay xuống cổ họng của cậu bé. Một âm thanh yếu ớt vang lên... “Đừng di chuyển, bất kỳ một ai!” Thumm la lên. “Hãy gọi cho bác sĩ, Mosher! Ông ấy...” Mệnh lệnh ngưng lại giữa chừng. Hình hài nhỏ bé trong vòng tay ngài vươn dậy, rồi thậm chí người mẹ với cặp mắt sưng vù cũng thấy rõ là cậu bé đã không qua khỏi.

VẮN CHỖ CŨ - 8:00 P.M

Tầng trên, trong phòng bọn trẻ, bác sĩ Merriam đi đi lại lại trong phòng - người đã may mắn trở về từ chuyến đi nghỉ cuối tuần chỉ một giờ trước khi thảm kịch diễn ra. Martha khóc lên khóc xuống, như phát điên, tay nắm

chặt thân hình run rẩy của Billy, đứa con út. Billy cũng khóc cho người anh - cậu bé sợ hãi, bám chặt vào mẹ mình. Các thành viên nhà Hatter túm tụm quanh hình hài bé nhỏ nằm bất động trên giường, im lặng, buồn bã và chẳng ai nhìn ai. Trên ngưỡng cửa là các thám tử đang đứng...

Trong phòng ăn dưới tầng một chỉ còn hai người - thanh tra Thumm và Drury Lane, đôi mắt ông đầy đau thương. Ông trông mệt mỏi tột độ - sự mệt mỏi khó lòng dùng tài năng diễn kịch che giấu đi. Họ chẳng nói gì với nhau. Lane ngả người trên bàn, nhìn chăm chăm vào ly sữa đánh đổ mà cậu bé đã uống và trúng độc. Thumm hăm hăm la lối, lăm bắm với chính mình, khuôn mặt ngài nóng bừng vì cơn thịnh nộ.

Cánh cửa mở ra và Bruno lao vào. “Thật là một mớ hỗn độn,” ngài nói. “Thật là một mớ hỗn độn. Thật là một mớ hỗn độn.” Thumm bắn một ánh nhìn giận dữ về phía Lane, người thậm chí không nhìn lên, mà chỉ ngồi đó giật giật tấm khăn trải bàn. “Chúng ta sẽ không bao giờ quên được chuyện này, Thumm ạ,” Bruno rên rỉ.

“Khốn kiếp thật!” viên thanh tra gầm lên. “Điều làm tôi phát cáu là ngài ấy lại muốn bỏ cuộc vào lúc này. Chính lúc này. Tại sao, trời ạ, ngài không thể bỏ cuộc bây giờ!”

“Phải vậy thôi,” Lane đáp cụt lủn. “Phải vậy thôi, thanh tra.” Ông nhồm dầy và đứng im trước cái bàn. “Tôi không còn có quyền can thiệp nữa. Cái chết của cậu bé...” Ông liếm đôi môi khô của mình. “Không. Tôi không nên tham gia cùng các ngài chút nào mới phải. Xin vui lòng để tôi đi.”

“Nhưng ngài Lane...” Bruno khề lên tiếng.

“Tôi không thể nói gì bây giờ để tự biện minh được. Tôi đã làm hỏng hết mọi chuyện mất rồi. Cái chết của cậu bé là lỗi của tôi, chỉ một mình tôi. Không...”

“Được rồi,” Thumm lăm bắm; cơn giận dữ đã qua đi. “Ngài có quyền rút lui, ngài Lane. Nếu có bất kỳ khiếm trách nào liên đới, tôi sẽ chịu hết. Nếu ngài muốn rút lui theo cách này mà không giải thích, không cho chúng tôi một gợi ý về điều ngài đang làm...”

“Nhưng tôi đã bảo ngài rồi,” Lane nói bằng một giọng trầm đục. “Tôi đã bảo ngài rồi. Tôi đã sai, chỉ có vậy thôi. Tôi sai rồi.”

“Không,” Bruno nói. “Ngài không thể rút lui dễ dàng như thế, ngài Lane. Còn điều gì đó bị che giấu ở đây. Khi ngài đề nghị Thumm rút hết người đi và để mình ngài lại, thì trong đầu ngài rõ là đang mưu tính gì đó...”

“Đúng là vậy.” Đôi mắt Lane hiện vằn đỏ, Bruno chợt nhận thấy vậy và có cảm giác bất ngờ. “Tôi nghĩ rằng tôi đã có khả năng ngăn ngừa vụ hạ độc. Hóa ra không phải vậy.”

“Tất cả chỉ là một trò bịp,” Thumm gắt. “Ngài đã nói chắc rằng chuyện hạ độc chỉ là để che mắt. Không phải là thật. Chỉ thế không hơn!” Ngài rên rỉ và ôm lấy khuôn mặt mình trong đôi tay. “Chuyện vừa xong đã chứng tỏ tất cả chỉ là bịp bợm. Tất cả mọi thứ, đáng vứt đi hết...”

Lane cúi đầu khổ sở, muốn nói điều gì đó nhưng nghẹn lại, rồi đi ra cửa. Ông thậm chí quên không lấy mũ. Ra đến ngoài ông dừng lại một chút, do dự như thể muốn quay lại; rồi chỉnh lại đôi vai, ông rời khỏi ngôi nhà. Dromio đang đợi ông ở lề đường. Trong cảnh nửa tối nửa sáng, một đám phóng viên bu lấy ông. Ông lách qua, bước vào xe, rồi vùi mặt vào hai lòng bàn tay khi chiếc xe vút đi.

PHẦN KẾT

*“Kẻ xấu có mất đi,
điều tà ác vẫn còn đó.”*

Hai tháng trôi qua. Việc Drury Lane rời khỏi nhà Hatter đã chấm dứt sự liên hệ của ông với vụ án này. Chẳng có tin tức gì từ lâu đài Hamlet. Cả thanh tra Thumm lẫn công tố viên Bruno đều không hỏi han gì Lane nữa.

Báo chí thi nhau kết tội cảnh sát. Mỗi liên hệ giữa Lane với vụ án được thoáng đề cập đến nhưng thông tin đó cũng chết yểu vì thiếu dữ kiện. Sau gần hai tháng, cuộc điều tra chẳng tiến được thêm chút nào so với trước. Trái với dự đoán của thanh tra Thumm, chẳng có thêm tội ác nào nữa diễn ra. Hiện có một cuộc điều tra được tiến hành đằng sau những cánh cửa đóng kín của trụ sở cảnh sát. Cũng bởi viên thanh tra nổi lên nhờ những vết sẹo và thâm tím khi lẫn lộn phá án, mỗi đe dọa bị giáng chức và thất thế đã không thành hiện thực.

Và thế là cuối cùng cảnh sát bị ép phải rút khỏi nhà Hatter, họ cũng bị kẻ giết người thông minh đánh lừa suốt ngần ấy thời gian, như một tờ báo mĩa mai bình luận... Không lâu sau khi chôn cất Jackie Hatter, đại gia đình Hatter sống cùng nhau nhiều năm dưới bàn tay sắt của người phụ nữ già, giờ tan rã mỗi người một ngả... Jill Hatter biến mất, để lại Gormly, Bigelow, chồng chưa cưới mới nhất của cô ta, và một đám tín đồ nam giới chẳng hiểu mô tê vì sao cô ta biến mất... Martha, tập trung hết sự tự tôn còn sót lại để đi đến quyết định ly hôn, đã rời bỏ Conrad để sống với cậu con bốn tuổi Billy trong một căn hộ giá rẻ, trong khi chờ làm thủ tục... Edgar Perry, bị giám sát trong nhiều tuần, đã được phóng thích; anh ta cũng biến mất, chỉ xuất hiện không lâu sau đó với tư cách chồng của Barbara Hatter trong một cuộc hôn nhân đã khiến cho báo chí và nền văn chương náo động rồi nhanh chóng chìm xuống khi cả hai rời Mỹ để sang Anh...

Chẳng còn lại ai; ngôi nhà của gia đình Hatter được niêm phong và rao bán. Thuyền trưởng Trivett tha thẩn trong khu vườn của mình, trông già nua và lọm khọm. Bác sĩ Merriam tiếp tục công việc tĩnh lặng và kín tiếng của mình.

Vụ án chìm vào quên lãng. Thêm một tội ác chưa được phá nữa trong hồ sơ cảnh sát - một thống kê hằng năm của cảnh sát New York.

Và một sự kiện nổi bật nữa đã cung cấp cho báo chí những đánh giá đầy đủ cuối cùng về nhà Hatter. Ba ngày trước cuộc hôn nhân của Barbara Hatter và Edgar Perry, Louisa Champion đã qua đời khi đang ngủ trưa. Chuyên gia pháp y nhất trí với bác sĩ Merriam rằng cô ta đã chết vì suy tim.

HẬU TRƯỜNG

*“Xem toàn bộ khung cảnh,
với sự phán xét đầy nghiêm khắc
Rồi từ chối trao công trạng cho hãn
nếu bạn có thể.”*

Drury Lane nằm dài trên cỏ, ngả người về phía miệng hồ bằng đá, cho những con thiên nga đen ăn vụn bánh mì, trong khi ông già Quacey xuất hiện trên lối đi cùng với thanh tra Thumm và công tố viên Bruno đằng sau. Cả hai người họ trông đều e dè và ngần ngại. Quacey chạm vào vai Lane; ông quay đầu lại. Ông đứng ngay dậy và tỏ ra rất ngạc nhiên.

“Thanh tra! Ngài Bruno!” ông thốt lên.

“Rất vui được gặp ngài,” Thumm lẩm bẩm, bỏ người về phía trước như một cậu học sinh. “Chúng tôi đến thăm, Bruno và tôi.”

“Ờ, đúng vậy,” Bruno nói.

Họ đứng như thế không biết phải làm gì với chính mình. Lane quan sát họ chăm chú. “Các ngài có thể ngồi trên bãi cỏ,” cuối cùng ông lên tiếng. Ông mặc quần short và một chiếc áo len cổ lọ, và đôi chân rám nắng cơ bắp của ông lẩn trong màu xanh của cỏ. Ông co đôi chân lại và làm động tác ngồi xổm, giống như một người da đỏ.

Bruno cởi áo khoác, cởi cúc cổ áo, rồi ngồi xuống với một tiếng thở dài biết ơn. Viên thanh tra do dự, rồi cũng quăng mình xuống đất với một tiếng la rõ to. Họ vẫn im lặng một lúc lâu. Lane vẫn chú tâm đến cái hồ, và cú sà xuống tuyệt đẹp của một con thiên nga đen đang vươn cổ tới chỗ mẩu bánh mì nhấp nhô trên mặt nước.

“Chà,” Thumm cuối cùng cũng lên tiếng, “có thể... Này!” Ông bước tới và chạm vào cánh tay của Lane; ông quay lại nhìn Thumm. “Tôi muốn nói chuyện, ngài Lane!”

“Thật sao,” Lane lẩm bẩm. “Ngài cứ nói đi.”

“Tôi muốn nói với ngài,” Thumm nói, chớp mắt, “rằng chúng tôi - Bruno và tôi - chúng tôi muốn hỏi ngài chút chuyện.”

“Liệu Louisa Campion có chết một cách tự nhiên?”

Họ giật mình, và quay sang nhìn nhau. Rồi Bruno ngả người về phía trước. “Đúng vậy,” ngài công tố viên hồ hởi đáp. “Ngài đã đọc báo phải không. Chúng tôi đang nghĩ đến việc mở lại vụ án... Ngài nghĩ sao?”

Thumm không nói gì; ngài chau đôi mày rậm nhìn Lane. “Tôi tưởng là,” Lane thì thầm, “bác sĩ Schilling nhất trí với phán quyết suy tim của bác sĩ Merriam.”

“Vâng,” viên thanh tra chậm rãi nói. “Đúng vậy. Dù sao thì bác sĩ Merriam vẫn tuyên bố cô Campion bị bệnh tim. Hồ sơ bệnh án của ông ta cũng đã xác nhận. Nhưng chúng tôi không chắc chắn như vậy...”

“Chúng tôi nghĩ rằng,” Bruno nói, “một loại chất độc có thể đã được sử dụng mà không để lại dấu vết, hoặc một mũi tiêm nào đó đã gây ra cái chết mà không bị nghi vấn.”

“Nhưng tôi đã nói với các ngài từ hai tháng trước rồi,” Lane trả lời nhẹ nhàng, tung vài mảnh vụn bánh mì lên trên mặt nước, “là tôi đã xong việc.”

“Chúng tôi biết,” Bruno vội nói, trước khi Thumm gắt lên đáp trả, “nhưng chúng tôi vẫn luôn có cảm giác là ngài biết những sự thật mà...”

Thumm dừng lại. Lane đã quay đầu sang một bên. Nụ cười hiền hòa vẫn nở trên môi, nhưng đôi mắt xanh xám của ông như bao trùm lên những con thiên nga mà không thực sự nhìn chúng. Sau một lúc lâu ông thở dài và quay lại với hai vị khách. “Các ngài đã đúng,” ông nói.

Thumm vật một nắm cỏ và ném xuống bàn chân to bè của mình. “Tôi biết mà!” Ngài thốt lên. “Bruno, tôi đã bảo thế nào nhỉ? Ngài ấy biết điều gì đó chúng ta có thể lợi dụng để...”

“Vụ án này đã xong rồi, thanh tra à,” Lane lặng lẽ nói.

Cả hai vị khách đều giật mình, và Thumm nắm chặt cánh tay của Lane khiến ông phải nhăn mặt. “Đã xong?” Ngài cất giọng khàn khàn. “Là ai? Như thế nào? Khi nào? Khi nào, trời đất ạ - trong tuần này ư?”

“Nó đã được phá từ hơn hai tháng trước đây.”

Trong một khoảnh khắc họ như không đủ hơi sức để trò chuyện. Rồi Bruno thở hổn hển rõ to và tái mặt; còn môi trên của Thumm thì run lên như một đứa trẻ. “Và ý ngài là,” cuối cùng Thumm lên tiếng, “trong hai tháng này ngài đã giữ kín chuyện đó trong khi hung thủ còn nhởn nhơ?”

“Hung thủ không hề nhởn nhơ.”

Họ nhảy cẫng lên như hai con rối được nối chung với nhau. “Ý ngài là...?”

“Ý tôi là,” Lane đáp với giọng nói u buồn nhất có thể mường tượng, “kẻ giết người đã... chết.”

Một con thiên nga vỗ đôi cánh đen, và dòng nước lấp lánh bắn vào họ.

“Ngồi xuống đi nào, cả hai ngài,” Lane nói. Họ máy móc nghe theo. “Tôi mừng vì các ngài đến đây hôm nay, lại cũng vừa lo nữa. Thời điểm này tôi không chắc đã nên kể hết cho các ngài chưa...”

Thumm rên rỉ.

“Không, thanh tra à, tôi không trêu ngài bằng việc lấy sự chịu đựng của ngài ra làm vui đâu,” Lane nói tiếp vẻ ủ rũ. “Chuyện đó thực sự không dễ dàng.”

“Nhưng tại sao ngài không cho chúng tôi biết?” Bruno kêu trời kêu đất.

“Bởi vì,” Lane nói, “ngài sẽ không tin tôi.” Một giọt mồ hôi chảy xuống mũi của viên thanh tra và rớt khỏi cái cằm khổng lồ của ông ấy. “Thật không thể tin được,” Lane lặng lẽ nói tiếp, “là tôi sẽ không đổ lỗi cho hai vị nếu các vị muốn đá một kẻ nói dối trơ trẽn, một gã ba hoa, một người điên như tôi xuống hồ sau khi nghe xong những gì tôi sắp nói,” giọng ông run run, “điên như cái gia đình Hatter.”

“Đó là Louisa Campion,” Bruno chậm rãi nói.

Đôi mắt Lane liếc ngài công tố viên. “Không phải,” ông đáp.

Thanh tra Thumm vung cánh tay lên bầu trời xanh. “Đó là York Hatter,” ngài gắt lên. “Tôi đã biết từ đầu mà.”

“Không phải.” Drury Lane thở dài và quay lại với bầy thiên nga. Ông quăng một nắm bánh mì xuống hồ trước khi họ lại nghe thấy giọng nói trầm, rõ ràng và vô cùng buồn bã của ông. “Không phải,” ông lặp lại. “Đó là... Jackie.”

Cả thế giới như đứng im. Gió đột nhiên ngừng thổi, và những con thiên nga lướt đi, thứ duy nhất di chuyển trong tầm nhìn của họ. Khi ông già Quacey, đầu đó thật xa phía sau họ, vui sướng hét lên lúc bắt được một con cá vàng trong đài phun nước hình tiên cá Ariel, thì thứ ma thuật kia mới tan biến.

Lane quay người lại. “Các ngài không tin tôi,” ông nói.

Thumm hắng giọng, cố gắng nói nhưng không nên lời, lại hắng giọng lần nữa. “Không,” cuối cùng ông nói. “Tôi không tin ngài. Tôi không thể...”

“Đó là điều không thể, ngài Lane!” Bruno thốt lên. “Hoàn toàn điên rồ!”

Lane thở dài. “Không phản ứng như thế thì các ngài cũng chưa bị điên đâu,” ông lầm bầm. “Tuy nhiên, trước khi nói xong, tôi phải thuyết phục cả hai ngài rằng Jackie Hatter - một đứa trẻ mười ba tuổi, một thiếu niên mới chạm ngưỡng tuổi mới lớn, gần như còn ở tuổi vị thành niên khi sự việc xảy ra - chính là hung thủ đã ba lần đầu độc Louisa Campion, kẻ đập vào đầu bà Hatter và gây ra cái chết của bà ta, kẻ mà...”

“Jackie Hatter,” Thumm lầm bầm. “Jackie Hatter,” như thế bằng cách lặp lại cái tên đó thì ngài có thể hiểu được toàn bộ vụ việc. “Nhưng làm thế quái nào mà một thằng nhóc mười ba tuổi bé loắt choắt có thể dàn dựng một vụ án như thế và tiến hành thành công? Tại sao, thật là... thật là điên rồ! Chẳng ai tin nổi chuyện này!”

Công tố viên Bruno trầm ngâm lắc đầu. “Đừng mất bình tĩnh, Thumm. Cậu đang bị kích động, hoặc cậu đang quá muốn biết câu trả lời. Việc một cậu bé mười ba tuổi làm theo một bản phác thảo tội ác được chuẩn bị sẵn cho mình đâu phải là quá khó hiểu.”

Lane khẽ gật đầu, và nằm dài xuống bãi cỏ.

Viên thanh tra lúng túng như gà mắc tóc. “Bản phác thảo của York Hatter!” Ngài thốt lên. “Giờ thì tôi hiểu rồi. Lạy Chúa! Thằng nhóc quỷ sứ đó... Tôi đã nghĩ đó là York Hatter - ông ta chưa chết - thằng nhóc đã cố làm theo chỉ dẫn của người chết...” Ngài lắc đầu cười khổ trong cay đắng và xấu hổ.

“Chưa bao giờ là York Hatter,” Lane đáp, “dù còn sống hay đã chết, tất nhiên rồi, vẫn có khả năng ông ta còn sống, việc xác định danh tính chưa

hoàn toàn chắc chắn... Không, các ngài ạ, đó là Jackie Hatter và từ đầu chỉ có thể là Jackie Hatter. Tôi sẽ cho các ngài biết cách thức và nguyên do của vụ án.”

Họ chỉ còn biết gật đầu. Drury Lane nằm trên cỏ, gối tay dưới đầu, và để câu chuyện lạ thường của mình vang lên bầu trời không một gợn mây.

“Tôi sẽ bắt đầu,” ông nói, “tại cuộc điều tra lần thứ hai - vụ sát hại Emily Hatter. Xin hãy nhớ rằng, điểm bắt đầu của tôi chẳng hơn gì các ngài. Tôi bước vào hiện trường với không chút định kiến nào. Những gì tôi đã thấy, những gì tôi phải tin hoàn toàn là kết quả của sự quan sát và phân tích. Tôi sẽ chỉ ra lý lẽ của mình từ những sự kiện - lý lẽ đã thuyết phục tôi rằng cậu bé này chính là chủ mưu trong mọi việc, từ đó dẫn tôi đến bản phác thảo đầy bi kịch của York Hatter...”

“Ngay từ đầu vụ án này đã cho thấy những trở ngại đặc biệt khó khăn. Chúng ta đã phải đối mặt với một vụ giết người mà ở đó có một nhân chứng bằng xương bằng thịt hằn hoi, nhưng xem ra nhân chứng này lại không thể giúp ích như đã kỳ vọng. Một phụ nữ mù câm điếc... một người không thể nghe thấy cũng không thể nhìn thấy và, vấn đề còn phức tạp hơn nữa, không thể nói được. Tuy nhiên, trở ngại này đâu phải không thể vượt qua, vì cô ấy vẫn còn các giác quan khác nữa. Một là vị giác; hai là xúc giác; và ba là khứu giác.

“Vị giác thì hoàn toàn vô dụng rồi; chúng ta chẳng trông mong gì vào nó được. Nhưng còn xúc giác, khứu giác, và chủ yếu dựa trên cơ sở manh mối từ việc Louisa đã chạm vào kẻ giết người và ngửi thấy mùi gì đó của hãn mà tôi đã tìm ra sự thật.

“Tôi đã chứng minh rằng âm mưu đầu độc bằng quả lê trong bát trái cây của Louisa Campion và vụ sát hại bà Hatter ở giường bên cạnh là hành động của một kẻ duy nhất. Tôi cũng đã chứng minh trong các phân tích trước rằng vụ đầu độc Louisa chưa bao giờ là dụng ý thực sự, mục đích duy nhất trong âm mưu này là cái chết của bà Hatter. Rất hay. Khi kẻ hạ độc và kẻ giết người chỉ là một, thì cái người mà Louisa đã chạm vào đêm đó trong bóng tối của căn phòng - cái chạm đã khiến cô ngất xỉu - chính là hung thủ của chúng ta. Các ngài hãy nhớ là Louisa đã chạm vào mũi và má

của hung thủ trong khi cô ấy đứng thẳng, tay song song với sàn nhà, vai thẳng. Thanh tra à, thực ra ngài đã đi đúng hướng đấy.”

Viên thanh tra chớp mắt, rồi đỏ mặt.

“Tôi không hiểu...” Bruno chậm rãi nói.

Lane, nằm duỗi lưng, đôi mắt nhìn bầu trời, không trông thấy chuyển động môi của Bruno. Ông lặng lẽ tiếp tục: “Ngài từng nói rằng, thanh tra à, chiều cao của hung thủ có thể được xác định bằng cách xác định độ cao tính đến mũi và má khi bị nhân chứng chạm vào mà chiều cao nhân chứng thì đã biết. Quá hay! Chính lúc đó ngài đã chạm tay vào sự thật dễ thấy kia, và có thể nó đã sớm lộ ra, hay có vẻ sẽ dẫn đến sự thật. Nhưng Bruno lại lên tiếng phản đối; viên Công tố bảo: ‘Sao ngài biết hung thủ đã không cúi mình vào thời điểm đó?’ - chắc chắn đó là một sự phản đối khôn ngoan, vì nếu hung thủ cúi mình, chiều cao của hắn phụ thuộc vào mức độ co người lại, điều đương nhiên không thể xác định. Vì vậy, chẳng hề suy xét kỹ hơn những dữ kiện, cả ngài và Bruno đều bỏ dở hướng điều tra này. Nếu đi tiếp - thực ra chỉ cần nhìn xuống sàn thôi - các ngài sẽ biết sự thật ngay lúc đó, như tôi vậy.”

Bruno cau mày, và Lane cười buồn khi ngồi dậy và quay lại đối diện với họ. “Thanh tra, đứng lên đi.”

“Hả?” Thumm hoang mang hỏi.

“Vui lòng đứng lên.”

Thumm làm theo vẻ ngạc nhiên.

“Bây giờ, ngài hãy kiễng chân lên.”

Gót chân Thumm lúng túng nhấc khỏi thảm cỏ, và ngài lão đảo đứng trên các đầu ngón chân.

“Bây giờ, vẫn đứng kiễng chân, cúi mình và thử đi lại xem.”

Viên thanh tra uốn cong đầu gối một cách vụng về, gót chân vẫn kiễng, và cố bước đi. Ông chỉ lạch bạch được hai bước rồi sau đó bị mất thăng bằng. Bruno cười - trông ngài công tố viên như một con vịt quá khổ.

Lane mỉm cười một lần nữa. “Và thử nghiệm này chứng minh điều gì, hả thanh tra?”

Thumm bứt một ngọn cỏ và quắc mắt với Bruno. “Đừng cười nữa, đồ linh cầu nhà anh!” Thumm gắt lên. “Chứng minh rằng hành động kiễng chân trong tư thế cúi người thật là khó.”

“Rất tốt!” Lane nói quả quyết. “Tất nhiên việc đó là có thể, nhưng chúng ta chắc chắn có thể loại bỏ khả năng cúi mình khi đang kiễng chân của một kẻ giết người đang vội vã rời khỏi hiện trường sau khi thực hiện tội ác. Kiễng chân, có thể; nhưng không thể vừa kiễng chân vừa cúi mình. Đó là một tư thế khó khăn, không tự nhiên đối với con người, và chẳng để làm gì; thậm chí còn làm chậm tốc độ... Nói cách khác, nếu tại thời điểm Louisa Champion chạm vào hung thủ, hẳn ta đang nhón chân ra khỏi phòng, chúng ta có thể loại bỏ ngay lập tức cái khả năng là khi đó hẳn cũng đang cúi mình.

“Sàn nhà cho chúng ta biết một câu chuyện dễ hiểu. Những dấu giày trên lớp bột phấn vung vãi, hãy nhớ lại, chỉ là phần mũi giày từ chỗ cái giường đến vị trí mà Louisa chạm vào hung thủ - vị trí này cũng là nơi hung thủ chuyển hướng và chạy khỏi phòng, tất cả những dấu giày sau đó không chỉ có phần mũi mà có cả phần gót nữa, và nằm cách xa nhau hơn...”

“Dấu mũi giày,” Bruno lẩm bẩm. “Có thể chẳng? Mấy cái vụ này thì tôi kém lắm. Tôi không thể nhớ rõ những hình ảnh. Đúng là dấu mũi giày sao...?”

“Đúng vậy mà,” Thumm gắt. “Thôi đi, Bruno.”

“Nào,” Lane bình tĩnh nói tiếp, “chỗ mà chỉ có dấu mũi giày, thì có thêm một sự thật là mỗi dấu vết chỉ cách nhau mười phân. Chỉ có một lời giải thích khả thi - sau khi từ giường quay ra, tại vị trí mà hung thủ đập vào đầu bà Hatter, hẳn đã không để lại dấu gót giày nào. Hơn thế, hẳn còn nhón bước nữa, vì những dấu vết rõ ràng chỉ cách nhau có mười phân, khoảng cách bình thường giữa các bước chân trong khi nhón bước khá là hẹp... Thế nên lúc Louisa Champion chạm vào hung thủ, hẳn đang đứng thẳng - tức là không cúi mình - và đang kiễng chân!”

“Giờ thì,” Lane nói nhanh, “chúng ta đã có cơ sở để tính toán chiều cao của kẻ giết người. Hãy cho tôi lạc đề một chút. Chúng ta có thể thấy, tất nhiên rồi, Louisa Champion có một chiều cao nhất định. Tại thời điểm đọc

di chúc, khi cả gia đình tập hợp cùng nhau, có thể thấy rõ là Louisa và Martha Hatter có cùng một chiều cao và ngoài ra, họ là những người trưởng thành thấp nhất trong cả gia đình. Sau đó tôi biết được chiều cao chính xác của Louisa khi đến thăm bác sĩ Merriam và tra cứu hồ sơ bệnh án của cô ấy, cô ấy cao một mét sáu ba. Nhưng bản thân tôi không cần chiều cao chính xác; tôi có thể quan sát và ước lượng gần đúng chiều cao khi cô ấy đang diễn lại câu chuyện. Tôi ước tính chiều cao của cô ấy lúc đó - dựa trên chiều cao của chính tôi - rồi làm một phép tính nhanh. Giờ thì làm ơn nghe đây, nghe kĩ vào.”

Họ dõi theo Lane đầy chăm chú.

“Khoảng cách tính từ đỉnh đầu của một người đến vai của người đó là bao nhiêu? Hả, Bruno?”

“Ờ... tôi không rõ nữa,” Bruno đáp. “Mà tôi cũng chẳng biết ngài làm thế nào nói được chính xác.”

“Nhưng ngài có thể mà,” Lane mỉm cười. “Các phép đo khác nhau trên mỗi người, và tất nhiên có sự khác biệt giữa nam giới và nữ giới. Tôi tình cờ biết được một cách gián tiếp; đó là một thông tin tôi thu nhặt được từ Quacey, người biết nhiều về cấu tạo đầu con người hơn bất cứ ai mà tôi từng gặp... Khoảng cách từ đỉnh đầu phụ nữ đến chóp vai họ là từ hai ba đến hai bảy phân - hãy coi là hai bảy phân đối với tất cả phụ nữ có chiều cao trung bình, các ngài có thể xác minh bằng cách nhìn vào bất kỳ người phụ nữ bình thường nào và ước lượng bằng mắt. Thế được rồi nhé! Việc các ngón tay của Louisa chạm vào má chỗ giáp phần mũi hung thủ nói với tôi một điều rằng kẻ giết người thấp hơn Louisa. Nếu hẳn ta có cùng chiều cao, thì cô ấy sẽ chạm vào chóp vai hẳn. Nhưng bằng việc chạm vào mũi và má, chứng tỏ hẳn thấp hơn cô ấy.

“Tôi có thể biết chiều cao của kẻ giết người chính xác hơn không? Có thể chứ. Louisa cao một mét sáu ba. Khoảng cách từ cánh tay dang ra đến sàn nhà sẽ ngắn hơn chiều cao đầy đủ của cô ấy hai bảy phân, nên vị trí bờ má hung thủ chỗ Louisa chạm vào cũng thấp hơn ngần ấy tức là khoảng cách là một mét ba mươi bảy tính từ sàn nhà. Nếu bờ má chỗ gần mũi của hung thủ cách sàn nhà một mét ba bảy, chúng ta chỉ phải ước lượng khoảng

cách tương ứng từ mũi của kẻ giết người đến đỉnh đầu để có được chiều cao hoàn chỉnh. Vì hẳn thấp hơn Louisa, sẽ là khoảng mười sáu phân. Tổng chiều cao của kẻ giết người là khoảng một mét năm ba. Nhưng kẻ giết người đang đứng kiễng chân, vì vậy để có được chiều cao thật sự của hẳn, ta phải trừ đi khoảng cách kiễng chân. Tôi nghĩ các ngài sẽ thấy nó tầm khoảng tám phân. Nói cách khác, kẻ giết người của chúng ta cao khoảng một mét bốn lăm!”

Bruno và Thumm ngơ ngác. “Chúa ơi,” Thumm rên rỉ, “chúng ta có cần thiết phải làm toán như thế không?”

Lane tiếp tục nói. “Một cách khác để tính toán chiều cao của kẻ giết người: Nếu hung thủ và Louisa có cùng một chiều cao, như tôi đã nói lúc này, thì Louisa sẽ chạm vào chóp vai hẳn, vì cánh tay của cô ấy được duỗi thẳng ra. Nhưng cô ấy lại chạm vào mũi và má hẳn. Điều này có nghĩa rằng chiều cao của hẳn bằng chiều cao của Louisa trừ đi khoảng cách giữa vai và mũi của hẳn. Khoảng mười phân. Còn tám phân khi kiễng chân nữa - là mười tám phân cả thảy. Nên hung thủ sẽ thấp hơn Louisa mười tám phân, người cao một mét năm ba. Từ đó hung thủ cao khoảng một mét bốn lăm - củng cố vững chắc tính toán ban đầu của tôi.”

“Phù!” Bruno lên tiếng. “Hơi bị vi diệu đấy. Lấy được con số chính xác từ những ước lượng bằng mắt!”

Lane nhún vai. “Ngài có thể thấy việc đó là khó nhằn, và đúng là những con số của tôi có vẻ khó nhằn thật. Nhưng thực ra nó khá đơn giản... Để tôi diễn giải thêm lập luận của mình. Giả sử cánh tay Louisa khi duỗi ra không hoàn toàn song song với sàn - mà thấp hơn một chút so với vai cô, hoặc cao hơn một chút. Chỉ có thể là một trong hai trường hợp đó, hãy nhớ Louisa là một người mù mà động tác quen thuộc nhất là cánh tay duỗi thẳng ra khi bước đi; nhưng chúng ta cho phép sai số khoảng năm phân cao hơn hoặc thấp hơn, thế đã là quá xông xênh so với thực tế rồi. Nên hung thủ của chúng ta sẽ cao tầm một mét bốn mươi đến một mét năm mươi, vẫn là một người rất nhỏ... Các ngài vẫn có thể phản đối - tôi thấy mắt thanh tra như đang muốn cãi nhau - rằng những ước lượng của tôi về khoảng cách từ mũi đến đỉnh đầu, hoặc đến vai, là quá chính xác. Các ngài có thể tự mình kiểm

tra. Nhưng dù thế nào, chính việc Louisa chạm vào mũi của hung thủ khi hắn đứng kiễng chân cho thấy hắn thấp hơn đáng kể so với cô ấy - và chính điều này đã đủ để tôi nói rằng: cô ấy hẳn đã chạm vào Jackie Hatter.”

Ông dừng lại lấy hơi, và Thumm thở dài. Mọi chuyện dường như thật đơn giản khi nghe Lane giải thích.

“Tại sao lại là Jackie Hatter?” một lúc sau Lane tiếp tục. “Một lời giải thích sơ bộ là đủ. Vì Louisa và Martha là những người lớn thấp nhất trong nhà - cô ấy và Martha có cùng tầm vóc - có thể thấy rõ như vậy khi họ đứng chung với nhau trong khi nghe đọc di chúc, nên kẻ mà cô ấy chạm vào không phải là người lớn trong nhà. Tất cả những người lớn khác trong nhà đều bị loại trừ: Edgar Perry thì cao, ông bà Arbuckle cũng cao, cả Virginia nữa. Còn người ngoài, nếu như tội ác do một ai đó không phải người trong nhà gây nên? Nào, thuyền trưởng Trivett, John Gormly, bác sĩ Merriam - tất cả đều cao. Chester Bigelow có chiều cao trung bình, nhưng chiều cao trung bình của một người đàn ông chắc chắn không thấp hơn một mét rưỡi! Hung thủ không thể là một người bên ngoài, vì từ các yếu tố khác của tội ác, kẻ giết người đã chứng tỏ hắn thân thuộc với ngôi nhà, những thói quen ăn uống khác nhau của người trong nhà, địa thế trong nhà, vân vân.”

“Tôi hiểu rồi, tôi hiểu rồi,” viên thanh tra rầu rĩ nói. “Ngay dưới mũi chúng ta trong mọi lúc.”

“Lần đầu tiên tôi phải đồng ý với ngài,” Lane cười đáp. “Nên hung thủ chỉ có thể là Jackie Hatter, người mà con mắt mách bảo rằng có chiều cao đúng như tôi tính - và điều này đã được khẳng định khi tôi đọc thẻ bệnh án tại văn phòng bác sĩ Merriam và phát hiện ra thằng bé cao một mét bốn hai - chỉ lệch có ba phân, vậy đấy... Đương nhiên, hung thủ không thể là cậu em trai Billy, chỉ cần nghĩ là sẽ thấy vô lý rành rành, vì cậu bé mới biết đi, lại cao chưa đầy một mét. Một điểm nữa: Louisa cho biết cô sờ thấy một bờ má mềm mịn. Người ta sẽ liên hệ ngay đến một phụ nữ - như ngài vậy. Tuy nhiên, một cậu bé mười ba tuổi cũng có bờ má mềm mịn.”

“Tôi đáng bị nguyên rủa,” viên thanh tra lên tiếng.

“Vậy là, đứng đó trong phòng ngủ để dõi theo lời chứng của Louisa, quan sát cô ấy lặp lại trải nghiệm của đêm trước - rồi tính toán nhanh - và tôi đã tìm ra. Dường như Jackie Hatter chính là kẻ rình mò trong đêm trước đó, người đã đầu độc quả lê dành cho người bác của mình và đã đập vào đầu bà nội, gây ra cái chết của bà ấy.”

Lane dừng lại một lát để thở dài và để ý bầu thiên nga của mình. “Tôi xin nói ngay rằng kết luận này có vẻ ngớ ngẩn đến mức tôi loại bỏ nó ngay lập tức. Đứa trẻ đó đã dựng lên một cốt truyện phức tạp đòi hỏi trí thông minh của người trưởng thành - và lại còn là một tên sát nhân nữa? Thật nực cười! Tôi đã có phản ứng hệt như ngài lúc trước, thanh tra à; tôi tự cười chính mình. Điều đó là không thể. Tôi đã sai ở đâu đó, hoặc phải có một người lớn đứng đằng sau chỉ đạo đứa trẻ. Tôi thậm chí còn nghĩ đến một người, người mà tôi chưa từng thấy, ẩn mình phía sau - một người lùn chẳng hạn - cao gần một mét rưỡi. Nhưng điều này thật ngớ ngẩn. Tôi không biết phải nghĩ gì nữa.

“Tôi vẫn giữ kín quan điểm của mình, tất nhiên rồi. Sẽ thật điên rồ tại thời điểm đó nếu tiết lộ kết quả tính toán của tôi với các ngài. Làm sao tôi có thể mong các ngài tin theo khi chính tôi đây còn chẳng tin?”

“Tôi bắt đầu hiểu được rất nhiều điều,” Bruno lẩm bẩm.

“Thật ư?” Lane lẩm bẩm. “Tôi không nghĩ ngài thấy được một nửa - một phần tư thôi - của sự việc, Bruno ạ, dù tôi rất tôn trọng sự sáng suốt của ngài... Chuyện gì đã xảy ra? Louisa Campion tuyên bố cô ấy ngửi thấy mùi vani trên mình hung thủ. Vani! Tôi đã tự nhủ; không phù hợp với một đứa trẻ. Tôi đã tìm kiếm mọi thứ mang mùi vani mà tôi có thể nghĩ ra - kẹo, bánh, hoa, và phần còn lại thì các ngài đã biết. Không có kết quả gì. Tôi đã một mình lục soát ngôi nhà để tìm một mối liên hệ khả dĩ, một manh mối, vẫn chẳng có gì. Vậy nên cuối cùng tôi đã loại bỏ giả thuyết thằng bé có liên quan đến vani và xem xét chuyện vani là một chất hóa học.

“Nhờ bác sĩ Ingalls tôi phát hiện ra rằng có một thành phần nào đó trong thuốc mỡ được dùng để chữa các loại bệnh ngoài da, tên gọi nhựa thơm Peru, có mùi vani đặc trưng. Nhờ bác sĩ Merriam tôi phát hiện ra rằng York Hatter đã bị một chứng bệnh ngoài da trên cánh tay và đã thực sự dùng

nhựa thơm Peru để chữa bệnh. Trong phòng thí nghiệm tôi tìm thấy một ghi chép về lọ nhựa thơm này... York Hatter! Một người đã chết. Có khả năng nào ông ta vẫn còn sống?”

“Đó là chỗ mà tôi đã lạc đường,” Thumm rầu rĩ nói.

Lane không để ý. “Đúng thế, chuyện đó là có thể. Việc xác định nhân dạng không hoàn toàn chắc chắn. Mới chỉ đơn thuần coi cái xác được vớt lên chính là ông ta... Nhưng, còn vấn đề chiều cao? Theo lời kể ban đầu của ngài, thanh tra ạ, việc phát hiện thi thể không đề cập đến chiều cao; thậm chí nếu đó không phải là thi thể của York Hatter và ông ta đang lập kế hoạch lừa gạt, hẳn ông ta sẽ chọn một xác chết có chung vóc dáng, nên chiều cao của tử thi có thể giúp được tôi. Nhưng tôi đã biết chiều cao của York Hatter từ hồ sơ của bác sĩ Merriam. Ông ấy cao một mét sáu lăm. Vậy nên Louisa không thể đã chạm vào York Hatter - hung thủ thấp hơn Louisa khá nhiều, cao một mét rưỡi là cùng...”

“Vậy mùi vani thì giải thích thế nào đây? Theo logic thì thứ nhựa thơm Peru kia phải là nguồn gốc của mùi vani trong đêm giết người; nó là một chất hóa học, nó ở trong phòng thí nghiệm nơi hung thủ lựa chọn chất độc cho mình, có thể lấy nó trên các kệ, và tôi không tìm thấy dấu vết của nguồn gốc mùi vani nào khác... Vì vậy, mặc dù thực tế tôi cảm thấy Hatter không thể chịu trách nhiệm cho mùi nhựa thơm Peru vào đêm xảy ra án mạng, tôi vẫn đi theo con đường này hy vọng sẽ tìm ra lý do tại sao thứ mùi này được sử dụng bởi người khác. Lý do duy nhất tôi có thể gán cho việc sử dụng nó vào đêm giết người là hung thủ cố tình để lại dấu vết hy vọng cảnh sát sẽ phát hiện ra York Hatter từng sử dụng nhựa thơm Peru trong quá khứ. Nhưng điều này cũng có vẻ ngớ ngẩn - York Hatter đã chết. Hoặc là chưa? Vấn đề lúc đó khá rối rắm.”

Lane thở dài. “Điểm dừng chân tiếp theo là phòng thí nghiệm. Các ngài có nhớ lại việc bố trí chai lọ trên kệ? Có năm kệ, mỗi kệ chia thành ba ngăn, mỗi ngăn chứa hai mươi chai lọ, mỗi chai lọ đánh số theo thứ tự; số một đặt ở bên trái kệ trên cùng, ngăn thứ nhất. Hãy nhớ lại, thanh tra, là tôi đã chỉ ra chai *Strychnine*, số 9, được đặt gần như ở giữa ngăn thứ nhất kệ trên cùng. Và chúng ta thấy chai *axit prussic* trong Chai số 57, cũng ở kệ

trên cùng, nhưng ở ngăn thứ ba bên phải. Nếu tôi không có mặt ở đó, và ngài mô tả vị trí cho tôi, thì tôi cũng biết rằng thứ tự của các chai lọ chạy từ trái sang phải đến hết kệ, từ ngăn đầu tiên rồi ngăn thứ hai đến ngăn thứ ba. Nên chai số 9 và 57 không thể ở đâu khác trừ phi chúng bị tráo vị trí... Tạm thời là thế.

“Nhựa thơm Peru, theo bản thống kê, nằm trong Lọ số 30 - cái lọ đã biến mất sau vụ cháy nổ, nhưng tôi có thể nói chính xác nơi nó từng được đặt từ hiểu biết của tôi về thứ tự của các chai lọ. Một ngăn chứa đủ hai mươi chai, và không có chỗ trống, số 30 phải nằm ở chính trung tâm của kệ trên cùng... Tôi đã phát hiện ra rằng Martha Hatter là thành viên gia đình duy nhất ngoài bản thân York biết rằng ông ta bị bệnh ngoài da. Tôi đã hỏi và cô ấy xác nhận điều này: đúng, cô ấy biết ông ta bôi một loại thuốc mỡ - cô không nhớ tên - nhưng cô biết nó có mùi vani. Khi tôi hỏi cô ấy về vị trí vẫn đặt cái lọ - tôi đã đặt những chai lọ rỗng trong ngăn giữa của kệ trên cùng - cô ấy bước tới ngăn giữa và lấy xuống cái lọ đặt ở vị trí mà số 30, nhựa thơm Peru, từng được đặt... Nhưng sau đó tôi phát hiện ra một điều quan trọng - điều chẳng liên quan gì đến chuyện mùi thơm hết!”

“Điều gì thế?” Thanh tra Thumm thắc mắc. “Tôi đã ở đó, và tôi có thấy gì đáng chú ý xảy ra đâu.”

“Không ư?” Lane mỉm cười. “Nhưng sau đó ngài đâu có lợi thế như tôi, hả thanh tra. Làm cách nào Martha Hatter lấy được cái lọ xuống? Bằng cách đứng kiễng chân là đủ để cô ấy với được cái lọ. Điều đó có nghĩa gì? Đơn giản là Martha Hatter, một trong hai người trưởng thành thấp nhất trong gia đình, đã phải căng người và kiễng chân để với được cái lọ trên kệ trên cùng. Nhưng vấn đề là - cô ấy có thể với tới kệ trên cùng trong khi vẫn đứng trên sàn nhà!”

“Nhưng điều đó thì chứng tỏ được gì, hả ngài Lane?” Bruno cau mày.

“Ngài sẽ thấy.” Hàm răng Lane lóe lên. “Ngài có nhớ rằng trong lần điều tra sơ bộ của chúng ta ở phòng thí nghiệm - lúc trước vụ cháy - chúng ta đã phát hiện ra hai vết mờ trên mép của cái kệ? Cả hai đều có hình bầu dục - rõ ràng là những dấu vết còn lại của ngón tay. Vết đầu tiên nằm trên mép của kệ thứ hai nằm ngay dưới Chai số 69, vết còn lại nằm trên mép của kệ

thứ hai dưới Chai số 90. Ngoài ra, hai vết mờ này không đi hết chiều dày của mép kệ, mà chỉ nằm ở nửa trên mép. Cả Chai số 90 và Chai số 69 đều không có bất kỳ mối liên hệ với vụ án - chai đầu tiên chứa *axit sulfuric*, chai thứ hai chứa *axit nitric*. Nhưng vị trí các vết mờ còn có một ý nghĩa nữa - số 69, nằm trên vết đầu tiên, lại nằm ngay dưới Chai số 9, nói cách khác là nằm cách một kệ; và số 90, nằm trên vết thứ hai, thì nằm dưới Chai số 30 - cũng nằm cách một kệ. Cả Chai số 9 và Chai số 30 đều liên quan đến vụ án - số 9 chứa *Strychnine*, được sử dụng trong vụ đầu độc đầu tiên, trong món cocktail của Louisa; số 30 chứa nhựa thơm Peru, thứ mùi phát ra từ hung thủ trong đêm bà Hatter bị giết. Điều này không thể chỉ là một sự trùng hợp, rõ ràng là thế... Vì vậy, tâm trí tôi ngay lập tức nhảy sang một tình huống khác. Cái ghế đầu ba chân, mà bằng chứng là ba vết bụi thông thường nằm giữa hai cái bàn thí nghiệm, lại được tìm thấy bên dưới những ngăn kệ trung tâm. Và cái ghế cho thấy dấu hiệu của sự xáo trộn - những vết trầy xước và vết bụi không đồng đều trên mặt ghế. Chắc chắn nếu chỉ ngồi thôi thì chẳng thể tạo ra dấu vết không đều như vậy, hành động ngồi chỉ có thể để lại một vết hằn trơn nhẵn hoặc là xóa hết lớp bụi đi. Nó không thể gây ra các vết trầy xước... Cái ghế này đã rời khỏi vị trí, nhớ không, và nằm ngay dưới Chai số 30 và 90 ở ngăn kệ giữa. Tất cả điều này có nghĩa gì? Tại sao cái ghế được sử dụng? Nếu không phải để ngồi, thì để làm gì? Rõ ràng là để đứng, điều này sẽ giải thích cho các vết trầy xước và vết bụi không đồng đều. Nhưng tại sao phải đứng? Trả lời được thì câu chuyện sẽ trở nên rõ ràng.

“Các vết ngón tay trên mép kệ thứ hai cho thấy đã có kẻ cố với lấy Chai số 9 và 30 trên kệ trên cùng nhưng thất bại, các đầu ngón tay chỉ chạm đến mép của kệ thứ hai. Để lấy được chúng kẻ này phải đứng trên một thứ gì đó, chính là cái ghế đầu. Có lẽ, tất nhiên rồi, lần thử thứ hai đã thành công, vì chúng ta biết những chai này đã được sử dụng. Điều này đưa tôi đến đâu? Đến một điểm: Nếu có kẻ để lại dấu tay ngay dưới Chai số 69 và 90, thì khoảng cách từ kệ có vết tay đến sàn nhà sẽ cho thấy chiều cao của kẻ này - tất nhiên không phải là chiều cao chính thức, mà là chiều cao khi duỗi hay vươn người hết cỡ. Vì khi ta cố lấy một vật nằm ngoài tầm với, ta sẽ

vươn người hết cỡ, tự động đứng kiễng chân, và duỗi cánh tay ra để với được xa nhất.”

“Tôi hiểu rồi,” Bruno chậm rãi nói.

“Đúng thế. vì Martha Hatter có thể đứng trên sàn với tay lấy cái lọ trên kệ đầu tiên mà không cần ghế đầu! Có nghĩa rằng tất cả người lớn trong trường hợp đều có thể với được lọ nhựa thơm Peru trên kệ đầu tiên theo cách đó, bởi Martha và Louisa là những người trưởng thành thấp nhất trong vụ này. Nên kẻ để lại dấu tay trên mép kệ thứ hai và kẻ đứng trên ghế đầu để với lên những cái chai thấp hơn kha khá so với Martha, và cũng không phải là một người lớn... Thấp hơn bao nhiêu? Cũng dễ tính thôi. Tôi đã mượn cái thước của ngài, thanh tra à, và đo khoảng cách giữa những chiếc kệ, biết rằng khoảng cách chính xác từ kệ trên cùng đến kệ có dấu tay bên dưới là mười lăm phân. Tôi cũng đo độ dày của tấm ván; nó dày hai phân rưỡi. Có thể ước lượng thế này, mười lăm phân cộng với hai phân rưỡi cộng với hai phân rưỡi nữa (vì Martha còn với tay cao hơn cái kệ một chút) - tức là kẻ dùng ghế đầu thấp hơn Martha tầm hai chục phân. Mà Martha lại có cùng chiều cao với Louisa, và Louisa thì cao một mét sáu ba, tức là kẻ dùng ghế đầu cao tầm một mét bốn ba! Một sự xác nhận đáng chú ý và khá thuyết phục cho suy luận ban đầu của tôi - một lần nữa cho thấy dấu vết của một kẻ giết người cao một mét tư. Vẫn là Jackie!”

Một sự im lặng trong giây lát. “Tôi không thể chấp nhận điều đó,” viên thanh tra lẩm bẩm. “Tôi không thể.”

“Tôi không trách ngài,” Lane nghiêm trang đáp. “Tôi cũng ngày càng buồn hơn - sự xác nhận đáng nguyên rủa về một giả thuyết mà tôi không tài nào tin nổi. Nhưng có quá nhiều trùng hợp. Tôi không thể nhắm mắt trước sự thật được nữa. Jackie Hatter không chỉ là người đã đầu độc lê và đập vào đầu bà Hatter, mà cũng là người đã đổ chất độc *Strychnine* vào món cocktail và với lấy cái lọ nhựa thơm Peru... tất cả đều quy về kẻ giết người.”

Lane dừng lại và hít một hơi dài. “Tôi đã xem xét cẩn thận. Giờ tôi không nghi ngờ gì nữa, dù sự việc có vẻ điên rồ, Jackie mười ba tuổi là hung thủ chính thức của chúng ta. Quái lạ, nhưng không thể sai được! Tuy

nhiên, âm mưu của cậu ta phức tạp theo một cách quá thần tình, với sự cẩn trọng và trí thông minh không thể phủ nhận. Không thể tưởng tượng nổi một đứa trẻ mười ba tuổi có thể tự nghĩ ra âm mưu này, dù tình khôn thế nào đi nữa. Thế là đủ để tôi có thể tuyên bố mà chẳng cần làm gì thêm: Chỉ có hai cách giải thích thôi. Một là cậu bé chỉ là con rối của một người lớn rất thông minh, kẻ chủ mưu và bằng cách nào đó lợi dụng đứa trẻ để thực hiện... Nhưng rõ ràng cách giải thích này là sai. Liệu một người lớn có thể lợi dụng một đứa trẻ làm công cụ cho mình - những tạo vật không đáng tin cậy nhất? Có thể nhưng sẽ rất khó - kẻ chủ mưu sẽ gặp nguy cơ rất lớn nếu đứa trẻ tiết lộ bí mật của hắn vì tính bông bột không giữ mồm giữ miệng, hoặc đơn giản do mấy trò tinh nghịch kiểu anh hùng con trẻ; cũng có thể đứa trẻ sẽ khai tuốt tuột dưới áp lực của cuộc thẩm tra chính thức và làm đổ bể toàn bộ câu chuyện. Tất nhiên, có khả năng đứa trẻ bị bắt im miệng bằng những lời đe dọa mang tính bạo lực cá nhân. Nhưng khả năng này cũng rất khó xảy ra; trẻ em thì dễ nhìn nhận, và hành vi của Jackie từ đầu đến cuối không phải là của một đứa trẻ bị thúc đẩy bởi sự sợ hãi.”

“Tôi không phản bác gì về điểm đó,” viên thanh tra lẩm bẩm.

“Không,” Lane mỉm cười. “Thậm chí nếu coi như có kẻ lợi dụng cậu bé làm công cụ, thì chắc chắn vẫn có những mâu thuẫn rõ ràng trong việc tiến hành âm mưu mà một người trưởng thành sẽ không bao giờ tán thành - những điều mà một người trưởng thành sẽ không bao giờ cho phép xảy ra - những điều mà như tôi sẽ chỉ ra ngay sau đây, chỉ là biểu hiện cho một tâm trí non nớt chứ không phải của một đầu óc trưởng thành. Dựa trên những mâu thuẫn ấy mà tôi bác bỏ giả thuyết về một người trưởng thành thao túng hành vi của Jackie. Nhưng tôi vẫn luôn tin rằng khởi sự của âm mưu này là sản phẩm của một đầu óc trưởng thành. Vậy là tôi phải đối mặt với một vấn đề: Làm thế nào mà một người lớn có thể thai nghén âm mưu này và một đứa trẻ có thể thực hiện nó - mà lại không có sự đồng lõa giữa họ? Chỉ có một câu trả lời khả dĩ - đó là phương án của tôi - rằng đứa trẻ đã làm theo một kế hoạch được người lớn viết sẵn, và người này không hề biết gì về chuyện đó (nếu không người ấy sẽ báo cho cảnh sát ngay).”

“Hóa ra đó là cách ngài tìm ra cái cốt truyện kia,” Bruno trầm tư nói.

“Đúng thế. Tôi cảm thấy giờ tôi đã đi đúng hướng. Liệu có bất kỳ dấu hiệu nào về chủ nhân của cái âm mưu kia không? Có chứ. Bởi lẽ cái việc người đó biết cách và thoả mái sử dụng các loại chất độc chỉ có thể nhằm tới một nhà hóa học, đó là York Hatter. Thêm nữa, trong lời khai ban đầu Barbara Hatter đã đề cập đến chuyện cha cô ấy muốn viết tiểu thuyết. Chi tiết này đã giáng mạnh vào tôi. Tiểu thuyết! Rồi còn nhựa thơm Peru, thứ chỉ có York Hatter mới dùng... Các dấu hiệu đều chỉ đến ông ta, dù sống hay chết.”

Lane thở dài, và duỗi cánh tay của mình. “Ngài có nhớ lúc tôi bảo tôi có hai hướng đi để lần theo không thanh tra, và ngài đã rất ngạc nhiên? Hướng thứ nhất là mùi vani mà tôi đã mô tả; hướng thứ hai là chuyện viếng thăm Barbara Hatter để lần theo người viết ra âm mưu kia. Tôi hài lòng khi cô ấy cho biết phỏng đoán của tôi về chuyện York Hatter từng viết một câu chuyện trinh thám là đúng. Loại tiểu thuyết liên quan đến tội phạm là tiểu thuyết trinh thám, và tôi biết phải là như thế. Cô ấy không biết gì hơn, ngoại trừ việc Hatter bảo là ông ta đang phác thảo cốt truyện. Một bản thảo có lẽ đang tồn tại! Tôi bị thuyết phục rằng York Hatter, người chí ít đã vẽ ra một âm mưu giết người trong sách vở, sau khi chết đi đã vô tình cung cấp cho cậu bé Jackie những hướng dẫn chi tiết cho một tội ác tày trời.

”Jackie đã làm theo cốt truyện đó. Cậu bé đã tiêu hủy bản thảo chưa? Có lẽ là không; tâm lý trẻ em sẽ muốn giấu nó đi hơn muốn tiêu hủy nó. Ít nhất cũng đáng để tìm kiếm. Nếu cậu ta giấu nó, thì sẽ giấu ở đâu đây? Một nơi nào đó trong nhà, tất nhiên rồi. Tuy nhiên, ngôi nhà đã được lục soát từ trước và chẳng có thứ gì còn sót. Ngoài ra, tôi cảm thấy chắc chắn rằng một cậu bé mười ba tuổi - thích cướp biển, cao bồi và người da đỏ, những chuyện phiêu lưu, trinh thám - sẽ chọn một nơi che giấu rất kỳ công cho cái bản thảo kia. Tôi đã phát hiện ra cách mà cậu bé đột nhập vào phòng thí nghiệm - qua đường ống khói và lò sưởi. Có khả năng chính cái lối đi rất ư là kỳ công kia đã biến thành nơi che giấu bản thảo cũng kỳ công không kém. Vì nghĩ đó là nơi thích hợp, nên tôi đã tìm kiếm bên trong ống khói lò sưởi và thấy trên bức tường gạch ngăn cách có một viên gạch rời ra, đằng sau nó là bản thảo cần tìm. Điều này cũng hợp lý khi xét rằng Jackie chắc

chắn sẽ không nghĩ còn có người biết về cái con đường tuyệt diệu thông giữa hai phòng này, và việc giấu bản thảo ở đó sẽ đảm bảo rằng chẳng có ai phát hiện ra nó.

“Liên quan đến chuyện cái ống khói, chắc chắn đứa trẻ này - tinh nghịch, ngoan cố, không vâng lời - trong lúc lọ mọ quanh nhà đã cố gắng tìm cách tiếp cận phòng thí nghiệm sau khi bị người bà nghiêm khắc cấm đoán. Kể cũng ngạc nhiên thật, hành động như một đứa trẻ, cậu bé hẳn đã lọ mọ trong lò sưởi ở phía phòng ngủ, thấy rằng bức tường ngăn không xây hết liền trèo lên, và theo cách này phát hiện ra việc có thể vào phòng thí nghiệm mà chẳng cần dùng đến cửa. Rồi cậu ta hẳn đã tha thẩn trong phòng; và trong một ngăn tủ hồ sơ mà chúng ta thấy trống rỗng, cậu ta đã phát hiện ra cái bản thảo mà Hatter để sẵn ở đó trước khi tự sát. Một thời gian sau, có lẽ sau khi quyết định biến cái tội ác trên sách vở kia thành hiện thực, cậu ta đã nói lỏng viên gạch trong ống khói - có thể là nó đã lỏng ra sẵn rồi và cậu ta chỉ tận dụng nó như một chỗ giấu đồ... Một điều nữa: Hãy nhớ rằng cậu bé đã có một khoảng thời gian dài giữa việc phát hiện ra bản thảo và vụ hạ độc đầu tiên để nghiên ngẫm kĩ lưỡng cái âm mưu giết người hấp dẫn kia, đánh vần các từ khó, tìm hiểu nội dung của bản thảo, có thể chưa hiểu nổi đến một nửa nội dung, nhưng cũng nắm được sơ bộ để biết phải làm gì. Hãy nhớ rằng, việc phát hiện ra bản thảo xảy ra trước vụ hạ độc đầu tiên nhưng sau cái chết của York Hatter.”

“Chỉ là một đứa trẻ,” viên thanh tra lầm bầm. “Và tất cả chuyện này...” Ngài lắc đầu. “Tôi... khỉ thật, tôi không biết phải nói gì nữa.”

“Hãy quay lại chuyện cái bản thảo,” Lane tiếp tục, không cười nữa. “Tôi không thể mang nó đi khi tìm thấy nó; Jackie sẽ phát hiện ra nó đã biến mất, trong khi mục đích của tôi là khiến cậu ta nghĩ rằng mình là một kẻ chủ mưu cực kỳ thành công. Vậy nên tôi đã sao lại nó ngay tại chỗ và trả bản gốc về chỗ cũ. Tôi cũng tìm thấy một cái ống chứa đầy chất lỏng màu trắng mà tôi chắc chắn là chất độc, và đổ sữa vào đó thay thế cho an toàn - và còn một lý do khác mà các ngài sẽ biết khi đọc bản thảo kia.” Trên bãi cỏ có một chiếc áo khoác cũ nằm gần đó, và Lane với tay lấy. “Tôi đã mang

nó theo nhiều tuần nay,” ông khẽ nói. “Một tài liệu đáng kinh ngạc. Mời các ngài đọc nó trước khi tôi tiếp tục.”

Ông lôi từ túi áo khoác ra cái bản thảo được chép lại bằng bút chì của York Hatter, và đưa nó cho Bruno. Hai vị khách cùng nhau đọc say sưa. Lane chờ đợi trong im lặng cho đến khi họ kết thúc. Mặt mày họ trông sáng sủa hơn hẳn trong khi trả lại nó cũng trong sự im lặng.

“Tôi đã nói lúc này,” Lane tiếp tục sau khi cất bản sao kia đi, “rằng có một số mâu thuẫn rõ ràng và ấu trĩ trong việc tiến hành thực hiện một âm mưu được lên kế hoạch kĩ càng. Tôi sẽ nói về chúng khi chúng xuất hiện trong cuộc điều tra.

“Đầu tiên, quả lê độc. Thử quên đi cái ý định không nhằm giết Louisa. Ít nhất kẻ hạ độc cũng cần đầu độc quả lê, dù động cơ của hắn là gì. Giờ chúng ta tìm thấy cái ống tiêm dùng để tiêm chất độc tại chính căn phòng đó. Quả lê, như chúng ta biết, ban đầu không có trong phòng: nó đã được kẻ hạ độc đưa vào. Nói cách khác, kẻ hạ độc đã đem vào phòng một quả lê chưa có độc rồi tiêm vào nó ngay tại hiện trường gây án. Thật kỳ quặc! Đúng ra thì thật ấu trĩ! Một người trưởng thành sẽ làm thế hay sao? Trong khi tội ác cần diễn ra nhanh chóng, vì có thể bị phát hiện hoặc bị gián đoạn. Một người trưởng thành có ý định đầu độc lê sẽ đầu độc nó ở bên ngoài trước khi vào phòng và để nó lại, để không cần thiết phải đứng đó và châm kim tiêm vào quả lê tại thời điểm mà mỗi giây đều quý giá, việc bị phát hiện có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

“Đúng vậy, nếu hung thủ cố tình để lại ống tiêm trong phòng, thì tôi sẽ không thể kết luận là nó được mang vào để tiêm độc vào quả lê, tôi sẽ không biết liệu lê đã bị đầu độc bên trong hoặc bên ngoài căn phòng. Nhưng cứ coi như tôi đang bàn luận theo giả thuyết là cái ống tiêm được cố tình để lại trong phòng đi. Tại sao ư? Chỉ có một khả năng hợp lý: để thu hút sự chú ý đến việc quả lê đã bị đầu độc. Nhưng điều này là không cần thiết; vụ sát hại bà Hatter, được chứng minh là một tội ác có tính toán trước chứ không phải một tai nạn, và đặc biệt là nó diễn ra sau âm mưu đầu độc trước đó, sẽ dẫn đến chuyện khám phá ra quả lê độc, cảnh sát sẽ tìm kiếm dấu hiệu của chất độc - thực tế là thanh tra Thumm đã làm thế. Vậy nên

nhiều khả năng ống tiêm được tình cờ bỏ lại, và điều này có nghĩa rằng lý do duy nhất để mang ống tiêm vào phòng là để tiêm chất độc vào quả lê ngay tại căn phòng đó... Và điều này đã được khẳng định khi tôi đọc bản thảo kia.”

Một lần nữa ông lấy ra bản thảo từ trong túi áo và mở nó ra. “Chính xác thì bản thảo này viết gì? Nó viết: “Ý tưởng lần này là đầu độc một quả lê và đặt nó vào trong bát trái cây,” đại loại thế. Rồi sau đó nó viết: ‘Y... mang vào phòng một quả lê hỏng được tiêm chất độc vào,’ vân vân. Thật là ấu trĩ,” Lane tiếp tục, ném những tờ giấy lên bãi cỏ, “bản thảo này không rõ ràng, không nói rõ quả lê bị tiêm độc trước hay sau khi vào phòng. Nó cũng không nói đến chuyện bỏ lại ống tiêm trong phòng. Như bất kỳ người lớn nào khác, Hatter đã mặc nhiên coi quả lê bị tiêm độc trước khi được đưa đến hiện trường vụ án. Vậy nên kẻ nào đã diễn giải những chỉ dẫn trong bản thảo này thì cũng hiểu nó theo nghĩa đen, là tiêm độc vào quả lê trong căn phòng chết... Tôi thấy ngay rằng đây là dấu hiệu của một tâm trí non nớt. Nói cách khác, vụ việc do một người lớn nghĩ ra nhưng lại do một đứa trẻ tiến hành - quá trình thực hiện cho thấy đó là một tâm trí non nớt khi không có chỉ dẫn cụ thể nào.”

“Thật đáng nguyên rủa nếu đó không phải là sự thật,” viên thanh tra lầm bầm.

“Mâu thuẫn thứ hai. Các ngài có nhớ lớp bụi trên sàn nhà trong phòng thí nghiệm có lẫn nhiều dấu chân, chẳng dấu chân nào còn nguyên hay rõ nét? Lớp bụi này chẳng liên quan gì đến cái cốt truyện của York Hatter. Hiển nhiên rồi - trong cốt truyện đó thì bản thân ông ta sống trong phòng thí nghiệm và sẽ không có chút bụi nào ở đó cả. Vì vậy, các dấu chân và bất cứ thứ gì chúng ta thu được từ việc xem xét chúng đều chỉ liên quan đến những sự kiện thực tế. Chúng ta đã thấy bằng chứng của việc kẻ sử dụng phòng thí nghiệm đã xóa đi đường nét của mọi dấu chân dễ thấy - với một cậu bé thì thế là tài đấy. Nhưng lại không có dấu chân nào, bị xóa hay chưa xóa, ở gần cánh cửa duy nhất dẫn vào phòng! Nào, một người trưởng thành sẽ không bỏ qua việc để lại dấu chân chỗ gần cửa, vì lối đột nhập thực sự là thông qua ống khói, và điều này là để nhằm giữ bí mật. Những dấu chân

gần cửa có thể khiến cảnh sát tin rằng hung thủ đã đột nhập qua lối cửa chính, có lẽ với một chiếc chìa khóa được sao lại. Việc thiếu những dấu chân gần cửa chắc chắn sẽ mời gọi cảnh sát khám xét cái lò sưởi. Một lần nữa, như tôi đã nói, đó là dấu hiệu của một tâm trí non nớt, để lại kẽ hở to tướng khi hành động - nếu nghĩ đến việc xóa dấu chân, thì đó là kẽ hở mà một người lớn chắc chắn sẽ không mắc phải.”

“Lại còn thế nữa,” Thumm cất giọng khàn khàn. “Trời ạ, tôi chẳng còn biết nói gì!”

“Mâu thuẫn thứ ba, và có lẽ cũng là mâu thuẫn thú vị nhất trong tất cả.” Đôi mắt Lane lấp lánh trong giây lát.

“Cũng như tôi, cả hai ngài đều lúng túng trước thứ vũ khí lạ kỳ đã lấy mạng bà Hatter. Sao lại có thể chọn một cây đàn mandolin cơ chứ! Tại sao? Thành thật mà nói, cho đến khi đọc bản thảo này tôi không hiểu nổi tại sao Jackie lại chọn cây đàn mandolin đó làm vũ khí. Tôi tự nhiên cho rằng trong cái âm mưu của ai đó mà cậu ta làm theo, cây đàn được chọn vì một lý do đặc biệt. Tôi thậm chí còn xem xét khả năng nó được sử dụng để ám chỉ chủ nhân của nó, York Hatter. Nhưng dù thế nào thì cũng thật vô lý.”

Ông lại nhặt bản thảo lên. “Xem trong cốt truyện nhé. Nó viết gì? Chẳng có từ nào về cây đàn mandolin! Nó chỉ viết thế này: ‘Đập vào đầu Emily bằng một khí cụ đầu tù.’”

Đôi mắt Thumm mở to, và Lane gật đầu. “Tôi thấy ngài có vẻ hiểu rồi đấy. Dấu hiệu rõ ràng cho sự diễn giải kiểu trẻ con. Hãy hỏi một đứa trẻ mười ba tuổi bất kỳ thế nào là một khí cụ ‘đầu tù’. Một ngàn đứa thì may ra mới có một đứa biết. Không một từ nào khác trong bản thảo đề cập đến dụng cụ giết người này, York Hatter đã đột ngột dừng ý, biết rằng bất kỳ người trưởng thành nào cũng hiểu - một khí cụ đầu tù là một kiểu vũ khí nặng đầu bè ra. Jackie đọc nó, và chẳng hiểu được từ này. Cậu ta phải tìm được thứ kỳ lạ mang tên ‘khí cụ đầu tù’ và lấy nó đập vào đầu người bà đáng ghét. Đầu óc một đứa trẻ sẽ làm thế nào đây? Khí cụ - với một đứa trẻ thì từ này chỉ có một nghĩa duy nhất: nhạc khí. Còn đầu tù - chà, cậu ta không hiểu nó; có lẽ chưa bao giờ nghe thấy, hoặc nếu từng nghe, cậu ta cũng không biết nó có nghĩa gì. Hoặc có thể cậu ta đã tra từ điển và biết

rằng đó là một cái gì đó to bè, không nhọn; cùn chứ không sắc. Cậu ta hẳn đã nghĩ ngay đến cây đàn mandolin - ‘nhạc cụ’ duy nhất trong nhà, như Barbara Hatter nói, từng thuộc về York Hatter, người viết nên cốt truyện! Đây là bằng chứng xác đáng về một đứa trẻ; chỉ một gã ngốc trưởng thành mới hiểu ‘khí cụ đầu tù’ theo cách đó.”

“Tuyệt vời, tuyệt vời,” là tất cả những gì Bruno có thể thốt ra.

“Nói chung, tôi biết rằng Jackie đã tìm thấy bản thảo trong phòng thí nghiệm và đã từng bước từng bước một gây ra tội ác thực sự. Bây giờ hãy xem xét cái cốt truyện kia: nó nói rõ rằng chính York Hatter - tất nhiên Hatter ở đây là nhân vật trong câu chuyện hư cấu của ông ta, tương ứng với chính tác giả - chính York Hatter là hung thủ. Giả sử một người lớn tìm thấy bản thảo và lên kế hoạch làm theo để tiến hành một tội ác thực sự. Hẳn ta đọc được York là tội phạm trong câu chuyện. Nhưng York đã chết. Chẳng phải kẻ đó sẽ vứt bỏ bất kỳ phần nào trong cốt truyện có liên quan đến York đi hay sao? Tất nhiên rồi. Nhưng hung thủ của chúng ta đã làm gì? Hẳn đã để lại dấu vết của nhựa thơm Peru, là manh mối dẫn đến York Hatter như bản thảo đã chỉ ra. Dụng ý của York Hatter khi viết chi tiết này rất thông minh: thứ ‘mùi’ này truy ngược lại hung thủ trong cốt truyện, là manh mối khiến ông ta bị bắt vào cuối câu chuyện. Tuy nhiên, trên thực tế Hatter đã chết, việc sử dụng mùi vani để truy ngược về York Hatter thật ngây ngô... Một lần nữa chúng ta thấy gì nào? Một cái đầu chỉ biết làm theo chỉ dẫn một cách cứng nhắc - một trí tuệ non nớt.

“Đó là mâu thuẫn thứ tư, hay thứ năm? Trong cốt truyện của Hatter, rất hợp lý khi ông ta là hung thủ và để lại một đầu mối có thể truy ngược lại chính ông ta - mùi vani. Trong cốt truyện đó thì manh mối này là chuẩn xác. Nhưng manh mối về đôi giày - đôi giày của Conrad - là một manh mối ngụy tạo, nhằm để ngụy tạo bằng chứng; như thể hung thủ đã cố tình lôi Conrad vào vụ án nhằm làm lệch hướng điều tra của cảnh sát.

“Tuy nhiên, tình thế đã thay đổi, khi nó không còn là một câu chuyện, mà biến thành hiện thực - có người dùng cốt truyện hư cấu kia làm hình mẫu cho tội ác thực sự. Lúc này mùi vani dẫn đến York cũng trở thành một manh mối ngụy tạo nốt! Vì York đã chết, giờ không còn là một nhân tố

trong âm mưu này nữa. Vậy tại sao lại sử dụng hai manh mối nguy tạo dẫn đến hai người khác nhau, như hung thủ đã làm? Bất kỳ người trưởng thành nào ở vị trí của Jackie sẽ chọn đôi giày của Conrad là manh mối nguy tạo thích hợp và loại bỏ mùi vani của một người đã chết - chí ít thì cũng chỉ chọn một trong hai, không thể chọn bừa cả hai. Nếu chọn đôi giày, người đó không cần phải đi chúng như Jackie đã làm. Chỉ cần đánh đổ chất độc lên phần mũi giày, rồi sau đó để lại đôi giày vào trong tủ quần áo của Conrad. Nhưng một lần nữa Jackie, chưa hiểu được những chỉ dẫn đầy ngụ ý được ghi rõ, đã đi luôn đôi giày đó khi trong cốt truyện chẳng đề cập gì đến chuyện mang giày cả... Những dấu chân dính bột phấn không được ghi trong cốt truyện, chỉ đơn thuần là một tai nạn, đã chứng tỏ đôi giày không được mang nhằm mục đích để lại dấu chân - đó là lời bào chữa khả thi duy nhất cho việc đi giày... Tất cả đã cho thấy một kẻ giết người còn chưa biết cân nhắc thiệt hơn, khi phải đối mặt với một tình huống đòi hỏi trí thông tuệ thông thường của người lớn. Một lần nữa, như tôi đã nói, dấu hiệu của một đứa trẻ.

“Và cuối cùng, là chuyện đám cháy. Ngọn lửa làm tôi bối rối trước khi đọc được bản thảo kia. Cũng là tình cờ thôi, trước khi tôi đọc cốt truyện kia có nhiều tình tiết khiến tôi khó hiểu, vì tôi đang thử tìm lý do cho mọi việc, và chẳng tìm thấy gì hết! Những tình tiết diễn ra một cách mù quáng... Trong cốt truyện, mục đích của đám cháy là thế này: để làm ra vẻ như York Hatter bị tấn công bởi một kẻ bên ngoài, từ đó biến thành nạn nhân vô tội. Nhưng vì Hatter đã chết, vụ cháy nhằm vào phòng thí nghiệm trở nên vô nghĩa, và bất kỳ người trưởng thành nào cũng sẽ loại bỏ nó luôn, hoặc biến đổi cho phù hợp với mục đích riêng - có thể phóng hỏa chính căn phòng của mình hoặc nhằm vào chính bản thân người đó. Chắc chắn một người trưởng thành sẽ loại bỏ tình tiết này, vì ngay cả trong cốt truyện hư cấu của York đó cũng là một phương sách thô thiển; không phải là một yếu tố trinh thám đặc biệt tài tình.

“Chúng ta có gì rồi nào? Bản thảo của một tiểu thuyết trinh thám được làm theo đến từng chi tiết một cách ngây ngô mù quáng - mỗi hành động của kẻ làm theo đều khiến ta nghĩ ngay hay suy luận ra rằng kẻ đó còn chưa

trưởng thành, vẫn là một đứa trẻ. Những điều này đã khẳng định niềm tin của tôi rằng Jackie chính là hung thủ, và các ngài sẽ bị thuyết phục như tôi thôi, Jackie chưa hiểu được bản chất cái cốt truyện mà cậu ta trung thành tuân theo; cậu ta chỉ hiểu được rằng đó là những mệnh lệnh rõ ràng chi tiết cần được thực hiện. Lý do của những việc đó thì cậu ta chưa hiểu. Điều duy nhất mà đầu óc cậu ta hiểu là thế này: theo cốt truyện đó thì York chính là hung thủ. Cậu ta biết York đã chết. Cậu ta có ý tưởng trở thành York, tức là trở thành hung thủ. Vì vậy, bất cứ chỗ nào trong cốt truyện đề cập đến York, tức Y, phải thực hiện việc gì đó, thì Jackie đều đặt mình vào vị trí York và làm theo. Thậm chí còn tuân thủ cả những chỉ dẫn mà trong cốt truyện York đã cố tình xóa đi nữa, cái tên hung thủ này! Và mỗi khi Jackie tự mình thực hiện điều gì đó, hoặc phải giải thích một tình tiết chẳng mấy rõ ràng, thì cậu ta đều phản ứng theo cách rất riêng và hành động theo kiểu trẻ con, hiểu thế nào làm thế ấy.

“Vụ hạ độc đáng nguyên rủa đầu tiên,” Thumm nói và hắng giọng. “Tôi không hiểu...”

“Kiên nhẫn đi, thanh tra. Tôi sắp tới chuyện đó đây. Tại thời điểm đó chúng ta không có cách nào biết được vụ hạ độc đó có thực sự nhằm giết người hay không. Tuy nhiên, khi chúng ta suy luận để tìm hung thủ, thì vụ hạ độc thứ hai lại không nhằm giết người, nên sẽ là hợp lý khi cho rằng vụ đầu tiên cũng không nhằm giết người. Trước khi biết cái cốt truyện của York, tại thời điểm khi tôi cảm thấy Jackie chính là hung thủ, tôi tự nhủ thế này: ‘Chính Jackie, chẳng biết tình cờ hay không, đã ngăn vụ hạ độc đầu tiên lại. Có khả năng nào việc cậu ta uống ly cocktail độc chẳng phải tình cờ mà là có chủ đích không? Nếu vậy thì tại sao mới được?’ Vâng, nếu vụ hạ độc lần hai chỉ là giả vờ, và vụ đầu tiên cũng là giả vờ, thì làm sao hung thủ có thể lên kế hoạch để ngăn không cho Louisa uống dù chỉ một ngụm cocktail trứng, mà tại thời điểm đó vẫn có thể chỉ ra rằng ly đồ uống có độc? Sau rốt, nếu chỉ tiếp cận món đồ uống rồi đánh đổ nó như thế do tai nạn chẳng hạn, thì sẽ không thể biết nó đã bị đầu độc; việc con chó con xuất hiện không gì khác chỉ là chuyện tình cờ mà thôi. Vì vậy, để Louisa không uống nó mà vẫn biết được nó đã bị đầu độc, thì hung thủ phải có một

hành động liều lĩnh. Việc bản thân Jackie đã uống một ít chính là bằng chứng hiển nhiên rằng cậu ta đã tuân theo những chỉ dẫn nào đó - cậu ta không thể tự mình bày trò hạ độc và hình thành ý tưởng uống nó để bị ngộ độc được - không một đứa trẻ nào có thể làm vậy. Việc cậu ta dám uống chất độc đã xác nhận lập luận của tôi rằng cậu ta đang tiến hành theo một âm mưu của kẻ khác.

“Khi tôi đọc cái cốt truyện kia mọi thứ trở nên rõ ràng. Trong câu chuyện của mình, Y đã có ý định hạ độc món cocktail trứng, rồi tự mình nhấp một ít để bị ngộ độc nhẹ - đạt được cả ba mục đích là không làm hại Louisa, mà vẫn khiến mọi người tin rằng có kẻ đang cố sát cô ấy, và cuối cùng là đặt bản thân vào vị trí vô tội - chẳng ai nghĩ một kẻ hạ độc có thể cố tình rơi vào cái bẫy của chính mình. Một âm mưu hay ho của Hatter - trong tiểu thuyết thôi; rõ là nếu ông ta nghĩ ra một âm mưu giết người trong đời thực, thì ông ta sẽ chùn tay trước ý nghĩ tự mình uống thuốc độc, dù chỉ là để đánh lạc hướng.”

Lane thở dài. “Jackie đọc bản thảo và thấy Y hạ độc món cocktail rồi tự mình uống. Jackie biết mình phải làm hết như Y trong cốt truyện; nên cậu ta đã lấy hết can đảm uống chất độc trong điều kiện cho phép. Việc Jackie chính là người uống chỗ cocktail có độc trong vụ hạ độc đầu tiên, cộng với việc Jackie chính là kẻ hạ độc và giết người trong vụ thứ hai, đã xác nhận chắc chắn sự tuân thủ đến mù quáng một âm mưu hư cấu kỳ quái mà nhất định cậu ta chẳng bao giờ hiểu được những ngụ ý trong đó.”

”Thế còn động cơ?” Thumm khê hỏi. “Tôi vẫn không thể hiểu nổi tại sao một đứa trẻ lại muốn sát hại bà nội mình.”

“Như là muốn thử tài đánh bóng chày chẳng hạn,” Bruno nói đùa.

Thumm trừng mắt, và Bruno nói: “Sau rốt, với một gia đình như vậy thì cũng dễ hiểu thôi, Thumm à. Đúng không ngài Lane?”

“Vâng,” Lane đáp với một nụ cười buồn. “Ngài đã biết câu trả lời rồi mà, thanh tra. Ngài đã tận mắt thấy nguyên do khiến dòng giống gia đình họ trở nên như vậy. Mặc dù chỉ mới mười ba tuổi, Jackie đã có trong huyết quản mầm bệnh di truyền từ người cha và bà nội. Có lẽ ngay khi sinh ra cậu ta đã có tiềm năng trở thành kẻ giết người - xin nói thêm, cậu ta thừa hưởng sự

ồm yếu của dòng giống nhà Hatter, ngoài khuynh hướng bướng bỉnh, tinh ranh và hung hãn mà mọi đứa trẻ trong chùng mực nào đó đều có, nhưng ở cậu ta thì mọi thứ rõ ràng hơn hẳn... Ngài có nhớ chuyện cậu ta đã điên cuồng hành hạ cậu em Billy như thế nào không? Sở thích phá hoại của cậu ta - đập nát hoa, cố dìm chết con mèo - không biết phục tùng kỷ luật là gì? Kết hợp nó với điều mà tôi ngờ ngợ phỏng đoán, dù nhiều khả năng điều đó là thật, gia đình này chẳng yêu thương gì nhau và mâu thuẫn nội bộ tương ứng với thói ứng xử của cả gia đình. Bà Hatter luôn đánh đòn cậu bé, trên thực tế đã đánh cậu ta một trận chỉ ba tuần trước khi vụ án xảy ra vì tội ăn cắp một miếng trái cây của Louisa; cậu bé đã nghe thấy mẹ mình, Martha, nói: ‘Tôi mong bà chết đi!’ hay cái gì đó đại loại như thế - sự hận thù trẻ con dần tích tụ, được cái mầm độc ác trong tâm trí nuôi dưỡng, có thể đã lóe lên thành một mục đích khi cậu bé đọc được bản thảo của ông nội và thấy rằng, trong cái nhà này, người mà cậu ta ghét nhất và cùng là kẻ đối địch với mẹ cậu ta, bà nội Emily, nằm trong kế hoạch bị sát hại...”

Cái dáng vẻ già nua hốc hác thường xuất hiện trên khuôn mặt Lane giờ đã trở lại quấy rầy ông. “Chẳng khó hiểu tại sao đứa trẻ vị thành niên này bị môi trường và dòng máu di truyền làm hư, lại thích thú với cái âm mưu mà mục tiêu của nó là cái chết của người bà đáng ghét. Và khi cậu ta tiến hành bước đầu tiên - vụ hạ độc bất thành - và không bị phát hiện, cậu ta thấy chẳng có lý do gì để không tiếp tục; thành công ấy đã thúc đẩy cơn bốc đồng tội lỗi. Cũng như trong hầu hết những tội ác khác, những rắc rối sau đó của mớ tội ác lộn lộn này được bắt đầu bằng những điều tình cờ không nằm trong kế hoạch của York Hatter hay được tên hung thủ bé nhỏ dự liệu trước: Việc cái hộp phấn rôm trên bàn bị đánh đổ. Việc Jackie bị Louisa chạm vào khi đứng nhón chân. Những dấu tay cho biết chiều cao của hung thủ.”

Lane dừng lại để thở, và Bruno vội hỏi: “Perry Champion có liên quan gì ở đây?”

“Thanh tra Thumm đã đề xuất câu trả lời từ trước,” Lane trả lời. “Perry, con riêng của chồng Emily, nuôi dưỡng lòng hận thù đối với bà ta vì bà ta chịu trách nhiệm cá nhân cho cái chết khủng khiếp của người cha - chắc

chấn tâm trí anh ta có tính đến chuyện trả thù, nếu không anh ta đã chẳng giấu tên thật của mình để làm việc trong gia đình đó. Ít nhiều gì thì anh ta cũng muốn bằng cách nào đó khiến cho bà Hatter đau khổ. Tuy nhiên, khi bà ta bị sát hại, anh ta đã rơi vào một tình thế bấp bênh. Nhưng anh ta lại không thể rời đi. Có lẽ anh ta từ bỏ ý định ban đầu của mình từ rất lâu trước vụ giết người - dường như anh ta đã bị ảnh hưởng nhiều bởi sự gần gũi của Barbara. Ý định thực sự của anh ta có thể sẽ không bao giờ được biết đến.”

Trong một lúc thanh tra Thumm đã chú ý đến Lane với vẻ ngờ vực đến lạ kỳ. “Tại sao,” Thumm hỏi, “ngài lại giấu kín sự tình trong suốt cuộc điều tra? Ngài bảo sau khi khám xét phòng thí nghiệm ngài đã biết hung thủ chính là thằng bé đó. Tại sao ngài lại tỏ ra bí ẩn như vậy? Chẳng công bằng với chúng tôi chút nào, ngài Lane ạ.”

Lane chẳng nói gì một lúc lâu. Khi ông trả lời, đó là một giọng nói dịu dàng đầy cảm xúc không thể biểu đạt khiến cho Thumm và Bruno giật mình. “Hãy để tôi nói sơ qua về những cảm xúc của riêng tôi trong suốt tiến trình điều tra... Khi biết rằng đứa trẻ này là hung thủ, những bằng chứng xác nhận lần lượt xua tan chút nghi ngờ cuối cùng của tôi, tôi đã phải đối mặt với một vấn đề ghê gớm.

“Theo quan điểm xã hội học thì có thể xem như cậu bé này không phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức cho tội ác của mình. Cậu ta là một nạn nhân của những tội lỗi từ người bà. Tôi phải làm gì đây? Khai ra tội ác của cậu ta? Các ngài sẽ tỏ thái độ thế nào nếu tôi tiết lộ sự việc - ngài, một người đã tuyên thệ gìn giữ pháp luật? Đôi tay ngài đã bị ràng buộc. Cậu bé sẽ bị bắt. Có lẽ sẽ bị gửi đến nhà tù cho đến khi cậu ta đủ tuổi theo luật pháp, rồi bị xử vì tội giết người mà cậu ta đã gây ra khi còn ở độ tuổi chưa phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức. Giả sử cậu ta không bị kết tội giết người, sau đó thì sao? Điều tốt nhất cậu ta có thể hy vọng là được tha bổng vì bị tâm thần, và cậu ta sẽ dành phần còn lại của cuộc đời mình trong một trại thương điên.”

Ông thở dài. “Thế đó, tôi thì chẳng tuyên thệ để giữ gìn công lý gì cả, và cảm thấy rằng, khi căn nguyên tội ác không phải là cậu bé, khi cả cái âm mưu và động cơ đều không thuộc về cậu ta, khi nói rộng ra thì cậu ta còn là

nạn nhân của những hoàn cảnh kinh khủng... cậu bé xứng đáng có cơ hội của mình!”

Không ai nói gì cả. Lane nhìn những gợn sóng êm đềm trên mặt hồ, và những con thiên nga đen lướt đi. “Ngay từ đầu, thậm chí trước khi tôi đọc bản thảo, khi đang làm việc trên giả định rằng âm mưu này là của một người lớn, tôi đã đoán trước khả năng sẽ có thêm một vụ hạ độc Louisa nữa. Tại sao? Bởi vì, hai vụ đầu tiên không hẳn là thật, khi cái chết của bà Hatter là mục đích chính, sẽ có vẻ hợp lý khi kẻ chủ mưu bày thêm một lần gây án nữa nhằm vào Louisa để củng cố thêm cái ảo tưởng rằng động cơ ở đây là sát hại Louisa chứ không phải bà mẹ... Tôi không thể chắc chắn liệu âm mưu gây án lần ba này có suôn sẻ không, trừ việc kẻ chủ mưu mới thực sự muốn giết Louisa. Dù sao, tôi cảm thấy chắc chắn hung thủ sẽ tiến hành thêm một lần gây án nữa.

“Lý thuyết này đã được xác nhận bằng việc trong cái hốc chỗ bờ tường ống khói, tôi đã tìm thấy một ống nghiệm chứa *physostigmin*, một chất độc chưa hề được sử dụng trong vụ án. Tôi đã tráo chất độc này bằng sữa vì hai lý do: Để có uống cũng không sao, và để cho Jackie một cơ hội.”

“Tôi e là mình chưa hiểu...” Bruno lên tiếng.

“Đó là lý do mà tôi không kể cho các ngài nơi tôi tìm thấy bản thảo,” Lane đáp. “Các ngài sẽ không bao giờ hiểu cho đến khi đã quá muộn. Các ngài sẽ đặt bẫy cậu ta, bắt cậu ta tại trận rồi giam lại... Làm sao tôi cho cậu ta một cơ hội được? Bằng cách này đây. Cuộn bản thảo, khi tôi tìm thấy nó, có nhiều chỗ ghi rõ rằng Louisa không phải là mục tiêu đầu độc thực sự; lặp đi lặp lại, các ngài đọc mà xem, cô ấy không bị sát hại. Bằng cách tráo một chất lỏng vô hại vào trong ống nghiệm, tôi đã cho Jackie một cơ hội để thực thi chỉ dẫn cụ thể cuối cùng trong cốt truyện mà không để lại hậu quả gì - đó là tiến hành âm mưu hạ độc giả vờ lần ba lại nhằm vào Louisa. Tôi cảm thấy chắc chắn cậu ta sẽ làm theo chỉ dẫn của bản thảo cho đến hết mới thôi... Tôi đã tự hỏi mình: Cậu ta sẽ làm gì sau khi đầu độc ly kem sữa, bản thảo kia chỉ thị cậu ta phải làm gì? Trong cốt truyện không viết rõ về tình tiết này - Y chỉ bảo rằng ông ta sẽ gọi sự chú ý đến việc ly kem sữa

có vấn đề gì đó, hoặc bằng cách nào đó ngăn không cho Louisa uống nó. Vậy nên tôi đã theo dõi.”

Họ ngả người về phía trước, vẻ căng thẳng. “Cậu ta đã làm gì?” vị công tố viên khẽ hỏi.

“Cậu ta trèo vào phòng ngủ từ gờ tường, lấy cái ống nghiệm mà cậu ta tưởng là có thuốc độc. Theo cốt truyện, như tôi biết, cậu ta sẽ nhỏ mười lăm giọt vào ly kem sữa. Jackie do dự và sau đó đổ hết ống thuốc độc vào ly.” Lane dừng lại, và nhăn mặt nhìn trời. “Việc đó không ổn; đây là lần đầu tiên cậu ta cố tình không tuân thủ những chỉ dẫn.”

“Và?” Thumm thúc giục.

Lane nhìn viên thanh tra với sự mệt mỏi. “Mặc dù cốt truyện bảo cậu ta gây chú ý đến ly sữa nhiễm độc trước khi Louisa kịp uống, cậu ta đã không làm như vậy. Cậu ta cứ để Louisa uống nó; trên thực tế, tôi đã thấy cậu ta theo dõi từ gờ tường bên ngoài cửa sổ; và khuôn mặt cậu ta tỏ ra thất vọng khi cô ấy uống xong mà không bị làm sao cả.”

“Chúa ơi,” Bruno cất giọng ngỡ ngàng.

“Chúa cũng chẳng giúp gì nhiều,” Lane nặng nề đáp. “Cho đứa trẻ tội nghiệp đó... Bây giờ vấn đề của tôi là: Jackie sẽ làm gì? Đúng, cậu ta đã không tuân thủ từng chữ trong cốt truyện trên vài phương diện; nhưng giờ thì câu chuyện đã chấm dứt, cậu ta sẽ dừng lại chứ? Nếu dừng lại ở đó, nếu cậu ta không đầu độc Louisa hay bất cứ ai khác thêm lần nào nữa, tôi định sẽ không hé nửa lời về tội lỗi của cậu ta, tuyên bố là mình đã thất bại, để bước ra khỏi màn bi kịch này. Cậu bé sẽ có cơ hội để khắc phục cái ác trong con người mình...”

Thanh tra Thumm có vẻ khó chịu, còn Bruno thì bận quan sát những bước đi vội vã của một con kiến đang hối hả leo lên tổ với một mảnh lá khô. “Tôi đã theo dõi phòng thí nghiệm,” một giọng nói vô hồn cất lên. “Nơi duy nhất Jackie có thể lấy thêm chất độc - nếu cậu ta muốn lấy.” Ông dừng lời một lúc. “Và cậu ta đã đến lấy. Tôi đã thấy cậu ta lên vào phòng, cố tình lấy xuống một cái chai có nhãn *CHẤT ĐỘC*, và đổ vào một cái chai nhỏ. Sau đó, cậu ta rời đi.” Lane nháy dựng lên và ngón chân bám vào đất. “Jackie đã tự kết án chính mình, thưa các quý ngài. Còn thêm khát máu me

và giết người đã ngấm vào đầu cậu bé... Bây giờ cậu ta tự nghĩ ra kịch bản, đi xa hơn những chỉ dẫn cụ thể sẵn có - thực ra là không tuân theo cốt truyện kia nữa. Từ đó tôi biết rằng không thể sửa chữa cậu ta nữa, nếu thoát được mà không bị nghi ngờ thì cậu ta sẽ là một mối đe dọa lâu dài cho xã hội. Cậu ta không được phép tồn tại nữa. Đồng thời, nếu tôi tố cáo cậu ta, thì kết cục sau đó sẽ là một cảnh tượng khủng khiếp khi cái xã hội này trả thù một đứa trẻ mười ba tuổi cho một tội ác mà xét cho cùng, do chính cái xã hội này gây ra..." Lane chìm vào im lặng.

Khi ông nói chuyện trở lại, giọng ông thay đổi hoàn toàn. "Toàn bộ tấn thảm kịch này, các ngài cũng sẽ đồng tình, chính xác là *Thảm kịch của Y* - như ông ta tự gọi mình - York Hatter đã lên kế hoạch cho một tội ác theo kiểu tiểu thuyết hư cấu, và tạo ra một con quái vật Frankenstein trong tâm trí của cháu trai mình, người đã lợi dụng và biến nó thành hiện thực khủng khiếp - thậm chí vượt xa ý định ban đầu của Y trong tiểu thuyết. Khi đứa trẻ đã chết, tôi đã chọn cách giả vờ như thể tôi đã bị sốc bởi thảm kịch - còn hơn phải tiết lộ tội lỗi của cậu ta. Làm vậy thì có lợi ích gì đây? Sẽ là tốt cho tất cả nếu tội lỗi của cậu bé không bao giờ được công khai. Nếu khi đó tôi tiết lộ tội ác của cậu ta, tại thời điểm mà cấp trên của các ngài và báo chí thúc giục, kiểu gì các ngài cũng sẽ công bố sự việc..."

Thumm định nói điều gì đó, nhưng Lane chen ngang. "Và còn liên quan đến Martha, mẹ của Jackie, và quan trọng hơn là cậu em trai Billy, sau tất cả thì thằng bé phải được trao cơ hội chứ... Đồng thời, thanh tra à, tôi không định khiến ngài phải đau khổ. Nếu ngài bị giáng chức chẳng hạn, như là kết quả của việc điều tra thất bại, tôi sẽ bị thúc ép phải đến gặp ngài để nói sự thật, để ngài có thể lấy lại lòng tin và cứu lấy vị trí của mình. Đó là điều mà tôi nợ ngài, thanh tra ạ..."

"Cảm ơn," Thumm lãnh đạm đáp.

"Nhưng hai tháng đã trôi qua và làn sóng phản đối đã tan đi, và ngài vẫn cố thủ vững vàng như trước đây, tôi không còn có lý do để giữ lại sự thật mà không nói cho hai ngài - dưới góc độ giữa những con người với nhau, xin nhắc như vậy, chứ không phải với những nhân viên công quyền. Tôi chỉ hy vọng từ góc độ của một con người, các ngài sẽ hiểu động cơ của tôi

trong toàn bộ vụ án hãi hùng này - và tiếp tục giữ bí mật câu chuyện đáng ghê sợ về Jackie Hatter.”

Bruno và Thumm gật đầu nặng nề; cả hai người đều dăm chiêu thần thờ. Nhiều lần Thumm gật đầu với chính mình... Đột nhiên, ngài ngồi dậy giữa đám cỏ và áp hai đầu gối núc ních vào bộ ngực vạm vỡ. “Ngài biết đấy,” Thumm bỗng cất lời, “có điều gì đó trong tình tiết cuối cùng của vụ này mà tôi chưa hiểu được.” Ngài bứt một ngọn cỏ và bắt đầu nhai nó. “Thế quái nào mà đứa trẻ đó lại phạm sai lầm trong vụ đầu độc cuối cùng, khiến cậu ta uống chỗ sữa độc vốn được dành cho Champion? Hả ngài Lane?”

Lane không trả lời. Ông khẽ quay mặt khỏi chỗ Thumm, và đột nhiên thò tay vào túi lấy ra một nắm bánh mì, ông bắt đầu ném những mảnh vụn lên mặt hồ. Những con thiên nga bơi duyên dáng về phía ông và bắt đầu mổ chỗ bánh.

Thumm rướn người và dẫn dỗi vỗ vào đầu gối Lane. “Này, ngài Lane? Ngài không nghe những gì tôi nói sao?”

Công tố viên Bruno đột ngột đứng dậy. Ngài dấn mạnh vào vai Thumm khiến viên thanh tra giật mình ngược nhìn. Khuôn mặt Bruno tái nhợt, và hàm dưới viên Công tố cứng lại.

Lane chậm rãi quay lại và nhìn hai người đàn ông bằng cặp mắt bi ai. Bruno cất giọng nói đặc trưng: “Thôi nào, thanh tra. Ngài Lane đây mệt rồi. Chúng ta nên quay về thành phố thì hơn.”

HẠ MÀN



Woodrow Wilson: Tổng thống thứ 28 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ từ tháng 3 năm 1913 đến 4 tháng 3 năm 1921.

Dempsey: Jack Dempsey là võ sĩ quyền Anh huyền thoại người Mỹ.

Làng Greenwich: Đây là nơi định cư của những gia đình thuộc tầng lớp trung lưu cao (upper middle class).

Borgia: Gia tộc nổi tiếng với lòng tham và thủ đoạn, sống tại Ý vào thế kỷ XV.

Calypso: Một nữ thần trong thần thoại Hy Lạp.

Longstreet: Tham khảo vụ giết người mà Harley Longstreet là nạn nhân. Thanh tra Thumm và Drury Lane đã hợp tác điều tra vụ án này trong Tấn Bi Kịch X.

Es ist eine alte Geschichte, doch bleibt sie immer neu (Tiếng Đức): Nghĩa là “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi.”

Der Teufel (Tiếng Đức): Nghĩa là “Quỷ thần ơi”.

Table of Contents

NHÂN VẬT

NHẬP ĐỀ

CẢNH 1

CẢNH 2

MÀN I

CẢNH 1

CẢNH 2

CẢNH 3

CẢNH 4

CẢNH 5

CẢNH 6

MÀN II

CẢNH 1

CẢNH 2

CẢNH 3

CẢNH 4

CẢNH 5

CẢNH 6

CẢNH 7

CẢNH 8

CẢNH 9

MÀN III

CẢNH 1

CẢNH 2

CẢNH 3

CẢNH 4

CẢNH 5

CẢNH 6

CẢNH 7

CẢNH 8
PHẦN KẾT
HẬU TRƯỜNG